



Văn Hóa

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN TRUYỀN-BÁ
GIÁO-DỤC, KHOA-HỌC VÀ VĂN-HÓA



Số đặc-biệt mùa Thu

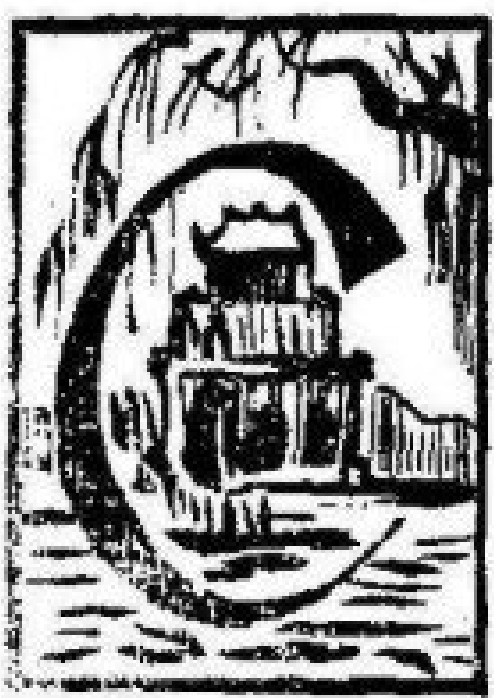
NĂM THỨ NHẤT, THÁNG CHÍN NĂM 1952

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN



Một vài tài-liệu Văn-hóa :

Ảnh-hưởng của triết-lý Á-đông trong truyện Kiều



ƯNG như hầu hết các nhà Nho, Nguyễn-Du đã chịu ảnh-hưởng sâu-xa của ba học-thuyết Khổng, Phật, Lão (1). Đối với Nguyễn-Du cũng như đối với đại-đa-số các bậc sĩ-phu thời trước, tam giáo đã tự dung-hòa một cách bất ngờ, để gây thành một hỗn hợp tín-ngưỡng, một mớ quan-niệm tiềm-tàng, luôn luôn có phản-ảnh trong tính-tình, tư-tưởng và hành-vi hàng ngày của cá nhân. Vì vậy, ta có thể nhận thấy hai trạng-thái đặc biệt trong nền văn hóa nước nhà :

— Lắm khi, trong cùng một lý-luận, cùng một câu chuyện, người ta dựa vào cả hai hay ba trong các học-thuyết kể trên.

— Nhiều lúc, ngay các vị thức giả cũng áp dụng những quan niệm của tam-giáo một cách máy-móc, không hề phân biệt nó thuộc về đạo Khổng, đạo Phật, hay đạo Lão.

Nay ta thử lấy Truyện Kiều làm tỉ-dụ, xem cuốn đó có những vết-tích gì của hai điểm kể trên không. Thì đây : Ta hãy đọc qua lời giải-đoán của « Tam-hợp đạo-cổ », khi vị này bình luận về thân-thể nàng Kiều cùng sư trưởng Giác-Duyên. Trước hết, Nguyễn-Du đã dùng tiếng « đạo-cổ », có ý chỏ rằng

NAM - HUNG

— Khổng-Tử đã sinh vào thế-kỷ thứ V trước công-nguyên (551-479).

— Phật Thích-ca cũng sinh vào thế-kỷ thứ V trước công-nguyên.

— Lão-Tử sinh vào đời nhà Chu, chừng 600 năm trước công-nguyên.



Tam-giáo...

đó là một nhà sư trông nom cả việc cúng lễ, và tham-khảo đạo Lão, nên biết cả những việc tương lai. Vì vậy, trước kia, sau khi Kiều đã báo ân báo oán, Giác-Duyên bộc bạch rằng sư Tam-Hợp đã cho biết là bà còn có lần gặp-gỡ nằng Kiều :

« Nhớ ngày hành-cước phương-xa,
Gặp sư Tam hợp vốn là tiên-tri.

Bảo cho hội-hợp chí kỳ,
Năm nay là một; nữa thì năm năm. »

Đến bây giờ đạo cô lại tiên đoán là Kiều sẽ gieo mình xuống sông Tiền-đường, và dặn Giác-duyen :

« Tiền-đường thả một bè lau rước người ».

Sư tiên-tri ấy tức là thuộc về ảnh hưởng của đạo Lão. Nhưng trong khi giải thích tại sao Kiều

hiếu nghĩa như kia, mà lại gặp nhiều nỗi gian-chuân, thì bà lại nhắc nhở tới đạo Phật mà rằng :

« Tu là cõi phúc, tình là giây oan... »

Rồi đến lúc cho rằng Kiều đã có nhiều công đức, thì đạo-cô Tam-Hợp không quên bàn tới trình, tiết, hiếu, nghĩa như một nhà Nho:

« Xét trong tội-nghiệp Thuý-Kiều,
Mắc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm... »

Lấy tình thâm, trả tình thâm,
Bán mình đã động hiếu lâm đến Trời !
Hại một người, cứu muôn người,
Biết đường khinh trọng, biết lời phải
chăng...

Thừa công đức ấy ai bằng ?

Khi nên Trời cũng chiều người,
Nhẹ - nặng nợ trước, đền bồi duyên
sau ».

(Xem tiếp trang 471)

TRĂNG THU với ÔNG NGHỀ TÂN

MỖI lần thu tới đem lại cho ta gió mát trăng thanh và gợi trong lòng người xưa và nay, bao nguồn thi-hứng và mối cảm-hoài.

Đối với bậc tao-nhân mặc-khách, khi ngồi dưới bóng trăng thu, nhất là trăng Trung-thu, nguồn thi-hứng và mối cảm-hoài đó càng thấy rối rào, thâm-thía hơn ai. Nhiều vận sự đã xảy ra, cùng thêm nhiều ngâm-liệu cho những ai muốn than thở hay cười cợt cùng trăng thu.

Dưới đây xin nhắc một giai thoại đã xảy ra giữa hai bậc thi-hào nước ta, trong đêm rằm tháng tám, đương lúc say sưa ngắm bóng Hằng nga.

Nói đến Ông Nghề Tân, tất ai cũng rõ tại văn thơ và trào-phúng của ông. Chính tên ông là Nguyễn-quý-Tân, biệt hiệu là Tân-Tiên-Đình cư-sĩ, người làng Thượng-cốc, huyện Gia-Lộc, tỉnh Hải-Dương. Ông đỗ Tiên-sĩ đời vua Minh-Mệnh, sống đồng-thời với ông Nguyễn-công-Trứ. Tính tình phóng-khoáng, ham-thích ngao-áo, nên ông chỉ làm quan ít lâu, rồi xin từ chức để nhẹ bước tiêu-dao. Vua Thiệu-Trị đã có lần triệu ông làm thanh-tra quan lại Bắc-Hà. Ông tính rất liêm-khiết và thích khôi hài, thường trá hình lúc làm ông đồ hay chú lái, khi làm anh thợ cày hay bác phó còi, chủ ý để mặt tra cho dễ hoặc giễu cợt bông đùa với thể nhân. . . Ông vẫn giữ tính như thế cho đến khi về hưu, ngủ đâu là nhà, ngã đâu là giường, có vẻ khinh thế ngạo vật, coi cuộc đời như một tàn tuồng. Ông chỉ làm bạn với thơ và rượu, và thường ngâm câu :

*Vũ trụ có mình thêm có chuyện,
Trần-gian không tớ cũng không vui.*

Một hèm, giữa đêm trung-thu, ông thơ thần tản bộ trên bờ sông. Ông thấy trên mặt

sông có một đội thuyền chừng bốn năm chiếc, mỗi chiếc có độ 20 cô đào, mỗi cô cầm một mái chèo, miệng hát giọng đồ đưa, chân gõ nhịp nhàng, cô nào cũng mặc áo đỏ hồng. Trên thuyền cờ bay phấp phới, trong thuyền đèn phách vang lừng, thật là một tiệc vui ít có. Ông hỏi người đi xem, mới biết là đội thuyền quan Tổng-đốc đi thưởng nguyệt.

Quan Tổng-Đốc tỉnh Hải-Dương hỏi đó là ai ? Tương-truyền là ông Nguyễn-công-Trứ, một bậc nổi tiếng trong làng thơ và làng chơi,

mà năm ấy lại chính năm vua Minh-Mệnh mới thăng-hà.

Thầy vậy, ông nghề Tân lấy làm chướng tai gai mắt. Ông

liền giả làm ngư-ông, chèo một chiếc thuyền câu, theo làn nước chảy cho áp tới bên thuyền quan Tổng-đốc. Ông giả dạng nói với cậu lính : « Này cậu, cho tôi mượn cái điều ngà của quan Thượng, để tôi hút nhờ điều thuốc lão ».

Cậu lính chừng mắt định mắng ông, thì ông Thượng-Trứ nghe lọt mấy câu trên, đã quát to : « Mi không biết ta đây là ai à ? Quân này vô lễ thật ! Lính đâu ? Căng xác nó ra, và đánh cho nó ba chục hèo về tội hỗn xược ! »

Ông la lớn :

— Bẩm quan lớn ! xin hãy dẹp cơn lôi-đình, mà thương xót kẻ già nua này. Sách có chữ : « *Lục thập bất gia hình* », tôi vốn là một kẻ học trò hay chữ, thì mãi không đỗ, mới phải quay ra nghề đánh cá kiếm ăn...

Không để cho nói hết lời, ông Thượng-Trứ lại hét to hơn trước :

— À ! quân này giỏi thật ! Lại dám khoe chữ với ta ! Đã khoe hay chữ, thì phải làm ngay một bài thơ tức cảnh ta coi, nếu không làm được, ta quyết lấy đầu mi !

HOÀI-QUANG

— Bẩm quan lớn, tôi xin tuân mệnh

Ông liền ứng-khẩu đọc :

Ô hô ! Ô hô ! Ô hô thiên !

Mới nghe liền nhau ba tiếng ô hô quái gở đó, Ông Thượng-Trứ cả giận, lại quát mắng :

— Coi bộ tên này điên sao, thơ gì mở đầu chỉ những ô hô là ô hô như thế ? Lính đâu, liệng ngay nó xuống sông cho ta !

— Ấy chết ! Bẩm quan lớn, cho phép tôi đọc hết ba câu nữa đã, rồi quan lớn sẽ sai người liệng tôi xuống sông cũng chưa muộn. Tôi đọc xong ba câu này để hầu quan lớn nghe rồi, thân tôi đâu có phải theo ông Khuất-Nguyên chăng nữa, tôi cũng cam lòng.

Nói rồi ông đọc tiếp :

Thiên-tử thăng-hà vị nhất niên,

Thảo-mộ sơn-hà giai sai lệ,

Hải-Dương Tông-Độc độc xanh thuyền !

Xin tạm dịch nghĩa như sau :

Trời ơi ! trời hỡi ! hỡi trời ơi !

Hoàng-đế gần đây lánh cõi đời.

Hoa cỏ non sông đều giổ lệ,

Đưa thuyền Tông-Độc nổi vui chơi !



Đoàn thuyền dưới trăng

Ông vừa đọc xong bốn câu thơ, ông Thượng-Trứ hoảng hồn, vì ông tưởng là quan Thanh-Tra của Triều-đình sai đi dò xét quan lại. Ông vội chấp tay xin lỗi, và khẩn khoản mời ông nghề Tân vào trong thuyền, nhưng ông nghề lớn tiếp đáp :

— Bẩm quan lớn, đồ điên này đâu dám, xin quan cứ làm phúc liệng đồ này xuống sông cho rảnh mắt.

Vừa nói, ông vừa chèo thuyền đi thẳng.

Lập tức, ông Thượng-Trứ vội bắt dẹp hết các cuộc vui, rồi mau trở về dinh. Đêm hôm đó, ông trần trọc suốt năm canh, không hề chợp mắt. Nghĩ mình là bậc đại-thần trong nước, đang lúc có tang vua, sao dám đàn hát vui chơi như vậy, thực là vô-lễ quá. Giả thử người hôm nay đích thực là quan Thanh-Tra của triều-đình, thì cái danh mệnh của mình chưa biết sẽ ra sao.

Sáng hôm sau, (tức ngày 16 tháng 8), ông dậy thực sớm, sai lính đi dò la, nhưng bất tin không thầy tăm-hơi ngư-ông đâu cả, ông ngẫm nghĩ càng e ngại.

Về phần ông nghề Tân, sau khi dọa ông Thượng-Trứ, ông về thẳng dinh ông Độc-Học Hải-Dương, thuật chuyện cho ông Độc nghe. Ông Độc-Học, vốn là bạn thân của ông, lấy làm thích chí lắm, vỗ tay reo cười :

— Ừ có thể chứ ! Thực là vô quít đấy, gập móng tay nhọn có khác !

Luôn thế, ông Độc-Học lại thuật chuyện rằng :

— Này bác, ông Thượng-Trứ có vẻ kiêu ngạo lắm ! Ngày hôm qua, nhân dịp tết Trung-Tau, ông có làm bài thơ : « *Trung-Thu vọng-nguyệt* » (1) bằng quốc âm, có đọc cho tôi nghe, và đòi tôi họa lại. Về lời văn nôm, không tài được bằng ông. Ép lòng tôi có họa lại, nhưng không được hay. Ông kiêu

(1) Tiếc rằng chưa sưu-tầm được bài thơ này.

ngạo cười nói một cách khinh miệt : « Xem ra văn nôm đất Bắc là văn phó còi ! » (1). Tôi lấy làm bực tức lắm. Hiện nay, ngoài cửa đình, ông cho dán yết-thị : « Ai mà họa được bài thơ « *Trung thu vọng nguyệt* » cho hay, sẽ được ban thưởng. Bác có cách gì làm cho họ hết kiêu-hãnh thì tôi phục Bác sát đất.

— Được ! có khó gì đâu, bác để tôi cho họ thêm một bài học nữa.

Ông nghề Tân lán này giả làm người thợ đóng còi, gánh hai cái thùng đựng các đồ dùng nhà nghề, rồi tiến về phía đình quan Thượng. Chiều hôm 16 tháng 8, lính vào bẩm ông Trứ : « Bẩm quan lớn, có lão phó còi xin vào thi thơ với quan lớn ; hiện giờ, lão đang chờ lệnh ở ngoài cửa đình ».

Nghe thấy hai tiếng « phó còi », ông Trứ lấy làm ngạc-nhiên, lầm-bầm nói một mình : « Bữa qua thì lão thuyền chài, bữa nay thì lão phó còi. Quái lạ thật ! » Rồi ông ra lệnh cho lính bảo lão phó còi vào.

Được lệnh, Phó còi lững thững gánh hai cái thùng vào. Nhắc thấy phó còi ta hình dung khác thường, ông Thượng Trứ cất tiếng chào hỏi trước :

— Đất Bắc thật lắm nhân tài, (2) cả đèn phó còi cũng biết làm thơ ! Lão nay bao nhiêu tuổi ? Đã từng đi thi khóa nào chưa ?

— Năm nay tôi đã gần bảy chục tuổi, bình sinh chỉ có nghề đóng còi thôi. Chữ nghĩa dốt nát có gì, nhưng cũng vọc vạch biết làm dăm ba câu thơ nôm.

— Nếu làm không hay thì sao ?

— Làm không hay xin chịu ba roi. Nhưng trước hết, xin ban cho ba chén rượu uống đã, vì tính lão hay rượu, có rượu mới ra thơ.

— Được, ta không thiếu gì rượu, chỉ sợ lão thiếu thơ thôi.

Ông Trứ sai lính đem bình rượu nhỏ và giấy bút ra. Phó còi ta ngang nhiên lên mặt

thi hào, ngồi bắt chân chữ ngũ, uống rượu từng hớp một, gật gù như tỉnh như say, làm bộ trầm ngâm để tìm thi-tứ. Người ngoài tò mò đến coi đông lắm, ai nấy đều bưng miệng cười thầm : « Lão phó còi điên này bị đòn đến nơi, chứ chẳng chơi ! » Lâu lâu, phó còi ta lại cất giọng say sưa, xin Quan Thượng ban cho 1 bình rượu nữa !

— Rượu thì đã hết bình nhón bình nhỏ, mà thơ vẫn chưa thấy một chữ nào ! Lính đâu hãy đem cho lão một bình rượu nữa, rồi mà nghe thơ !

Phó còi ta làm lơ như không nghe thấy gì, cứ việc gật gù tay đưa tay chén, xem chừng đã ngà ngà say. Bây giờ mới cúi xuống tờ giấy, mài mực, vén tay áo, tay cầm quill bút lông, làm bộ sắp viết bài thơ. Thành linh phó còi ta lại đặt bút xuống và hỏi :

— Bẩm xin cho vấn gì ?

— Vấn gì cũng được, quý hồ thơ hay là được.

— Vấn gì cũng được, còn ra thơ thần gì nữa.

— Vậy thời cứ vấn « gì » mà làm thơ đi.

Phó còi ta lại cầm bút lên, giả vờ tay run lấy bậy rồi lại đặt bút xuống, buột miệng kêu : « À quên ! » mọi người đứng chung quanh đều cười ồ và nói : « Ông Phó còi ơi ! ông say rồi, sao ông cứ quên hoài thế ?... ». Phó còi điềm nhiên nói : — À quên ! hôm qua chính là ngày rằm, thơ vịnh « *Trung-thu vọng nguyệt* » mới phải, chứ hôm nay sang ngày 16 rồi, vậy theo ngn-ý, nên làm bài thơ vịnh « *Hậu-Trung-thu vọng nguyệt* » (2) thì mới là người biết làm thơ, mới đúng gọi là thơ tức-cảnh.

(1) Ý nói là văn vọng về cực-cần.

(2) Ông Nguyễn-công-Trứ vốn người làng Uy-Viên, tỉnh Hà-Tĩnh, thuộc miền Trung, giọng nói có ý khinh miệt.

— Ừ chính phải ! chính phải ! Đáng khen cho lão khá gọi là con nhà biết làm thơ đó ! Thôi lão cứ viết thơ đi !

Lão phó còi bây giờ mới hoa bút viết thảo một lát đã xong ngay bài thơ bát cú, nét chữ tươi và già vô cùng :

*Hày hãy kim phong thổi phập phì,
Đêm nay, nọ biết cái đêm gì ?
Trời thu chín chục già nửa nửa,
Vòng nguyệt mười phân kém tí tí.
Chén rượu giờ cao hơi nhạt nhạt,
Ngọn đèn kêu thấp tán dì dì.
Tuy sau, nhưng trước sang năm đó,
Đó một thì, đây cũng một thì.*

Ông Trứ xem thơ, ngâm đi ngâm lại nắc nỏm khen hoài : « Hay ! hay lắm ! Tài này đâu thua Lý-Đỗ. Lính đâu đem cả lu rượu ngon của ta ra đây, để ta cùng chuốc chén với bậc thi-hào này. Chính lão không phải là phó còi, mà là một bậc ân-quân-tử chi đây. Xin mời lão cùng ta đôi ẩm. Ta thật không biết người, xin lão lượng-thứ. Dám hỏi lão : Quý-tính cao-danh là gì, xin cho biết rõ để đôi ta kết bạn làng thơ thì hân-hạnh biết chừng nào ! »

Ông Trứ đang khen ngợi không tiếc lời, thì lão phó còi gạt ngay :

— Phó còi này không dám nhận những lời quá khen đó. Ở xứ Bắc này, còn vô số những bậc thi-bá như Đỗ-Phủ, Đào-Tiểu ; họ động hạ bút viết là thành câu thơ tuyệt diệu ; có điều là họ không tự-phụ và lên mặt với ai, quan lớn rúi có gặp họ, xin chớ lấy hạng phó còi mà đãi họ. Chẳng dám giấu diếm quan lớn, hôm qua gặp tiết trung-thu phó còi này ngửa nghề cũng có làm một bài thơ *Trung - thu vọng - nguyệt*, nếu quan lớn thích nghe, lão xin đọc hầu ngay mấy câu.

— Nếu vậy còn gì hơn nữa, xin lão đọc cho nghe.

Lão liền đọc ngay :

*Nọm trời đất lại, thơ ba lá,
Xáo cổ kim đào, rượu một lu.*

*Nhật thếch nhân-tình kêu ruột ốc,
Xoay ngang thế-vị vặn đầu cua. (1)*

.....

Đọc xong, lão phó còi quảy gánh ra đi, ông Trứ cố lưu thề nào cũng không chịu ở.

Một lúc sau, ông Thượng Trứ vội gọi người đội lệ lên truyền bảo : « Ta coi lão phó còi hôm nay giống như lão thuyền chài hôm qua. Vậy nhà người theo gót lão, dò xem tung tích thề nào, rồi về bẩm cho ta hay ».

Đội lệ tuân lệnh quan ra đi, hôm sau về trình rằng :

— Bẩm quan lớn, không phải ai xa lạ đâu, cũng không phải quan thanh-tra nào đâu, chính là ông nghề Tân ở làng Thượng-cốc đó.

Ông Thượng Trứ vỗ tay xuống bàn :

— Thôi phải rồi, chính phải lão nghề Tân. Chính là một bậc danh-sĩ đương thời. Ta nghe đại-danh lão đã lâu, mà chưa được tiếp lão lần nào.

Sáng hôm sau, ông Trứ sửa sang xe ngựa về tận làng Thượng-cốc để làm lễ yết-kiến. Ông nghề Tân thừa biết là có quan bản tỉnh đến nhà, nhưng giả tảng như không biết, vẫn cứ nằm võng, nghe ngao hát... Tới khi ông Trứ vào đến trong nhà, ông mới làm bộ vội vàng hốt hải, vùng dậy đón tiếp. Hai ông gặp nhau, rượu chè say túy lúy, thơ-ca xướng-họa trọn ngày có vẻ tương-đắc lắm.

Rồi từ đó, sau khi làm quen với nhau bằng mấy vần thơ « *Trung - thu vọng nguyệt* », hai nhà danh-sĩ đã kết thành đôi bạn tri-giao, để lại cho đời sau một thiên giai-thoại mà người ta thường nhắc tới, mỗi khi trăng thu tỏa ánh vàng trong-trẻo xuống khi thiêng sông núi...

(1) Bài thơ này tiếc rằng chưa tra-cứu được đủ, còn thiếu 2 câu đầu và 2 câu cuối. Vị nào biết làm ơn xin mách giùm.

Ảnh - hưởng của triết - lý Á-đông

(Tiếp theo trang 466)

Đến đoạn kết truyện Kiều, ta cũng thấy hai câu :

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.*

Với chữ nghiệp, câu thứ nhất đã chú-trọng tới Phật giáo rất rõ-ràng. Nhưng câu dưới lại là lời răn có tính-cách Nho-học, vì Đạo Khổng luôn luôn khuyên ta « tri Thiên-mạnh », không trách Trời, không oán người, để tỏ rõ thái-độ người Quân-tử.

Đến ngay công - việc :

*« Chiêu hồn thiết vị lễ thường,
Giải oan lập một đàn trường bên sông »,*
ta cũng thấy ảnh hưởng hỗn-tạp của hai học thuyết : sự « chiêu hồn » là cử-chỉ của các người mê-tin theo đạo Lão, còn quan-niệm « giải oan » lại nhuộm màu Phật-giáo . . .

Thực ra, việc pha lẫn ấy thường thấy hàng ngày tại các ngôi chùa ở xứ ta, trong đó, tăng-ni lập cả bàn thờ chư vị... Phải chăng vì vậy, mà Nguyễn Du cũng đã viết ở đoạn cuối truyện Kiều :

« Phải điều cầu Phật, cần Tiên... »
ngụ ý rằng nàng Kiều có thể vừa thờ Phật vừa cúng Tiên.

Xem như thế, Nguyễn Du lúc hành-văn và lập-luận, đã đưa ngọn bút theo xu - hướng và ý-tưởng chung của mình, chứ không lưu

tâm đến từng chi tiết, để xem quan-niệm nào thuộc về học-thuyết nào. Mục đích của Cu là tạo nên một áng văn hay để tiện ký-thác trong đó nổi tâm-sự riêng, chứ có đâu muốn khảo-cứu về triết-học... Vậy, đừng về phương-diện triết-nhân mà bình-luận một thi phẩm đã là một điều vô-lý ; muốn phân-tích một quan-niệm chung về câu truyện kể ra, thành những chi tiết vụn-vật để xem các chi-tiết ấy chịu ảnh hưởng của học-thuyết nào, lại càng vô-lý ; vì chính-tác-giả đã theo những tư-tưởng riêng mà thảo-luận, những tư-tưởng chỉ gián-tiếp phản-ảnh ít nhiều vết-tích của Tam-giáo.

Vẫn biết dừng về mặt khảo-cứu, ta có thể tạm phân tích để hiểu rõ từng đoạn văn ; nhưng tới khi bình-luận, ta cần nhớ rằng : trên đất nước-nhà, các đạo Khổng, Phật và Lão đã dung-hòa với nhau và đã biến thể, làm vang-dội những dư-thanh trong truyện Kiều cũng như trong tư-tưởng của đa số đồng-bào ta, dù là kẻ trí thức hay bạn bình-dân.

Đã nhiều như vậy, chúng tôi chỉ lược-khảo dưới đây, những dấu tích của ba học-thuyết trong cuốn « Thanh-tâm tài-nhân », để lĩnh-hội thêm những cái hay, cái tế-nhị trong một áng văn tuyệt-tác. Chúng

tôi đứng về phương-diện văn-chương, mà phân-tích các ảnh hưởng ấy, để rồi lại dựa vào đó mà hiểu biết truyện Kiều, một cách tổng-quát, đại-cương...

I. — Ảnh hưởng của Khổng-giáo trong động-tác.

Nguyễn-Du là một bậc túc-Nho, lại giữ những địa-vị quan hệ trong xã-hội, nên không thể không theo nề-nếp của Khổng-giáo. — một đạo học đã được chính-thức công-nhận và được coi là làm nền tảng cho luân-lý cổ-truyền và cho sự tổ-chức quốc gia. Vì đó, ta có thể nói là tất cả truyện Kiều đã được cấu-tạo và bố-cục theo quan niệm Nho-giáo.

Thúy - Kiều không quên chữ « Hiếu », nên báo mình chuộc tội cho cha :

*Vẽ chi một mảnh hồng nhan,
Tóc-tơ chưa chứt đến ơn sinh thành !*

*Thà rằng liều một thân con,
Hoa dầu ră cánh, lá còn xanh cây.*

Khi luân-lạc bốn phương, nàng lúc nào cũng thương nhớ cha mẹ :

*Sót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ẩm lạnh, những ai đó giờ ?
Sân Lái cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

*Nhớ-ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngả bóng dâu tà-tà.
Dặm ngàn nước thăm, non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này.
Sân hoè đôi chút thơ ngây,
Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình.*

*Sót thay thông cỗi huyền già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có người.
Chốc là mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương..*

Khi xum họp với Từ-Hải, Thúy Kiều vẫn nghĩ tới đạo vua tôi, đến việc Quốc gia :

*Trên vì nước, dưới vì nhà
Một là đặc hiếu hai là đặc trung.*

Vì thế, nàng đã không ngại khuyên họ Từ :

*Ngẫm từ dấy việc binh đao,
Đống xương vô định đã cao bằng đầu.
Làm chi để tiếng về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng-Sào ?*

Đối với Kim-Trọng, Thúy Kiều vẫn cố giữ một cử - chỉ đường-hoàng, xứng đáng với hai chữ trinh tiết trong Nho giáo. Trong khi gặp gỡ ở vườn Lãm-Thúy, nàng đã nói với Kim-Trọng :

*Đã cho vào bạc bõ-kính,
Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu.*

Lúc tái hồi, nàng cũng thưa :

*Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững, lại giày cho tan !
Còn nhiều ân ái chan-chan,
Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi ?...*

Hơn nữa, trong các công việc, trong đạo xử thế, Nho-giáo còn có khi át được cả Phật-giáo. Khi tái-ngộ gia-đình sau bao nhiêu năm luân-lạc, Thúy-Kiều đã tỏ ý : « Đã tu tu trót, qua thì thì thôi... » Nhưng, Vương-ông vội gạt đi mà rằng :

*« ... Bĩ thứ nhất thì,
Tu-hành thì cũng phải khi lòng quyền.*

*Phải điều cầu Phật, cầu Tiên,
Tình kia, hiểu nợ, ai đền cho đây ?
Độ sinh nhờ đức cao dày,
Lập am rồi sẽ rước thầy ở chung »*

Rồi, Kiều đã nghe theo, cho việc gia-đình là trọng, và đặt sự cúng lễ vào hàng các hành-vi phụ thộc.

Tuy nhiên, ta phải công-nhận hai trạng-thái khác nhau trong tâm hồn của tác giả truyện kiều : một đằng là Nguyễn-Du tức Nho, nặng lòng với cổ tục và nhất nhất tuân theo nề-nếp cũ ; một đằng là thi sĩ Nguyễn-Du, với tinh-thần phóng-khoáng, muốn vượt cả lễ - nghi phong-tục, ra ngoài vòng cương-tỏa, mà tiêu-dao giữa một không-khí tự-do, độc-lập, đầy một vẻ đẹp thiên nhiên. Phải chăng vì thế, mà mấy nhân vật chính trong truyện Kiều, — những nhân vật phản-ảnh rõ-ràng tư-tưởng Nguyễn-Du, — có những cử-chỉ mạnh-bạo, ngang-tàng, và không ngại nghe theo xu-hướng riêng của mình. Trong khi tả những hành vi ấy, tác giả lại say-sưa viết ra những câu thơ vô cùng du-dương hay sáng-khái. Chẳng thế mà Thúy-kiều, tuy đã theo đòi kinh-sử, cũng không do dự đến lên thăm Kim-Trọng, rồi thốt ra những câu :

Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng.

Vì hoa nên phải lánh đường tìm hoa...

Nguyễn-Du lại tả Từ-Hải với một ngọn bút mê-ly, mãnh-liệt :

*Giang hồ quen thú vẫy-vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.*

*Một tay gậy dựng cơ-dồ,
Bấy lâu bề Sở, sông Ngô tung hoành*

*...
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi ?
Sao bằng riêng một biên-thuỳ...*

Tuy nhiên, những dịp đào-thoát như vậy chỉ là những trường hợp hiếm-có. Vì giáo-dục, vì gia-thế, vì địa vị trong xã-hội, Nguyễn-Du không thể rõ-rệt tỏ vẻ ngang-tàng, và chắc đã nhiều lần phải ần ức tính-tính.

Nguyễn-Du thi-sĩ, đầy một tâm-hồn phóng-khoáng tự-do, chỉ dám bộc-lộ chân tướng một cách gián-tiếp và kín-đáo trong mấy đoạn văn, rồi lại biến-ẩn sau hình-bóng nghiêm-nghị của Nguyễn-Du, tức Nho...

II.— Ảnh-hưởng của Phật-giáo trong sự giải-thích những biến-cổ

Nếu trên trường hoạt - động, những nhân vật trong truyện Kiều đã chịu ảnh-hưởng của Nho-học, thì trái lại, khi giải-thích những sự thăng trầm của thế-sự, họ đều căn-cứ một phần lớn vào Phật-giáo. Thúy-Kiều đang sống yên-vui dưới gối sao gập má Đạm-Tiên, đã thốt ra những câu :

*Đau đớn thay, phận đàn bà,
Lời rằng bạc-mạnh cũng là lời chung ?*

*...
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người năm đó biệt sau thế nào ?*

Lúc vui-vẻ gặp-gỡ Kim-Trọng, tại sao nàng đã nói :

*Bây giờ rõ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao ?*

Rồi bản đàn của nàng rạo lên, cũng nhuộm một nỗi oán sầu, « nghe ra như đắng như cay thế nào ».

Sau này, các cuộc biến thiên rồn-rập tới, hầu như đề tranh nhau đưa nàng Kiều tới các bước long-đông. Nào Kim-Trọng về quê, trước khi xảy ra tai nạn, nào thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần, thật là đủ mùi tàn khổ, đủ những rường hợp không may, mới đầu ta khó mà cắt nghĩa tại sao được. Nhưng trong truyện, tác giả đã giải-thích các cuộc biến-thiên khác thường ấy bằng thuyết nhân-quả. Vì những lỗi-lầm ở mấy kiếp trước, nên cô sinh ra, đã mang theo một cái « nghiệp » không hay, và đã có tên trong sổ đoạn-trường.

Bởi vậy, cô đã bộc-lộ những nỗi buồn vô-cớ, rồi sinh ra đa cảm đa sầu, đến nỗi gặp toàn những sự không may :

*Vậy nên những chốn thong-dong
Ở không yên-ổn, ngồi không vững vàng,
Ma dẫn lối, quỷ đưa đường,
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.*

Nghiệp của cô quá nặng, nên sau khi bị Tú-Bà hành-hạ, cô muốn chết cũng chẳng được nào, đến nỗi Đạm-Tiên báo mộng :

*Rỉ rằng : « Nhân quả dờ-dang,
Đã toan chốn nợ đoạn trường được sao ?
Số còn nặng nợ má đào,
Người dủ muốn quyết, trời nào đã cho.*

Sở dĩ, sau mười lăm năm tàn khổ, nàng lại trở lại gia-đình thân-mến, là vì tâm thành của nàng đã thấu đến trời, và nàng đã chuộc tội bằng nhiều công đức. Đạm-Tiên đã báo :

*Chị sao phận mỏng đức dày,
Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai ?
Tâm thành đã thấu đến Trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
Một niềm vì nước, vì dân,
Âm-công cất một đồng cân đã già...*

Sư Tam-Hợp cũng nói :

*Thừa công-đức ấy ai bằng,
Túc-khiến đã sửa lằng lằng sạch rồi...*

Tác-giả lại kết-luận như sau :

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa
Thiên-căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài...*

Có khi tác-giả nhắc nhở tới cả những quan-niệm về Khổng-giáo và Lão-giáo, trong việc giải-thích các biến-thiên của thế-sự, như tin rằng : Thúy-Kiều đã có đủ hiếu nghĩa, nên mới đổi được cả số mệnh của mình. Nhưng trong cuộc tra-trộn các ảnh-hưởng tín-ngưỡng để giải-thích và lý-luận đó, Phật-giáo vẫn chiếm phần ưu-thắng, không khác gì đạo Nho đã giữ một đặc-điểm trong các động-tác. Thật vậy, số-mệnh của Kiều chỉ là qui-kết của tiền-duyên nghiệp-chương, mà các công-đức của nàng cũng chỉ là những âm-công giảm được chút ít sự nặng nề của nhân-quả.

III. — Ảnh-hưởng của Lão-giáo trong những việc tiên tri

Ở nước ta, đạo Lão đã có hai trạng-thái ảnh-hưởng rõ-rệt : một mặt, kẻ trí-thức linh-hội những ý tưởng của Lão-tử Trang-tử và Liệt-tử, nên ra chuông một cuộc đời nhàn-phã, thanh-cao, khiến thân ngoại vật là tiên trên đời ; một mặt, dân-chúng tin-tưởng những phép cúng lễ, bói toán, phù-thủy và ma-thuật.

Trong truyện « Thanh tâm tài nhân », sự hiển-linh của Đạm Tiên đã chứng-minh vết-tích của Lão-giáo. Giữa lễ Thanh-minh, sau khi Thúy-Kiều khẩn vái, người ta đã thấy :

*Đèchùng ngọn gió lần theo,
Dấu giầy từng bước in rêu rành rành...*

Rồi, Đạm-Tiên đã ba lần ứng-mộng cho nàng Kiều : lần đầu để báo rằng Kiều-nhi có tên trong sổ đoạn-trường, lần thứ hai để giải-thích tại sao Kiều chưa thể chết được để thoát tay Tú-Bà, lần cuối để mừng Kiều đã hết hoạn-nạn, và còn có nhiều « hưởng thụ về lâu ».

Trong mấy đoạn khác, tác-giả truyện Kiều đã nhắc-nhở tới số tướng, và việc phụ hôn. Lúc gặp Kim-Trọng, Kiều-nhi đã nói :

*Nhớ từ năm hãy thơ-ngây,
Có người tướng-sĩ đoán ngay một lời :
Anh-hoa phát-tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc-mệnh, một đời tài hoa...*

Đến khi Thúc-Sinh làm tướng rằng Kiều đã mất trong cơn hỏa-hoạn, một « đạo-nhân cao tay » cũng đã báo cho chàng biết :

*« Người này nặng kiếp oan-gia.
Còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho... »*

*Mệnh cung đang mắc nạn to,
Một năm nữa, mới thăm dò được tin.
Hai bên giáp mặt chiến-chiến,
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn, lạ thay !*

Sau hết, như trên đã nói, Tam-hợp tạo cô đã báo trước cho Giác-duyên biết những cuộc gặp gỡ của vị sư-trưởng ấy cùng nàng Kiều, và đã khuyên sư-trưởng nên chờ đợi trên sông Tiền-đường, để cứu vớt người bạc-mệnh trong bước hoạn-nạn cuối cùng.

Tuy nhiên, ảnh-hưởng của đạo Lão chỉ giúp thêm cho việc hành-văn và lập-luận, chứ không giữ một địa-vị quan-bệ như đạo Khổng trong động-tác, hay Đạo Phật trong lý-luận.

Dù sao, đến đây, tất có bạn đọc không khỏi tiếc rằng : truyện Kiều có những điều mê-tin mà ngày nay, khoa-học không sao công-nhận được. Song, đứng về phương-diện văn-chương, tác-giả ắt phải dựa theo màu-sắc địa-phương, giữ nguyên cái không-khi của Triều Minh, — tức là một thời-đại mà người Trung-Hoa còn triệt để tin tưởng ở sự linh-ứng của thần tiên. Vậy, Nguyễn-Du nói tới các tin-ngưỡng xưa, không khác gì Racine nhắc-nhở đến ảnh-hưởng của Neptune hay Vénus trong kịch-bản của ông... Hơn nữa, tinh-cách thần-bí có thể gợi trí tò-mò của độc-giả, và đặt câu truyện ~~có~~ trong một khi-hậu mung-lung, huyền-ảo, nên thơ...

Còn có câu nào tả người trong mộng mà khinh-khối, uyển-chuyển, văn-chương, phù-hợp với một hình-ảnh mơ-màng, hơn là câu :

*Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng lững-thững, như gần như xa...*

Tóm lại, do một sự ngẫu nhiên, — kết-tinh của hoàn-cảnh xã-hội và của nền giáo - dục cổ - truyền - Nguyễn-Du đã dùng Khổng-học làm động-cơ cho các nhân - vật chính trong truyện, Phật-giáo để giải-thích số-phận éo-le của nàng Kiều,

và Lão-giáo để sự hành-văn và lập-luận thêm phần tinh-động và hứng-thú. Tuy nhiên, ba loại tín-ngưỡng ấy thường vẫn hòa lẫn, để nhuộm tư-tưởng của Nguyễn-Du cũng như của các sĩ-phu thời trước một màu sắc thanh-tao hay huyền-bí, có tính-cách hoàn-toàn Việt-Nam. Chúng tôi dám mong với những điều nhận xét kể trên, ta có thể hiểu thêm ý nghĩa truyện Kiều, một áng văn tuyệt-tác, đáng giữ một địa vị ưu thắng trên tao đàn thể giới.

Đạo đức với nghệ-thuật ⁽¹⁾

Thưa các ngài,

Đầu đề câu truyện chúng tôi sẽ thảo-luận cùng các Ngài hôm nay là : « Đạo - Đức với Nghệ-Thuật ».

Thoạt nghĩ chắc các ngài không khỏi hơi giật mình, vì cái can-đảm của diễn-giả đã dám bới-gọi ra cái vấn-đề sâu-xa man-mác ấy, bởi vì nghe hai danh-từ đạo-đức và nghệ-thuật ta không thể nào không liên-tưởng đến hai chữ « Thiện » và « Mỹ » là hai quan-niệm mà trong mấy nghìn năm nay, mặc dầu biết bao nhà triết-học và nghệ-thuật đã khổ tâm nghiên - cứu, giải-thích, tranh-luận, nhưng vẫn chưa tìm ra cho chúng ta một giải-thuyết gọn-ghe rõ-ràng.

Vì vậy tôi xin thanh-minh ngay rằng trong phạm-vi buổi nói chuyện hôm nay, tôi thật không có thâm-ý đá-động đến vấn-đề căn-bản của hai quan - niệm « Thiện và Mỹ » nhưng chỉ bằng-cứ vào hai cái thực-trạng

hiện-tại của Thiện và Mỹ là « Đạo-Đức và Nghệ-Thuật » mà cố tìm ra mối quan-hệ giữa hai thực-trạng ấy.

Dù sao dầu thu vào trong phạm-vi chật hẹp này, vấn-đề « Đạo Đức và Nghệ-Thuật » cũng đã là manh-mỏi cho nhiều cuộc tranh-luận giữa các Triết-Gia và Nghệ-sĩ, và dư-âm những cuộc tranh-luận ấy hãy còn văng-vẳng bên tai chúng ta cho đến bây giờ.

Theo quan-điểm của các nhà đạo-đức thì nghệ - thuật tự - thân nguyên không có giá-trị, nghệ-thuật nếu có giá-trị là nhờ sự có hàm-ngụ ở trong những điều giáo-huấn về Đạo-Đức. Đó là phái « Nghệ-thuật vì Đạo-đức ».

NGÒ-THÚC-ĐỊCH

(1) Tài liệu lấy ở cuộc diễn thuyết do Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ-chức tại Giảng-đường trường Đại - học Hà-nội ngày 10-4-1952

Trái lại, những người chủ - trương lý-thuyết văn-nghệ độc-lập thì cho là văn-nghệ tự-thân đã có một giá-trị cò-hữu và văn-nghệ cùng đạo-đức tuyệt không có liên-quan gì. Đó là thuyết « *Nghệ-Thuật vì Nghệ-Thuật* ».

Đôi với hai phái đều có một thiên-kiến này, sự quan-hệ giữa văn-nghệ và đạo-đức thực không thành văn-đề. Nhưng nếu ta không câu-chấp một thành-kiến nào và chỉ đứng vào một lập trường bình-tâm tĩnh-trí để tìm mò chân lý thì ta thấy văn-đề ấy đâu có thể giải-quyết một cách đơn-giản như thế được.

Đạo-đức là mục tiêu của người ta trong phạm-vi hoạt-động của ý-chí dưới sự hướng đạo và quyền bình phẩm của luân lý, nghĩa là những quy-luật mà ta phải theo trong sự lập thân sử-thê để đền được cái gương mẫu đã được công nhận bởi lương tâm chung của một dân-tộc hay một thời-đại.

Nghệ-thuật là các công-cụ để giải-phóng tình cảm và để thỏa-mãn cái nhu-yêu về « *thị mỹ* » là một nhu-yêu rất tự-nhiên, rất phổ-biến của người ta.

Nhưng khả năng sinh-hoạ của người ta đã không thể chỉ phát-triển riêng biệt hẳn trong khu vực ý-chí hay tình-cảm, thì tất nhiên giữa Đạo Đức và nghệ-thuật không thể nào không có những mối liên quan mật thiết.

Muốn tìm ra những mối quan-hệ ấy, ta cần, trước hết, quay ngược về lịch-sử để xem đâu là những yếu-điểm về cuộc tranh-luận của hai phái và đâu là những chỗ chính đáng hay sai lầm của họ, rồi ta mới có thể bẻ vào thực sự mà phát biểu ra những lý-luận xác-đáng được.

Vậy cuộc nói chuyện này sẽ chia ra 2 phần :

1) *Kinh quá lịch sử* về văn-đề văn nghệ với đạo đức.

2) *Lý luận kiến thiết* về văn-đề văn nghệ với đạo đức.

I. — Kinh quá lịch-sử

1) *Đông-phương* — Về kinh quá lịch sử, chúng tôi hãy nói trước về *Đông phương* ; mà các nước Á-Đông, phần nhiều về phương diện văn hóa, đều bị đồng hóa với Trung-quốc, nên thiết-tưởng chỉ nhìn vào Trung-quốc cũng tạm đủ.

Ở Trung quốc, từ đời Chu, Tần cho đến cận-đại, với tư trào văn-nghệ ở phương tây thâm nhuần vào nghệ-thuật, hay nói cho rõ hơn là văn-nghệ, vẫn bị coi là một ngành *phụ thuộc đạo đức*. Tư tưởng ấy chính là biểu hiệu của quốc-dân tính nước Trung Hoa. Thật vậy, Trung-quốc ngay ở cổ đại đã có tính chú trọng riêng về mặt *thực dụng* ; họ không muốn đem văn-nghệ cùng thực-dụng phân tách ra, cũng như họ không muốn đứng ra ngoài vòng nhân-sự thực-dụng mà giảng câu luyện-ly

« *Lục nghệ* » và « *văn* » chỉ là một ngành học mà mục đích duy-nhất của sự học là « *Trí dụng* » nghĩa là đi đến chỗ thực dụng. Nhiệm vụ cốt yếu của người ta là phải dụng lực cho nhà cho nước. Trừ phi không có cơ hội để dụng lực cho nhà cho nước hay ngoài sự dụng-lực ấy, còn có thời gian và sinh lực nhàn rỗi, bấy giờ mới lý hội đến văn học : Đức Khổng-Phu-Tử đã nói « *Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn* » = thực hành những điều hiếu để nhân ái, mà còn có sức thừa thì đem để đọc văn ». Sau này Dương-Hùng cũng cho văn-chương là : « *Điều trùng tiểu kỹ, tráng phu bất vi* » : Tài nghệ nhỏ mọn, trạm khắc con sâu con bọ, người tráng phu không làm ».

Nói thế, không phải là bảo dân tộc Trung-quốc không ưa văn-nghệ đâu. Dân tộc Trung-quốc là một dân-tộc « *thượng văn* » đứng vào bậc nhất trên thế giới ; nhưng họ ưa chuộng văn nghệ không phải vì cái đẹp bản thân của văn nghệ mà là vì cái ích lợi, cái công dụng của văn nghệ. Khổng Phu Tử khuyên người học trò nên học kinh Thi, là vì



Bia đá lưu truyền . . .

« *Bất học Thi vô dĩ ngôn* : không học kinh Thi không lấy gì để ăn nói » là vì « *Thi khả dĩ-hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán nhĩ chi sự phụ viễn chi sự quân đa tri u thảo mộc điều thú chi danh* : Học kinh thi, có thể nhờ đây mà hưng khởi, nhờ đây mà quan sát, nhờ đây mà quần tụ, nhờ đây mà ai oán, gần thì thờ cha, xa thì thờ vua, lại nhớ được nhiều tên những thảo mộc cầm thú. Ngài tán thưởng Trương quan-thư không phải vì lời văn mà là vì ý tứ : « *Lạc như bất dâm, ai nhi bất thương* : Vui vẻ mà không dâm dăng, ai oán mà không thương đau.

Xem vậy, đức Khổng-Phu-Tử, trong lúc bình-luận hay tán-thưởng thơ-văn, hoàn toàn đứng về lập trường đạo-đức và chính trị, nghĩa là chỉ chú trọng về tinh-thần của thơ văn, mà không đề ý đến hình thức bên ngoài. Từ đức Khổng-Phu-Tử trở xuống, *Lục kinh* đã được coi là lý tưởng tối cao của văn học mà cái tôn chỉ của lục kinh là phát huy, ph

diễn những lời hay nghĩa lớn của các bậc cô-triết, để phù-thực nhân tâm thế đạo ; cho nên những trước tác về văn học sau này, tất phải noi theo cái đường-lối ấy, nghĩa là tất phải « *Ngôn chi hữu vật* » : Lời nói phải có vật gì làm cốt, tất phải « *văn dĩ minh đạo* : » nghĩa là truyền-đạt một đạo lý to tát, một tư-tưởng chính-xác gì.

Để tiêu-biểu cho trào-lưu tư tưởng này, ta có thể lấy lời nói sau đây của Dương-Hùng: *Thư bất kinh phi thư giả, ngôn bất kinh phi ngôn giả* : Sách mà không phải kinh là không phải sách, lời nói mà không phải kinh thì không phải lời nói ».

Mãi đến đời Tần, Ngụy, văn học mới dần dần cự dầy ra ngoài vòng trói buộc của kinh học, mà đi vào con đường độc-lập. Những trước-tác của mây tay đại biểu cho văn nghệ thời đại này như Tào-Phi, Tào-Thực, Lục - Cơ, đều gột-rửa được cái khí vè nặng nề về đạo học và kinh học của đời Lương Hán. Nhất là bài « *văn phú* » của Lục Cơ rất đáng được ta để ý, vì khi thảo luận về văn học, tác giả hoàn toàn theo quan điểm *thuần-thúy văn học*, mà không hề nương tựa vào danh thế của Đạo-đức. Lương triệu Minh thái tử trong khi biên tập bộ « *Văn uyển* » loại hẳn ra ngoài những văn chương về kinh sử, đã công nhiên đả-phá cái tư tưởng tôn-kinh của người Hán và đồng thời đòi với cuộc vận động thuần thúy văn học, đã đem đến một tác trợ rất có thanh thế. Tuy vậy, cái tư tưởng tôn-kinh minh đạo ấy vẫn chưa thật hoàn toàn bị áp-đào vì trong sách « *thế yếu luận* », Hoàn Phạm còn viết rằng : « *Phù trước tác thư luận giả, nãi dục xiển hoành đại đạo thuật minh thánh giáo, suy diễn sự lý cực tân tình loại, kỳ thị biêm phi, dĩ vi pháp thức* » — trong việc trước tác những thư, luận là muốn xiển-hoành tạo lớn, phát-minh

thánh-giáo, suy diễn sự lý, cực tận tình loại, ghi điều phải, chê điều trái để làm gương mẫu. Ta nghe câu nói này, vẫn thấy cái giọng đạo đức của Dương-Hùng. Đại biểu cho hai khuynh-hướng trái ngược trên nền văn học bấy giờ là bộ « Văn Tâm điều long » của Lưu Hiệp và « thi phẩm » của Trung Vinh.

Bộ « Văn tâm điều long » tức là đại biểu cho cái tư tưởng truyền thông « Văn tất minh đạo ». Trong thiên « Nguyên Đạo », Lưu Hiệp viết : « Giáo Đạo duyên thánh dĩ thù vãn, thánh nhân vãn dĩ minh đạo = Đạo theo các thánh để truyền vãn, các thánh nhờ vãn để làm sáng đạo » và kết rằng : « Từ chi sở dĩ năng, cổ thiên hạ giả nãi đạo chi vãn giả = Lời nói mà có thể cổ-động được thiên hạ là vì vãn của đạo vậy ».

Phát ngôn nhân của khuynh hướng phản đối là Trung-Vinh trong bộ « thi phẩm » cũng giống như Lục cơ trong bài « văn phú ». Trung Vinh hoàn toàn đứng trên lập trường văn học mà nói chuyện văn học. Tác giả công kích những thi nhân và văn nhân đời Vĩnh-gia, vì rằng « lý quá kỳ tư, đàm hồ vô vị » nghĩa là : Lý hơn hẳn lời, nhạt nhẽo vô vị » hay là « Bình diện tư đạo đức luận = tầm thường diện cồ như bài luận về đạo đức ».

Nói tóm lại, ở thời đại « Lục Triều », công cuộc vận động « thuần văn học » đã làm nhẹ bớt cái khí vị nặng nề của kinh học và đạo học trên đường văn nghệ, nên các trước tác phẩm đã có một giá trị đặc biệt về phương diện duy mỹ. Nhưng cũng chính vì đây mà văn chương « lục triều » đã bị đời Đường bài bác. Bình phẩm văn thơ « Lục triều » người Đường khi thì chê là « Thái lệ canh phiên hưng kỳ do tuyệt = Về đẹp rậm rậm quá, hết cả hưng thú kỳ thác, khi thì chê là « Ý lệ bất túc trăn = bóng bảy không đáng quý », chẳng qua đều là chê rằng ngoài lời lẽ bóng bảy trái truốt, không hàm-ngụ một tý giáo-huấn gì về đạo đức cả.

Đến đời Đường, chính vì muốn cứu chữa cái tai hại « quá ư ý lệ » ấy, và khôi phục

lại cái lý tưởng « văn đạo nhất quán » Hàn Dũ mới đề xướng « vãn dĩ tái đạo » và « Ngôn chi hữu vật » để, theo ý phái đạo học, làm cho phần khởi cái cảnh suy bại của nền văn học bấy giờ.

Cái lý thuyết « vãn dĩ tái đạo » từ đây chỉ phôi cả nền văn học Trung Hoa. Thậm chí có lúc văn học lại bị khoắc vào cái tội danh là « hại-đạo ».

Trong sách « Ngũ lục » của Trình Di có chép « Hoặc vãn tác vãn hại đạo » ? Trình từ viết : « Hại giả, phạm vi vãn bất chuyên ý tác bất công, chuyên ý, tác chí cực ư thứ, hựu an đắc giữ thiên địa đồng kỳ đại gia = Có người hỏi làm vãn có hại đạo không ? Trình-từ trả lời : Hại lắm ! Phạm làm vãn không chuyên ý thì không khéo, ý ta chuyên thì chí bị buộc cả vào đây, còn làm sao có thể cùng tỏ cái vẻ to-tát của trời đất ư ? ».

Cái lý thuyết « vãn dĩ tái đạo » đã làm cho toàn bộ văn học Trung quốc, đâu đâu người ta cũng thấy cái cốt-tứ là cái xu-hướng thiên trọng thực dụng và đạo đức. Cái chỗ đáng chê của văn nghệ Trung quốc ở đây, mà cái chỗ đáng khen cũng ở đây. Chỗ đáng chê là xu hướng ấy đã trói buộc kiểm-chê năng-lực, tưởng tượng và đã ngăn trở cuộc vận-động « thuần văn hóa » không được tự-do phát triển.

Chỗ đáng khen là xu-hướng ấy đã kết chặt mối liên-quan giữa văn-nghệ và cảnh-huống hiện-thực của nhân-sinh, cho nên văn-học Trung-quốc, so với văn học Tây-phương, tuy có vẻ thiên-cận, nhưng bình-di và thân-thiết với đời sống hơn. Văn nghệ Tây-phương, cũng một mục-đích như tôn-giáo, muốn tìm sự giải thoát ở ngoài đời hiện tại, nên thường mượn sức tưởng tượng, để cầu-tạo nên một thế-giới riêng-biệt. Trái lại, văn-nghệ Trung quốc cũng như luân lý, muốn tìm phương giải cứu ở ngay đời thực-tại, cho nên chỉ muốn mượn cái tình-cảm chân-chí để làm cho đời hiện-tại

hóa ra một thế giới lý-tưởng. Vì thế, trong văn-học Trung-quốc, sứ-mạng của đạo-đức và sứ-mạng của nghệ-thuật không thể phân tách ra được.

Từ khi nền văn học Trung quốc chịu ảnh hưởng của tư-trào tây-phương, phong trào tranh-biến giữa thuyết « nghệ thuật vì đạo đức » và thuyết « nghệ thuật vì nghệ thuật » cũng đã nhiều phen làm sôi-nổi dư luận, trong các giới văn-nghệ và đạo-học. Trước đây mấy năm, phong trào tranh luận ấy cũng đã chớm nổi lên ở trên đàn ngôn-luận Việt-Nam. Song thật ra, những cuộc tranh-luận ấy chỉ là dư-hưởng của những thuyết đã đụng-chạm nhau về mối « liên-quan giữa đạo đức và nghệ thuật » ở Tây phương, cho nên ta có thể lược qua những điểm đó mà đi thẳng ngay vào cái nguồn gốc ấy.

2) *Tây phương.* — Ở phương tây, vấn đề đạo-đức và nghệ-thuật đã làm hao-tồn mất nhiều giấy mực và đã diễn ra một cảnh tượng rất náo-nhiệt trên đàn văn-nghệ trong mấy chục thế kỷ. Ở nước Hy-lạp xưa, người ta cho là các thi-nhân, cũng như các nhà lập-pháp, đều đảm nhận cái nhiệm-vụ *dạy-dỗ và dân-dụ người ta tới con đường tốt*. Nhà triết-học Platon bắt đầu đối với cái tư-tưởng truyền-thông ấy, tỏ vẻ hoài-nghi, trong quyển « nước lý-tưởng » (1). Sau khi dùng mấy câu khách-khí tán dương và ca-tụng các thi-nhân, nhà triết học Hy Lạp cương quyết mời cả bọn họ bước chân ra khỏi bờ cõi quốc gia lý-tưởng ấy. Theo ý ông, cái thế-giới mà cảm-quan của ta tiếp-xúc được toàn là hư-ảo, chỉ có cái *thế - giới linh ngọ bởi lý trí mới là chân-thực*. Cái thế giới của cảm-quan, chỉ là một sự mô-phỏng của thế-giới chân-lý, Thế mà thơ và các nghệ-thuật lại mô-phỏng lại cái thế-giới của cảm-quan. Hai tầng *xa cách cảnh-tượng chân-thực* như thế, nên những điều kêu-gọi trong tâm-hồn người ta bởi thơ và nghệ-thuật chỉ là *những lời không dân*, chẳng có một tia-

sáng chân-lý nào. Huống chi, muốn được là một người hoàn toàn, ta thường phải *chế ngự tình-cảm*; thơ và nghệ-thuật làm cho ta lìa-xa chân lý mà tự buông mình theo dòng cảm-súc, nên chỉ làm cho văn nghệ-sĩ biến thành những *nô-lệ cho tình-cảm mà thôi*. Nói tóm lại, cái nguyên-tổ và ảnh hưởng của thơ và nghệ-thuật đều là *phản đạo-đức*, đều là những thứ làm giao-động và mê-hoặc lòng người, nên nhà thơ và các nhà nghệ-thuật không nên có một chỗ để chân trong một quốc-gia lý-tưởng. Bản tuyên-cáo tội-trạng văn-nghệ-sĩ của Platon chính là mớ lửa đầu-tiên nhóm lên hết thảy những cuộc tranh-luận về nghệ thuật và đạo đức sau này.

Aristote, cao đệ của Platon, trái với thầy, lại cực-lực bênh vực thơ và nghệ thuật. Platon cho thơ là chuyện vu vơ, thì Aristote lại cãi là thơ có *chân-lý của thơ* và so với lịch-sử, thơ có hàm-ngụ ý-nghĩa *rất phong-phú về triết-học*. Lịch-sử ghi-chép những việc dĩ-nhiên và có tính-cách thù-đặc, trái lại, thơ có thể biểu-hiện những chân-lý *tốt-nhiên và có tính cách phổ-biến*. Như vậy, thơ và nghệ-thuật không phải là những cái mô-phỏng của cảm-quan thế-giới; nhưng chính là đã vượt hẳn lên trên thế-giới cảm quan, mà chỉ dẫn ra cái mối *quan hệ tất-nhiên* của sự vật, để cho người ta hiểu biết, đây mới là hợp tình hợp lý. Platon cho thơ và nghệ-thuật là buông-thả tình-cảm, làm cho lòng người giao-động, thì Aristote cãi rằng tình cảm là cái *khả-năng cố-hữu* ở trong nhân tính, người ta muốn giữ được mực thăng-bằng trong đời sống, tất phải để cho tình-cảm có cơ-hội *phát-tiết ra một cách thích-đáng*. Thí-dụ, người ta sinh ra, đã mang sẵn những tình-tự xót-thương và sợ-hãi. Nếu những tình-tự ấy không được phát-tán ra, tất bị ứ-tích rồi gây thành những tình-trạng ứ-ức có thể làm nhiều-loạn tâm-thần. *Bi-kịch* gợi ra trong lòng

(1) *De la République.*

quán - cũng những tình - tiết ai - liên và khứng - bổ, chính là kiểm cho những tình-tự ấy cái cơ-hội để phát-tiết ra ngoài, mà không đến nỗi làm trở-ngại về khang-khien của toàn thể tâm lý người ta. Cho nên, công dụng của thơ và nghệ thuật chính là *giải-phóng cho tình-cảm*. Vậy, nếu Platon là thủy tổ của thuyết « nghệ-thuật » vì « đạo-đức », thì Aristote chính là người khởi xướng lên thuyết « nghệ-thuật vì nghệ-thuật ». Hai thầy trò nhà này đã gây mắu bón rổ cho biết bao cuộc tranh luận về sau.

Nhưng sau Aristote, trong tư-trào văn-nghệ đời cổ-đại, thuyết của ông vẫn bị cô-lập, tuyệt không có người hưởng ứng. Đa số các học giả đồng thời với ông hay sau ông đều cho là văn-nghệ và đạo-đức không thể phân-tách ra được. Nhà phê bình La-mã Horace (Hạo - việt - tư) gán cho văn - nghệ hai cái công-năng : trước hết ngụ ý giáo-huấn, rồi sau mới phát-sinh khoái-cảm. Kiền-giải này được phái giả cổ-điển (Néo-classicisme) nhận làm « kim khoa ngọc luật ». Rồi từ thế-kỷ thứ IV đến cuối thế-kỷ XV, học-thuật và tư-tưởng người Âu hoàn toàn bị đặt dưới quyền chi-phối của giáo Gia-tô. Về khoảng trung-thế-kỷ này, giáo Gia-tô rất tôn - trọng sự khổ hạnh, và khuyên - nhủ người ta nên hy-sinh những điều khoái lạc ở hiện-thế, để sửa sang đường giải-cứu về lai thế. Sự hận-thường nghệ-thuật đã là một thú tiêu-khiến, khoái-lạc ở hiện-thế, lẽ tất nhiên phải bị coi là một tội - ác mà tôn-giáo không dung thứ. Chủ nghĩa khổ hạnh này, tuy không áp-chè hẳn sức sung-động của nghệ-thuật, nhưng đã ruộm cho văn nghệ trong hồi trung thế kỷ (hơn một nghìn năm) cái màu sắc rõ rệt tôn-giáo. Các bức họa-đồ, các công-trình điêu khắc ở trong các nhà giáo đường đều có ý nghĩa ngụ ngôn (1) và đều có ngụ một lý-tưởng tôn-giáo, hay một điều giáo-huấn về đạo đức, sau những ý-tưởng hoàn toàn hư-cầu. Văn-học cũng chịu ảnh-hưởng ấy, nên những tác-giả vĩ-đại thời ấy như Dante, Boccace, Pétraque

đều tin là đạo - đức và văn - nghệ có liên-quan mật-thiết với nhau, và đều tự nhận, bên cái danh hiệu văn hào, là những người đã dùng ngọn bút để siển-minh, và phát huy chân-ly cao siêu về đạo đức.

Nhưng sau thời đại Dante, phong trào văn-nghệ phục-hưng trỗi-dậy, và thế lực dần dần bành trướng. Cái hiện-trạng trọng-yếu nhất của phục - hưng văn - nghệ là *giải-phóng tinh thần*. Tư tưởng đại chúng dần dần thoát ra khỏi cái lao-lung của chủ-nghĩa khổ hạnh và chủ-nghĩa lai thế của tôn-giáo, mà quay về chủ-nghĩa hiện - thế và hưởng lạc của cổ Hi-Lạp. Lý - tưởng nhân - sinh của thời - đại phục - hưng là « Người ». Muốn trở nên một người hoàn-toàn, tất nhiên bao nhiêu những khả-năng-tính phải được tận-lượng phát - triển. Như vậy, những nhu-yếu về « mỹ » cũng như về « chân », về « thiện », phải được coi là bình-đẳng, và người ta sẽ là người « bất cụ » nếu chỉ thỏa-mãn những nhu-yếu về « chân » và « thiện » còn những nhu-yếu về phương-diện « mỹ » thì bị gạt-sát hay lãng quên. Tinh-thần tự-do ấy đã sản-sinh ra những nhà đại văn-hào như Chancer, Shakespeare, Cervantès. Tình-cảnh trong vườn văn-nghệ bây giờ lung bùng như cảnh Xuân sang, muôn hoa đua nở ; người ta, đối với văn-nghệ, hình như đột nhiên bị thu hút bởi một luồng điện cuồng nhiệt. Nhưng khôn nỗi, sự bộc-phát của cái tinh thần mới mẻ ấy, đối với uy-quyền của giáo-hội rất có phần bất lợi. Vì thế, những tay kiêu-sở trong giáo hội như Savarole ở Ý, Bossuet ở Pháp, và Gosson ở Anh đều đem hết tài nghệ và uy quyền ra công-kích thơ và hí kịch. Họ cho là cái cảnh tượng nhân tâm bất cổ, thế đạo suy-vi lúc bấy giờ đều là những ác quả gây nên bởi nghệ thuật. Thậm chí có một số người bị kích thích bởi tâm lòng kiên-thành đối với tôn-giáo, đã đem những bản bi-kịch trứ - danh của Cổ - Hy - Lạp và rất

nhiều những bức tranh vẽ trên quý của các nhà danh-họa, giao-phó cho thần lửa. Ở Anh, có cuộc phản động của *Thanh-giáo-đồ* (Puritain) chủ-trương phê-bỏ hết thảy văn-học, vì ảnh-hưởng của văn-học không có lợi-ích gì cho đạo đức. Trong thời kỳ phái *Thanh-giáo-đồ* cầm quyền, bao nhiêu hý-viện đều bị chính-phủ hạ lệnh đóng cửa. Vì phải khuất-phục dưới thề-lực áp-bách ấy, nên nhà đại thi-hào *Milton* (Mặt-Nhi-Tôn) phải khoác cho quyền thơ tuyệt tác của ông « *Le paradis perdu* » (Thất lạc viên) cái mục-dịch đạo-đức là : « *Cốt để tuyên-minh thần đạo cho loài người.* » Hai nhà đại bi-kịch về thề-ký thứ XVII của nước Pháp là *Corneille* và *Racine* cũng cần thủ cái tín-điều « văn-nghệ ngụ giáo - huân » của *Horace*, nên những kiệt tác của hai nhà văn - hào ấy đều chủ-ý tuyên-truyền một chủ-nghĩa anh-hùng hoặc một tín-ngưỡng tôn-giáo.

Nhưng sau *Platon* và trước *Tolstoi*, người đại biểu trọng yếu nhất cho thuyết « Văn-nghệ vì Đạo Đức » là *J. J. Rousseau* (Lư-Thỏa). Theo quan điểm của *Rousseau*, văn-nghệ và khoa-học đều là những lợi-khí làm cho người ta ngày một xa tự-nhiên và thành ra hư hỏng đồi-bại. Vì thế, khi d'Alembert đề xướng mở một nhà đại hý-viện ở Genève, *Rousseau* viết thư cực lực phản đối, lấy lý-do là người ta bầm sinh ra vốn ưa « điều thiện, ghét điều ác, vậy mà hý-kịch thì thường thường làm cho tội ác hóa ra đáng yêu, đức lành hóa ra trò cười, cho nên ảnh hưởng của hý-kịch rất nguy-hiểm. Vậy nên người nước Thụy-Sĩ muốn giữ vững được cái vẻ « *Phác tổ thiên chân* » của một dân-tộc bạn bè với rừng núi, rất không nên bắt buộc cái văn-hóa thành thị. Đặt ra, hý-viện để mua lấy những sự « *Thương phong bại tục.* » Kiên giải của *Rousseau* cùng với *Platon*, *Tolstoi*, trước sau hưởng ứng nhau như hình với bóng.

Nói tóm lại, từ đời cổ Hy-Lạp đến thế-kỷ thứ XIX, thuyết « văn nghệ ngụ đạo đức » đã lung-lạc toàn thể tư-tưởng văn-nghệ ở Âu-Châu. Đến thế-kỷ thứ XIX, nền tảng tư-trào ấy mới bắt đầu bị lung lay. Thề-lực thứ nhất đã làm phát-sinh ra sự động-rao ấy là chủ-nghĩa lãng mạn với cái tín-điều « *Nghệ-thuật vì nghệ-thuật* » (*L'Art pour l'art*), tôn-chỉ của chủ - nghĩa lãng mạn là sùng-bái tự do, coi rẻ lý trí mà riêng trọng tưởng-tượng và tình-cảm. Một điểm ấy cũng đủ đem đến cho cái quan - niệm chật hẹp « nghệ-thuật vì đạo-đức » một phản lực rất nguy-hiểm. Câu tiêu-ngữ : « văn-nghệ vì văn-nghệ » để xướng lên bởi *Hugo*, nhưng đến *Gautier* mới thật được phát dương quang đại. Trong quyển « *Nghệ - thuật gia* » « *l'Artiste* », *Gautier* tuyên cáo : « Chúng tôi « rất tin ở sự độc-lập tự - chủ của nghệ-thuật. Nghệ thuật đối với chúng tôi không « phải là một công-cụ mà riêng tự thân, đã « có sẵn một mục-dịch. Cứ chúng tôi xem ra, « một nhà nghệ-thuật mà đề-tâm đến một việc « ngoài cái « mỹ », tức là mất hết tư-cách nhà « nghệ thuật rồi. Chúng tôi thủy chung vẫn « không hiểu làm sao ý-tứ và hình-thức có « thể phân-tách ra được. Cái đẹp của hình « thức tức là cái đẹp của ý-tứ, bởi vì nếu « quả thật không ngụ-ý biểu hiện một cái « gì thì hình thức còn đáng kể là cái gì nữa. »

Sau này khi tự viết bài tựa trong tập thơ của mình, thái độ của *Gautier* còn kịch-liệt và minh-bạch hơn. Ông viết : « Cái thơ này « công-dụng ở chỗ nào ? Đẹp tức là công « dụng của nó. Thẽ còn chưa đủ ư ? Thì « bông hoa, mùi thơm, con chim cũng là hết « thấy những vật gì chưa vì hiện-dụng cho « người mà mất hẳn cái mặt-mũi tự-nhiên, « đều như thề cả. Lấy đại khái mà nói, « một sự vật gì hữu-dụng tức là bất mỹ, « Một khi đã được thực dụng, một khi đã rơi « vào vòng sinh-hoạt thực - tế, tức là từ « thơ biến thành văn-suôi, từ tự-do biến « thành nô-lệ. Nghệ-thuật, có thể dùng một

« câu chùng hết, ấy là tự-do, ấy là sa-si,
 « là dư dư, ấy là sự phát-triển của tâm-linh
 « trong cảnh nhân dật. Một bức tranh, một
 « vật trạm khắc, một khúc âm - nhạc, thật ra
 « tuyệt đối, không có chỗ nào hữu dụng cả.
 « Một hòn bảo thạch chạm trổ tinh-vi, một
 « thứ đồ chơi hiem có, một đồ trang-sức tân
 « kỳ, đều là những vật thừa ở đời cả, nhưng
 « mảy ai tự-nguyện đem những vật ấy đập
 « phá vứt bỏ đi ! Cái ta gọi là hạnh-phúc,
 « có phải là ta đã có được hết những vật
 « mà ta không thể không có đâu ! Không chịu
 « khổ sở không phải là hạnh-phúc. Phàm
 « những vật rất ít chỗ thực dụng lại là
 « những thứ rất cho người ta cao-hứng. Thề
 « gian có, và sẽ vĩnh-viễn có mãi, một hạng
 « người ưa thích nghệ-thuật, coi một bức
 « tranh vẽ dầu của Ingre và Delacroix hay
 « một bức thủy thái của Boulanger và De
 « Camps còn hữu-dụng hơn gấp mấy tầu thủy
 « và hòa-xa. »

Cứ theo quan-điểm này, thì nhà nghệ-thuật chỉ cần chuyên chú dụng công về mặt hình-thức, không cần thắc mắc rằng nội-dung tác-phẩm đó có hợp với đạo-đức hay không.

Một mặt, Zola thóa-mạ những tác - giả mượn màu đạo-đức để lấy lòng quần-chúng là những phần-tử đầu-cơ. Trong bài « Đạo Đức ở trong Văn - học », ông viết : « phải tìm ở ngoài những kẻ mượn đạo-đức làm công việc đầu-cơ mới thấy những tác-gia chân chính. Lũ họ chỉ phụng-sự con tì con vị, chứ chẳng chủ tâm khuyên điều-thiện, cũng chẳng đề tâm khuyên điều ác ».

Trong bài « Văn Học bản thủ » Ông còn viết : « Một nhà văn viết văn không hay, đây là tội đại ác cực. Chữ « Tội ác » trong văn-học không có nghĩa gì khác nữa, một sự viết nên được câu văn hay, tức là một thứ đức hạnh đây.

Thuyết « Nghệ thuật vì nghệ thuật » phát nguyên ở Pháp, rồi dần dần lan sang Đức, sang Anh, kết-cục gây ra cái « Chủ nghĩa

duy Mỹ », được người đời bấy giờ hùa nhau tán-dương hưởng-ứng và dần dần hình như quên bẵng hẳn cái thuyết « Nghệ-thuật ngụ đạo-đức giáo huấn » cổ-truyền.

Tuy vậy, cái thuyết « văn nghệ vì văn nghệ » đối với tám mắt các nhà văn về thế-kỷ thứ XIX cũng mới chỉ là một điều tín-ngưỡng cũng chưa có căn-cứ gì chắc chắn, mạnh mẽ về lý-thuận. Cái khuyết-điểm ấy đã được bỏ-tức bởi cái thề-lực địch-thủ thứ hai của thuyết « Văn-Nghệ vì Đạo Đức » là cái chủ-nghĩa « Duy tâm Mỹ học », sáng tạo ra bởi nhà đại-triết-lý duy tâm Kant (Khang Đức) và phát-huy bởi nhà mỹ-học Ý-Đại-Lợi Croce (Khắc-la Tê). Phái mỹ-học bằng cứ vào sự phân-tích các « mỹ-cảm kinh-nghiệm » để chứng-tò rằng nghệ-thuật và Đạo Đức là hai hoạt-động khác-biệt hẳn nhau. Đạo đức là những hành vi thực-dụng, căn-nguyên ở ý-chí, còn nghệ-thuật là biểu lộ của các ý-tượng trực-giác, không hề can-thiệp gì đến dục-vọng của ý-chí, và chỉ là một cách tự-do biểu-bộ những tính lực có thừa. Sự sáng-tạo hoặc quan - thưởng « vô sở vị nhi vi » ấy không có một mảy may quan - hệ gì tới đạo đức.

Cái lý-thuyết này được Croce giải - thích rất minh-bạch. Trong quyển « mỹ học cương yếu » (1), Croce nói : « Nghệ-thuật không phải là vật sản - sinh bởi hoạt - động của ý-chí. Cái ý-chí tạo nên một người lương-thiện đạo đức không thể tạo nên được một nhà nghệ-thuật. Nghệ-thuật đã không phải sản-sinh bởi hoạt động của ý-chí, tức là đối với sự phân-biệt với đạo đức không có quan-hệ gì..... Một nhà nghệ-thuật cồ-nhiên có thể, ở trong trí tưởng-tượng, biểu hiện ra một hành-động đáng khen hay đáng chê đứng về quan-điểm đạo đức, nhưng vì cái biểu-hiện đó chỉ là tưởng tượng thì không lẽ nào vì thế mà được khen hay bị chê. Ở đời không có một thứ hình-luật nào kết tội từ hình hoặc giam

(1) *Essence of Aesthetic.*

cảm một ý tưởng ; ở đời không có người nào đầu óc sáng suốt lại gán cho một ý-tưởng một lời phán-đoán vì đạo đức. Phán-định rằng vở kịch Francisca của Dante là bất-đạo-đức và kịch Cordelia của Shakespeare là đạo-đức chẳng khác gì cho cái hình tam-giác là bất-đạo-đức mà hình vuông là đạo-đức vậy ».

Trong phái duy-tâm mỹ-học, còn có những người quá khích đến nỗi không những phủ-nhận rằng văn nghệ có thể dùng những tiêu chuẩn về đạo đức để cân nhắc bình phẩm mà còn chủ-trương là toàn-thể vũ-trụ nhân sinh này tất phải nhìn bằng con mắt nhà nghệ thuật. Nietzsche cho rằng vũ-trụ toàn là tội ác, nhân-sinh toàn là thông-khổ, nếu cứ nhìn đời bằng con mắt nhà đạo-đức thì thế-giới này thật chỉ đáng tiêu diệt, nhưng nếu theo quan điểm nghệ thuật mà quan-sát thì cái thế giới và nhân sinh đầy tội lỗi này sẽ biến thành một bức tranh vẽ, trang nghiêm rực rỡ đáng làm cho ta phải động phách kinh tâm ! Cứ cái cảnh-tượng náo-nhiệt gây nên bởi những tiếng hô : « Nghệ thuật vì nghệ thuật » của giới văn-nghệ và « Sáng lác » cùng « quan thưởng vô sở vị như vi » của giới mỹ học, ta có thể tưởng-tượng rằng cái tin điều truyền-thông « văn nghệ vì đạo-đức » sẽ bị hoàn-toàn đả-đảo tháo-khí. Nhưng không ! Thế-kỷ thứ XIX vẫn còn ủ-ấp một số đông nhà tư-tưởng và nghệ thuật không thể nào cùng nhau ly-dị mà « phân gia biệt tác » được.

Nhà đại thi hào Shelley (Tuyết-Lợi) nước Anh rất giàu tính cách-mạng, rất yên mền, bênh vực nghệ thuật, vậy mà không một nhà thơ nào hơn Shelley đã thành thực công nhận rằng những nhà văn-nghệ có đảm phụ một sứ-mệnh rất trọng-đại về đạo đức. Trong những thơ trường thiên mà Shelley lao-tâm khổ-tứ soạn ra, bao giờ cũng hàm-ngụ một mục-đích đạo-đức là cải thiện nhân loại. Ngoài ra, trong suốt thế-kỷ thứ XIX, những thi gia hoặc văn nghệ gia đã có chút danh-vọng không ai chịu ngồi thu-bình trong cái « tháp ngà nghệ thuật », mà

không đem cặp mắt ai-liêu nhìn xuống cái cảnh đau khổ của đại-chúng ở những nơi ngã tư đường.

Tolstoi chính là người đại-biểu có uy quyền nhất của phái này. Ta có hiểu cái thâm ý tru thời mẫn thế của đại đa số thi gia và nghệ thuật gia ấy mới biết rằng quyển « Hà vị nghệ thuật » (What is art ?) của Tolstoi không phải là một tác-phẩm phản-đôi trào-lưu thời-đại, mà chính là kết tinh của tư tưởng truyền-thông mấy nghìn năm của người Âu. Từ trước, nhà triết học vẫn phân-biệt « Chân, Thiện, Mỹ » làm ba khu vực riêng, và cho rằng « Chân » thuộc phạm-vi khoa-học « Thiện » thuộc phạm-vi triết-học và « Mỹ » thuộc phạm vi nghệ-thuật. Phái nghệ-thuật độc lập dựa vào thuyết này và cho rằng vì mục đích nghệ thuật là Mỹ, nên không có liên-lạc gì với Chân và Thiện. Vì thế, hết thấy mọi người đều thừa nhận rằng « Mỹ » là cái mục đích đặc biệt theo đuổi của nghệ thuật.

Tolstoi bài-bác hẳn cái kiên-giải này. Trong sách đã kể trên, nhà đại triết-học và đại văn hào viết : « Nếu chúng ta muốn hiểu-rõ ý nghĩa của nghệ-thuật, nhất-định ta phải phủ-nhận rằng « Mỹ » hay « khoái cảm » là mục đích của hoạt động nghệ thuật. Vậy mục đích nghệ-thuật ở đâu ? Trước hết, chúng ta phải hiểu rằng tính chất của nghệ-thuật, cũng như tính chất của ngôn-ngữ, chỉ là thứ công cụ để truyền đạt. Ngôn ngữ truyền đạt tư-tưởng, nghệ thuật thì truyền đạt cảm tình. Trước hết, trong tâm trí ta, ta hồi tưởng lại cái tình-cảm mà ta đã kinh nghiệm qua. Sau khi hồi-tưởng, ta mới dùng những hình-thức biểu-hiệu ra bởi : hoặc cách cử động, hoặc đường tuyến, hoặc màu sắc, hoặc lời nói để truyền-đạt cái tình cảm ấy ra, cho người khác cũng được kinh nghiệm cái tình-cảm ấy như ta. Đây tức là hoạt-động nghệ thuật. Vậy nghệ thuật là một thứ hoạt-động của « Người » Cái yếu-nghĩa của nghệ-thuật, tức là một người thành ý dùng những dấu hiệu cụ

thể đem cái tình-cảm mà họ đã sinh hoạt qua truyền cho người khác, để người này, với ảnh hưởng truyền nhiễm, cũng cảm-giác đến cái tình cảm ấy.

Vì thế, nghệ-thuật có cái công hiệu là tiêu-trừ những thứ cách trở, để dung hòa tình cảm của nhân-loại thành một khối. Sức truyền-nhiễm càng mạnh, nghệ-thuật càng có giá-trị. Đối với thuyết quốc-gia của giáo Gia-tô, Tolstoi cho là nó có giá-trị truyền-đạt được tình cảm và có thể củng-cố được mối đoàn-kết giữa người với người, cùng là người với Thượng-Đề. Ông nói : « Nghệ thuật giáo Gia-tô, nói thế tức là bảo nghệ thuật của thời-đại chúng ta, nên có tính cách phổ biến. nên đem cả nhân-loại đoàn kết chặt chẽ lại. Chỉ có hai hạng tình-cảm có thể đoàn kết được người ta, một là *những tình cảm phát sinh bởi cái mối quan hệ cha con giữa thần và người*, và mối quan hệ anh em giữa người nọ với người kia, hai là *những tình cảm thuộc về đời phổ thông sinh hoạt mà người nào cũng cảm-giác đến*, như vui cười, thương xót, mừng sướng, tình-mục, chỉ những tình-cảm này mới là tài-liệu tốt cho nghệ - thuật ».

Mục-đích của nghệ thuật đã là xóa-bỏ giới hạn, dung hợp tình-cảm, cho nên cái nghệ-thuật mà một người dân thường chắt-phác cũng lĩnh-hội được mới thật là nghệ thuật cao đến lột bọc. Dựa vào tiêu chuẩn ấy để đo-đán nền nghệ-thuật cận đại của Âu-Châu, Tolstoi cho là nghệ-thuật ấy đã thối-nát đến cực-điểm. Phần nhiều những tác-giả được coi như danh-nhân của thời-đại, đều bị Tolstoi thóa mạ, cho là họ thiếu hẳn về thâm-trám của tôn-giáo và chỉ chú-trọng riêng đến tình-dục cùng các tình cảm dơ-hạ khác. Kết luận ông nói : « Mỗi một người có tính lý, có đạo đức đều nên theo gót Platon và các giáo-sĩ Gia-tô, đem văn-đề này giải quyết một cách mới-mẻ. *Thà rằng đừng có nghệ-thuật, chứ không thể*

để cái nghệ-thuật giả-dối thối-nát hiện dựng lưu hành còn tiếp-lục tồn-tại được mãi. »

Nói tóm lại, mục đích của nghệ-thuật là tuyên-truyền đạo-đức và tôn-giáo, tuyệt không phải để sản-sinh ra mỹ-cảm. Nghệ-thuật hiện đại chỉ cốt vì giai cấp nhân-rỗi tìm cách « tiêu sấu khiến muộn », hoặc làm cho thỏa-mãn cái lòng khao-khát khoái-cảm của lũ người kiêu-xa dâm-dật, đối với xã-hội, thật là một sự lãng-phí *tinh-thần và vật-chất, không thể tha thứ được*. Cái trào lưu tư tưởng này gần đây bành trướng rất mạnh mẽ. Những nhà theo *quan điểm xã-hội học mà nghiên cứu Mỹ học ở Pháp*, cùng là những người chủ trương *văn nghệ đại chúng hóa ở Nga* đều, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, chịu ảnh hưởng của Tolstoi.

Cái luận điệu cá quyết hy sinh nghệ-thuật cho đạo đức ấy, không phải ta chỉ thấy ở dưới ngòi bút Tolstoi, là một tín đồ kiên thành của gia tô giáo, nên không khỏi đem cái thành-kiến về tôn-giáo mà ứng dụng vào lý-luận nghệ-thuật. Trong các nhà khoa-học gần đây, ta cũng thấy có người rất thành-thực công-nhận sự liên-quan mật thiết giữa đạo đức và nghệ-thuật, dù rằng họ đối với đạo-đức, thật ra cũng chẳng bị thúc-giục bởi thành-kiến gì. Nhà tâm lý học phê bình nước Anh là Richards (Nhuê-già-tử) chính là đại biểu cho phái ấy. Theo ý Richards, người ta sinh ra vốn tiềm tàng sẵn rất nhiều sức xung động tự nhiên (1) như thực dục, tình dục, danh dục, lợi dục, cùng những tình tự như thương xót, sợ hãi, vui sướng, sầu khổ. Nhưng xung động ấy thường thường xung đột với nhau, trong cuộc sinh hoạt thực tế hàng ngày. Nếu chúng ta muốn để cho một thứ xung động ấy tự nhiên thực-hiện, thì tất phải đè nén hoặc tiêu diệt hết thấy những xung động tương phản đi. Sự đè nén hoặc tiêu diệt ấy thật không phải là một hành động hợp với lý tưởng, bởi vì

(1) impulse

như thế tức là đã hao tổn một ít nhiều khả năng tinh của con người. Văn để đạo đức, tức là làm thế nào cho những sức xung-động tương-phản có thể điều hòa dung-hợp cùng phát-triển mà không trái-ngược nhau, tức là đem những xung động ấy tổ chức nên một hệ thống thích nghi hợp lý, để cho sự điều-hòa những xung-động và hứng-thú tương-phản đều đến được một mực tối-cao mà sự hao-tồn bởi đè-nén hay tiêu diệt giảm xuống mực tối thiểu. Với điều-kiện ấy, hoạt động càng rộng-rãi, càng phức-tạp, những sức xung động càng tự-do, càng không gặp sức trở ngại, thì sinh mạng ta càng trở nên phong-phú. Trong thế giới tưởng-tượng là lĩnh-vực của nghệ-thuật, hết thấy những sự hạn chế của đời sinh-hoạt thực-tế đều không tồn-tại nữa. Tuy những sức xung động tự nhiên cũng thường thường xung đột nhau, nhưng ta có thể đem tất cả thu xếp vào trong một hệ thống điều hòa, không cần đè nén hay tiêu diệt, một bộ-phận xung động này mới có thể kiềm cho bộ-phận xung động khác cơ hội để tự do phát triển. Richards lấy bi kịch làm bằng chứng, thương sót và sợ hãi là hai tình tự có đeo kèm hai thứ xung động tương phản. Xung động của tình thương-sốt là tìm đến, xung động của tình sợ hãi là lánh xa. Bi kịch cùng một lúc gọi ra lòng thương sót và sợ hãi, nên đã có thì cũng một lúc kiềm cho hai xung động tương phản cơ hội để tự do phát triển. Giá trị của một tác-phẩm về nghệ-thuật càng cao, thì sức xung động được điều hòa lại càng phức-tạp, nói cho rõ hơn, sức tưởng-tượng của nghệ thuật càng phong phú thì ý-nghĩa càng sâu xa. Một người nào nếu quả đã liễu-giải một cách chân-chính một tác-phẩm nghệ-thuật có giá-trị, tinh-tinh và tư-tưởng của người ấy tất nhiên trải nhiều cuộc biến cải. Một người, nếu sau khi đọc xong một

quyển sách hay quan thưởng một nghệ-thuật phẩm, mà so với lúc chưa đọc, chưa quan-thưởng, vẫn hoàn toàn như cũ, khi chắt vắn hoàn toàn không thay đổi, ta chỉ thấy có hai cách giải thích : nếu không là người ấy có chỗ khuyết-diểm, thì tất là quyển sách hay nghệ-thuật phẩm ấy có khuyết-diểm. Nên những người bảo rằng đạo-đức và văn-nghệ có thể phân-tách ra được, không những không hiểu đạo-đức, mà cũng chẳng hiểu văn-nghệ là gì.

Như vậy, đứng về phương diện nhân sinh triết-học mà quan sát, Platon và những nhà đại-sứ của Gia tô-giáo về trung thế kỷ chủ-trương dùng lý-trí để tiết chế bản năng và tình cảm ; chủ-nghĩa khổ-hạnh của Gia tô-giáo lại cho ngay bản-năng và tình cảm là nguồn gốc của những tội-ác, nên muốn đem bản năng và tình cảm tiêu-diệt hẳn đi. Từ đời văn nghệ phục hưng về sau, người ta mới dần dần gạt-bỏ chính sách áp-bức của chủ nghĩa khổ hạnh và tìm cách cho nhân sinh được tự do và tận lượng phát triển trong đủ mọi phương-diện. « Faust » của Goethe tức là kết-tinh phẩm của cái nhân-sinh-quan đó. Theo Richards thì người ta nếu muốn tận lượng phát triển những khả năng tinh, tất phải đi vào con đường văn-nghệ, vì chỉ ở trong văn-nghệ, những xung-động trái ngược nhau mới có đất điều hòa.

Trông ngược lại lịch sử một cách đơn-giản như vậy, chúng ta đã thấy văn để « liên quan giữa văn nghệ và đạo đức » tuy đã sản-sinh ra nhiều học-thuyết và đã làm ồn ào trong mấy ngàn năm, kết cục hiện nay cũng vẫn chưa có một câu kết-luận nào được người ta công nhận. Vậy những người lưu tâm đến văn để ấy, còn cần phải tìm-tòi, cân-nhắc, chứ không phải cứ nhắm mắt bài bác thuyết này, hay a-đua phụ-họa thuyết kia mà xong chuyện được. (Còn nữa)

Thi - ca và giáo - dục

1. — THI-CA KHÔNG VÔ-ÍCH, KHÔNG PHÙ-PHIẾM :

Trong tập thơ « Gửi Hương cho Gió », thi-sĩ Xuân-Diệu tự ví mình như :

*« ... con chim đến từ núi lạ,
Ngựa cồ hát chơi,*

*Khi gió sớm vào reo um khóm lá,
Khi trăng khuya lên ử mộng xanh
trời... »*

và tự cho mình là « bát vô ích » :

« Hát vô ích, thế mà chim vỡ cổ,

« Héo tím xanh cho qua độ tài tình

« Ca ánh sáng bao lần dây máu đỏ,

*« Rồi một ngày sa rụng giữa bình-
minh... »*

Đó chỉ là lời khiêm tốn của thi-sĩ, chứ Thi-nhân đâu có « bát vô ích » khi Thi-nhân « dào-dạt với âm thanh », khi Thi-nhân réo-rắt « trôi theo chiếc thuyền lòng », khi Thi-nhân :

« Sá chi những nỗi đoạn trường,

« Càng cay đắng lắm lại càng thanh cao ».

(Á Nam)

Thi-ca không vô ích, không phù-phẩm như người ta thường tưởng. Vô ích, phù-phẩm sao được, khi tự ngàn xưa, kể tiếp không ngừng những lớp sóng thi ca, từ ca dao đến thi-ca bác-học, hết thi-ca cổ điển đến thơ mới, rồi thi-ca Lãng-mạn, thi-ca Tượng-trung (Symbolisme) mượn vật chất mà biểu-lộ tâm tình kín đáo, — thi-ca Nhân-bản (Humanitarisme) phụng sự quyền lợi của nhân-loại, ca ngợi tình đoàn-kết của nhân loại, — thi ca Vị-lai (Futurisme) ca ngợi sức mạnh, ca ngợi máy móc, ca ngợi chiến-tranh ... Mỗi thể thi-ca noi theo một phương-diện nghệ-thuật, mỗi trào lưu thi-ca phụng sự một

lý-tưởng, thì thi-ca sao gọi là phù-phẩm-sao gọi là vô ích ? Nhà thi-hào Cổ-La Horace chẳng đã gán cho thi-ca cái thiên chức cao cả là dẫn đường chỉ lối cho loài người đề tiến tới Văn-minh sao ?

2. — THI-CA VÀ GIÁO-DỤC :

Thi ca giữ một địa-vị rất quan-trọng trong Giáo-dục. Đức Khổng-Tử, với Kinh Thi, đã muốn lấy thi ca để cải tạo con người, cải-tạo xã-hội. Xưa nay các bậc anh quân, có trọng đãi các thi-gia, cũng vì đã chú-trọng đặc-biệt đến thi ca để chấn dất tôi dân.

Giáo-dục diu dắt người ta noi theo cái Hay, cái Đẹp, thì cái Hay, cái Đẹp lý tưởng có thể tìm được ở trong thi ca. Thi ca hiến cho ta :

« Lời văn chuốt đẹp như sao băng,

« Khi văn hùng mạnh như mây chuyển.

« Êm như gió thoảng, tình như sương.

« Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết ».

(Tản Đà)

Giá-trị của thi ca thật cao, ảnh-hưởng của thi ca thật lớn !

Sở dĩ thi ca có ảnh hưởng, có giá-trị, trước hết là vì thi ca truyền bá được đạo-lý, truyền bá được tư-tưởng.

a) Thi-ca truyền-bá đạo-lý :

Theo quan-niệm cổ-diễn, thi ca Việt-Nam, nếu không phải toàn thệ, thì cũng một phần lớn, là lợi khi đề « chở đạo », đem các điều luân thường đạo-lý khuyên răn người đời, từ ca dao đến những tác-phẩm như Gia-huấn ca, Nhị độ Mai, Lục vân-Tiên ... qua những truyện ngụ-ngôn như Trê Cóc, Lục súc tranh công, Trình Thử ...

Thi ca nhắc cho người ta bốn phận ở mỗi địa-vị :

« Trai thì trung hiếu làm đầu.
« Gái thì tiết hạnh làm căn sửa mình ».

Lục-vân-Tiên

Bốn phận của thiếu-niên :

« Gái thì giữ việc trong nhà,
« Khi vào canh cử, khi ra thêu thùa;
« Trai thì đọc sách ngâm thơ,
« Dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa ».
(Ca dao)

Trong gia đình thì :

« Vợ chồng là nghĩa tao khang,
« Chồng hòa vợ thuận, nhà thường yên
vui ». (Ca dao)

Ra đời thì :

« Người đời muôn sự của chung,
« Hẹn nhau một tiếng anh hùng mà thôi ».
(Ca dao)

và phải :

« Nhiều điều phải lấy giá gương,
« Người trong một nước thì thương nhau
cùng ». (Ca dao)

Đã đánh nhà giáo - dục như Nguyễn đình Chiểu răn đời :

« Mới hay muôn sự ở đời,
« Hai người trời hại, cứu người trời
thương »

mà đến cả toàn truyện Kiều của thi - bá Nguyễn - Du, chứng minh thuyết « tài mệnh tương đồ », cũng kết luận :

« Thiện căn ở tại lòng ta,
« Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài »

b) Thi-ca truyền-bá tư-tưởng :

Có thi ca giáo - huấn dạy người ta những điều thường - thức cần được nhập tâm. Như muốn trừ sâu lúa thì làm thế nào ?

« Lúa sâu thì giống thi-thân,
« Muốn cho đỡ hại, phải cần trừ ngay.
« Ban đêm lấy chậu nước đầy,
« Đặt đèn giữa chậu để ngay quanh bờ.
« Thi-thân xum đến bay vo,
« Bay rơi xuống nước, bây giờ bắt chôn.
« Ấy là sâu lúa không còn »

(Ca-dao theo Ng. c. Huân)

Quyển « Đại - Nam quốc sử diễn ca » thuộc về loại thi ca giáo - huấn, dùng lời ca lục-bát mà ôn lại quốc-sử từ đời Hồng Bàng đến hết Hậu Lê.

Thi ca cốt truyền bá tư tưởng.

Nào khuyến nông :

« Mặt trời tang tảng rạng đông,
« Chàng ơi ! trở dậy ra đồng kẻo trưa.

« Phận hèn bao quản nắng mưa,
« Cày sâu, bừa kỹ, được mùa có phen »
(Ca dao)

nào ca ngợi tình bè bạn, lúc xum họp, lúc biệt ly, nhưng :

« Biết nhau trong chốn tình thần,
« Dầu xa non nước, vẫn gần tấc gang ». (Đông Hồ)

Đời danh lợi chẳng giống cảnh phù-du sao ?

« Khoảng trời đất cỏ kim, kim cỏ,
« Mảnh hình hài không có, có không,
« Lọ là thiên tử, vạn chung ! »

(Cao-bá-Quát)

vậy mà vẫn bao kẻ đua chen, đề đến nãi :

« Gót danh lợi bùn pha sắc xám,
« Mặt phong trần nắng dầm mây rầu »
(Cung oán)

Sao chẳng tìm cái thú điền viên :

« Điền viên là thú tiêu dao,
« Không danh lợi lắm, chẳng chiều lụy ai »
(Ca dao)

hay thú nhàn tản :

« Chèo vượt bóng trăng nhân lúc hừng.
« Buồm giương ngọn gió mặc cơn xiêu »
(Ng. bỉnh-Khiêm)

Ngày tháng trôi qua, tuổi xuân chóng tàn :

« Thong thả, chiều vàng thong thả lại ..

« Rồi đi ... Đêm xám tới dần dần...

« Cứ thế mà bay cho đến hết,

« Những ngày, những tháng, những mùa xuân » (Xuân-Diệu),

thi-sĩ không ngớt ca ngợi tuổi thanh-niên :

« Ôi thanh - niên ! người mang hết xuân thì,

« Hình ngực nở, nụ cười tươi, màu tóc láng ... » (Xuân-Diệu)

Thanh - niên phải lợi dụng cái tuổi xuân tươi thắm, dào-dạt nhựa sống, để tạo nên sự nghiệp :

« Đứng lên đi, tạo lập cuộc đời chung

« Chuyển tay sắt, quyết đồng tâm lay đổ

« Cả chế-độ hang tàn hay thống khổ,

« Và tị-hiền và gian dối, diều vong.

« Đứng lên đi, hỡi tuổi trẻ xung phong,

« Sóng tấn tiến đang gầm rung thế-giới » ;

(Tố-Hữu)

như thế không những là làm phận sự, mà còn

« ... có danh mà đối với núi sông »

(Ng. c. Trữ)

Giang sơn có nghiêng ngửa thì thi-nhân thổ-lộ những tiếc cùng thương :

« Trấn bắc hành cung cỏ dãi dầu,

« Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau ».

(Xuân Hương)

Độc lập, Tự-do của non sông có khôi phục được thì thi-sĩ ca vang và khuyến khích mọi con dân chen vai, thích cánh mà gìn giữ :

« Phải liều chết để gìn giữ nền độc lập,

« Và ò-ạt như mưa tuôn, bão táp,

« Dậy núi rừng động cả giang sơn.

« Một câu thề phát xuất từ toàn dân :

« Sống độc-lập hay là cùng tuyệt diệt ».

(Hằng Phương)

mà.

« Khi giới chúng ta là chính-nghĩa,

« Là lòng kiên quyết giữ non sông ;

« Bã thề một chết không lùi bước,

« Thống nhất giang sơn đất Lạc-Hồng »

(Đỗ-huy-Nhiệm)

Đề truyền bá tư-tưởng hay đạo-lý, dù giản-dị hay cao-siêu, có bài giảng nào có thể sánh kịp những lời thơ chuốt đẹp, lúc réo rất lâm ly, khi giọng giả hùng mạnh, khác nào những tiếng chuông cảnh tỉnh mà âm hưởng còn vang dội mãi trong tâm hồn người ta ? Mà nước nhà mấy ngàn năm văn-hiến, còn gì truyền lại nếu chẳng có những câu ca-dao rất phong-phú, dồi - dào, hay những thi - phẩm kết tinh quốc-hồn quốc - túy, mà người dân vẫn tụng niệm ?

c) Thi-ca và Nghệ-thuật :

Sở dĩ ảnh hưởng thi ca in sâu trong tâm hồn người ta cũng vì thi ca gồm cả các thể nghệ-thuật.

Muốn vui mắt, người ta xem tranh vẽ, chạm trổ ; muốn vui tai, người ta nghe, tiếng đàn, tiếng địch. Nhưng đây là một khúc nhạc réo-rất :

« Trong hoa, oanh riu-rít nhau,

« Suối tuôn réo rất chảy thâu xuống ghềnh » (Tỳ-bà)

hay rầm rộ :

« Đùng đùng gió giục, mây vùn,

« Một xe trong cõi hồng trần như bay » (Kiều)

hay nhẹ nhàng, hòa nhã :

« Buổi sớm gió đưa, trưa nắng đứng,

« Ban chiều mây hợp, tối trăng chơi »

(Xuân-Hương)

Thi ca là tranh vẽ. Đây một bức tranh linh động :

« Lá màn lay ngọn gió xuyên,
« Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước
rèm » (Chinh Phụ)

và một bức tranh tô màu :

« Long lanh đáy nước in trời,
« Thành xây khói biếc, non phơi bóng
vàng » (Kiều)

và một bức khác màu sắc đậm thanh :

« Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán,
« Trắng sóa tràng giang phẳng lặng tờ »
(Bà Huyện Thanh-Quan)

Tiếp đây là một bức sử-họa tả nông
nỗi người dân đất Quảng khi Trương
phúc.Loan chuyên quyền, gây nạn tàn sát :

« Tranh nhau mấy trận vào ra,
« Xương phơi trắng núi, máu hòa đỏ
sông » (Hoài nam khúc)

Thi ca còn thay thế cho điêu-khắc để
làm nổi hay cho lặn những đường cong :

« Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
« Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây »
(Chu Mạnh-Trình)

hay tạc tượng :

« Rõ màu trong ngọc trắng ngà,
« Dày-dày sẵn đúc một lòa thiên - nhiên »
(Kiều)

Thi ca chẳng những có thể xếp bên
các nghệ-thuật, mà còn trội hẳn lên, vì,
mềm rẻo, có thể tiến xa hơn và có thể
hòa hợp, chứa đựng các nghệ-thuật trong
âm thanh, cung điệu, màu sắc.

d) Thi-ca trau dồi ngôn - ngữ :

Muốn luyện về phép tu-từ, không gì
hơn là dựa vào thi ca. Lời dù giản-dị,
dù tân kỳ, thi nhân bao giờ cũng chuốt
cho óng đẹp.

Lời bình dị như câu :



Cảnh chùa Hương

« Vì hoa cho bướm bạc đầu,
« Vì mưa, vì gió, đề ngâu bận lòng »
(Ca dao)

Lời điệu luyện như câu :

« Mùi tục lụy, lười tè tán khô,
« Đường thế-dồ gót rỗ kỳ-khu » (Cung oán)

Về mỹ-tự pháp, nào dùng điển :

« Giấc Nam-kha khéo bất bình,
« Bềng con mắt dậy thấy mình tay
không » (Cung oán)

nào tỉ-lệ :

« Trong như tiếng hạc bay qua,
« Đục như nước suối mới sa nửa vơi »
(Kiều)

nào nhân-cách hóa :

« Gió tựa tường ngang, lưng gió phẳng,
« Trắng dòm cửa sổ, mắt trắng vuông »
(Ôn-như Hầu)

.....

Thi ca là một thứ ngôn ngữ đầy đủ. Đức Khổng-Tử có nói: « Bất học Thi vô di ngôn », nghĩa là chẳng học Thi thì chẳng biết đường nào mà nói. Thi ấy là Kinh Thi, mà cũng là các thi ca có giá trị. Thật vậy: người ta sinh ra là nhạc-sĩ, là ca-công; ngoài sự trao đổi ý tưởng bằng dấu hiệu, tiếng kêu, lời nói, người ta đã sớm biết phát lộ cảm-giác, tính tình, tư-tưởng bằng những câu có mạch-lạc, có âm hưởng, có tiết-tấu, khiến thi ca, từ ca dao đến những thi phẩm thuần túy như Chinh-Phụ, Cung-Oán, như Hoa-Tiêu, Đoàn trường Tàn thanh... là những kho tàng vô tận cho khoa tu-từ và ngôn ngữ tế-nhị...

d) Thi-ca thuần-hòa tình-cảm

Thi ca do lòng người cảm-súc với ngoại vật mà phát hiện ra. Thi ca biểu-lộ tình cảm, nên ảnh hưởng trực tiếp đến thất tình. Tình cảm mà đã được

rót vào lời thơ, là đã được lọc cho tinh khiết, thì người uống nguồn thi ca cũng được hưởng cái khí mát mẻ, nó làm dịu mọi thú tính, nếu còn sôi nổi trong huyết quản, mà tinh-thuần-hóa cả cái bản tính con người ta.

Nỗi đau đớn có mãnh liệt chẳng nữa thì cũng chỉ :

« Vật mình vẫy gió tuôn mưa,
« Dầm dề giọt ngọc, thân thơ hồn mai »
(Kiều)

Có giận đến đâu cũng chỉ :

« Tức gan riêng giận trời già » (Kiều)
để còn khiến ta cảm thấy :

« Êm ái chiều xuân tới khán đài,
« Lâng-lâng chẳng bận chút trần ai »
(Hồ-xuân-Hương)

Vậy thi ca có thể dạy được người vì thuần hòa được tình cảm, nhất là những cao-nhã-thi, thứ ngôn ngữ bất hủ của trào lòng, — hay những thiên anh-hùng ca làm cho người ta được sống oai hùng với những đấng siêu-nhân đã phát cò, giống trống đưa nhân-loại đến ánh nắng tươi xanh của Tự-Do, Bác-Ái.

Kết-luận — Với thi-ca, tình cảm được tinh thuần; ngôn-ngữ thêm phong phú và tươi sáng; với thi ca, Nghệ-thuật được tung ra những đường cong linh động, những màu sắc huy-hoàng, những âm thanh diễm tuyệt; với thi ca, Tư-Tưởng và Đạo-Lý đã ly-dị được bộ mặt nghiêm-nghị mà thay thế bằng những nét vui tươi, đầm-thắm thì lẽ nào thi ca chẳng phải chiếm một địa-vị ưu-thắng trong giáo-dục. Người ta đọc thơ, ngâm thơ mà thấy hồn thơ phảng phất, giọng thơ nhu ru, ấy là người ta đã cảm được phần nào cái tinh-hoa của Vũ-trụ, và cái Đẹp, cái Hay của Lý-tưởng vậy.

T.

Đính-chính

Trong bài luận thuyết « Văn-minh Nhật thời Minh-trị » đăng số báo trước (trang, 387 giòng 8) xin đọc là: « Dân chi phụ-mân ».

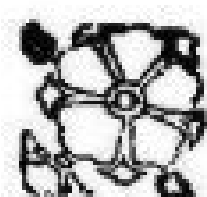


Trung-Thu

Chị Nguyệt đêm nay khéo điềm-tô,
Ờ ờ rày đã đến Trung-Thu.
Thiêm cung chói rạng lửa non Ngọc,
Thiên-lộ sáng ngời ánh đỉnh Vu.
Kìa bóng Minh-Hoàng vờ-vờ đầy,
Mà hồn Hậu-Nghệ lạc-loài đâu?
Biết ai mượn cánh mà lên đó,
Xem khúc Nghệ-thường thử thể mô.

Sài-gòn (1943)

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO



Mộng Vệ-Lan (1)

Canh khuya trần-trọc dạ bàng-hoàng,
Bén gối mơ-màng bóng Vệ-Lan.
Mặt ngọc ngày xưa còn rục-rỡ,
Vóc vàng buổi trước vẫn đoan-trang.
Nét hoa đã dượi sầu lai-láng,
Mây liễu đầm-đìa thảm chứa-chân.
Mở mắt mới hay là giấc mộng,
Lệ đầm thấm gối, trống lâu tan.

Sài-gòn, 16-3-1949

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

(1) Nữ-sĩ Vệ-Lan, tức là Nguyễn-phu-nhà



Mặt ngọc ngày xưa còn rực-rỡ...

Đêm thu ở Nam-Việt (1)

Thu lại thu qua khách dặm trường,
 Canh tàn sức tỉnh giấc tha-hương.
 Mịt-mù cánh nhạn tờ xa cách,
 Đòi đoạn tơ tầm dạ vắng-vương.
 Con gió lạnh - lòng sông Dịch-Thủy,
 Bóng trắng ai oán khúc Tâm - Dương.
 Xiết bao giọt lệ người thiên - cổ,
 Hoa cỏ non sông đắm hạt sương.

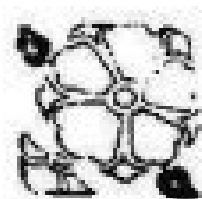
Tiến-sĩ, NGUYỄN-SĨ-GIÁC

(1) Bản báo lần lượt đăng ở đây ba bài thơ cảm thu nói về cảnh thu ở ba phần Nam, Trung, Bắc.

Chiều thu ở sông Hương

Há phải xa quê dạ vấn-vương,
 Một mình thơ-thần bến sông Hương.
 Ba sinh duyên nợ giòng lưu-thủy,
 Bốn mặt lâu đài bóng tịch-dương.
 Giở túi, mắt chưa mờ nét chữ,
 Trông gương, tóc đã nhuộm màu sương.
 Hồi đầu dăng sách mười năm trước,
 Tên họ còn ghi chốn Ngọc - đường.

Tiến-sĩ, NGUYỄN-SĨ-GIÁC



Kiếm - Hồ thu - cảm

Ngắm cảnh Hồ Gươm những ngẩn-ngơ,
 Lá vàng theo gió rụng như mưa.
 Đieu-đài bỏ vắng không câu cá,
 Thần-kiếm chìm sâu chỉ thấy rùa.
 Mặt đất bay tung luồng gió bụi,
 Đáy hồ ghi mãi chuyện hơn thua.
 Máy thu như vẽ màu kim - cổ,
 Ngắm cảnh Hồ Gươm những ngẩn-ngơ.

Hương-trì, VƯƠNG-THƯỜNG-LIÊN

Chuyện ngắn mùa thu**BÁNH MẶT TRĂNG**

« Là thi-sĩ, nghĩa là ru với gió,
 « Mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây,
 « Đề linh hồn ràng buộc bởi muôn dây;
 « Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến »

Ngả mình trên ghế xích-đu, dưới bóng cây hoàng-lan, Lê-Văn vừa ngâm nga mấy vần thơ kê trên, vừa ngắm đôi chim ría lông bên bờ hồ, trong ánh vàng trong-trẻo của buổi sớm mai.— Là một thi sĩ, Lê-Văn rất say mê nghệ-thuật, và ngày ngày chỉ mài-miệt viết văn.

Khi rỗi rãi ông thường đứng trước tủ sách xinh-xắn, chạm trổ tinh-vi, hết ngắm quyền này lại bày quyền khác. Ông thắc-mắc không biết nên xếp cuốn thơ này ở bên phải hay bên trái, cuốn văn nọ ở ngăn trên hay ngăn dưới, khiến gia-nhân thấy vậy cũng phải mỉm cười. Các bạn thân gọi đùa ông là « một sách »; vì nói chuyện với ai, Lê-Văn cũng chỉ ưa thảo-luận về văn chương hay khoa-học. Lúc đó, ông bàn-bạc thao-thao bất-tuyệt, hân hoan như kẻ bắt được vàng. Ông vẫn hằng nói : « Trên đời, chỉ có sách vở mới đáng quý ». Trung-trực, điềm-đạm và bác-ái, nên Lê-Văn được nhiều người quý mến— Muốn xem mặt nước lăn-tăn thành muôn ngàn tia sáng, ông cầm viên đá ném xuống hồ. Thấy động, đôi chim hốt-hoảng cất cánh bay; liền đó, bên dậu một tiếng cười ròn-rã nổi lên. Quay lại, ông gọi :

— Lộc, cháu sang đây chơi.

Ngoan-ngoãn, cậu bé cầm chiếc điều chạy qua cổng, tới bên Lê-Văn. Ông vuốt má Lộc, âu-yếm hỏi :

— Cháu đã ăn cơm sáng chưa?

— Thưa ông, nhà hết gạo, chị cháu còn đi vay. Cậu bé hồn-nhiên trả lời.

— Lần sau, cháu bảo chị sang lấy gạo bên này mà thôi. Đi vay làm gì.

Lộc ngây-thơ ;

— Nhưng chị cháu dặn không được nói với ai là đi vay gạo, phải bảo là đi có việc.

Động lòng trắc ẩn, Lê-Văn thở dài nhìn

Lộc. Trong năm vừa qua, thầy mẹ bé Lộc đã lần lượt từ trần, để lại hai con thân yêu, còn non dại. Minh, chị Lộc

năm nay vừa mười sáu, đã phải ngược xuôi để kiếm kế sinh nhai, và nuôi đứa em nhỏ. Thấy cảnh lân bang như vậy, Lê-Văn rất thương tình. Dù không lấy gì làm phong phú, ông cũng bớt tiêu đề sẵn sàng giúp đỡ láng giềng. Tuy nhiên, Minh có lòng tự ái, không muốn nhờ ai, nên vẫn tươi cười khoe với Lê-Văn là nhà cô ăn tiêu đầy đủ.

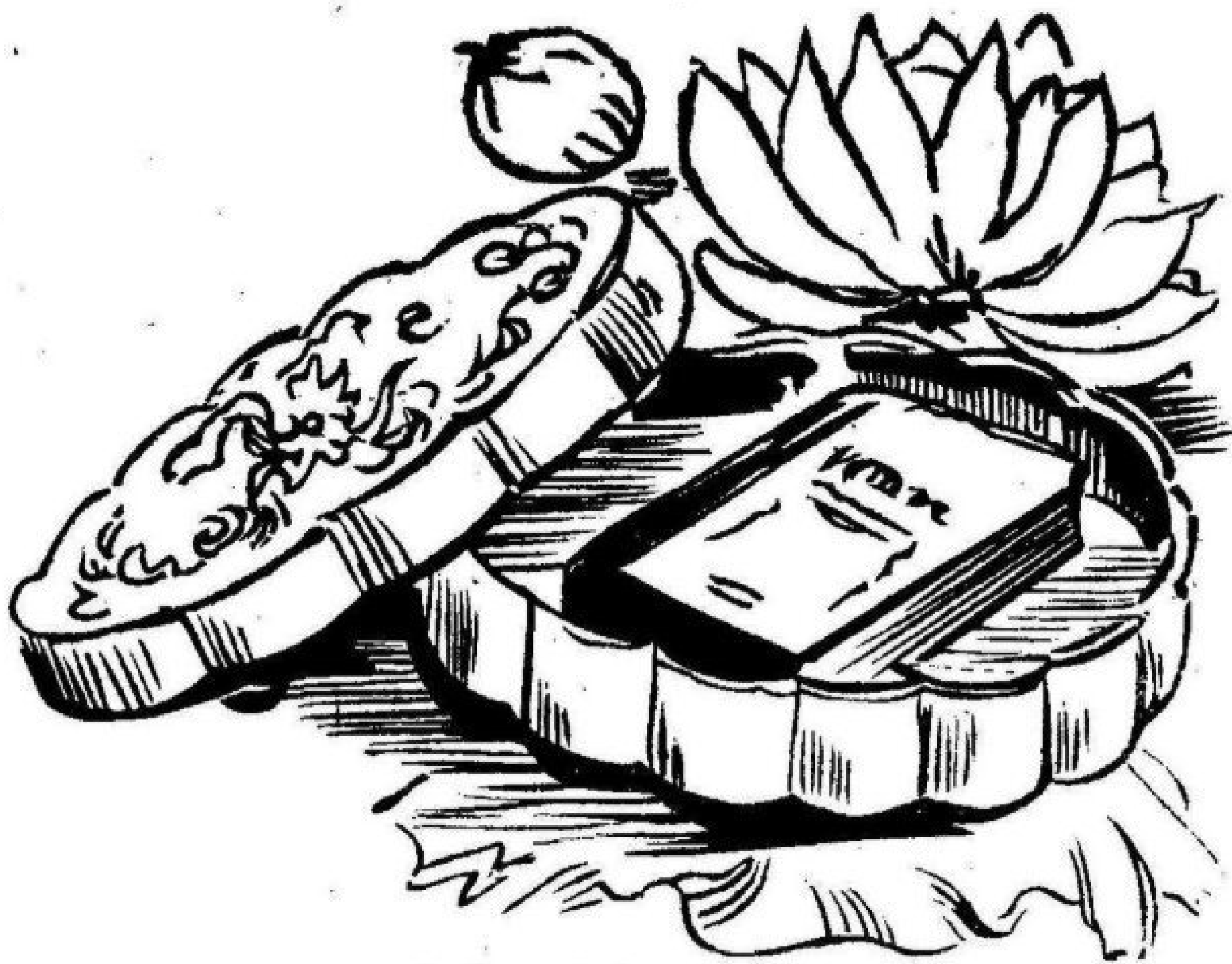
— Có phải hai hôm nữa đã là rằm tháng tám không, hử ông ? Tiếng hỏi trong trẻo của Lộc làm Lê-Văn giật mình.

— Phải, cháu ạ.

Lộc buồn-rầu :

— Thảo nào cháu thấy thẳng Tuất, thẳng Thanh bên hàng xóm, có bao nhiêu đèn xanh, đèn tím, lại cả bánh ông trăng nữa. Cái bánh mới to và đẹp làm sao !.. Cháu đòi mua, chị Minh chỉ rơm nước mắt bảo : « bao giờ có tiền, chị sẽ mua cho em thật nhiều ».

TUYẾT-NGÂN



Cuốn sách quý

Ôm bé Lộc vào lòng, ông ngậm ngùi thương-cảm cho số-phận hẩm-hiu của đứa bé thơ ngây...

∴

Từ phía đông, vầng trăng tỏa xuống thành phố một ánh sáng êm-dịu. Trên trời xanh biếc, không gợn tí mây đen. Càng lên cao, chị Hằng càng lộng-lẫy, vì đó là ngày rằm tháng tám...

Giữa sân nhà, bé Lộc tươi-cười, vừa nghiêng đầu, vừa lim-dim cặp mắt ngắm chiếc bánh mặt trăng, to lớn và trắng mịn, đặt trên mâm, gần chiếc đèn thềm thờ thấp nền sáng trưng. Rồi, Lộc cất tiếng hát trong-trẻo, theo nhịp vỗ tay :

« Ông giảng, ông giảng, ông giảng búi tóc ; ông khóc, ông cười, mười ông một cổ ; đánh nhau võ đầu »...

Nhìn em, Minh sung-sướng đến rơi lệ. Trong thâm tâm, nàng thầm cảm ơn Lê-Văn đã kén đáo mua quà tháng tám cho Lộc. Mới hay, cách tặng lắm khi còn quý hơn là vật tặng, khiến Minh không sao từ chối được.

∴

Hai tháng sau, Lê-Văn đang ngồi xem sách, bỗng Lộc chạy sang ôm chầm lấy ông, khóc nức nở. Ngạc-nhiên Lê-Văn dò :

— Cháu sao vậy, nín đi.

Liền đó, Minh theo sau một thiếu-phụ lịch-sự, bước vào. Cúi chào, Minh ngậm ngùi :

— Thưa ông, đây là bác cháu vừa ở Cao-Mên, tìm đón chúng cháu cùng về ở Saigon. Ngày hôm nay, cháu và em Lộc sẽ lên đường, nên sang chào ông và cảm ơn ông đã cho Lộc quà trong dịp tết Trung thu vừa rồi. Cứ-chỉ đó, cháu xin gởi lòng.

— Không, cô đừng nói vậy. Quà có đáng là bao

Tiếng Lộc nức lên, làm Lê-Văn phải cúi xuống dỗ dành. Lộc ôm chặt lấy cổ ông, nước mắt dàn-dụa :

— Cháu nhớ ông lắm ; bao giờ lại được gặp ông.

Minh cảm động, khẽ cúi đầu, đôi giọt lệ long-lanh trong khóe mắt.

∴

Năm năm sau...

Lê-Văn nằm trên ghế bành, đọc báo, bỗng ông chú ý tới mục quảng cáo :

—...« Tuần sau, sẽ bán đấu giá tại Saigon, nhiều-quý vật, cùng pho sách viết tay « Máy khảo-cứ về tâm-lý dân cày » của nhà văn-hào X.. Tiền bán được sẽ xúng vào quỹ cô-nhi-viện »

Ông đọc đi, đọc lại, còn ngờ là giấc chiêm bao... Biết bao năm trời tìm kiếm, mãi tới nay sự may-mắn ngẫu-nhiên mới đặt dưới mắt ông, nhan-đề cuốn sách độc nhất, mà ông vẫn hằng ước mong được đọc...

Vội thu xếp hành-lý, mang theo cả món tiền đã để dành từ lâu, ông đáp tàu vào Nam cho kịp ngày bán đấu giá.

Tới Sai-gon, trong khi chờ đợi, ông không quên tản bộ ngoài phố để ngắm xem các gian hàng sách. Bỗng, Lê Văn có cảm-tưởng như ai đang chú ý nhìn mình. Quay lại, ông bắt gặp cặp mắt trong xanh của một thiếu phụ xinh tươi, lịch-sự. Tiến lại, khách lạ lễ phép :

— Xin lỗi ông, có phải ông là thi sĩ Lê-Văn ?

— Thưa bà, vâng. Tôi trông bà quen lắm ; hình như đã gặp ở đâu, mà tôi không nhớ ra.

Thiếu-phụ cười ranh-mãnh :

— Thưa ông, tôi vẫn được xem ảnh ông trên các báo chí, nên nhớ rõ quý-danh... Xin lỗi ông, tôi hỏi khi tò mò ông vẫn ở ngôi nhà cũ của hai cụ để lại.

— Thưa bà, vâng. Sao bà biết ?

— Đó chỉ là sự tình cờ. Ông vào chơi đây, hay có việc gì ?

— Tôi vào mua pho sách : « Máy khảo-cứ về tâm lý dân cày » mà người ta sắp đem bán đấu giá tại Sài-thành

Thiếu-phụ vội cúi chào, rồi lạnh lện c c lên chiếc xe hơi lộng-lẫy đỗ gần

đó, để lại cho Lê-Văn một nỗi ngạc-nhiên vô hạn...

Ngày bán đấu giá đã tới nơi. Lê-Văn đến từ sớm, hội-hộp đợi chờ. Khi bán xong các quý vật, hồ-giá viên giơ cuốn sách khổ rộng, dày trên sáu trăm trang, tuyên bố :

— Đây là cuốn sách dự-thảo rất quý, do chính tay nhà văn hào X viết ra, đề khảo sát về « tâm lý dân cày » Ông đã từng nghiên cứu trong mười năm ròng, mới viết thành tác-phẩm bất hủ này. Hiện thời, soạn-giả đã qua đời, nên tôi đặt giá sáu ngàn đồng.

Lê - Văn

— Sáu ngàn rưỡi.

Một giọng cứng-cỏi tiếp :

— Bảy ngàn ba trăm.

— Tám ngàn.

— Tám ngàn rưỡi

— Chín ngàn.

Hai bên găng nhau, cho tới khi giá tăng đến vạn rưỡi. Lê-Văn toát mồ hôi, thầm nghĩ trong ví da, chỉ còn vền vền có vạn bảy, đành cứ liều giá cả, hết tiền sẽ tính sau. Ông tức giận nhìn người thanh-niên ngạo nghễ đứng góc phòng, giả tranh với mình. Như không để ý, người đó lại điềm-tĩnh lên tiếng :

— Vạn sáu

Lê Văn run lên :

— Vạn bảy.

— Hai vạn.

Khi hồ-giá viên kêu to :

— « Hai vạn, hai vạn, một, hai, ba », rồi đập búa xuống bàn để chấm dứt cuộc đấu giá, thì Lê-Văn tê-tái, tưởng chừng có người đánh vào đầu óc, khiến ông đàu-đón, choáng-váng, như người mất hồn, mồ hôi chảy ròng ròng trên trán. Mọi người chung quanh nhìn ông có vẻ ái-

ngại, thương tình... Thôi thế là hết, biết bao công trình mong mỏi đã trôi qua như nước chảy dưới cầu. Chợt một ý-nghĩ lướt qua trong trí, ông chạy theo thanh niên :

— Tôi rất cần dùng cuốn sách đó. Ông có thể cho tôi mượn chép, rồi xin hoàn lại ông cẩn thận, không dám sai lời. Ông muốn lấy thuê bao nhiêu, tôi xin trả...

Thanh niên cười, nói với vẻ giấu cợt :

— Ông nói lạ. Tôi cũng rất cần, không thể chiều ý ông được.

Năm-ni mãi, ông đành ôm mối thất vọng ra về, trước sự lạnh-nhạt của kẻ thắng thế, và con mắt tò mò của các khách mua hàng đứng đầy trong gian phòng náo-nhiệt...

Về Hà-thành, cả ngày Lê-Văn chỉ thờ vắn than dài, buồn bã như đã mất một bảo vật, quý nhất trên đời.. Mối hy-vọng tìm được cuốn sách, nay đã tiêu tán như mây khói, trong không trung tẻ-ngắt...

Một buổi sáng, Lê-Văn đang ngồi tả nỗi đau đớn bằng mấy vần thơ, bỗng có người gõ cửa, tiến vào bưng một bọc lớn đặt trên bàn, rồi lễ phép cúi chào, để vội vã ra về, khiến ông không kịp gọi lại, để hỏi han sự thể. Lấy làm lạ, Lê-Văn lại gần, và biết bao ngạc nhiên, khi thấy một chiếc bánh mặt trăng, to lớn, làm giả bằng gỗ, có nắp, ngoài bọc giấy trắng tinh... Mở xem, ông sung-sướng tưởng mình đứng trên mây từng mây, trong một giấc ảo-mộng huy-hoàng; vì rõ ràng dưới mắt ông, cuốn « Mấy khảo-cử về tâm lý dân cày » đương nằm gọn-ghe trong hộp, bên cạnh có gài chéo một tấm danh-thiếp lịch-sự, xinh xắn, với mấy hàng chữ :

« *Trân-trọng kính biểu vị ân-nhân, thi-sĩ Lê-Văn.*

Bà Minh ».

Lật đi, lật lại tấm thiếp, ông mong tìm thấy địa chỉ của chị em cậu Lộc, hai người láng giềng thuở trước, nhưng tuyệt nhiên chẳng nhận ra một dấu tích gì khác, ngoài lời gửi tặng.

Trông trăng lại nhớ...

MỖI năm cứ đến mùa thu, người ta lại đề ý đến trăng; nên tiếng trăng thu khiến người phải tưởng đến cảnh gió vàng hiu-hắt, dưới tấm gương nga lơ lửng giữa trời xanh.

Mùa thu là mùa mà ở phương Đông, có lẽ các mặc khách tao nhân ưa hơn các mùa khác kể cả mùa xuân. Vẫn hay rằng mùa xuân là mùa muôn hồng, nghìn tía đua tươi; nhưng trong cảnh-sắc đậm thắm,

có quá nhiều vẻ lộng lẫy, say sưa. Có lẽ cũng vì thế mà đối với người ưa gió mát, trăng trong, mùa xuân đầy nhựa sống phải ngậm ngùi nhường chỗ cho mùa thu tuy hơi buồn, nhưng mát dịu và trong trẻo.

Gặp tiết thu sang vừa nửa, người đã cảm được ngấm trăng sáng giữa trời xanh, trong khi làn gió mát thoảng qua, thực đã thấy cảnh hợp với người.

Ngắm trăng thu, người yêu trăng thu không khỏi vẫn vơ nghĩ đến người đã có ít nhiều duyên nợ với trăng thu.

Người mà cùng trăng thu đã hầu như đồng nhất thể, thì ai cũng biết là chị Hằng trong cung Quảng.

Tương truyền Hằng-Nga hay Thường-Nga là người có nhan sắc nát đá tan vàng. Chẳng thế mà hễ tả người đẹp đến chỗ tuyệt mỹ, văn-nhân không quên ví ngay với chị Hằng trong cung-nguyệt. Nàng là vợ Hậu-Nghệ, vua xứ Hữu-Cùng. Hậu-Nghệ có tài bắn cung xuất chúng, nên vẫn tự thị là vô địch trong khoảng đất trời. Trong thời Hậu-Nghệ và Thường-Nga, tiên tởi tục vẫn nhiều duyên nợ nên thời thường giao thiệp với nhau chứ không như đời khoa học bây giờ, không một bóng tiên dung nào tới gọi chút duyên kỳ-ngộ. Hậu-Nghệ được một vị kim-tiên cho thuốc trường sinh bất lão, nghĩa là thuốc uống vào thì thân-thể nhẹ bồng và sẽ cùng trời đất cùng giải lâu. Chẳng biết vì cớ gì, Hậu-Nghệ được thuốc tiên không uống ngay, lại đem giấu kín một nơi. Rồi cứ mãi mê chinh chiến : nay đánh chỗ này, mai dẹp chỗ kia, Thường-Nga ở nhà vò vố một mình, không khỏi thấy cõi lòng buồn tẻ. Không biết vì tò mò, hay nhân vì tìm tòi vật gì, mà nàng nhận thấy liều thuốc trường sinh của chồng. Chẳng như Hậu-Nghệ có thuốc quý cứ để dành, Thường-Nga liền uống ngay. Nàng thấy thần thái nhẹ nhàng, rồi cất mình lên cung trăng. Phần vì đã thành tiên, phần vì sợ chồng trị tội uống trộm thuốc, nàng đành lưu lại trong cung Quảng-Hàn để cùng trời cùng giải và để đêm đêm, nhất là đêm rằm tháng tám, nhìn xuống trần-gian xem những ảo cảnh xóa bày.

Hậu-Nghệ về nhà hỏi đến vợ, vợ đã đi mất, tìm đến thuốc, thuốc cũng đã biến đâu. Sau bao lâu dò hỏi, chàng mới biết Thường-Nga đương tiên giao trên cung

nguyệt. Cậy mình bắn giỏi, đêm đêm chàng đem cung tên bắn mặt trăng cho rơi xuống để vợ chàng cũng rơi theo. Nhưng trời cao lồng lộng, Hậu-Nghệ dẫu là tay thần tiễn cũng không bao giờ bắn tới nơi. Người mê tin lại còn thêm dệt thêm rằng : sở dĩ có nguyệt-thực là tại Hậu-Nghệ sau hóa ra gấu sung vào cung trăng bắt vợ ; nên trước kia hễ thấy nguyệt-thực thì dân quê thường gõ mõ khua mâm âm ỹ, dọa cho gấu chạy, để cứu người tiên-nữ xinh tươi khỏi nơi nanh vuốt.

Một thi-nhân vô danh, thấy Thường-Nga thành tiên bỏ nhà đi, không nghĩ gì đến chồng, nên tức thay cho Tiêu-lang, đã làm thơ trách nàng và trách luôn cả trời đã ngơ cho nàng được ở trong cung quế.

Bài thơ ấy phiên âm như sau :

*« Thường-Nga thiết được xuất nhân gian,
Tàng tại Thiềm-cung bất kiến hoàn.
Hậu-Nghệ vốn tâm vô mịch xứ,
Thù tri thiên thượng diệc chung gian ! »*

Xin tạm dịch nghĩa :

*Thường-Nga trộm thuốc trốn bay đi.
Ẩn tại Thiềm cung chẳng thấy về.
Hậu-Nghệ kiếm tìm thôi hết chỗ,
Ai ngờ trời cũng chứa gian phi !*

Một người nữa tương truyền cũng ở trong cung trăng là anh Cuội. Truyện của anh rất nhiều : mỗi nơi một khác. Nhưng tương truyền anh là người chiếm giải quán quân về khoa nói. Chẳng thế mà nói đến anh thì ôi thôi ! ai ai cũng tưởng ngay đến người đi nói dối cha, về nhà nói dối chú, Tư-cách anh như thế, mà anh cũng được ở trong cung trăng, dẫu chẳng được luôn luôn bên cạnh Hằng-Nga, thì ít ra cũng được nhìn vẻ đẹp nghiêng thành, đổ nước. Anh thực đã có diễm-phúc, khiến người đời có thể đố-ky với anh. Sự tích này là sự-tích ;

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa.

Cho trâu ăn lúa gọi cha ời ời.

Cha con cắt cỏ trên trời,

Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên.

Ông thì cầm bút cầm nghiên,

Ông thì cầm tiền đi chuộc lá đa.

Còn một sự tích khác ly kỳ hơn mà ít người nói đến, thiết tưởng nên kể ra đây dù có sai sự thực, thì cũng chỉ là một câu truyện xứng đáng với tiếng đồn của Cuội.

Ngày xưa, chẳng biết về thời đại nào và ở đâu, có hai anh em nhà kia gặp năm đói kém, lứt lọi phải giết nhau chèo thuyền đi kiếm ăn ở tận chỗ ngọn nguồn, lạch sông. Một hôm, người em tên là Cuội vào rừng hái quả ăn và kiếm củi bán, bắt gặp một con hồ con đương quánh quần bên hang đá. Vốn từ nhỏ ở nơi đồng bằng, nên anh không biết là hồ, tưởng đó là một giống chó bị lạc đường. Vì thèm thịt từ lâu, anh bắt lấy đem về thuyền cắt tiết làm lông. Vừa lúc anh sắp sửa đem thui thì người anh cũng đi kiếm ăn về. Người này vì từng trải hơn, nên nhận ngay ra là hồ, cả sợ bảo em:

— Chú không biết đây là cậu Ba-mươi à? Nay chú dám bắt cậu giết đi soi thịt, thì bà Ba-mươi sẽ báo thù ăn thịt lại chú. Bà có tai nghe, mắt thấy hàng mấy nghìn dặm kia đây. Bà về thấy mắt con sẽ biết ngay là chú đương nhấm thịt. Bà đến báo thù thì chú chỉ còn có cách chui vào bụng bà mà thôi.

Cuội sợ hãi, nói với anh:

—Việc đã lỡ, biết làm thế nào?

Người anh bảo:

— Bà Ba-Mươi tuy tài như thế song hễ chạm phải vật gì thì lại quên hết ý định. Chú vừa bắt cậu này về, chưa chắc bà ấy đã biết. Bây giờ có khi còn kịp cho chú đem cậu ta bỏ về chỗ cũ. Bà Ba-Mươi về thấy con như thế, cũng tưởng

là tai vạ gì xảy ra, chứ ngờ đâu có người đã giết đi để ăn thịt.

Cuội theo lời anh, đem bỏ hồ con ở cửa hang. Vừa lúc ấy, anh nghe thấy tiếng chũa sơn làm găm thét vang trời. Hồ mẹ về. Anh sợ hãi vội trèo lên gần mãi tận ngọn, một cây to gần đấy, rúc mình trong đám lá, để ẩn-nấp.

Hồ mẹ về thấy xác hồ con nằm ở cửa hang, thì ngửi ngửi hít hít mãi, rồi chợt đến một cây nhỏ gần đấy, giơ chân trước bứt nắm lá bỏ vào miệng nhai, rồi thận trọng đắp lên mình hồ con. Lạ thay, chỉ một lúc, hồ con bỗng cử động, rồi sống lại. Hồ mẹ tỏ vẻ yêu thương, rồi ung-dung lừa con, vào hang, như không có sự gì lạ đã xảy ra.

Những cử động ấy đều lọt vào mắt Cuội. Anh liền ở trên cây tụt xuống, chạy đến cây hồ vừa bứt lá cứu con, bẻ mấy cành đem về thuyền. Anh lấy một cành non ươm chấu còn đem phơi ở đầu thuyền cho khô và cất kỹ để dành.

Trên chiếc thuyền lênh đênh nay đây mai đó. Một hôm anh thấy trôi ở sông một con chó con đã chết. Con chó ấy rạt vào gần thuyền. Anh vớt lên lấy lá thuốc đã khô giã nhỏ, đắp lên mình. Chó sống lại, như hồ ngày trước. Con chó ấy quẩn quýt anh, hờn như hiểu biết, và coi anh là một ân-nhân.

Sự đói kém đã qua, Cuội cùng anh lần về quê hương.

Ở vùng anh ở, có một phú-ông chỉ có một người con gái, còn đão tơ, sen ngọc, nhưng nhan sắc đã xinh tươi. Một hôm người con gái ấy bị bạo bệnh. Phú-ông than khóc ước ai chữa khỏi sẽ cho cả con cả của.

Cũng hôm ấy, anh dắt chó đi chơi. Chó lon ton chạy trước, đưa anh đến tận nhà phú-ông. Thấy nhà rộn rịp và có tiếng khóc, anh vội thăm biết con gái phú-ông vừa chết. Động lòng trắc ẩn, anh

vào nói với phú-ông, xin cái tử hời sinh cho thiếu-nữ. Anh về nhà lấy lá cây cứu tử, già nhỏ đem theo, vì cây ấy nay đã được giồng ở vườn nhà anh. Theo phương pháp cũ, anh đã cứu được con gái phú-ông. Giữ lời hứa, phú-ông gả con gái cho anh và cho hai vợ chồng cả sản nghiệp; nhưng anh vẫn ở nhà cũ, chỉ sửa sang lại cho cao ráo, sạch sẽ, vì nhà ấy vườn có cây thuốc quý đã gây hạnh phúc cho anh.

Anh phong lưu rồi, nhưng bao giờ anh cũng chăm chút cây thuốc một cách đặc biệt. Lúc nào anh có việc phải xa nhà, anh đều dặn vợ trông nom cây đó.

Có lần anh đi vắng, về thấy vợ đã bị người lạ vừa giết chết. Vợ anh là con nhà giàu có, từ thuở bé không giữ tính tiết trinh, nên đã mua thù oán với nhiều người. Anh mừng về nhà vừa kịp để cứu vợ. Những kẻ đã đang tâm giết vợ anh, thấy nàng sống lại, càng thù ghét thêm.

Cách ít lâu, anh có việc phải xa nhà. Anh lại dặn vợ trông nom cây thuốc cho cẩn thận. Những kẻ thù lại rủ nhau đến giết chết vợ anh lần nữa. Lần này, chúng mổ bụng lấy ruột gan vứt đi. Anh về nhà thấy tình cảnh ấy, lấy làm chán ngán; vì người đã mất ruột gan, có sống lại cũng không ra người nữa. Anh ngồi sụt sùi khóc. Con chó của anh cứ quanh quẩn ở bên anh lúc sữa, lúc cào đất, hình như giục anh cứu vợ. Anh vô tình bảo nó: « Cô chủ mày đã mất ruột gan, tao còn cứu làm sao được. » Lạ thay, con chó hình như nghe hiểu nên gật lấy, gật để, tỏ ý bằng lòng. Anh liền mổ bụng chó lấy ruột gan cho vào bụng vợ rồi đắp thuốc; vợ anh lại sống lại. Anh mừng cho vợ anh đã sống, nhưng buồn cho chó của anh đã chết. Chợt một ý nghĩ lướt trong trí, anh bèn lấy đất thò nạn ruột gan chó, rồi cho vào bụng con vật và lấy thuốc đắp, thì chó liền sống lại. Nhưng từ đây vợ anh kém phần sắc sảo, vì ruột

gan của chó; và chó của anh cũng kém bề tinh khôn, vì ruột gan là đất.

Một lần nữa, anh lại có việc xa nhà. Lần này anh đi lâu hơn, vợ anh vì kém sắc sảo, nên quên cả tưới tắm, vun sỏi cây. Cái riu xưa nay anh vẫn dùng để vun sỏi cây, vợ anh đem mắc nó lên cành cây từ bao giờ, cũng chẳng nghĩ đem xuống để vun sỏi. Cây thuốc vì thế mà khô héo. Vợ anh lo sợ, nhưng không biết làm thế nào, đành ngồi ý ở gốc cây mong chồng về. Cây thuốc vốn là thần vật không chịu được sự uxtap của vợ anh, phải bật rễ mà bay thẳng lên trời. Vừa lúc ấy, anh về. Cán riu mắc ở cây còn thò xuống. Anh vội nắm lấy để co cây xuống; nhưng cây cứ lên cao tha cả anh cho tới khi đến cung trăng. Cái điểm đen hình cây ở trong mặt trăng mà người đời bảo là cây đa, tức là cây thuốc cứu tử của Cuội. Ở trong cung trăng tuy trường sinh và nhàn, tản, nhưng Cuội vẫn nhớ quê-hương nhớ nhà, nhớ vợ, nhớ cả con chó đáng thương... Rồi thì cứ năm năm, đến ngày rằm tháng tám, anh lại bứt lá thuốc vứt xuống trần, hòng vợ anh và chó của anh có chết lại được cứu sống. Nhưng tiên phạm cách biệt, lá thuốc anh vứt xuống bị gió đưa đi, rồi rơi xuống bể sâu mất tích.

Tục truyền, người trần mà lên được cung trăng rồi lại xuống, thì có vua Minh-Hoàng đời Đường bên Trung-quốc. Ai còn lạ gì Minh-Hoàng là một vị phong lưu thiên tử, nên những ước ao của ngài cũng khác thường... Thấy vua muốn lên nguyệt điện, một đạo sĩ có tài giữa đêm rằm tháng tám tinh nguyên đưa lên. Chẳng biết đạo-sĩ có đưa được lên cung trăng thực không, hay lại dùng ảo-thuật, ảo-cảnh để lừa dối; nhưng khi Minh-Hoàng hết mê tỉnh dậy, nói đã lên được cung trăng, thấy lầu các nguy nga có đề chữ « Quảng hàn thanh hử chi cung » và gặp các tiên-nữ xinh như mộng, múa

hát khúc « Nghê-thường vũ-y ». Minh-Hoàng nhập tâm khúc ấy, đem dạy Dương-Quý-Phi và cung nữ. Chỗ này đáng ngờ. Có chăng khúc ấy do Minh-Hoàng hay Dương-ngọc-Hoàn đặt ra, rồi nói dối như thể để thần tiên hóa khúc hát múa của mình đấy thôi. Chẳng biết khúc ấy như thế nào nhưng chắc hay lắm nên trong bài « Trường hậu ca » Bạch Cư-Dị cũng nói đến :

« Ngư-Dương cõ bề động địa lai,
Kinh phá nghê-thường vũ-y khúc ».

Âm tiếng trống Ngư-Dương kéo đến,
Khúc Nghê-thường tan biến như không.

Tân-Đà.

Nguyễn-khắc-Hiến

Vua Đường Minh-Hoàng bên Trung-Hoa, đã tha-thiết nghĩ đến cung trăng, đến đêm rằm tháng tám.

Vua Quang-Trung nước Việt-Nam, tuy không lên cung trăng, nhưng cũng đã đánh dấu ngày rằm tháng tám, bằng một sáng kiến, khiến trông trăng, ta lại nhớ tới Ngài.

Muốn cho quân lính theo mình đi đánh trận khỏi nhớ nhà, vua Quang-Trung đã cho quân lính trong giờ rỗi, họp nhau hát đối, một bên nam một bên giả nữ, gọi là *hát trống quân*.

Người anh hùng áo vải nay không còn nữa, nhưng lối hát của Ngài đặt ra còn thịnh hành trong dân gian về mỗi dịp trung thu.

Tiếng trống hát thi thùng dưới trăng phảng phất như tiếng trống trận ngày xưa, đã nhắc lại trong trí óc mọi người tất cả cái oai hùng của vua Quang-Trung trong trận « Đống Đa », một vị anh hùng cái thế đã cứu vãn non sông...

Kỳ-Hoa, NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

PHIẾM ĐÀM :

Bản báo vừa nhận được của Cụ cử Nam-Đán mấy bài phiếm-lạ, vậy xin đăng dưới đây, để bạn đọc cùng xem những nét phác họa của một nhà cự học.

L.T.S.

I

Danh thơm

MỘT người, lúc bình nhật có chơi với ba người bạn : Người thứ nhất rất là thân mật, như hình với ảnh không lúc nào rời ; người thứ hai cũng thân, nhưng vừa phải thôi.

Người thứ ba không ra thân cũng không ra sơ, thăm hỏi họ thì họ cũng thăm hỏi lại, không thì cũng thôi.

Một hôm, người kia có việc can phạm, phải ra tòa án, người kia mời cả ba người bạn đến và nhờ họ giúp đỡ hộ.

Người bạn thân thứ nhất nói : « bạn có việc gặp tôi đi giúp bạn là phải , tiếc vì hôm ấy tôi có việc cần lắm, không thể đi được ».

Người bạn thứ hai nhận nhời xin đi giúp. Người bạn thứ ba không hứa hẹn gì hết

Đền hôm ra trước tòa án, người bạn thứ hai tuy có ra đây, nhưng không những không giúp được việc gì, lại thốt ra những câu vô ý làm cho cử tọa chê cười.

Bây giờ người bạn thứ ba mới vào cực lực chống cãi cho người kia đủ các phương diện, quan Toà bèn xử cho đương sự trắng án.

Nói tóm lại, người ta ở thế gian có ba người bạn, thân nhất là bạn tiền bạc, thì lúc mình bỏ tay xuôi, bạn ấy bỏ mình trước nhất dù có ức triệu cũng không mang đi được đồng nào, bạn thứ hai như vợ con, anh em và các người quen thuộc, thì dù họ có thương xót mình, họ cũng chỉ đưa mình đến mộ, khóc lóc mấy tiếng rồi trở ra về. Duy lúc bình-sinh mình làm việc gì dù hay, hay dở trăm nghìn năm sau kỷ-niệm còn theo rồi mãi có khác gì người bạn giữ được thúi chung, dù xương có nát mà tiếng kia vẫn còn. Thế mới biết :

*Người ta cốt chuộng việc làm,
Bạc vàng, thân thích cỏi phạm ích chi!..
Trăm nghìn năm tiếm thị phi,
Xương kia dù nát truyện kia vẫn còn.*

II

Giữ dân

Chính loạn nước nguy, dân tình khốn khổ, không kêu đâu được, ai là người giữ nòi dân?

Giữ dân nghĩa là bảo vệ sinh mệnh tài sản cho dân. Thiên Khang-cáo nói : « như bảo xích tử, tâm thành cầu chi » (như giữ con đỏ, cần phải lòng thành), sách Mệnh-tử nói : « bảo dân nhi vượng, mạc chi năng ngự » (giữ dân mà trị, không gì ngăn nổi). Đó là phương pháp giữ dân, dân mà giữ được nước hẳn trị-an, sự cường-thịnh không sức mạnh nào đương nổi.

Những kẻ tàn dân để lợi lấy mình, thời thường cướp bóc sinh mệnh, tài sản của dân để thỏa lòng dục vọng của mình, thế mà muốn cho dân không oán giận thì làm sao được?

Thời đại đề chê, vua là tôn nhất ; chính thế quốc-gia, dân là trọng nhất. Cho nên chủ nghĩa dân chủ, không có điều tàn bạo, của

dân không bị ai bóc lột ; phạm người có chức trách giữ dân, nên chú trọng đền.

Gần đây, Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại dựng nên chính-phủ quốc-gia, nêu ra ba chữ « Dân vi quý ». Tâm lòng giữ dân thực đã rõ rệt đối với quốc dân và cả thế-giới. Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại chính là vị lãnh đạo sáng suốt bảo vệ quốc dân đó. Mong các nhà có chức trách, thế lòng nhân từ của Đức Quốc-Trưởng, bảo vệ lấy dân, đừng để cho dân điều tàn khốc hại như mấy năm trước, ngổ hầu dân tình thiếp phục, cả nước yêu vui, nền độc lập và thống nhất, chóng được thực hiện hoàn toàn vậy.

III

Tự-lập

Tự lập là gì ? Là tự mình lập lấy mình, không ỷ-lại vào người.

Cây tùng, cây bách, sừng sững đứng ở giữa trời, không sợ gió mưa lay động, những cây dây leo quấn vào cây tùng cây bách, là nhờ cây tùng cây bách mà sống. Phạm người biết tự lập, ấy là cây tùng cây bách, người không tự lập được, ấy là cây dây leo.

Sách Luận ngữ nói : khả dĩ cọng học, vị khả dĩ thích đạo, khả dĩ thích đạo, vị khả dĩ lập, nghĩa là có thể cùng học với nhau, chưa có thể cùng đến bậc đạo ; có thể cùng đến bậc đạo, chưa có thể cùng đứng được, như thế biết sự tự-lập là khó.

Người ta muốn tự lập, phải lập chí trước có lập chí mới lập được phẩm-cách, lập được phẩm cách mới lập được danh và lập được nghiệp. Người tự lập được thì ai cũng trọng, người không tự lập được thì ai cũng khinh, không những cá nhân đến nước cũng thế. Nếu mình không tự lập được mà trông cậy cả vào người để thành lập, sự thành lập đó chẳng có giá trị gì, mà có khi gieo hại nữa.

Nam-dân NGUYỄN-VĂN-BÌNH

Cử-nhân

Trăng rằm tháng tám

Tiết lành vừa độ nửa thu sang,
 Đêm mát trời treo một lấm gương.
 Mây bạc từng từng lón vẻ ngọc,
 Gió vàng lớp lớp dải màu sương.
 Gốc đa ngồi đó anh chàng Cuội,
 Cung quế nằm đâu chị ả Thường ?
 Ai biết phi-thăng nhờ hỏi họ :
 Cội tiên có chuộng khách văn - chương ?

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

Trăng trung-thu

Bày cô trông trăng khắp mọi nơi,
 Biết trăng chưa đã dễ bao người !
 Khuôn tròn rằm nọ tròn chưa thắm,
 Gương sáng đêm nay sáng tuyệt vời !
 Cung quế chị Hằng e-lệ nấp.
 Gốc đa thằng Cuội nhớn-nhờ ngồi.
 Càng già, càng tỏ, càng trong trắng,
 Ngó xuống trần-gian những nức cười !

Hồng-Thạch

ĐỖ HUY ĐAN

Đêm trung-thu trăng mờ cảm-hứng

Hốt nhiên kim-tịch hội,
 Khách giang-hồ ướm hỏi bạn cung nga.
 Giữa tiết thu, trăng tỏ muôn nhà,
 Đâu nữa dễ mây mờ bóng tỏ ?

Đương treo gương ngọc soi hoa cỏ,
 Sao kéo màn mây phủ nước non?
 Khiến cho ai tắc dạ bồn - chồn,
 Hồ cất chén, lại không buồn cạn chén.
 Rèm mây gió hỡi sao không vén,
 Đưa gương nga soi chén rượu nồng.
 Cùng ai tỏ mặt non sông.

HOÀI-QUANG

Tây-Hồ vọng-nguyệt

BÀI XƯƠNG

Hồ Tây sen hãy thoảng thơm rơi,
 Văng-vặc trăng thu cảnh quyến người.
 Khách dạo thuyền lan ngồi mặt nước,
 Ai đem văng ngọc rơi lưng trời.
 Đêm mười rằm sáng trăng không khuyết,
 Năm bốn nghìn xưa nước chứa vơi.
 Kim-cổ gương hồ trong suốt mãi,
 Thu về thêm tỏ ngậm-ngùi ai?

NGUYỄN-BÌNH-HỒ

BÀI HỌA

Long-lanh Hồ Bạc (1) lá vàng rơi,
 Thấp-thoáng kia ai bóng gheo người.
 Thỏ kiếm trâu vàng mò đáy nước,
 Khách yêu người ngọc ngắm phương trời.
 Chơi-vơi sóng gợn làn thu mát,
 Lấp-lánh gương lồng chén rượu vơi.
 Cất chén thêm say người với cảnh,
 Cung mây mặt nước động lòng ai?

HOÀI-QUANG

(1) Hồ Tây còn gọi là Hồ Lăng-Bạc

VỊNH SỬKinh - Dương - vương

Thông-minh lỗi-lạc giống thần tiên,
 Đức trị Viêm-bang tiếng thành hiền.
 Ngoài kết mối rặng miền bắc-địa,
 Trong mài nanh vuốt cỏi nam-thiên.
 Non sông sẵn đó vừa vâng chịu,
 Cơ nghiệp còn đây mới dựng lên.
 Trải bốn nghìn năm bao biến cải?
 Xa-thư một mối vẫn lưu-truyền.

Kỳ-Hoa

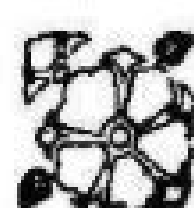
NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

Lạc - Long - quân

Tinh-anh nhóm lại giống tiên rồng,
 Thừa hưởng ngôi trời hiệu : « Lạc-Long ».
 Sân phúc xênh-xang trăm quý-tử,
 Bến Hoa rực-rỡ một lưu-hồng.
 Đã tin thủy hỏa chia non bể,
 Phải chọn hiền hào giữ núi sông.
 Hăm mấy triệu dân riêng đất nước,
 Công ơn gây dựng biết bao cùng.

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC





Khảo-cứu về tôn-giáo ở Ấn-độ

Trong lịch-sử nhân loại, tôn-giáo là một yếu tố quan trọng của mọi nền văn-hóa. Tại Ấn-độ, tầm-cách quan-trọng của nó lại càng rõ rệt hơn nữa. Tôn-giáo định những qui-tắc sống hằng ngày của dân chúng, nó chi-phối triết-lý, kinh-tế, giáo-dục, chính-trị... Chúng ta không thể hiểu qua lịch-sử Ấn-độ trong thời cận-đại và hiện-kim, nếu bỏ qua yếu-tố tôn giáo.

A. — Hai tôn-giáo chính của Ấn-Độ

Hiện nay, nước nào cũng có nhiều tôn-giáo cả ; ở Trung-Hoa, Việt-Nam, Nhật-Bản .. có tín-đồ Thiên-chúa-giáo, Hồi-giáo, thì ở Pháp, Đức cũng có tín-đồ Phật-giáo. Tại Ấn-độ, những tôn - giáo này đã tồn - tại cùng nhau : Do - Thái, Thiên - chúa - giáo ; Bái - hòa - giáo (Zoroastrisme) ; Phật-giáo (cả Tiểu-thừa lẫn Đại-thừa) ; Đạo giai-na (Djainisme), Hồi-giáo, Ấn-độ-giáo... Tôn-giáo nào cũng có nhiều tín-đồ cả (Ấn-độ có đến gần 400 triệu dân), song hai tôn-giáo quan-trọng nhất hẳn là Ấn-giáo và Hồi-giáo.

I. — Ấn-giáo

Ấn-giáo (Hindouisme) mà ra. Đó là một đa-thần-giáo phức tạp, có từ lâu. Trong giáo-lý của Ấn-giáo hai quan-niệm đáng đề ý là thuyết luân-hồi và hệ-thống giai-cấp.

a. — Những quyển kinh và những vị thần

Các tôn-giáo lớn đều có những quyển kinh soạn ngay lúc sinh thời của giáo-tổ hay về sau. Đạo Bà-la-môn cũng có những quyển kinh riêng mà người ta thường gọi là *Phệ-đã* (Véda). Những quyển chính là Rig Véda, Sama Véda, Yajur Véda, Atharva Véda... Về sau, các giáo-sĩ, các nhà bác-học có lúc giải-thích rộng cho tín-đồ để hiểu hơn, có lúc tóm tắt để kẻ dưng dễ nhớ hơn.

Theo những quyển kinh ấy và những quyển khác, tín-đồ nên thờ những thần nào? Ngày xưa, sử - gia Hy - Lạp *Hérodote* (sống vào khoảng 484 - 425 trước T. L.) cho rằng dân

Ai - cập có tín - ngưỡng mạnh nhất thế - giới. Nếu ta so sánh, có lẽ dân Ấn-độ ngày xưa không kém dân Ai-cập về phương diện tín ngưỡng. Thật vậy, tín-đồ Đạo Bà - la - môn thờ tất cả cái gì tìm thấy ở Ấn - độ : vật vô-tư, thực vật, động-vật, hiện-tượng thiên-nhiên. Thần có quyền - lực mệnh mệnh, nên có thần có nhiều mặt (như Brahma), để nhìn được nhiều nơi ; có thần có nhiều tay... Ba vị thần đáng đề ý (vì được thờ nhiều nhất) là *Brahma* (vị sáng-lập vũ-trụ), *Vichnu* (vị thần hiển) và *Siva* (vị thần ác)... Ba vị ấy tượng trưng cho ba giai đoạn của đời : sáng-tạo, giữ gìn và phá hoại.

NGUYỄN-HỮU-THỨ

Ngoài ba vị ấy, hẳn là còn vô-số thần khác, có lẽ đến hàng triệu !

B. — Thuyết luân-hồi

Theo Thiên-chúa-giáo, Thượng-đề sáng-tạo ra thế-giới và lấy đất sét làm ra loài người. Theo Đạo Bà-la-môn, thuyết khởi-nguyên như trong Thiên-chúa-giáo, không có. Trái lại, vũ-trụ tiền, thăng trầm, tiêu diệt mãi từ chu-kỳ này đến chu-kỳ kia, không khác gì đời sống của cây cỏ. Cây ở trong hạt mọc lên ; nó lớn, ra hoa, có trái, thành hạt, rồi cây lại mọc lên... Như thế thì sự bắt đầu ở đâu ?

Sự tiền-hóa ấy dựa theo thuyết nhân-quả. Mọi sự thay đổi đều có nguyên nhân riêng ; những nguyên-nhân này lại là kết-quả của nhiều nguyên-nhân khác. Như thế, cái gì phát xuất ra ở thế giới này đều là nguyên-nhân (đối với cái sau), vừa là kết quả (đối với cái trước). Vì sao có sự liên-lạc kỳ khôi ấy ? Người Ấn-độ cho rằng đời người ngắn qua, không đủ để ta nhận thấy phần thưởng hay sự trừng-phạt về hành-vi của ta được ; kẻ đời sau phải mang lấy ảnh-hưởng vậy.

Như thế, mỗi cử-chỉ, mỗi ngôn ngữ đều có ảnh-hưởng sâu xa, lâu bền cả. Những cử chỉ trong đời sống trần tục là « kết ma » hay « nghiệp » (Karma). Minh phải chịu sự trừng phạt hay hưởng phần thưởng về ngôn-ngữ, cử chỉ trong nghiệp trước. Ấy là Luật Kiết-ma (Loi du Karma).

Song muốn hiểu thuyết kiếp-sở ấy, cần phải hiểu thuyết luân-hồi (Métempsychose hay transmigration des âmes). Theo thuyết ấy, sau khi ta chết, hồn sẽ lìa xác để nhập vào một sinh-vật khác (thực vật, thú vật, người ở một giai cấp cao hay thấp). Hồn nhập vào sinh-vật nào ? Hẳn là tùy theo nghiệp trước. Nếu trong nghiệp trước, ta có nhiều cử-chỉ, ngôn ngữ tốt, hồn có quyền nhập vào sinh-vật có thể sống sung sướng, chẳng hạn người ở giai-cấp trên. Trái lại, nếu ta đã ác trong nghiệp trước, hồn phải nhập vào một sinh-vật bị đầy đọa... Ấy là tóm tắt của thuyết luân-hồi.

Xem đó trong đa số trường-hợp, đời là bề khổ, nên cần phải có sự giải thoát (moksha). Sở dĩ ta không thoát được bánh xe tiền-hóa là vì có dục vọng. Muốn thoát đời, phương-pháp giản-dị là đừng có dục vọng. Cho nên, tín-đồ Ấn-độ-giáo lúc vào đền là để cầu nguyện làm sao tránh khỏi dục-vọng, tránh khỏi mọi sự hoạt động do nó mà có ; trái lại tín-đồ các tôn giáo khác phần nhiều xin Thần, Thánh giúp cho thành công trong mọi hoạt động.

c. — Hệ-thống giai-cấp

Hệ-thống giai-cấp (système des castes) có thể xem như một hệ-luận của thuyết luân-hồi mà thôi.

Việc chia ra giai-cấp là một cử chỉ của Thần để thưởng những ai đã làm điều lành trong nghiệp trước, phạt những ai đã làm điều ác.

Sở giai-cấp ở Ấn-độ bao giờ cũng nhiều lắm. Nhắc nhớ đến Đạo Bà-la-môn, người ta thường nói rằng xã-hội Ấn-độ chia ra bốn giai-cấp chính, theo thứ tự từ trên là : Tăng lữ Bà-la-môn (*Brahmanes*) ; quân-nhân (*Kshatriyas*) ; tự do và thương-gia (*vaisyas*) ; lao động (*sudras*). Dưới cùng của xã-hội, đứng ngoài các giai-cấp là hạng cùng đinh (*parias*). Mỗi người có những qui tắc sống (*dharma*) riêng. Người trong giai cấp mới có thể giao-thiệp cùng nhau, liên lạc với người thuộc một giai-cấp khác là một lỗi rất lớn, làm cho tội-nhân trở nên một cùng đinh.

Ngày nay, hệ-thống giai-cấp biến thế ít nhiều. Trên vẫn là giai-cấp tăng lữ Ấn-giáo ; dưới cùng vẫn là hạng cùng-đinh, lập thành giai-cấp những người không nên mớ đến (*Intouchables*), càng ngày càng nhiều. Giữa hai thái-cực là trên ba nghìn giai-cấp, tức là những nghiệp đoàn. Những qui-tắc sống không khe khắt như cũ nữa.

II. — Hồi-giáo

Đạo Bà-la-môn là một tôn-giáo phát xuất ở Ấn-độ, có lẽ từ lúc nước này được thành-lập, nghĩa là trên một chục thế-kỷ trước T.L. Trái lại, Hồi-giáo (Mahométisme hay Islamisme) là một tôn-giáo phát-xuất ở Cận-Đông, vào thế kỷ thứ bảy sau T.L. Nhưng vì sao ngày nay có gần đến 100 triệu tín-đồ Hồi-giáo ở Ấn-độ? Muốn hiểu rõ việc này, cần phải biết qua giáo-lý và vị sáng-lập tôn-giáo ấy.

a. — Hồi-tử: Mahomet

Người sáng lập ra Hồi-giáo là *Ahmed*, mà người ta thường gọi là *Mahomet*, sinh vào khoảng 570 sau T.L. tại La Mecque, nay là thủ-đô Hồi-giáo. Cha mẹ sống trong một gia-đình tầm thường. Mahomet lúc lớn lên phải làm nghề bưng dẫn các đoàn lữ-hành qua các sa mạc. Về sau, Mahomet vào giúp việc cho một quả-phụ tên *Kadija*, rồi cưới bà ấy, và nhờ thế trở nên giàu có. Trong lúc còn đi qua các sa-mạc miền Cận-đông, Mahomet thấy những ảo tưởng như nghe lời của *Thánh Gabriel* (một nhân-vật trong Thánh-kinh Thiên-chúa giáo) dạy. Lầy vợ lúc 25 tuổi, sống đời nhàn trong 15 năm, Mahomet thường thổ-lộ sự ám-ảnh của mình cho gia-đình nghe. Một hôm, Mahomet lại nói cho mọi người biết rằng mình là bậc truyền giáo tiên-tri của Thượng-Đề *Allah* phái xuống, cũng như trước kia *Jésus* đã nói với dân miền Ba-lê-tinh (Palestine). Dân ở La Mecque không tin và còn ngược đãi nữa, nên Mahomet phải chạy đến *Mé-dine*, ở phía Bắc và cũng ở trên miền duyên Hồng-hải. Đó là việc đã xảy ra năm 622, năm bắt đầu của Kỷ-nguyên Hồi-giáo (1). Ở chỗ lạ, số tín-đồ tăng dần và nhanh. Bảy năm sau, thấy đủ lực lượng, Mahomet dẫn tín-đồ, dùng vũ-lực để chinh-phục lại La Mecque; ai không theo tôn giáo mới sẽ bị giết.

Nhờ phương-pháp ấy, Hồi quân chinh-phục dần miền Trung-Đông (Lưỡng-hà-Châu, Ba-Tur), Cận-đông, Ai-cập, Bắc-phi, vượt

qua Châu Âu và nhằm Ba-lê thắng tiên, Nhưng, năm 732, một người Pháp là *Charles Mar'el* (689-741) chặn được cuộc Bắc-tiến của Hồi-quân ở gần *Poitiers* (lưu-vực Sông Loire của Pháp).

Về phía Đông, Hồi-giáo bành-trướng chậm hơn. Mãi đến thế-kỷ thứ mười, Hồi-quân mới bắt đầu tràn qua Ấn-độ, dần dần chinh-phục lưu-vực Ấn-độ-giang (Indus) và lưu-vực Hằng-hà (Gange).

b. — Giáo-lý của Mahomet

Hồi-giáo là một tôn giáo sinh sau đẻ muộn, nên chịu ảnh-hưởng của những tôn-giáo đã có. Tại miền Trung Đông, Cận-Đông (nhất là miền này), Do-thái-giáo và Thiên chúa giáo đã bành-trướng mạnh. Những miền chưa chịu ảnh hưởng của hai nhất-thần-giáo ấy vẫn còn theo những đa-thần-giáo phức-tạp. Mahomet muốn thực hiện một cuộc cải-cách tôn-giáo theo chiều nhất thần giáo, không thể bỏ qua Do-thái-giáo và Thiên-chúa giáo. Vì vậy, trong giáo lý của Mahomet, những vết-tích của hai tôn-giáo kia còn nhiều lắm. Đây là những bằng chứng:

1') Thượng-Đề-Hồi-giáo chỉ thừa nhận có một Thượng-đề, ấy là Allah (Trong Do-thái-giáo, là Jéhovah; trong Thiên-chúa-giáo là Dieu).

2') Thánh-kinh — Thánh-kinh (Coran hay Qoran) của Hồi-giáo thừa nhận sự tồn tại của Cựu ước, Tân ước (Ancien Testament, Nouveun Testament) song cho rằng trong các quyển ấy, lời Chúa bị xuyên-tạc; chỉ quyển « Coran » mới đúng với ý của Thượng-đề.

3.) Các bậc tiên-tri truyền giáo. — Hồi-giáo không phủ nhận giá trị của *Jésus*, của *Moise* (trong Do-thái-giáo), mà cho rằng từ lúc

(1) Vậy thì năm nay là 1952 - 622 - 1330 Hồi lịch, cũng như đối với Phật-lịch là 2515, vì tín-đồ tôn-giáo này cho rằng kỷ-nguyên Phật-giáo bắt đầu năm 563 trước T.L.

khải thiên lập-dịa đền nay, có đền sáu vị « đặc sứ » của Thượng-đề ở trần gian. Ấy là : Adam, Noé, Abraham, Moïse, Jésus và Mahomet.

40 Bản án cuối cùng (jugement dernier). Hồi-giao cũng cho rằng có lúc thề-giới cùng tận ; lúc bấy giờ, Thượng-Đề tuyên bản-án cuối cùng để cho ai lên thiên-đàng (Jardin d'Allah), bắt ai phải xuống địa-ngục (như trong Thiên-chúa-giáo).

50 Thuyết tiên-định (prédestination). Đó là quyền tối cao của Thượng-đề (như trong Thiên-chúa-giáo)...

Có phải vì thế mà Hồi-giáo không khác Thiên - chúa - giáo chăng ? Những điểm mà người ta gọi là « Sáu điều tin » (Six articles de foi) — trên đây mới năm thôi, có giống với giáo-lý của Jésus nhiều ; song có một vài nguyên-lý trong Hồi-giáo làm cho tôn-giáo này khác Thiên-chúa-giáo lắm. Một, vài nguyên-lý đáng để ý là :

1°) Tôn trọng chế-độ đa thê — Mỗi người có thể có đến bốn vợ. Nhiều học giả (như Hendrik van Loon trong quyển « Nhân loại sử ». (Histoire de l'Humanité) cho rằng sở dĩ Mahomet đặt nhiệm vụ này cho tín đồ là vì lúc bấy giờ lắm đàn ông chết về chiến tranh, số đàn bà thừa nhiều ; vì cần giải quyết một vấn đề xã-hội, nên Mahomet làm thế. Dẫu sao, Hồi-giáo khác Thiên-chúa-giáo về điểm đa thê.

2°) Chiến đấu chống kẻ cự giáo. — Đó là một chiến tranh thiêng-liêng (Jihad). Mahomet hứa rằng ai bỏ mình trong việc này sẽ lên thẳng thiên-đàng. Như thế, Hồi giáo không khuyên người rộng lòng từ bi, bác ái. Vì sao lại có thứ « chiến-tranh thiêng-liêng » này ? Có lẽ chỉ vì Mahomet lúc đầu gặp nhiều gian-lao nên đã dùng vũ-lực để chinh phục và truyền-giáo.

Đôi với Ấn-giáo, hẳn là Hồi-giáo khác ở nhiều nơi, điểm làm cho tín-đồ hai tôn-giáo không đồng ý hơn cả, là về loài bò. Ấn-giáo, vì thuyết luân hồi, trọng thú vật cũng như

người ; trong loài vật, bò chiếm một địa-vị đặc biệt : cái gì về nó (kể cả phân, đều đáng trọng, dân chúng không bao giờ giết nó. Trái lại, tín-đồ Hồi-giáo có nhiệm-vụ làm « Lễ Bò » (Bakr'id) một lễ hiệu sinh hằng năm, trong đó có giết một hay nhiều bò.

Như thế, ta có thể nói rằng hai tôn-giáo chính của Ấn-độ khác nhau ở nhiều chỗ, và Hồi-giáo có một « sinh lực » đặc biệt.

B. — Tôn-giáo và xã-hội

I. — Trên con đường giành độc-lập

Năm 1498, Vasco de Gama (1469-1524), người Bồ-đào-nha, đi vòng mũi Hảo-Vọng (Nam Phi), rồi đến Ấn-độ. Gama đem nhiều hàng hóa đi về. Sự liên lạc giữa Âu-châu với Ấn-độ được nối lại từ đây.

Rồi người Hòa-lan, người Pháp, người Anh tiếp tục nhau đến buôn bán với người bản xứ. J. F. Dupleix (1696-1763) muốn chinh phục cả Ấn-độ, lập một đế-quốc tốt cho Pháp. Song, người Anh dùng mưu mô cạnh tranh với người Pháp (chỉ để người Pháp ở năm đô-thị nhỏ), rồi dần dần chinh phục cả Ấn-độ ; việc ấy được hoàn thành vào khoảng giữa thế-kỷ trước đây. Lúc đầu, công việc cai-trị thuộc về công-ty tư (Công-ty Ấn-độ). Về sau, Chính-phủ Anh can thiệp để trực tiếp cai trị cả Ấn-độ theo chế độ thuộc-địa.

Nhưng, người Anh chưa yên thân. Năm 1857, lính bản xứ (cipayes) khởi nghĩa. Sở dĩ cuộc khởi nghĩa này không thành công là vì dân Ấn chưa nhất trí.

Vào khoảng 1885, một số trí thức Ấn-độ (theo Ấn-giáo) và một số người Anh thân Ấn như A. O. Hume, W. Wedderburn lập Đảng Quốc-Hội (Parti du Congrès). Sở dĩ có tên « Quốc-hội », là vì hàng năm các đảng viên họp hội-ngọ (mà người ta quen gọi là Quốc-Hội) để tỏ những trần-tình về kinh-tế, về chính trị. Lúc đầu, các tín-đồ Hồi-giáo còn dè dặt. Năm 1904, Aga Khan mới kéo một số hợp tác. Hai năm sau, Liên đoàn Hồi-

giáo ở Ấn (All India Moslem League) được thành lập. Nhưng sự nhất trí vẫn không có. Tín đồ của hai tôn-giáo lớn thường cạnh tranh, xung đột nữa là khác. Người Anh hiểu thế nên đã lợi dụng sự xung đột, để cai trị vững trong nhiều giai-đoạn khó khăn như trong trận Đại-chiến thứ nhất 1914-1918. Và lại, chính những đảng-viên Quốc-hội cũng không hoàn toàn đồng ý cùng nhau, kẻ muốn yên hòa, người có thái độ quá khích hơn. Tượng trưng cho thái độ quá khích, không khinh thường phương pháp vũ lực là Jawaharlal Nehru, Thủ-tướng hiện giờ của Ấn-quốc. Vì sống trong khung cảnh Ấn-độ, nhà lãnh tụ này có lẽ vẫn theo Ấn-giáo song Nehru đã hấp thụ văn-minh Âu-Mỹ nên thiên về chủ-nghĩa xã-hội. Song, lúc bấy giờ, người có uy tín hơn cả là Mohandas Karamchand Gandhi mà người ta thường gọi là Mahatma (Đại-linh) Gandhi (1869-1948).^{*} Vì này lại theo ngành khe khát của Đạo Bà-la-môn, tức là Đạo Giai-na (Djainisme). Ấn giáo, Giai-na-giáo, Phật-giáo đều ở Đạo Bà-la-môn mà ra, và ba ngành đều chủ trương bất sát, bất bạo-động (Ahimsa). Như thế, Gandhi chỉ có thể chủ-trương phương tiện tranh đấu lấy tên là Satyâgraha. Người Âu dịch nó ra chữ « kháng chiến thụ động » (résistance passive). Thật ra, đó là nguyện vọng đi đến Chân-lý, Bình-đẳng, Chính nghĩa bằng những phương tiện hòa bình. Những phương pháp thường dùng là bất hợp tác (non coopération), bất tuân dân sự (désobéissance civile)...

Dẫu sao, phương pháp chiến đấu của Gandhi đơm màu tôn-giáo, và những sự xích mích giữa hai tôn giáo lớn đã làm cho người Anh ít gặp trở lực lớn lao trong việc cai trị Ấn-độ.

Đại chiến thứ hai, 1939-1945, xảy ra. Người Anh lâm nguy, cần dùng sự ủng hộ của Đê-quốc, nên phải hứa hẹn nhiều, phải nhượng bộ. Tinh thần dân chúng, dẫu là ở

Ấn-độ, khác trước nhiều. Vậy thì nền độc-lập không thành văn đề nữa. Một văn đề khác, không kém quan trọng, được đặt ra :- Văn đề thống nhất.

II. — Việc thành-lập Ấn-quốc và Hồi-quốc

Vào khoảng tháng sáu năm 1940. Anh trải qua một giai đoạn u ám nhất của lịch-sử nước ấy. Ngày 8-8-1940, để hợp với trào lưu tiền triễn của nhân loại, Thủ tướng W. Churchill tuyên bố rằng Ấn-độ sẽ định đoạt lấy số mệnh của mình sau này. Lãnh tụ Hồi-giáo là Jinnah tỏ ý muốn lập một Hồi-quốc độc-lập. Gandhi, Néhrú nhất quyết muốn giữ thống nhất của Ấn-độ.

Sau khi lên cầm quyền, Thủ tướng Clément Attlee, ngày 22-2-1947, tuyên bố rằng Anh sẽ trao trả các chính phủ Ấn tất cả những gì mà Anh còn giữ. Hạn cuối cùng là tháng sáu năm 1948. Nhưng « các chính phủ » Ấn vẫn chưa thành hình, và các lãnh tụ hình như khó lòng thỏa thuận về việc chia sơn hà. Lúc bấy giờ, Huân tước Mountbatten (1) được cử làm Phó-Vương Ấn. Huân tước phải giải quyết xong văn đề Ấn-độ trước ngày 15-8-1947.

Nhờ tài của mình, nhờ quen biết các lãnh tụ chính-trị, Mountbatten đã đạt được nhiều kết quả. Thượng tuần tháng sáu năm 1947, Huân-tước trao cho các lãnh tụ Ấn-độ dự án chia nước ấy. Các tiểu vương, rồi các đại diện Hồi-giáo, Ấn-độ giáo chấp thuận chương trình ấy. Từ nay, Ấn độ chia làm nhiều quốc-gia trong đó có Ấn-quốc, Hồi quốc, Tích-lan, Népal, Bhoutan... Những miền nào mà tín-đồ Hồi-giáo chiếm đa số sẽ thuộc về Hồi-quốc. Hồi-quốc rộng gần 1 triệu

1) Tức là Hoàng-thân Louis Battenberg, (sinh năm 1900), Quận-công Miến điện, giữ chức Tổng-tư-lệnh Đồng-minh ở Đông-nam Á-châu trong trận 1939-1945; cậu là cha nuôi của Hoàng-tế Quận-công Edimburg (chồng của Elizabeth II).

km² và có trên 70 triệu dân. Nước này lấy tên là Pakistan Tây và Đông; Tây, gồm có Pendjab những tỉnh Tây-Bắc trước kia thuộc A-phú-hãn (Afghanistan), Kashemir, Sindh, Belouchistan (nhân đó có những chữ P.A.K. S.T.A.N. rồi Pakistan); Đông, có miền Bengale, Assam (trước kia, tín đồ Hồi-giáo chinh phục lưu vực Ấn-độ-giang và lưu vực Hằng-Hà).

Ấn-quốc (Hindoustan) rộng gần ba triệu km² với 340 triệu dân.

Người Anh rút lui, trao trả các cơ quan cho người bản xứ. Thế nhưng vấn đề vẫn chưa giải quyết hoàn toàn. Tại miền Kashemir, đa số dân chúng vẫn theo Hồi-giáo thật, song có một số lớn không muốn sát nhập miền này vào Hồi-quốc. Tại đây cũng như tại nhiều nơi khác, cảnh tượng tàn xảy ra giữa những người Ấn theo Hồi-giáo và theo Ấn-giáo. Gandhi phải tuyệt thực mấy lần mới tạm yên. Song Gandhi ngày 30-1-1948 bị hai kẻ quá khích tên Nathuran Vinayak Godse và Narayan Dathatriya Apte hạ sát. Thành thử vấn đề Kashmir vẫn chưa giải quyết được, cho đến nay cũng vậy.

Dẫu sao, tuy gồm những giống người như nhau song theo những tôn-giáo khác nhau, các quốc-gia Ấn-độ theo các con đường tiến hóa riêng.

* *

Sau Đại chiến 1939-1945, trong thế giới thành lập hai khối rõ ràng: Cộng-sản và chống Cộng-sản. Có nhiều nước không vào trong hai khối này, như Ấn-độ, Nam-dương, Diên-điện, nhiều quốc-gia theo Hồi-giáo... Người ta nhận xét rằng phần nhiều cá nước này đều mới thoát ách nô lệ (theo đủ các thể). Tại nhiều nước này, chủ-nghĩa xã hội bành trướng mạnh. Vừa rồi, từ ngày 25 đến ngày 30 tháng ba năm 1952, đại biểu đảng xã-hội của các nước Đông-nam Á-châu là Ấn-quốc, Diên-điện, Nam-dương họp tại Nhũ-đô Rangoon (Diên-điện) để thảo luận

tập trường đối với thời cục. Các đại biểu (theo các đài pháp thanh, các báo) công kích chế độ thực dân, kết án chủ nghĩa cộng-sản xây dựng « trên một sự khủng bố theo chế độ cảnh sát ». Các đại biểu tuyên bố phải tích cực đối với các vấn đề Á-Châu và thế-giới...

Tin này chưa được các báo bản địa nhiều, vì đó vẫn chưa phải là chủ trương công khai của các Chính-phủ Ấn, Miên, Nam-dương... Dẫu sao, tin này không đáng cho thế giới ngạc nhiên vì ba nước lớn này đã đứng trung lập giữa hai khối Nga, Mỹ từ lúc được độc lập đến nay.

Nam-dương rộng gần vài triệu km² và có gần 80 triệu dân, là một quốc-gia giàu (vì có nhiều nguyên liệu quí), có thể trở nên một quốc-gia mạnh. Song, nước trong « khối thứ ba » đáng đề ý hơn cả hẳn là Ấn-quốc. Nehru là một trong những người hiếm có của Ấn-độ theo chủ nghĩa xã-hội, và có mục đích cải cách Ấn-quốc để đời sống dễ chịu hơn.

Song, trên đây, chúng ta đã thấy rằng hệ thống giai cấp (système des castes) là một ý chính trong Ấn-độ giáo và đã ăn sâu vào tâm hồn của người Ấn. Hơn nữa, có giai cấp đặc biệt mà nay đã trở thành một lực lượng: này là hạng cùng đinh (intouchables). Vào khoảng tháng mười năm 1951, hạng này lập một chính đảng lấy tên là « Scheduled caste Federation » (Fédération de la caste recensée). Nhà lãnh tụ là Bác-sĩ Ambedker (Tổng trưởng Tư-pháp) và số đảng viên sẽ là 60 triệu dân cùng đinh. Đó không phải là một lực lượng đáng khinh thường.

Lại còn nhiều nỗi khó khăn nữa. Dân Ấn thờ con bò như con vật thiêng liêng, chịu chuộng nó quá, không dám dùng nó nhiều trong công việc làm ăn, và nhất là không dám dùng nó như một thực phẩm, lấy da nó mà thuộc... Thành thử, Ấn quốc có hàng triệu, hàng chục triệu con bò mà vẫn không dám bán ra ngoài.

Ấn-độ lại hay bị nạn đói vì mùa màng kém. Dù sao, ảnh hưởng của tôn-giáo ở Ấn-độ thật mạnh. Chính vì thế mà vào thượng tuần tháng mười năm 1951, nói ở Tân Đê-li trước 200.000 thỉnh giả, Nehru đã phản nản lòng quá khích của các tín-đồ, cho đó là một thể «phát-xít» đã đem đến biết bao nỗi khổ sở cho dân chúng.

KỊCH THƠ

VỤ ÁN TRÚC-ĐÀO

(Kịch khoa-học và lịch-sử: 5 hồi)
Tóm tắt câu chuyện

VÀO hồi Đinh mật, Lê sơ, quân nhà Tống sang xâm-lược nước Nam, có chàng Hạc-Đỉnh đã vì thời-thế thay tên đổi họ, cùng vợ là nàng Trúc-Đào mưu-đó việc lớn, quyết chống kẻ xâm-lăng.

Chàng ra biên-cương, nàng ở nhà tân-tảo buôn bán để phụng dưỡng mẹ chồng lòa, và bí mật hành động cùng các đồng chí để làm hậu thuẫn khi hữu sự.

Một hôm nàng nhận được mật lệnh phải đi tổ-chức chợ đêm để đánh úp quân thù. Mẹ chồng ở nhà, uống phải nước mưa hứng dưới lá cây mà người ta thường gọi là «lá xanh, hoa đỏ»; vì trong lá có chất độc (mà ngày nay khoa-học đã tìm ra là cường toan: acide cyanhydrique hay prussique) cho nên bà cụ trong giây lát đã chết một cách thảm thương.

Quan Án họ Trần vì khám trong mình Trúc-Đào bắt được bức huyết-thư bí-mật

của chồng, tưởng là của tình nhân nên tuyên án tử hình vì tội ngoại tình và đầu độc mẹ chồng.

Sau khi hành hình, tên lính canh giữ nhà nòng uồng phải nước mưa cũng chết; quan Án cưỡi ngựa đến khám-nghiệm tên lính, ngựa buộc ở gốc cây ăn phải lá, uồng phải nước cũng chết. Lương-tâm can rứt, quan Án lấy lá và nước về dinh thử ăn và uống, sau cũng bỏ mình vì muốn tìm chân-lý.

Nhờ công Trúc-Đào, phiên chợ họp đêm được tổ chức, quân thù đại bại; Hạc-Đỉnh trở nên Nguyên-Suý lấy lại được thành trì. Hạc-Đỉnh về thăm nhà biết rõ chuyện bèn cho hợp táng mộ mẹ già và Trúc-Đào, dưới gốc cây lá xanh hoa đỏ, rồi đặt tên cây ấy là cây TRÚC - ĐÀO. Bên cây Trúc-Đào, có dựng tấm bia và lập một ngôi đền thờ.

Lãng-Tiểu

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN



Dưới bóng Trúc-Đào

HỒI THỨ NHẤT

Mở màn. — Cảnh : trời sáng trăng, cảnh nhà quê, nhà, sân, ao vườn, cây Trúc-Đào ; Hạc-Đỉnh vận y phục nhà nho ngồi trên cái chõng dưới cây Trúc-Đào, mặt trăng-ngâm, ngấm trăng và ngấm thơ, thỉnh thoảng có tiếng súng nổ xa xa

*Nguyệt-lạc ó-đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô-Tô thành ngoại hàn san tỵ,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền*

*Trăng tà cái quạ kêu sương,
Lửa chài lau bến sầu vương giấc hồ.*

*Thuyền ai đậu bến Cô-Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn-San*

*Bờ đào mỹ liễu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngoại xa trường quân mặc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi
Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu*

*Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu
Hối kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hối giao phu tử mịch phong hầu
Dương-Tử giang đầu dương liễu xuân
Dương hoa sầu sát độ giang nhân
Nhất thanh phong địch ly đình văn
Quân hướng Tiêu-Tương, ngã hướng Tần.*

Nàng Trúc-Đào còn ngái ngủ ở trong nhà ra sân, tiền đèn gần Hạc-Đỉnh :

Anh Hạc-Đỉnh, giờ này anh còn thức ?
Anh không nghe gà gáy đục canh tà.
Anh ngắm thơ, Anh thưởng nguyệt dưới
hoa,
Anh chẳng thấy sương sa cùng tuyết lạnh.
Có phải vì anh say sưa với cảnh,
Hay là vì lo nặng gánh gia đình,
Hay là vì Tổ Quốc muốn hy-sinh.
Đêm thanh vắng em xin anh cho biết.

Chàng Hạc-Đỉnh nghiêm nét mặt :

Em đã biết, anh vốn giòng hào kiệt,
Nợ tang bồng, anh thề quyết trả xong.
Xếp bút ngiên anh tính việc kiếm cung,
Đề gìn giữ lấy non sông đất nước.
Nghe tiếng gọi thiết tha của tổ quốc,
Trả thù xong quân xâm lược mới thôi.
Đem hiến thân làm rạng vẻ giống nòi,
Người tráng sĩ ấy là người tráng sĩ ;
Vì gia đình làm cho anh suy nghĩ
Biết làm sao cho hợp lý bây giờ ?
Còn mẹ già ai khuya sớm phụng thờ ?
Còn vợ trẻ ngày thơ ai săn sóc ?

Nàng Trúc-Đào ngồi xuống chõng :

À vì thế đêm nay anh chần chọc ?
Em nhớ xưa có học chữ thánh hiền,
Chữ tình kia chỉ có nghĩa là duyên,
Thiết tưởng chẳng đáng phiền lòng quân
Vạn lý kiếm cung, anh hùng đệ sự, [từ.
Đáng kể chi nhi nữ vốn thường tình.
Xin anh đừng lo đến việc gia đình,
Xin anh cứ hy-sinh cho Tổ Quốc.

Hạc-Đỉnh :

Hai chúng ta cùng một lòng yêu nước,
Chung, hiếu, tình sao vẹn được cả ba ?
Thôi thì em giữ lấy việc tề gia,
Thay chồng, phụng dưỡng mẹ già là hiếu.
Tình cảm sắt ta cùng hòa một điệu,
Em ở nhà, anh thẳng nẻo biên cương.

Có ngại chi nát thịt với tan xương,
Trời gần sáng anh lên đường kéo muông ...

Hạc-Đỉnh đứng dậy tiền vào trong nhà ;
đi đến giữa sân, Trúc-Đào gọi giật lại :

Này Hạc-Đỉnh, lại đây em thừa chuyện,
Vội dứt tình quyến luyến của đôi ta.
Ngồi xuống đây tuyền thệ dưới trăng già,
Anh giúp nước, em ở nhà nuôi mẹ.
Này mảnh vải cùng ghi lời minh thệ,
Anh cùng em, ta cùng để làm tin.

Hạc-Đỉnh trở lại ngồi xuống chõng cầm
đầu ngón tay lấy máu viết vào hai mảnh vải :

Dưới trăng là thồn thức
Cùng thảo huyết thư này.

Trúc-Đào cũng cầm đầu ngón tay viết
tiếp :

Mật gửi người tri kỷ,
Trùng phùng hẹn có ngày.

Hai người tán ngán một lát, Trúc-Đào
cúi đầu nhìn bức thư để ở chõng ; Hạc-
Đỉnh đứng dậy đi vào trong nhà, thắp ba
nén hương lên bàn thờ Bồ, lăm răm khăn
vái, xong rồi sang gian bên trước giường mẹ
nằm hấy còn ngủ, lấy trộm hai lạy, rồi vào
phòng thay quần áo nhà nho vận bộ quần áo
nâu, lưng đeo bao hành lý chồng gậy rồi
mạnh bạo bước ra sân tiền đèn gần Trúc-
Đào, Trúc-Đào đứng dậy cầm hai huyết thư
nét máu đã khô, giao cho chồng một bức,
mình giữ một bức ; Hạc-Đỉnh nắm chặt
lấy tay vợ rồi nói :

Trúc-Đào ơi ! anh khuyên em phải giữ gìn,
Chỉ phải vững, tâm phải bền mới được.

Trúc-Đào dóm nước mắt ngập ngừng,
nói :

Thôi chúc anh lên đường cho nhẹ bước,

Hạc-Đỉnh cảm-dộng nhưng vẫn bình-
tĩnh :

Anh ra đi không hẹn ước ngày về. . .

Hạc-Đỉnh buông tay Trúc-Đào rồi bước ra khỏi cổng, Trúc-Đào lau nước mắt đứng trông theo ; Hạc-Đỉnh một bước một dừng, thỉnh thoảng trông lại rồi khe khẽ đọc câu :

Quần tử phi vô lệ
Bất sái biệt ly gian

(Cung đàn xa xa bài xuất quân)

Màn từ từ hạ.

HỒI THỨ NHÌ

Mở màn. — Cảnh : Trời rạng đông, cảnh nhà quê, nhà, sân, ao, vườn, cây Trúc-Đào, Mẹ Hạc-Đỉnh ngồi ở một giường ; Trúc-Đào nằm ngủ ở một giường.

Mẹ Hạc-Đỉnh :

Trúc-Đào ơi ! dậy sắp mà đi chợ,
Nhớ mua chanh, đi chợ nhớ mua chanh.

Trúc-Đào :

Dạ, hôm trước con đi họp chợ Thành,
Hôm ấy con đã mua chanh cho mẹ.

Mẹ Hạc-Đỉnh :

Sáu tháng nay, trong nhà ta vắng vẻ,
Hạc-Đỉnh đi, có lẽ đã đi xa.
Đề lại đây, vợ đại với mẹ lòa,
Hạc-Đỉnh hỡi ! sót sa lòng mẹ lắm !

Trúc-Đào :

Thưa mẹ, chồng con sai ngày về chợ,
Chẳng qua vì có bận chút việc riêng.
Có con đây, con xin mẹ chớ phiền,
Con cố sức để cho yên lòng mẹ.

Mẹ ngả lưng xuống giường, Trúc-Đào xuống bếp thổi nấu, thỉnh thoảng kể mấy câu ' Chinh-Phụ-Ngâm ' :

Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Nhớ chàng lòng dặc dặc buồn,
Bỏ khốn bằng ngựa, thủy khốn bằng thuyền.

Nước có chảy mà phiền chẳng tả,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.

Nhũ rồi, nhũ lại cầm tay,
Bước đi một bước, giầy giầy lại dừng.

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo rồi
Dạ chàng xa tìm cốt thiên san.

Mưa giương rượu tiễn chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Bến Tiêu Tương thiếp rồi trông sang.
Khởi Tiêu Tương cách Hàm Dương,
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy
[trùng.

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai ?

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng gọi gọi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn ?

Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nương vùng nguyệt phủ nguyện,
Mọi bề trung-hiếu, thiếp xin vẹn toàn.

Trúc-Đào dọn cơm xong mời mẹ :
Mẹ ơi ! mẹ dậy soi cơm kéo nguội !

Mẹ :

Con ơi con, mẹ chưa với ăn mà,
Mau lên con, đừng quanh quẩn mãi ở nhà.
Gánh thì nặng, chợ thì xa kéo lờ...

Trúc-Đào :

Thưa mẹ nghỉ, con gởi hàng đi chợ.

Mẹ :

Ừ ! con đi ! về sớm chớ về khuya,

Trúc-Đào gánh hàng ra cổng, dừng lại :

Ấy kia ai đứng đợi ở ngoài kia ?
Có phải chú Khán Thia cho dọn ngõ

Chàng thanh niên lạ mặt :

Tôi hỏi cư đang tìm nơi trọ,
Xin hỏi thăm, đâu là ngõ Trúc-Đào ?

Trúc-Đào đặt gánh, đứng trong cổng :
Chính tôi đây xin mời chú cứ vào,

Người lạ mặt, bước vào cổng, dờ khăn
lấy thơ, khẽ nói :

Thơ Hạc-Đỉnh, em muốn chao cho chị.

Trúc-Đào nom trước, nom sau cầm thơ :
Bức thư này là bức thư huyết lệ.

Người lạ mặt :

Chị xem xong em dặn chị mấy lời
Tổng phản công nay đã sắp đến thời.
Anh dặn chị kịp ra nơi thành thị,
Mặt báo cáo anh chị em đồng chí,
Đợi ngày giờ theo phương kế khả thi.
Mồng mười tháng ba này, đúng tuổi thì,
Mở chợ, tối, ấy là kỳ tác chiến.
Ra chơi chợ, lũ quán thì gặp biển,
Hạc-Đỉnh quán thừa thế tiến vào thành.

Trúc-Đào :

Thôi em về, chị tuân lệnh thi hành.

Người lạ mặt cúi đầu nói rồi lui vào
ngõ hẻm :

Chào chị, em về đại-doanh nguyên-sủy !

Trúc-Đào gánh hàng vừa đi vừa nói
một mình :

Bây giờ ta đi thẳng lên thành thị,
Đem tin này cho đồng chí biết ngay.

Mặt trời đã lên cao ! Mẹ ngủ dậy, ăn
com, rồi lán gậy chông ra sân đi bách bộ,
ngâm theo điệu cung oán :

Đêm vô hạn, mối sầu vô hạn,
Khách quẩn quanh ngao ngán nhường bao !

Người còn mất chết đời nao,
Khắp trong vũ-trụ trông nào thấy chi ?

Bảo rằng sáng sẽ là một khối,
Chốn dương gian ngày tối đêm tăm.

Biết bao nhieu nỗi thương tâm,
Ngậm ngùi nỗi nhớ, âm thầm nỗi mong.

Nhớ những lúc vầng đông chói lọi,
Khoảnh non cao nguyệt đợi chénh chềnh.

Mấy từng mây đỏ mây xanh,
Muôn vắn tinh tú long lanh cốt trời.

Mong cho chóng ra ngoài bóng tối,
Hỏi trời xem có tội tình gì ?

Mà giam vào chốn âm ty,
Bao giờ trời mới định kỳ cho ra ?

Thôi hãy đợi trời già định đoạt,
Mượn hoa thơm gió mát làm khuây.
Đời người được mấy gang tay,
Kiếp phù-sinh được mấy ngày thần tiên ?

Bà cụ lán về phía cây Trúc-Đào :

Ta lán đến cây này ta hóng mát.

Bà cụ sờ cảm cái bát để ở vại nước cạnh
gốc cây :

Nhưn tiện đây ta múc bát nước mưa

Bà cụ lấy mũi chanh vắt vào bát nước :
Vắt chanh vào cho nước ngọt hóa chua.

Bà cụ uống nước :

Rồi ta uống chẳng thua gì thuốc bổ.

Bà cụ lại chông gậy đi :

Uống xong rồi ta lại đi bách bộ,
Đợi Trúc-Đào còn đi chợ chưa về.
Hạc-Đỉnh ơi ! nay quyen đã gọi hè,
Khắc khoải, mẹ chờ nghe tin hạc vắng.

Bà cụ một tay bóp chán :

Ô hay ! bỗng đâu ta sao choáng váng,

Bà cụ đặt tay vào bụng :

Lòng quần dẫu, chân chênh choáng rã rời,
Thôi chính phải, uống nước lá cây rồi.

Bà cụ ngồi phịch xuống thêm nhà :
Ta cõ giọng đến đây ngồi một chút,
Mê hay tỉnh, cái gì chới vùn vút ...
Tỉnh hay mê, nghi-ngút cái gì bay.
Ôi ! ôi trời cao ! ôi ôi đất dầy ...

Bà cụ nằm phịch xuống đất. Bà cụ hàng
sớm chạy sang :

Cụ ơi ! sao lại nằm đây hờ cụ ?

Bà hàng sớm vực bà cụ dậy, nhưng người
mém nhũn vội kêu :

Ôi trời ơi ! Bà cụ này chết rú !
Làng nước ôi !

Hạ màn

(Âm nhạc lựa những khúc du dương,
sầu não)

HỒI THỨ BA

Mở màn. — Cảnh : Công đường
quan An Sát, bài trí theo lối cổ, Quan An
mặt sắt đen sì, ngồi giữa công đường có lính
hầu :

Truyền quân lính hạ lệnh cho cai ngục,
Triệu Trúc - Đào sang để phúc án nàng.

Chú lính :

Bầm lay quan, công việc đã sẵn sàng,
Trúc-Đào đã điệu sang từ lúc nãy.
Mặt tái mét, chân tay run lẩy bầy,
Thương mẹ chồng, nàng đây đây kêu oan.

Quan An :

Đến cửa công, ta phải xét ngay gian,
Nếu quả thực vô can, ta tha bổng.

Hai tên lính dẫn Trúc-Đào vào, Trúc-
Đào quỳ xuống trước Quan An, hai tay bị
chói về đằng sau, đầu cúi :

Trúc-Đào vừa khóc vừa nói :

Bầm Cụ Lớn, đèn trời soi xét rộng,
Ngồi bút son thác sống ở trong tay.
Cụ Lớn cầm cân nẩy mực cho ngay,
Khỏi oan uổng thật con đây vô tội.

Quan An :

Đồ ác phụ chỉ làm đường nói dối,
Giết mẹ chồng còn đổ lỗi vào đâu ?
Đêm mười tư, tháng tám xuất canh thâu,
Mi đã phạm tội trên dẫu trong bọc.
Mi lại phạm tội dụng tâm đầu độc,
Đừng giở trò, đã khóc với tù van.

Trúc-Đào :

Bầm lay Quan, con không dám khai man ;
Quan buộc tội thực là oan con lắm.
Đêm hôm ấy, chồng con chưa đi vắng.
Chúng con còn ngồi ngắm bóng Hằng nga,
Vì sinh nhai chồng con phải đi xa,
Thay chồng vắng, con thờ cha nuôi mẹ.

Quan An :

Chồng đi vắng, chưa gian phu càng dễ.
Còn mẹ già nếu để sợ lời thôi,
Chi bằng đem hạ sát quách cho rồi.
Khỏi do rách để tiện nơi hành động.

Trúc-Đào nôi giận :

Bầm Cụ Lớn lượng hải hà mở rộng,
Mối tình nghi đã đóng sống cho nhau.
Bằng chứng dẫu mà trên bọc trong dẫu,
Khám nghiệm chưa mà những dẫu với độc ?

Quan Tòa bình tĩnh :

Chính mi đã gây ra trò thăm khốc,
Mi cùng ai cùng trên bọc trong dẫu ?
Ai cùng mi cùng ý hợp tâm đầu ?
Ai đồng lõa giúp nàng dẫu giết mẹ ?

Trúc-Đào

Bầm Cụ Lớn xét nhà con vắng vẻ,
Ngày như đêm, một mẹ với một con.
Nuôi mẹ già giữ trọn đạo thần hôn,
Thương, chồng vắng, lòng nào còn hoa
nguyệt ?

Quan An (nghiêm sắc mặt) :

Khám trong túi thấy bức thư lệ huyết,
Thư ngoại tình mi định viết cho trai.
Tội dành dành, chứng cứ thực không sai.
Theo hình luật điều thứ hai mươi tám;
Xét Trúc-Đào chính là người thủ phạm.
Tuyên án xong đem xử trăm tức thì ...

Trúc-Đào lăn ra kêu khóc :

Ôi trời ơi ! cay nghiệt để làm chi ?
Quý thần chứng, tôi làm gì nên tội
Hạc-Đĩnh hối, có thấu chăng nóng nôi ?
Mẹ ơi ! con không lỗi đạo làm dâu ;
Nỗi oan này con chẳng biết kêu đâu,
Con đành chịu ôm sầu về chín suối ...

Trúc-Đào chết ngất — Dao-Phủ tuốt
giùm trán — lời Trúc-Đào ra khỏi tòa án.

Quan An ngồi một mình trước quyền
sách mở trên án, nghi ngời, vắng vắng nghe
tiếng chiêm tiêng trông hành hình ở xa xa..

Quan An nói một mình :

Cương trực quá việc này ta xử với
Với bất công thành để hối về sau.
Chồng Trúc-Đào là Hạc-Đĩnh ở đâu ?
Ta chưa hỏi rõ ra đầu ra cuối ...
Bây giờ nàng đã về nơi chín suối.
Để cho ta riêng một mối hoài nghi ...

Dao-Phủ vào hầu :

Việc hành hình theo làm đúng lẽ nghi,
Trình Cụ Lớn để ghi vào bản án.

Quan An lại nói một mình :

Trông tay ta giữ trọng quyền thẩm phán,
Không bao giờ ta bán rẻ lương tâm.

Tài Bao-Công cũng có khi nhầm,
Cốt trong sạch chỉ tâm tâm mình biết.

Chú linh hầu hốt-hải vào nói :

Bẩm Cụ Lớn, có lính vừa mới chết,
Lính coi nhà bà cụ chết bữa qua.
Thầy Đồ Nhị đã khám nghiệm qua loa,
Hình như tại uống nước mưa mà chết.

Quan An nghi ngời một lát, rồi gọi
lính đóng ngựa :

Đóng ngựa mau để ta đi khám xét,
Đến tận nơi xem cái chết khổ nghi.

Quan An đi khỏi, nhân viên tòa án ở
nhà tự do bàn tán. Ông Đồ Nhị :

Thương hại thay cho phận gái nữ nhi,
Chẳng qua vì tình si cho nên nổi ..

Chú Cai-Lệ :

Phen này Cụ tha hồ mà sám hối,
Đang tự nhiên buộc tội cho người ta

Chú lính :

Chẳng có ai giết tróc bà lão già,
Chỉ tại uống bát nước mưa mà chết !

Chú lính khác :

Thế thì còn cái bức thư lệ huyết ?

Thầy nho :

Đấy chính vợ chồng cam kết với nhau...

Chú lính :

Thế thì còn Hạc-Đĩnh nó đi đâu ?
Có lẽ vào rừng sâu làm cách mạng...

Thầy nho :

Nàng Trúc-Đào là một người chính đanh,
Thật tình tới không nói nịnh đâu mà.
Thất lưng buộc bụng nuôi mẹ chồng già,
Trong làng xóm, không điều qua tiếng lại.

Ông Đồ Nhị ngâm :

Ba sinh đã thoát hồng nhan trái,
Chín suối chưa tan bạc mệnh sầu.

Chú lính gác nhòm ra cổng nói :

Cụ đã về, không biết ngựa Cụ đâu ?
Có cái vại gánh theo chân Cụ.

Chú lính gác đánh chín tiếng trống báo :

Cụ An tiên thẳng vào công đường, an
tọa sai lính :

Đề vai nước mưa này vào một chỗ,
Rồi đưa cho ta cái bó lá xanh.
Đánh trống thu không và đóng cửa thành,
Lính tráng phải cắt canh giờ cẩn mật.

Đánh ba hồi trống thu không. Cụ An
ngồi trước đèn, giữa có bát nước, một bên
quyển sách mở, một bên bó lá xanh hoa đỏ,
Cụ nói một mình :

Nay mới biết giống cây này lạ thật,
Lá xem ra giống chắt lá cây soan.
Có mùi thơm lại có vị tan toan,
Xem trong sách tây oan không thấy có.
Con bạch mã vô tình ăn lá đó,
Vừa ăn xong dấm vó ngã lăn ra.
Lá độc kia rụng xuống vai nước mưa,
Có lẽ đã gây ra ba ả mạng.
Trước công lý, hỏi ai là thủ phạm ?
Trúc-Đào ư ? ai dám đoán là ta ?
Nếu nước kia thực đã giết mụ già,
Thủ phạm hẳn là ta không phải chối !

Quan An cầm bát nước, uống nước,
ăn mấy cái lá xanh hoa đỏ, rồi nói tiếp :
Ta phải uống để tìm ra manh mối,
Nếu không sao thì lỗi ở Trúc-Đào ;
Nhược bằng ta sau có mệnh nào,
Xuống âm gặp Trúc-Đào ta hối lỗi.
Vì danh dự, ta cam tâm đèn tội,
Đề về sau khỏi hối với lương tâm...

Quan An cầm bút viết :

Án từ xin chớ có nhăm,
Một điều lăm lỗi thương tâm muôn đời.
Tiện đây ghi một vài lời,
Đề làm bút tích cho người đời sau...

Quan An đề bút xuống bàn, rồi tay bóp
chán tay ôm bụng, quần quai rồi phục xuống
bàn.

Hạ màn

(Cứ những bài âm nhạc buồn rầu)

Tạm nghỉ

HỒI THỨ TƯ

Mở màn. — Cảnh : Chợ họp đêm,...
Đằng trước có hàng nước, anh hát sấm. Rồi
đền hàng bán bột, dấm, muối, bao tải, pháo.
Sau cùng là công thành cổ, người đi lại rộn
rạp, tiếng nói ồn-ào.....

Cô hàng nước ngồi trước chõng :

Hàng mới mở, mời ngài vào giải khát,
Có một đồng một bát nước chè tươi,

Một ông đi chơi chợ, bông lơn cô hàng :
Thế thì còn bao nhiêu một nụ cười ?

Cô hàng nước :

Ha ha ha ! xin mời ngài giải khát,
Nước chè nóng có một đồng một bát.

Cô hàng nước ngoảnh về phía anh hát
sấm :

Chú sấm soạn thử hát đề ngài nghe.

Chú sấm hát :

Cập kè, cập kè. . .

Con cuốc kêu khắc khoải mùa hè,
Nhớ cô hàng nước vẫn đi về bên sông
Phận nữ nhi mà chí khí anh hùng,
Cô chặm việc nước, rốc một lòng chịu
nỗi hy sinh.

Hai vai cô, bên hiếu với bên tình,
Trong lòng cô vẫn dành dành cho cái chơ
Trung.

Trót nặng lời thề thốt với non sông,
Gặp cơn sóng gió chẳng quản công có
lái con thuyền.

Bạn Trúc mai xin cô đừng hờ hững với
tình duyên,

Nghĩa Đào viên cô còn nhớ cái lời
nguyền hay không ?

Chỉ có toan tát cạn bể đông,
Đồng tâm hiệp lực thành công khó gì ?

Nghe thấy cô, lời đồng tâm tình si,
Đêm nay xin hẹn đúng Tuất thì, ta lại
được gặp nhau.

Yêu nhau ý hợp tâm đầu....

Cặp kè, cặp kè.....

Ông khách chơi chợ hút thuốc缭绕 thờ khói quảng xò vào chậu thau, thường chú sấm.

Chú bán kẹo rao :

*Mồng mười tháng ba ra mà ăn kẹo,
Mồng mười tháng ba ăn kẹo bạc hà.
Ăn kẹo giờ Tuất ngon thật là ngon,
Kẹo đạn kẹo hòn, ăn ngon giờ Tuất.
Tay bùng bát mặt đi qua,
Hỏi thăm cô kẹo có nhà hay không?
Kẹo rằng kẹo bán bu đồng,
Kẹo quăn kẹo quýt kẹo rống kẹo dài.
Đưa lên một kéo đưa lên hai,
Mười lăm mười tám kẹo giai đương thì.
Năm ngọai kẹo mấy cô nhì,
Năm nay nhớ thì anh biết kẹo ai?
Mặt ong kẹo với củ mài,
Vợ chồng thuyền chài kẹo với sông Ngâu.
Cô Tân kẹo với cô Tần,
Vợ chồng nhà khó kẹo lẫn phân đôi.
Miếng thịt kẹo với nắm xôi,
Thịt bùi cơm dẻo kéo lối quanh quanh.
Bát cơm kẹo với bát canh,
Quả bầu tây dành kẹo với tôm he*

*Nắm bông kẹo bát nước chè,
Các cô rờ rờ kẹo chúng anh đây.*

*Bà cốt kẹo với ông thầy,
Bốn chiếc bánh giầy kẹo với mâm vương.
Cái mỗ kẹo với cái chuông,
Con chim loan phượng kẹo cây ngô đồng.
Ai ơi mua kẹo cho không?...*

Mấy chú lính nhà Tổng khoác tay nhau ở trong thành kéo ra xô chen mọi người đi tới hàng nước. Một tên kéo tai ông khách ngồi hàng nước, lôi ra đá một cái, nằm soài xuống đất; một chú nữa thò tay vào chậu thau của chú sấm vét hết tiền bỏ túi, nhăn nhó cười; rồi tất cả xúm quanh cô hàng sỉ số nói

Cô hàng nước chào :

*Mời các chú vào soi quẻ uống nước,
Bánh nếp ngon, lạc luộc, chuối, thịt cầy.*

Một chú lính Tổng liú lô nói xong, phá lên cười.

Cô hàng nước đưa lũ lính hết chai rượu này đến chai rượu khác, thì nhau tu rồi say lao đảo.

Lúc ấy, một ông lão ăn mày đem kèn tấu đến thổi gán các chú lính, thổi xong rồi cất giọng hát :

*Bên tàu là nị bên tàu,
Bên tàu là nị mới qua.
Qua Nam Việt bán buôn chè tàu,
Thoạt tiên nị bán sỉ có,
Thoạt đến nị bán sỉ có.
Thoạt đến nị bán mì khô,
Thoạt đến nị bán mì khô,
Được nặng túi nị đem về tàu.*

Mấy chú lính đứng ngây mặt nghe thổi kèn, đến lúc thấy bài hát, hung hăng xúm lại túm lấy ông lão ăn mày đánh túi bụi, vừa đánh vừa rủa...

Mấy chú lính khác say rượu tranh nhau vào hàng nước, vờ cả bát đĩa, rồi quay ra đánh lẫn nhau.

Chú bán kẹo là liên lạc viên đột cái pháo lệnh đúng giờ Tuất, tức thì quân ta từ phía bờ tiền vào chợ, sau một tiếng hô lớn « xung phong » nhảy xô đến đánh tan lính Tổng. Đồng thời, các người trá hình bán hàng ở chợ, cũng quay lại giúp sức quân ta đánh quân địch.

Đoạn, quân ta bắt tên lính canh công rồi xông vào thành, kéo cờ lên thành. Quân lính thắng trận hoan hô « NGUYỄN SỰ HẠC ĐÌNH MUÔN NĂM », hò reo vang trời dậy đất.

Hạ màn

(Lúc này cử bài : Khúc Khải hoàn)



Mồ Trúc-Đào

HỘI THỨ NĂM

Mở màn. — *Cảnh* : Nhà cũ của Trúc-Đào ; nhưng về ban ngày thêm bàn thờ khổi trầm nghi ngút, và tấm bia ở gốc cây Trúc-Đào. Một vài dân làng và Cự Tề túc trực ở bên cạnh bàn thờ, mặc áo thụng trắng. Trong có tiếng bát-âm cử nhạc.

Một ông Cự Tề nói :

*Hai ngôi mộ hợp táng đào một chỗ,
Dưới gốc cây hoa đỏ lá xanh xanh.*

*Cây Trúc-Đào nay mới được mệnh danh,
Đề kỷ niệm vong linh người đã khuất.*

Bà cụ hàng xóm chông gậy sang đứng cạnh bàn thờ :

*Tôi niệm nam mô di đà phật,
Việc ma chay chôn cất thế là xong.
Chẳng hay chàng Hạc-Đỉnh có về không ?
Để tôi kể chuyện dài giòng văn tự*

Một người trong đám đông nói :

*Kia Nguyễn Suý đã từ xuống ngựa,
Chúng ta ra ngoài cửa đón Ngài vào.*

Nguyễn Suý Hạc-Đỉnh tiến gần bàn thờ, trông vào nhà tranh vách nát không người ở, nhìn cây Trúc-Đào, bàn thờ và mọi người, rồi nói :

*Xin kính chào chư quý vị đồng bào,
Sẵn lòng giúp biết bao công vất vả.
Nay công việc đã hoàn thành tất cả,
Biết lấy chi mà trả cái ơn kia ?*

Các Cự Tề nói :

*Có là bao, chẳng đáng kể làm gì,
Vì phận sự ấy là vì phận sự*

Hạc-Đỉnh ngảnh về phía Cự hàng xóm nói :

*Còn nhớ sách có câu « Trách lân sử »,
Tình láng giềng khi tắt lửa rồi đèn.
Kể từ khi nhà cháu gặp vận đen,
Cụ đã giúp nhiều phen khi gia biến.*

Bà Cự hàng xóm vội đáp :

*Giúp gì, tôi chỉ là người chứng kiến
Cảnh thương tâm còn hiện cả ra đây.
Cụ nhà ta đã uống phải nước lá cây,
Lính và ngựa cũng vì say mà chết.
Nàng Trúc-Đào chính là người trinh tiết,
Quan Án Trần tuần tiết thật đáng thương.*

Hạc-Đỉnh cúi đầu, gạt nước mắt, mọi người nghe tiếng hát vẳng xa điệp khúc . . .

Quân kéo quân lên đường

Lạnh lùng ra xa trường

Quân kéo quân

(Diệu hồn vọng phu)

Rồi thấy một toán quân kéo vào trong
cổng, đi đầu có quan Đệ Đốc. Đệ Đốc tiên
dền gần Nguyên Suý Hạc-Đĩnh quay mặt lại
toàn lĩnh, tuốt gươm trần hô :

Nghi iêm, chào !

Nguyên Suý đáp lại.

Một ông Cụ Tề đứng trước ban thờ
khuyết tay áo thụng sườn to :

Hành tam khấu lễ

Hạc-Đĩnh tiến vào trước ban thờ, thấp
ba nén hương, bình thân, rồi khấu đầu ba lễ.

Ông Cụ Tề sườn đọc trức

Hạc-Đĩnh cầm bản trức đọc :

Thối nước dầy vơi,

Cuộc đời chìm nổi.

Cơ giới dễ khiến, then kiền-khôn sịch,
đồng tịch chiều mau.

Thơ Tào khôn lường, gương kim cổ bóng
lòe sinh tử vơi.

Bóng nhận lơ thơ,

Ruột lăm bối rối.

Nhớ Từ Mẫu xưa vốn giòng Trịnh Thị,

Đạo tam tông giữ được vẹn toàn,

Gương tứ đức treo cao vơi vơi.

Thờ chông, tiết nghĩa vô song,

Dạy con, hiền ngang tuyết đối.

Tận tụy với gia đình

Hy sinh cùng xã hội.

Ấy vì nước quên mình cho đến nỗi,..

Nhớ Trúc-Đào hiền thê em hỡi !

Phận đạo hồng em chỉ có mong manh.

Duyên cầm sắt anh còn đang mong mãi.

Anh nhớ em thay chông nuôi mẹ, kẻ thật
đáng công,

Em giúp anh vì nước quên nhà, làm chi
nên tội.

Tiếc thay ! trẻ Tào đành hanh

Người đời giả dối.

Đổi trắng thay đen,

Lấy công làm lỗi.

Đau đớn thay, ngọc vàng phải nát, vật
quý khó tìm

Cay đắng nhẽ, tình lý ngay gian, nỗi oan
khôn chối.

Thôi tạm biệt, anh ở dương gian, em về
chân suối,

Em phụng dưỡng mẹ cha,

Anh bảo tồn sông núi.

Cùng đợi ngày tổ quốc vinh quang, to
đào chấp nối.

Nhớ Trần-Công, thông minh chính
trực như Bao Công thuở trước tái sinh,
trót lo tay trong vụ án Trúc-Đào đã
quyên sinh sám hối.

Nhờ chú lính vô tình, con Bạch Cầu
vô tội, trong vụ án kia.

Nay xin cùng kính ghi chép mấy lời
khắc vào bia đá để làm kỷ-niệm ngàn thu.

QUÝ TỶ NIÊN XUÂN

— HẠC-ĐỈNH —

Hạc-Đĩnh đọc xong đề bản trức lên bàn
thờ, Cụ Tề sườn :

Lễ . . . ễ tấ . . . ất . . . !

(Âm nhạc cử bài mặc niệm)

Hạc-Đĩnh khấu đầu ba lễ, rồi lánh mình
đứng ra bên cây Trúc-Đào.

Quan Đệ Đốc cho gươm vào bao, rồi
cầm tờ giấy cung kính tiến tới ban thờ khấu
đầu ba lễ rồi đồng dục đọc :

Thay mặt cấp trên

Nay tuyên nhật lệnh.

Nhớ Trúc-Đào xưa,

Phu Nhân Hạc-Đỉnh,
Nuôi mẹ thay chồng
Là người hiếu hạnh.
Tổ chức chợ phiên
Thành công cách mệnh,
Mặc nỗi oan tình
Cõi trần xa lánh.
Tổ quốc nhớ ơn,
Liệt vào hàng thánh.
Lập đền phụng thờ
Dựng bia tiết hạnh.
Ngày nay khánh thành

Tuân theo thượng lệnh.
Đến làm lễ chào.

Ông Đề-Độc ngành về phía lính hồ to :
Chà..... ào..... chào !

Mọi người đồng ca và nhạc cử bài
« Chiến sĩ vô danh »

Màn từ từ hạ

..

Màn lại mở

Toàn ban kịch ra trình diện

HẾT

Mùa thu với các nhà thi-sĩ

« THU THANH PHÚ »

của ÂU-DƯƠNG-TU (1)

TRỜI vừa tối, ông Âu dương Tu đang đọc sách nghe thấy một thứ thanh âm từ phía Tây Nam vọng lại, lắng tai nghe lấy làm kinh dị, nói : « Quái lạ ! mới nghe có tiếng hạt mưa gieo tí tách, tiếng gió thổi ào ào ; rồi thốt nhiên lại biến thành tiếng người ngựa chạy dồn dập, tiếng sóng cồn rầm rộ ; tưởng tượng như sóng bể kinh hoàng trong đêm tối, gió táp mưa sa ở đâu kéo lại ; những cái ấy va chạm mà nảy ra những tiếng lách-cách leng-keng như tiếng sắt tiếng vàng hòa nhịp cùng nhau ; lại như quân lính xuất trận miệng ngậm tam, chân ruổi gấp, không nghe thấy tiếng truyền lệnh, chỉ nghe thấy tiếng người ngựa đi thôi. » Ta hỏi đứa trẻ nhỏ :

« Tiếng gì thế ? hãy chạy ra coi xem ! » Đứa trẻ đáp : « Trên giới giảng sao trong sáng, sông Ngân Hà vắng vặc, tứ phía không có tiếng người ; tiếng ấy ở trong khoảng cây phát ra. » Ta nói : « Hừ ! tiếng thu buồn làm sao ! Sao đến đây làm chi ? Bởi chung sắc mùa thu ảm đạm ; mây tụ khói mờ ; dung nhan mùa thu

(1) Âu-Dương-Tu là một nhà văn hào trứ danh về đời Tàn. Tác-phẩm chính : Tàn Ngũ đại sử ; Tàn Đường thư và một tập thơ của tiên-sinh mà người sau biên chép lại, nhan đề là Văn-trung-tập.

trong sáng : vòm trời cao thăm, thái dương huy hoàng ; khí mùa thu xe lạnh : xương thịt người ta giá ngắt ; thần ý mùa thu tiên điều : núi sông tịch mịch. Vì những lẽ ấy mà tiếng mùa thu có vẻ lạnh lẽo, bi thiết, hờ reo âm ỹ. Khi tiết thu chưa đến, hoa cỏ đua xanh tranh tươi ; cây cối rậm rạp đáng yêu. Tiết thu vừa đến, hoa cỏ thoảng hơi thu mà sắc đã biến đi ; cây cối gập thu lá phải rụng rời ; sở dĩ cây cỏ bị tàn tạ đời bại như thế, là vì chịu cái dư uy của trời thu. Ôi ! mùa thu là tượng trưng quyền hành tư pháp (1) về thời khí thuộc « âm » ; mùa thu lại còn tượng trưng binh quyền ; về ngũ hành thuộc « kim » mùa thu còn gọi là « nghĩa khí » (tức chính khí), của trời đất : lòng thu thường vẫn nghiêm nghị, tàn sát. Trời đối với muôn vật : mùa xuân thời sinh trưởng, mùa thu thời kết quả. Cho nên về phương diện âm nhạc, cung « thương » chủ về âm phương Tây ; luật « Di » (đọc là Y) là luật về tháng Bảy (2). « Thương » tức là thương sót ; mùa thu sinh vật đã đến lúc già cho nên bi thương ; « Di » tức là giết chết : sinh

vật đến độ cực thịnh thời nên giết đi. (3) Ôi ! cây cỏ là giống vô tình mà còn có lúc bị phiêu linh, hưởng chi người ta là giống động vật khôn hơn muôn loài, trăm lo xúc động tấm lòng ; muôn việc nhọc nhằn thể xác ; ngoài không gian rung động thời trong tinh thần con người ắt phải dao cảm. Hưởng hồ lại nghĩ đến cái sức mình không kịp được, lo đến điều tri mình không thể tưởng tượng được, vì thế mà nhan sắc hồng hào đã hóa ra răn-rúm như cây khô ; tóc đen rung-rực đã lốm đốm như hoa dâm. Sao không phải là chất kim thạch, để muốn cùng với cây cỏ tranh phần tốt tươi ! Nghĩ đến cái gì (chỉ cho sự ưu tư nói trên) làm cho người ta suy kém thời việc chi mà phải hờn giận đến tiếng thu (ý nói vì mình chứ có phải đâu tại tiếng thu mà giận nó.) ».

Đứa trẻ nhỏ không đáp lại, đầu gục xuống ngủ. Bốn góc tường, chỉ nghe thấy tiếng giun để rên rỉ tựa như phụ họa vào tiếng than thở của ta.

(1) Ngày xưa theo quan chế Tân quan về Tư pháp gọi là Thu quan.

(2) Thương (tức cung sự), di (tức cung Y) danh từ về âm nhạc. Tháng Bảy thuộc về mệnh thu. Di tức là luật tháng Bảy (danh từ chuyên môn về âm

nhạc) Luật tức là một âm khi để thử, niếng tựa như diapason.

(3) Cái chính nghĩa của mùa Thu là tiêu diệt cho hết những cái đã già để thay mới, tức sửa soạn cho mùa xuân sắp đến.

Dịch ra văn vần

Tiếng Thu

Áu-Dương-Tu đương ngồi xem sách,
Buổi hoàng hôn tịch mịch bỗng nghe
Xa xa có tiếng dị kỳ,
Từ Đông Nam lại nghe ghé rợn người.

« Mới thoát tưởng mưa rơi ti-tách,
Tiếng gió găm hổng-hách lạ chưa !
Thốt nhiên như tiếng ngựa qua,
Người đi dộn-dịp, đâu mà xôn-xao.

Lại như tiếng sóng gào mặt bể,
Đêm canh khuya xiết kè hãi hùng.
Gió mưa đâu đến dưng dưng :
Thoắt nghe tiếng sắt xen cùng tiếng kim.

Quân xuất trận hơi im miệng khóa,
Người ngựa đi dộn-dã bước chân ;
Không nghe thấy tiếng hó quân. »
Ta quay vào hỏi gia-nhân tiểu đồng :

— Mi nghe thử lạ lòng có tiếng ;
Hãy đi ra mi lắng tai xem.

— Thưa rằng : trời sáng ban đêm,
Trăng sao vắng-vặc lại thêm Ngân-Hà.

Quay từ phía con đà nghe rõ
Bặt tiếng người chỉ có tiếng cây.

— Rằng tiếng Thu thảm buồn thay !
Tiếng Thu sao đến tận đây làm gì ?

Sắc ảm đạm mây di khói lại,
Vẻ sáng trong nắng chói trời cao ;
Khí thu lạnh-lẽo buồn teo ;
Ý Thu khe-khắt tiêu điều non sông.

Nghe tiếng Thu động lòng bi đát ;
Ngắm cảnh thu trời đất đổi thay :
Trước Thu, hoa cỏ tranh tươi,
Cây xanh bông thắm đua vui nắng hè.

Hơi Thu đến, cỏ huê biến đổi ;
Tiết Thu về, cây cối xác-xơ.
Hình quan quy chế thuở xưa,
Võ biên cũng mượn uy thừa trời thu.

Trong tứ thời, thuộc cơ âm thịnh.
Về ngũ hành, Thu định hành kim.
Khí trời đất, lẽ cổ kim :
Lòng Thu chủ lấy túc nghiêm làm đầu.

Vật sinh trưởng định vào Xuân tiết,
Hoa cỏ tàn, quả kết mùa Thu.
Nhạc Thu giéo giắt cung « sừ », (1)
Tiếng Thu ai-oán lững-lờ cung « Y ».

Vật đã lão ắt thì phải hóa.
Vận tới cùng thịnh quá nên suy.
Cung « sừ » hợp với cung « Y »
Làm cho Thu nhạc sầu bi lạ nhường !

Loài thảo mộc vô thương vô cảm,
Còn có khi chìm đắm điêu linh ;
Huống hồ người đủ thất tình,
Trăm lo, trăm việc, tâm hình khổ đau.

Ngoài xúc động, trong hầu cảm ứng ;
Lòng ưu tư chẳng xứng tài năng.
Cho nên tóc mỡ da hồng,
Chẳng bao lâu đã điểm sương mái đầu.

(1) CHÚ THÍCH. Thường đánh cung y phải nhấn đây
đàn xuống lưng chừng vừa rung vừa đánh

Nếu biết thế thì ầu đòi kiếp,
 Làm đá vàng sánh kịp cỏ cây.
 Tranh vĩnh với chúng phen này...
 Ngắm ai là kẻ cướp ngày tuổi xanh,
 Nào có phải đành hanh trẻ Tào,
 Chính tại mình, giận hờn tiếng Thu ».

Trẻ thơ nghe nói như ru,
 Chẳng rằng, chẳng đáp, đầu rù ngủ say.
 Bốn góc vách nghe bày giun dế,
 Giọng rên-rỉ khe-khẽ bên tai,
 Cùng ta thở vẫn than dài.

NGUYỄN-QUẢNG-XƯƠNG

phiên - dịch

Lời phê bình. — Mùa Thu là một vật vô hình, đã nhờ tài nghệ-thuật đặc biệt và trí tưởng-tượng phong phú của thi-sĩ mà trở nên một vật có hình có sắc, có dung-mạo, có thanh âm, có tinh thần và nghĩa-khi. Kết luận, nhân nghe tiếng Thu thi-sĩ nghĩ đến mùa Thu của đời người, tiếc cái tuổi xanh đã qua, nhưng không oán trách ai « không giận tiếng Thu » « Thuận thiên tri mệnh » (Khổng giáo); vì con người là một sinh-linh trong vũ-trụ, vậy cũng phải chịu chung luật biến hóa của Tạo vật như những sinh-linh khác (Lão giáo).

Câu kết lời văn đượm vẻ trào phúng: thi gia sau khi bàn về triết lý của cuộc biến hóa trong vũ trụ, có ý tự trào bằng một bức họa đưa trẻ thơ nghe triết lý mà ngủ gật; trong lúc ấy, những tiếng

giun dế rên rỉ ở góc tường hình như hòa nhịp với tiếng than thở của thi nhân.

Chi-tiết này lại rất phù-hợp với tâm-lý của hai nhân-vật trong bài: trẻ em còn hiểu sao được những ý-tượng cao-xa mà chẳng thêm thiếp giấc nồng; còn thi-sĩ có cần gì phải có người nghe, mới bộc lộ tâm-tình. Thi sĩ chỉ rung-động với vũ-trụ bao la, hòa tiếng than với muôn vật trong trời đất, không kể là tiếng giun-dế hay tiếng thu.

Ngoài những câu do tác giả lấy ở quan chế cổ thời, ngũ hành âm dương, luật âm nhạc, để giải thích ý nghĩa tiêu sất của mùa Thu, — những câu có lẽ khi nặng nề —, bài phú này là một áng văn đặc sắc; vì chỉ một tiếng gió thu mà đã gợi cho thi-sĩ, biết bao tình cảm sâu-xa, man-mác.

NGUYỄN-QUẢNG-XƯƠNG



Giáo - dục và sư - phạm

Sư giáo huấn thanh-thiếu-nhi là một vấn đề then-chốt trong việc kiến thiết Quốc gia và phục-hưng Văn-hóa. Vậy bắt đầu từ số này, bản báo mở thêm mục « Sư-phạm », để riêng khảo cứu về việc học, thay thế cho báo « Dạy trẻ » mà Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã xuất-bản từ trước đến nay. Đó cũng là một trong những công việc thuộc phạm-vi « Văn-hóa nguyệt-san », cơ-quan truyền-bá giáo-dục, khoa học và văn-hóa.

L.T.S.

A. — Định-nghĩa. — Hai chữ giáo-dục, nghĩa đen, là nuôi và dạy. Theo tự-điển Larousse phổ-thông (1). — phản-ảnh của tư-tưởng Âu-Tây, — « Giáo-dục là tất cả những cố-gắng có ý-thức, nhờ đó, người ta giúp tạo-hóa trong công cuộc xúc-tiến các năng lực về thể-chất, trí-tuệ và luân-lý của cá nhân, để con người đi tới hoàn - thiện và hạnh-phúc, có thể làm tròn nhiệm-vụ xã-hội của mình.

NAM - HUNG

và áp dụng các quan năng của mình, để làm điều thiện » (6) Nhà xã-hội học Durkheim cho đó là « sự ảnh hưởng của các thể hệ đã trưởng thành đối với các thể-hệ chưa đủ kinh-nghiệm về đời sống xã-hội ». Theo ý ông, « nên giáo dục có mục-đích kêu gọi và làm nảy nở ở thiếu-nhi, ít nhiều trạng-thái thể-dục, trí-dục và đức-dục, để chúng

(1) Larousse Universel

(2) « L'éducation, c'est l'ensemble des efforts réfléchis par lesquels, on aide la nature dans le développement des facultés physiques, intellectuelles et morales de l'homme, en vue de sa perfection de son bonheur et de sa destination sociale »

(3) école utilitaire

(4) « faire de l'individu un instrument de bonheur pour lui-même et ses semblables »

(5) expérimentalisme

(6) l'ensemble des efforts ayant pour but de donner à un être la possession complète et le bon usage de ses diverses facultés.

Các học-giả và triết-nhân mỗi người định-nghĩa hai chữ giáo-dục một khác, tùy lập-trường và học-thuyết của mình. Tỉ dụ, James Mill, chủ-trương thuyết vụ-lợi (3) cho rằng : nên giáo-dục cốt làm cho mỗi cá-nhân thành một « lợi khí có thể gây hạnh-phúc cho mình và cho người (4) » ; Stuart Mill, tin ở thực-nghiệm chủ-nghĩa (5), bàn rằng : Giáo-dục gồm tất cả các công việc do mình hay người khác làm, để giúp ta đi đến chỗ toàn-thiện, toàn-mỹ ; nhà tâm-lý học Henri Joly coi giáo-dục là một « chuỗi cố gắng khiến con người ta nhận-định rõ-ràng

sinh-hoạt một cách thích-hợp với sự tổ chức xã-hội và với hoàn-cảnh riêng của chúng.» (1)

Đòi với các tôn-giáo như Công-giáo hay Phật-giáo, sự dạy dỗ đều có một tôn chỉ tương-tự như nhau, tức là khiến thể-nhân dứt bỏ lòng vị kỷ, mà sả thân độ thể. Đạo Không-Mạnh cũng đứng về phương diện xã-hội, nên khuyên người ta thực-hiện bốn nguyên-tắc tu, tế, trị, bình.

Xem như vậy, thời định-nghĩa hai chữ giáo-dục cho thực đầy đủ chẳng phải dễ dàng nào. Tuy nhiên, ta thấy hầu hết các nhà trí-thức và triết-nhân đều đồng-ý về mấy yếu điểm như sau :

1.— Các quan-niệm kể trên đều áp dụng vào nhân-loại.

2.— Ai nấy tin rằng giáo dục là ảnh hưởng của một người đối với một người khác, thời thường là của một người trước g-thành đối với tuổi xanh hay của cả một thể-hệ đã từng trải đối với thể-hệ sau.

3.— Ai cũng cho rằng giáo-dục tất phải theo đuổi một mục đích nhất định. Nhưng mục-dịch ấy không phải là để trực-tiếp đưa ta đến một lợi quyền nào ; giáo-dục chỉ sửa soạn cho con người ta có đủ khả năng để thực-hiện được ý muốn, mà mình cho là lý-tưởng. Như thế, tức là giáo-dục chỉ hiện ta những phương tiện để thành công, chứ không trực-tiếp đưa ta đến thành-công. Tỉ dụ, xưa kia, nền giáo-dục ở Sparte cổ rèn-luyện cho thanh-niên thành những chiến-sĩ hoàn toàn, những người có đủ năng lực để bại được kẻ thù ; nhưng việc đưa họ ra tiền-tuyến hướng dẫn họ trong khi tranh đấu, để ca khúc khải hoàn, thì lại là nhiệm-vụ của các binh-gia.

Vậy, ta có thể nói được rằng : giáo-dục là tổng-cộng những công-tác và ảnh-hưởng của một người hay một nhóm người muốn rèn luyện một hay nhiều người khác, thời thường là của một nhà trường-thành đối với thanh-

thiếu-nhi, và mục-dịch là khiến cho tân thể-hệ có đủ năng lực làm tròn nhiệm-vụ, mà lớn lên họ sẽ phải làm.

Còn sư-phạm là gì ? Theo nghĩa đen, đó là khuôn mẫu do ông thầy áp-dụng trong khi giảng dạy. Vậy sư-phạm gồm có những phương-pháp mà nhà giáo dục thi-hành để huấn-luyện thanh-thiếu-nhi. Tóm lại, giáo-dục là sự rèn luyện ; còn sư-phạm là các phương-pháp rèn-luyện.

Khoa sư-phạm ngày nay dựa vào các khảo-cứ khoa-học chắc-chắn và thiết-thực ; nhân đó, nó có liên quan mật-thiết với nhiều môn học khác như sinh-lý học, xã-hội học và tâm-lý học.

— Giáo-sư cần phải cộng-tác với các cơ-quan y-tê, để trông nom vệ-sinh cho sĩ-tử, điều-trị các con bệnh, tìm cách bổ-dưỡng, những ai lãnh mạnh. Nhà giáo lại cần biết sức khỏe của mỗi trò để tránh những sự lao lực có hại. Khi chúng ốm yếu, thì không những đau đớn trong người, mà trí thông minh của chúng còn sút kém.

— Khoa sư-phạm lại cần rút những tài-liệu ở xã-hội học, để khảo sát ảnh hưởng của xã-hội đối với các nền giáo-dục cổ kim. Nhờ đó, nhà giáo sẽ tăng phần kinh-nghiệm. Hơn nữa, ta phải biết hiện tình xã-hội, để rèn luyện học-sinh thành những công-dân xứng-đáng, biết hoạt-động một cách phù hợp với thực tề và hoàn cảnh địa-phương...

(1) « *L'éducation est l'action exercée par les générations adultes sur celles qui ne sont pas encore mûres pour la vie sociale. Elle a pour objet de susciter et développer chez l'enfant, un certain nombre d'états physiques, intellectuels et mentaux que réclament de lui et la société politique dans son ensemble, et le milieu spécial auquel il est particulièrement destiné* »

— Sau hết, ta phải am hiểu tâm lý con trẻ, mới có thể trừ khử những mầm xấu, và trau dồi đức tính. Từ nửa thế-kỷ nay các triết nhân còn tìm ra một khoa học đặc biệt riêng khảo cứu về tính-tình ầu sinh, mà nhà học giả Christman, năm 1893, đã mệnh danh là « tiểu nhi nghiên cứu » (1). Người ta nghiệm rằng : tâm-lý con trẻ không phải là tâm-lý của các người trưởng thành thu-hẹp lại (2) ; con trẻ có những tính-tình riêng biệt, và sức phản-động của chúng cũng tuân theo những phép-tắc đặc biệt thuộc về sinh-lý học, tâm-lý học và xã-hội học.

Vì các lẽ kể trên, nhiều người cho sư-phạm là một khoa-học như nhiều khoa-học khác. Nhưng thực ra, sư-phạm vừa là một khoa-học, một nghệ-thuật và một nền triết-lý : Khoa-học vì nó dựa vào những khảo-cứ và luật-lệ hiển-nhiên, mỹ-thuật vì nhà giáo phải khôn khéo, sáng-suốt, thường áp-dụng trực giác để hiểu biết và hướng dẫn trẻ em; triết-lý vì nó khảo sát tâm-tình thanh-thiếu nhi, và theo đuổi một mục tiêu cao cả, vô tư.

B. — Uốn-Nắn. Uốn nắn là một lời dạy dỗ khác hẳn với các cách giáo-huấn mà ta thường thấy ở gia-đình và học-đường. Nó cho một phương-pháp gây thành những tập-quán, khiến người ta dựa vào các ảnh-hưởng thuộc về giác-quán và động lực, để sai khiến một sinh-vật một cách máy móc. Muốn áp-dụng cách này, người ta phải gợi ra những cảm xúc mạnh-mẽ. Tỉ dụ : dạy chó nhặt một dụng cụ từ xa mang lại ; nếu nó cưỡng thì đánh đập ; nếu vâng theo thì ban cho thực-phẩm. Loài vật ấy không biết suy xét, chỉ thấy rằng : không nghe là đau ; thì-hành là được ăn ngon. Đối với trẻ nhỏ cũng vậy ; ta không thể giải-thích hay lý-luận khi sai khiến chúng một việc gì ; chúng hư thì phạt, chúng ngoan thì khen. Vậy uốn nắn có những đặc tính như sau :

— tính cách máy móc của cử chỉ ;

— đương-sự bị cưỡng bách, không có chút tự-do hay sáng kiến.

— những thái-độ hay hành-động tự-nhiên bị ngăn cản.

Trái lại, giáo-dục muốn cho trẻ :

a) hiểu biết lý do của việc làm, như tại sao phải siêng năng, phải giữ vệ-sinh, hay cao hơn nữa, thế nào là hợp-lý, là tự-trọng...

b) được suy xét và tự chủ, nhất là từ khi các phương-pháp linh hoạt được bành'chương trong các học đường.

c) tự hướng-dẫn hay tự chế-ngự ý-tưởng tính-tình hoặc hành-vi.

d) Lẽ tự nhiên là giáo dục mới thực là cách huấn luyện xứng đáng, quan trọng, khiến trí tuệ thêm sáng suốt, và nhân cách phát triển một cách đầy đủ, rồi rào. Nó có tính cách mềm dẻo và chỉ kìm hãm những nghị lực hạ cấp để giúp đỡ sự nảy nở của các nghị lực thanh cao. Tỉ dụ : Kiềm ước trí-lực để áp dụng vào những công việc hữu ích cho gia đình xã hội. Trái lại, uốn nắn chỉ có một lợi điểm, là gây thành những tập quán tốt.

Tuy nó không có nhiều giá trị trong đạo tu-tế, sự uốn nắn cũng thường là một phương pháp cần thiết.

1) Thật vậy, khi trẻ chưa có đủ trí khôn để suy luận, ta không thể giáo-huấn chúng như đối với các thanh-thiếu-niên. Trong thời kỳ đó, ta cần áp dụng những phương-sách cưỡng-bách. Vì đó, nhà sư phạm Hợp-chúng-quốc Channing đã nói : « Sự vâng lời là nền luân-lý của trẻ nhỏ (2) »

2) Hơn nữa, hầu hết các môn học có những chi tiết mà trẻ phải áp dụng một cách máy

(1) *Pédologie*

(2) *Un homme en raccourci*

(2) *l'obéissance est la moralité des enfants ;*

móc, cho khỏi mất công sức và thì giờ vô ích. Trong khi viết và đọc, trừ những ầu sinh vô lòng không kể, còn các trò khác cũng như người lớn chỉ nhìn qua là đã biên chép hay nhận hiểu được ngay. Khoa-học hay sô-học, có những công-thức hay hệ-thống cần thuộc lòng. Đền như văn chương, ta còn thấy những luật-lệ về chính tả hay ngữ pháp, mà học sinh phải ghi nhớ không sao lý luận được.

3) Sau hết, khi trẻ theo lễ giáo hay phong tục, khi chúng thực hiện những phương-pháp cổ điển trong việc học hỏi, những phương-sách mà mọi người đều công nhận, thời ít khi chúng phải băn-khoăn suy xét. Khi đó, chúng đã chịu đựng cách uốn-nắn mà không biết...

C. — Mục đích của nền giáo-dục. — Người ta rèn luyện thanh thiếu-nhi, và tìm các phương pháp thích hợp với công cuộc ấy, để làm gì?

Người ta hướng dẫn chúng đi tới đâu?

Theo các nhà luân-lý, người ta có nhiệm vụ đối với mình và đối với người khác. Tuy nhiên, ta phải đặt lòng vị kỷ dưới những tính tình vị tha, và những tính-tình vị tha dưới những hướng tâm vô-ngã.

I) Đối với mình — Ta nên nhớ rằng học-đường không phải chỉ có mục-đích mở mang trí-thức cho trẻ. Như thế thì công việc của nhà giáo chưa có gì là đầy đủ, mà trẻ cũng không thể là tròn nhiệm vụ đối với chính mình. Montaigne đã nói: « Chi rèn tập có tâm hồn hay thân thể thì không hợp lý; người ta phải rèn luyện cả một cá nhân » (1). Nhà giáo phải cõ dạy dỗ cho học sinh thành những nhân vật hoàn toàn, tức là những người thân hình mạnh giỏi, kiên thức rỏi ràng, tâm tính trung-trực mà nhân từ, những người xứng đáng về đủ mọi phương-diện.

II) — Đối với người. — Nam nữ học-sinh lại có bốn phận đối với gia-đình và Tò

Quốc. Qua bao nhiêu tân khổ, nước nhà mới dành được quyền Tự-do, Độc-lập. Thanh thiếu nhi phải học tập để trở nên những công dân xứng đáng, những cánh tay sắt để bảo vệ non sông, những trí tuệ sáng suốt để hiểu biết thời cục và cân nhắc thiệt hơn không lăm lăm, những trái tim đầy nhiệt huyết, sẵn sàng rung động trước những tiếng gọi của giang-sơn. Có như thế, thì bên trong chúng mới giữ vững được gia phong, xứng đáng với ông cha, bên ngoài mới bảo tồn được nền Thống nhất của non sông, và sửa soạn một ngày mai rực rỡ.

III. — Đối với các khuynh hướng vô-ngã. — Trở lên trên, là mục đích luân lý của nền giáo dục. Nhưng công cuộc giáo huấn lại có tính cách xã-hội và vô ngã nữa.

— Nhà văn-sĩ Paul Clandel đã lắng tai nghe những tiếng thở than của đám người thất học; trong giây phút cảm hứng say sưa, ông đã hầu như nhận rõ những lời trách móc như sau: « Trời ơi, chúng tôi đây, chúng tôi sinh ra đã chịu ngu dốt, khờ nạn, sống trong tội lỗi và nô lệ. Còn các người khác thì họ thừa tiền của, họ đã có những cha mẹ lương thiện và đầy nhiệt huyết, họ đã có đủ thời giờ nhàn rỗi, họ đã được học và được mở mang trí-thức. Chúng tôi là người đồng loại với họ, chẳng khác anh em ruột thịt; nhưng chúng tôi cũng chẳng trách rằng họ đã không đến cứu vãn chúng tôi, đã bỏ mặc chúng tôi giữa những chồn tôi tăm ghê sợ! Tuy nhiên, xin Chúa Trời thử xét xem, họ đã dùng những sự may mắn hiếm có, đặc biệt mà họ đã được hưởng, để làm gì? Phải chăng Trời đã cấp cho họ những đặc-ân ấy, để họ ngày tháng tiêu giao một cách dẽ dàng hơn kẻ khác? Phải chăng để

(1) *Ce n'est pas une âme, ce n'est pas un corps qu'on dresse, c'est un homme.*

họ đóng vai nghệ-sĩ hay cử chỉ như những bọn ưu-du ? Nhiệm vụ mà họ đã nhận được của Trời, để thay thế và đại diện chúng tôi, một đoàn người khốn nạn, đã sa ngã và đã bị vùi dập, nhiệm vụ ấy họ đã thực hiện ra sao? (1) Phải, những kẻ có chút học thức, ai chẳng có nhiệm vụ khuyên bảo, dạy dỗ những người, vì gia cảnh hay một lý do khác, đã lâm vào vòng thất học ru ? Xưa kia, một vị Đại-Đức đã nói : « Nếu trong thế-gian còn có chúng-sinh khỗ-ái, thì ta không đành lòng đi ẩn-dật một nơi ». Mỗi người trí-thức có lẽ cũng phải nói : « Nếu nhân loại còn có người thất-học, thì ta chẳng nỡ ngồi yên, và lãnh-đạm đối với nền giáo-dục. »

— Và chẳng, các thế-nhân đều đã chịu ơn xã-hội, đã được người khác giúp đỡ ; họ đã được hưởng bao nhiêu thứ, về vật chất như nhà ở, cơm ăn, áo mặc, về tinh-thần như các thuần-phong, mỹ-tục, các kinh-nghiệm của tiền-nhân để lại. Họ đã được hưởng một phần quan-hệ hay nhỏ bé trong kho tàng chung của xã-hội ; vậy trái lại, họ có bốn phận giúp ích nhân-loại, tăng-gia di sản kia càng nhiều càng hay, miễn là họ phải tận tâm tận-lực. Đã sinh ra ở đời, ai cũng có bốn phận đoàn kết đó. Nền giáo-dục chính có nhiệm-vụ rèn luyện cho cá-nhân thành những người có năng-lực, giúp ích đoàn-thể và tương-lai. Về phương-diện này, ta có quyền nói : ai cũng có bốn phận đoàn kết, chứ không thể cho rằng ai cũng hàm ơn và chịu một món nợ đối với người khác, đối với xã-hội, như Léon Bourgeois đã tin như vậy. Vì nếu so-sánh những ân-huệ mà mỗi người đã nhận của nhân-quần, với những việc mà người ta đã giúp thế-nhân, thì đối với ít nhiều người, xét ra xã-hội đã mắc một món nợ lớn ; xã-hội mới thực là con nợ. Tỉ dụ: nhà bác-học

Pasteur đã sinh-trưởng trong một gia-đình nghèo túng, lúc thành-đạt, lại làm việc trong một căn-phòng thí-nghiệm quá ư thô-sơ ; thế mà ông đã tìm ra bao nhiêu linh-đơn, có thể làm cho nhân-loại đỡ phần đau khổ, và cứu vãn biết bao chúng-sinh. Không những ông đã trả nợ được xã-hội, mà ông còn là ân-nhân của xã-hội. Vì đó, ta chỉ nên nói về tình đoàn-kết, chứ không nên nhắc đến vản-đề nợ-nần.

Dù sao thanh-thiếu-nhi đều phải rèn-tập để mai sau có thể giúp ích nhân-quần xã-hội bằng cách phụng-sự chân, thiện, mỹ trong hầu hết các trường-hợp hàng ngày.

Xem như vậy, công cuộc giáo-huần thanh niên là một nhiệm-vụ khó-khăn, nhưng vô-cùng quan-trọng, vì nó sửa-soạn tương-lai và đào-tạo nên những con người xứng-đáng.

(1) « *Seigneur, nous autres, nous sommes nés dans l'ignorance, dans la misère, dans le crime, dans la servitude. Et voici ces autres qui étaient riches, qui avaient des parents honnêtes et excellents, qui avaient tout loisir, qui ont reçu toute instruction et toutes connaissances. Nous ne leur reprochons pas de ne pas être venus à notre secours, de nous avoir laissés dans ces ténèbres épouvantables, nous qui sommes leurs frères. Mais, jugez-les, quel usage ont-ils fait de ces facilités rares, exceptionnelles, qui leur étaient accordées ? Est-ce simplement pour mieux s'amuser qu'elles leur étaient données ? Pour être des artistes et des dilettantes ? Comment ont-ils rempli la mission dont ils étaient chargés devant vous, en notre nom et à notre place, nous, la misérable légion des perdus et des engloutis ? »*

CẨM TRẠI

SAU những ngày làm lụng vất vả, giữa chốn đô-thị ồn ào, với bao nhiêu cái phải lo nghĩ của cuộc đời phức tạp, thanh-niên đem nhau đi một nơi rộng rãi bao la giữa một khung cảnh hùng vĩ, để tổ chức một thể giới riêng, cùng chung sống với nhau ; như thể ai mà không ham muốn.

Ta có thể tổ-chức trại gần bờ bể, để có một cảnh tượng bao la trước mắt. Nhưng phải tìm một nơi khuất gió, và nhất là tránh những kẻ tò mò qua lại, làm mất cả sự yên-tĩnh, có khi làm sai cả giờ giấc của trại.

Trại ở miền núi thì giúp cho trại sinh một khung cảnh hùng vĩ, những ý tưởng hoạt động dũng mãnh, và vẻ thể xác, cho trại viên có dịp cố gắng bằng những cuộc trèo leo, mạo hiểm.

VỊ TRÍ.— Nhưng dù ở chỗ nào, trại cũng cần có những điều kiện sau này :

- Khí-hậu tốt
- Tránh những miền có bệnh dịch
- Vẻ đẹp của phong cảnh
- Tiếp tế tiện lợi
- Gần một nhà thương
- Có chỗ tắm hàng ngày
- Gần nhà thờ cho trẻ tôn-giáo.

LUẬT-LỆ VÀ NGUYÊN-TẮC.— Luật lệ của trại tức là luật chung của phong-trào. Mỗi khi đi trại, Đoàn-trưởng phải giải-thích lại từng điều luật cho trại sinh ghi nhớ. Ngoài ra, những nguyên tắc sau đây cần-phải được áp-dụng, thì cuộc cắm trại mới có ích cho trại sinh :

1— Mỗi người giúp vào việc chung, tức là làm cho chính mình. Phải quên sở thích riêng vì cuộc sống chung.

2— Trong trại không có những nhóm riêng, không có ích kỷ, không có ghen tỵ.

3— Ai vất vả, anh em xúm vào giúp đỡ.

4— Kỷ luật của trại chú trọng chẳng những về bề ngoài mà cần nhất là về bề trong.

5— Ai có sở trường, có năng lực làm việc gì, thì làm việc đó, không nên thích làm việc gì thì làm.

6— Giờ giấc ở trại phải giữ đúng, và điêm trước một phút.

7— Một trại là một thể giới riêng : phân công phải đều và công bằng, nhất là hợp với từng người.

8 — Những giờ ngủ, cần được yên tĩnh.

9 — Không nên vào lều của toán khác và không nên tự tiện ra khỏi trại.

10 — Trại phải hoạt-động và vui-vẻ bởi lời ca tiếng hát của trại sinh.

CHƯƠNG-TRÌNH.— Chương-trình của trại là căn cứ vào chương trình chung của phong trào, tùy học đên chỗ nào rồi và trong trại đó định thực hành hay thi những môn gì đã học. Nhưng mỗi trại cũng nên tổ-chức một việc thiện chung hay từng toán : như bắc cầu, sửa sân vận động, san đường v.v... tùy trại cắm lâu hay ngắn.

THỜI-KHÓA-BIỂU.— Dựa vào chương-trình của trại, Đoàn-Trưởng soạn Thời-khóa-biểu hàng ngày. Thời-khóa-biểu gồm có hai phần :

1.— Phần thứ nhất không thay đổi :

Ngủ, dậy	Thể-dục	Thu dọn	Rửa mặt
Ăn sáng	Chào cờ	Kiểm soát	Giờ ăn,

2.— Phần thứ hai có thể thay đổi cho hợp chương trình, như giờ.



Nơi cắm trại

Học chuyên môn Trò chơi Lửa trại
Việc thiện Đi chơi Hộp tối

Ngoài ra, Đoàn-trưởng còn phải có một chương-trình *thay thế*, đề khi trời mưa gió hoặc những lúc bất ngờ mà áp dụng thay cho chương-trình đã định.

TRONG TRẠI.— Vị-trí đã chọn. Đoàn-trưởng đem mắt nhìn bao quát cả khu định hạ trại, để xem chiều gió và chỉ định :

- chỗ cắm các lều, chỗ dựng cột cờ.
- chỗ làm bếp, làm cầu tiêu, đào hồ rác, v.v.
- chỗ cắm các lều phải khuất gió, cao ráo, thoát nước.
- bếp làm chỗ cuối gió, xa cầu tiêu.
- hồ rác phải đốt hay lấp hàng ngày.
- cầu tiêu phải kín đáo, dọn sạch sẽ hàng ngày, có vôi bột, cát và một cái xẻng.
- cột cờ phải dựng giữa sân rộng, trước lều Đoàn-trưởng, nghĩa là giữa trại, chỗ

xứng đáng nhất đề mỗi ngày, sáng và chiều, anh em đứng chào quốc-kỳ, hình bóng của Tổ - quốc.

CƠM.— Người ta bảo 90% tinh thần là do miệng ăn mà ra. Điều đó, đúng hay không, để các bạn suy xét. Nhưng dù sao, vấn đề ăn uống cho các trại sinh là cần thiết lắm. Đòi gió, cử động nhiều, gắng sức luôn luôn v.v.. tất cả những thứ đó làm cho trại sinh ăn ngon miệng. Vì vậy, cơm phải : nấu nhiều gạo rười, nếu không gạo đôi khi ở nhà, nấu ngon lành ; thức ăn cũng nhiều và sạch sẽ. Một ngày phải cho họ ăn ba bữa : sáng có điểm tâm và 2 bữa chính trưa, chiều. Nếu có thể cho họ một bữa vào 16 giờ nữa, càng hay.

TINH-THẦN.— Ở trại, cần gây lấy tinh thần đoàn kết, hữu ái và trọng kỷ-luật. Những ích kỷ phải loại bỏ để thay thế bằng xã kỷ. Người chỉ-huy, đòi với trại sinh, phải là

tượng trưng tinh-thần công-bằng và nhân-ái. phải làm kiểu mẫu, nêu gương sáng. Giờ giấc phải được tôn-trọng triệt-đề.

Về trại.— Ngày về trại, công việc cũng nhiều chẳng khác gì ngày đến trại. Ngoài những việc rõ ràng như : gấp lều, thu dọn đồ dùng chung và riêng, người chỉ-huy còn phải nghĩ đến làm thế nào, không để lại vết tích gì của trại, nghĩa là phải quét tước sạch sẽ, nhặt nhạnh hết rác bẩn, mà chôn hay đốt đi, lấp các hồ, rãnh v.v ..

Đi chào và cảm ơn những người đã giúp trại và nhà chức-trách địa-phương.

Hợp với các toán-trưởng lần cuối cùng lập một bản tường-trình về trại, ghi rõ những ưu-điểm và khuyết-điểm.

Kết luận — Một trại là một xã-hội riêng; có người điều khiển, có quy-luật, mục-đích là rèn luyện Thanh-Niên về :

— Đức dục : tinh thần đoàn kết, giữ kỷ-luật ...

— Trí-dục : mở mang trí quan sát, rộng tầm con mắt, giỏi về chuyên môn...

— Thể-dục : thêm sức khỏe, thêm dẻo dai, thay hồng khí.

— Xã-hội : gây sự tương-trợ.

Tư-tưởng của chỉ-huy phải làm phát-sinh và nảy nở mục-đích kể trên. Sau mỗi kỳ trại, trại-trưởng phải quan-tâm xem mục đích kia có tiến chút nào không.

TRẦN-VĂN-THAO

Huân-luyện và giáo-dục

HAI chữ giáo-dục ngày nay trên thế giới mỗi nhà chủ-trương một thuyết không lay gì làm nhất trí cho lắm. Theo Paulseu thì giáo dục là truyền thụ cái tinh thần văn hóa của thế hệ trước cho thế hệ sau. Theo Barth thì giáo dục là sự sinh sôi vun sới cho tinh thần xã hội. Theo Dewey thì giáo dục là kinh nghiệm tổ - chức tiếp tục không ngừng, mục đích để tăng gia cái năng lực đặc biệt của những kinh nghiệm về sau cho người chỉ huy. Theo Finney thì giáo dục là lịch trình sống lại của xã hội, đem cái di truyền của xã hội làm sống lại ở cá nhân để cho cá nhân có tài liệu gây dựng nhân cách. Theo Bade thì giáo dục là một loại lịch trình của cá-nhân để gia nhập vào đoàn thể xã-hội.

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

Tuy ý nghĩa thì không được nhất trí, song trên thế giới ai nấy đều thừa nhận giáo-dục là một loại công tác của xã hội nhân loại. Cảm thú không có giáo dục, cá nhân cô lập cũng không có giáo dục. Sở dĩ xã hội nhân loại cần

thiết đến giáo dục, vì rằng bản thân của xã hội là một tổ chức tương tự với tổ chức của thân thể. Một thân thể cần phải liên tiếp

tục sinh tồn, không thể không có những tế bào hiệu thế. Một xã hội cần kẻ tục sinh tồn cũng không thể không có những phần tử mới đến thay thế cho những phần tử già rồi.

Tế bào thay thế đổi mới là do sinh-lý cho nên có thể nối tiếp tàn cự với nhau. Phần tử xã-hội hiệu thế cũng có hai phương diện sinh lý và xã hội. Cho nên giữa phần tử cá

và phần tử mới, sinh lý di truyền có thể lây đặc tính riêng trong huyết thống xã-hội để truyền lại về sau, làm cho một xã-hội có cái cơ sở sinh tồn kế tục. Song mỗi xã hội đều có một kinh nghiệm văn hóa di sản của nó, ví như một xã-hội có những quan niệm cùng tập quán khác nhau có những trí thức hay kỹ năng đã tích lũy, thì những cái ấy không thể mượn đường sinh lý để di truyền được. Như một nhà đạo đức tuy có thiên tính yêu điều thiện có thể truyền cho con cháu, nhưng không thể lây những hành vi mình đã tập quen để di truyền cho con cháu được. Nhà tư tưởng tuy có thể lây cái năng lực lý giải của mình để di truyền cho con cháu, song không thể lây cái mình đã nghiên cứu được để di truyền cho con cháu.

Nhà khoa học tuy có thể để lại cho con cháu phòng thí nghiệm và thư viện của mình nhưng không thể để lại được cái do mình đã kinh nghiệm. Nếu muốn cho con cháu thành được nhà đạo đức, nhà tư tưởng hay nhà học-giả, thì cha mẹ tất phải tuần-tự mà dạy con cháu phải tuần tự mà học. Cái thứ tuần tự mà dạy, tuần tự mà học ấy, thì phổ thông gọi là giáo dục. Nhân đây mà giáo dục là dùng phương pháp để truyền thụ các loại kinh nghiệm về văn hóa của xã-hội ở thế hệ trước cho xã-hội ở thế hệ về sau vậy.

Giáo dục đã là sự truyền thụ kinh nghiệm văn hóa của một xã-hội có thể chia ra làm ba loại lớn. Quan niệm và tập quán đặc biệt gồm các phong tục đặc biệt của một xã hội, cách thức sinh hoạt đặc biệt của nó nào, vũ trụ quan, nhân sinh quan hay xã-hội quan đặc biệt. Các loại trí-thức đặc biệt gồm các loại nhân-văn khoa-học tự-nhiên khoa học. Các loại kỹ năng đặc biệt gồm các phương pháp vận-dụng và chế tạo khí giới, các cách thức tổ chức kinh tế và kinh doanh. Nội-dung của giáo dục cũng có thể chia ra làm ba phương diện. Giáo dục về tập quán, giáo dục về trí thức và giáo dục về kỹ năng. Song đối tượng của giáo dục là « xã-hội bị giáo dục

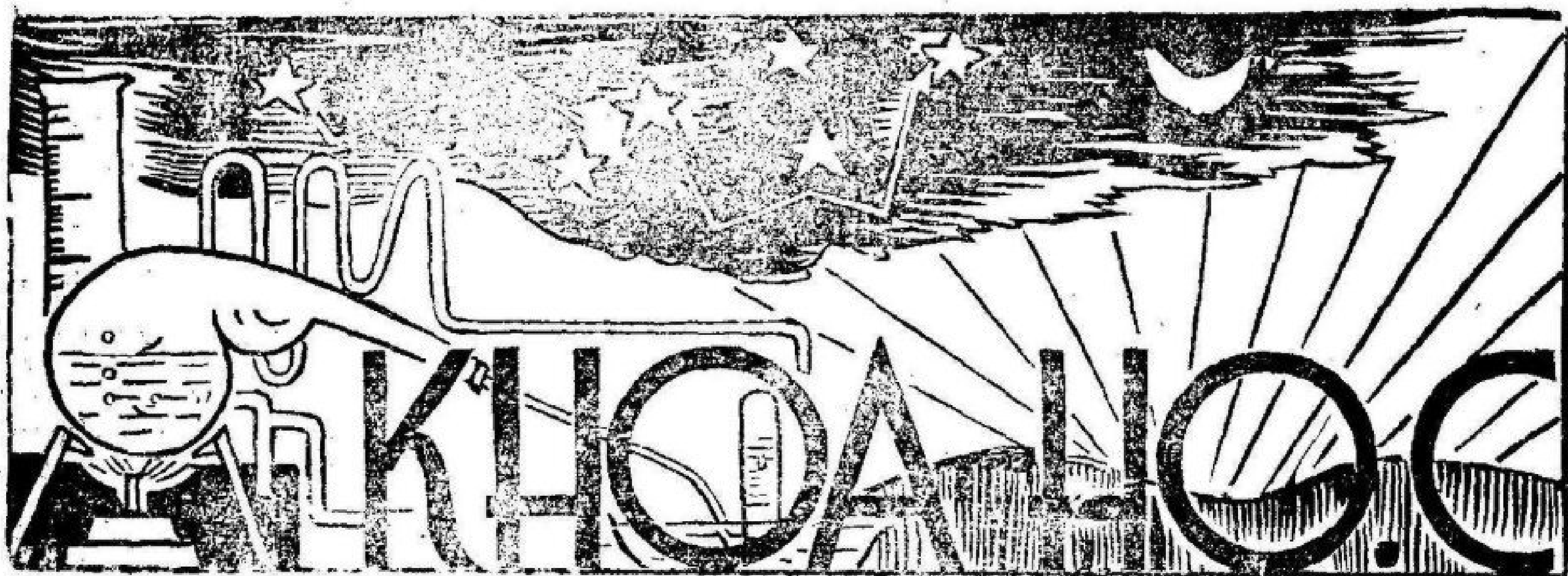
vì hậu tiến ». Xã-hội hậu tiến tất cần phải có một thể-cách kiên toàn thì rồi mới có thể tiếp thụ được đầy đủ các phương tiện của giáo dục. Do đây mà một giáo dục chân chính thì ngoài ba phương diện kể trên còn phải thêm một phương diện giáo dục về thể-cách.

Mục đích của giáo dục thể cách là sức khỏe kiên toàn mục-đích của giáo dục về tập quán là đức hạnh hay là đức-dục, mục đích của giáo dục về trí-thức là khoa học hay là trí dục, mục đích giáo dục về kỹ năng là năng lực. Khang-kien, đạo-đức, trí-thức, năng lực, đây là bốn phương diện của nền giáo dục chân chính, bốn lý tưởng tiêu chuẩn lớn của giáo dục.

Nội dung của một giáo dục chân chính gồm có bốn phương diện như thế, cho nên công việc giáo dục chân chính cũng có bốn loại. Như về sự kiện toàn chỉ có khoa thể thao và vận-dộng, về trí dục thì có các loại khoa học, về năng lực thì có khoa thực hành luyện tập, về đức dục thì có khoa huấn luyện vì huấn luyện là khoa giáo dục chuyên về đạo đức luân lý. Anh Mỹ thường gọi khoa này là khoa giáo dục đạo đức (Moral Education) hay là huấn luyện đạo đức (Moral training.)

Huấn dục đã là khoa giáo dục đạo đức; mà các loại hành vi đạo đức nuôi thành tập quán sẽ cấu thành phẩm-cách của cá nhân (caractère). Như vậy thì có người còn gọi huấn luyện hay huấn dục là giáo dục phẩm cách hay là dưỡng thành phẩm cách. Đây là những danh từ các cường quốc Âu Mỹ hay dùng.

Huấn dục là khoa giáo dục đạo đức hay phẩm cách, mà giáo dục với phẩm cách đều chú trọng vào hành động. Hành động lại bắt nguồn ở ý-chí. Ý-chí, tình cảm và lý trí đều là ba phương diện của một tâm hồn. Giáo dục đạo đức, hay phẩm cách đã chú trọng vào phương diện hành, mà hành, hay hành động lại thuộc về ý chí; cho nên có học giả gọi giáo dục



Văn-hóa nơi đồng ruộng :

Quan-niệm nông-dân về tinh-tử

QUEN sống gần-gũi tạo-hóa, suốt đời làm bạn với cỏ cây, với gia súc, luôn luôn trông thấy những hiện-tượng của vũ-trụ, người dân-quê Việt-Nam cho là các vì tinh-tử trên trời có ảnh-hưởng tới công việc đồng-áng.

Chịu ảnh-hưởng của nền văn - minh Trung-Quốc, họ theo âm-lịch, và vì thế có nhiều chiêm-nghiệm về giăng, sao. Theo họ, ở trên trời, có cả một thế - giới riêng-biệt, mà mỗi vì sao ví như một người dưới trần gian. Thế-giới ấy cũng sinh-nở, thêm bớt, hoạt-động, có trật-tự, và mỗi vì sao giữ một chức-vụ. Không có thiên-lý kính, nhưng sống với tạo-hóa, cứ đêm đêm, mắt họ trông thấy thế nào thì nghĩ vậy ; và họ tin rằng giăng sao chỉ ban đêm mới có, còn ban ngày là giăng sơn của mặt trời hay vùng Kim-Ô (con quạ vàng).

Ở nhà quê đã có câu đố, câu ca-dao nói về tinh tử :

« Đêm thì mẹ mẹ con con,
« Ngày thì chết hết chẳng còn một ai.
« Còn một ông lão sớm mai,
« Nhăn nhăn nhó nhó chẳng ai dám nhìn ».

Họ tưởng tượng rằng ở trên trời có nhiều ngôi sao như sao Nam-Tào, Bắc-Đẩu chuyên việc giám-sát hình-vi của loài người ; dưới địa-giới, lại tâu với Ngọc-Hoàng để ngài thưởng hay phạt. Muốn thưởng thì

Ngọc-Hoàng hoặc cho một ngôi sao tốt đậu thoi vào gia đình người nào tốt, và muốn phạt người xấu thì đã có sao của ông Thiên - Lôi,

của bà La-Sát.

Khi thấy một ngôi sao sáng tỏ hơn các sao mà mọi đêm họ vẫn trông thấy, thì họ cho là ở một phương đã có một nhân tài xuất thế ; và nếu thấy một sao đổi ngôi, thì chắc chắn đã có một người tài đức qua đời. Họ quý trọng các vì tinh tử trên trời, nên tôn là ông, « ông Giăng », « ông Sao ». Họ cũng cho là ông giăng tuy nom lớn, nhưng chính thực bé hơn ông sao. Đã có câu ca dao :

« Ông Giăng một sao,
« Ông Sao một mẫu ».

Họ lại tin là ở trên trời, cuộc đời cũng náo-nhiệt không kém gì dưới trần gian, và trong mặt giăng hay Cung Quảng-Hàn có

cây đa, có con trâu, có người ở, ấy là gia đình Cuội trong câu phong-da :

« *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
« Để trâu ăn lúa gọi cha ối ối.
« Cha còn cắt cỏ trên gò,
« Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên.
« Ông thì cầm bút cầm nghiên,
« Ông thì cầm tiền đi chuộc lá đa.* »

Họ tưởng tượng rằng ở trên gò cũng có cảnh ruộng nương bát ngát do ông thủy tổ nghề nông là Thần Nông điều khiển công việc cày cấy, lại có sông để lấy nước vào ruộng, ấy là sông Ngân-Hà mà người Âu Mỹ gọi là « đường sữa ». Đã có sông thì có bờ, có nước ; rồi cứ những đêm nhân rồi, khi mà công việc đồng áng đã vãn, họ ra sân ngắm giăng, sao. Theo họ thì ở trên gò, về phía Bắc có ông sao dẫn đường cho những kẻ lạc đường, ấy là sao Bắc-Đẩu, (một ông sao sáng nhất trong nhóm sao Tiểu-Hùng của người Âu Tây) ; phía Nam ở đôi diện có Nam-Tào cứ chiều tối thấy sáng tỏ lấp lánh trên gò. Ở phía Nam lại còn có nhiều sao nữa như sao Thần-Nông là một nhóm sao nom giống như một người ngồi, lưng khom khom, đầu đội mũ lông công, mặt là mây vi sao nom hình như mắt, mũi, mồm. Ông sao Thần-Nông theo ngày tháng mà thay đổi giăng điệu : Đền mùa nghỉ ngơi là lúc gặt hái xong rồi thì ông ấy ngồi thẳng ; lúc cấy lúa thì ông ấy khom khom lưng ; lúc gặt lúa về tháng năm tháng sáu thấy ông cúi rạp như thế tay cầm cái hái mà gặt các bông lúa vàng bên bờ Ngân-Hà. Đằng sau lưng ông Thần-Nông, là một chòm sao tựa hình « Con Vịt ». Một ông sao to, luôn luôn lóng lánh là cái đầu và cái mắt. Hai ông sao mờ hơn là cổ, còn chín ông sao xếp cong cong là mình con vịt. « Con Vịt Gò » ấy có ảnh hưởng đến mùa nước ở trên gò và cả ở hạ giới nữa ; nó cho người nông dân biết là nước sông Ngân-Hà to hay nhỏ, thì xem đây cũng có thể đoán là nước sông Hồng-Hà của họ ở dưới đất

năm nay lên nhiều hay ít; nạn vỡ đê có đáng sợ hay không. Khi con vịt ngồi ở giữa giòng sông Ngân-Hà thì nước sông cạn và có khi hạn hán ; nếu con vịt ngoi sát vào bờ sông, ấy là nước đã lớn, và nếu thấy đầu và mình con vịt ngoi hẳn lên bờ thì là nạn hồng thủy sắp đến nơi. Khi « Con Vịt » lại ngoi hẳn ra ngoài bờ sông Ngân-Hà thì trăm phần trăm, nạn lụt khó mà tránh được, và vừa lụt lội, vừa bão táp nữa.

« Con Vịt » thuộc về chòm sao Bọ-Cạp của Âu Mỹ, không ngờ lại là cái phong-vũ-biểu của nông dân Việt-Nam.

Tiết tháng bảy hay mưa, gọi là mưa Ngâu ; là vì theo một truyện cổ tích thì ở trên gò có nàng Chức-Nữ là con Đức Ngọc-Hoàng và chàng Ngưu-Lang là một gã chăn đàn trâu của nhà gò. Chức - Nữ có nhan sắc, và suốt ngày chăm chỉ dệt vải may áo cho các nàng tiên. Một hôm, tình cờ Chức-Nữ gặp Ngưu-Lang trên bờ sông Ngân-Hà, rồi nàng đem lòng yêu dấu. Chẳng bao lâu, tình cảm kỳ trở nên cảm sát, Ngọc-Hoàng cho phép hai người kết duyên với nhau. Nhưng sau khi kết hôn, hai người đâm ra chênh mảng công việc, chàng thì không săn sóc trâu như xưa, nàng biếng nhác việc dệt vải vá may. Ngọc-Hoàng biết vậy, giận lắm, nên xuống chiều bắt hai người phải ở riêng biệt mỗi người một bờ sông Ngân, và hàng năm, chỉ cho gặp nhau từ mồng 3 đến mồng 8 tháng 7 thôi. Hàng năm cứ đến tháng 7 lúc Ngưu-lang gặp Chức-Nữ thì hai người khóc lóc thảm thiết ; nước mắt nhiều đến nỗi dưới trần gian bị mưa tầm tã trong thời kỳ vợ chồng Ngâu gặp nhau.

Thi-sĩ Trần-tê-Xương đã nhắc nhở đến Ngưu-Lang, Chức-Nữ trong các câu :

« *Tục truyền tháng bảy mưa Ngâu,
« Con Gò lấy chú chăn trâu cũng phiền,
« Một rằng duyên, hai rằng nợ,
« Sợ sặc thẳng, ai gỡ cho ra.* » . .

Ở phía Đông, sao Tua Rua là một ngôi sao to và sáng, phía dưới có mấy giầy sao nhỏ nom như thê cái tua ở nón đội. Cứ đến tháng năm, tháng sáu, thì sao Tua Rua rất to; và nông dân đã công nhận sao ấy là đồng hồ về việc cấy lúa ở nhà quê. Khi cấy lúa mùa họ xem sao Tua Rua mà làm việc. Thấy Tua Rua xuất hiện thì nên cấy bừa cho kỹ ruộng, rồi cấy lúa để kịp thời tiết:

« Tua Rua một tháng mười ngày,
« Cấy chốc vũng cấy cũng được lúa soi.
« Bao giờ nắng giữa bèo trôi,
« Tua Rua quá Ngọ thì thôi cấy mùa »

Lại có câu này về sao Tua Rua :

« Cấy bằng mặt, gặt bằng đầu ».

Về phía Đông Nam, có hai sao « Bồ con đom đó ». Sao đom đó là hình hai cái đó, một cái to, một cái bé. Sao ấy ở gần sông Ngân-Hà và biểu hiệu của sự nước nhiều hay ít ở trong đồng ruộng. Nếu thấy sao Đom đó ở gần sát bờ sông ấy là thiếu nước làm ruộng; nếu sao ấy xa bờ sông mà chạy ra đến giữa dòng, thì là giờ đã đại hạn, liệu mà sắp gấu tát nước.

Ở phía Nam còn có sao Mang-Hiện nữa cũng được nông dân chú ý. Ấy là một chòm sao nhỏ, thành hình cái bàn tay. Về vụ lúa mùa, nếu thấy sao Mang-Hiện xuất hiện thì dân quê đem mạ ra mà gieo lên ruộng :

« Bao giờ Mang-Hiện đến ngày,
« Cấy bừa cho ngấm mạ này đem gieo ».

Theo cổ tích thì sao Mang-Hiện là tượng trưng hai anh em nông phu kia, anh phải đi lính nơi biên thủy để vợ trẻ ở nhà, giao cho em trai trông nom cả ruộng nương và vợ trẻ, sợ chị dâu nhẹ dạ, đại dốt rồi không giữ được lòng trinh tiết với anh chàng, em khoét một lỗ hổng qua bờ tường vừa bằng bàn tay để trông nom nhà. Về sau, chị có mang. Người em bị tình nghi, tức mình nhảy xuống sông tự trầm rồi oan hồn hiện lên giờ thành sao Mang-Hiện.

Muốn biết giờ trong một đêm, người làm ruộng đã có ông sao Hôm, sao Mai và sao Vượt. Ngôi sao lúc tối khoảng giờ Tuất mọc cao bằng mặt và sáng tỏ, gọi là sao Hôm. Đến nửa đêm, có một ngôi sao cũng to bằng sao Hôm mọc đúng đỉnh đầu gọi là sao Vượt, tức là giờ Hợi; và đến gần sáng giờ Dần, thì sao Mai mọc lên ở chỗ sao Hôm, thế cho nên đã có câu :

« Sao Hôm chờ đợi sao Mai,
« Kia ông sao Vượt chờ ai giữa giờ ?

Người nhà quê thường thường vẫn ngắm giăng, sao để biết thời tiết.

Họ biết là nếu giờ thừa sao thì sắp mưa to, mà nếu mau sao thì nắng gắt :

« Dày sao thì nắng,
« Vắng sao thì mưa ».

Ông giăng cũng cho biết nhiều điều kinh nghiệm về thời tiết, để làm công việc đồng áng :

« Giăng quầng thì hạn,
« Giăng tán thì mưa ».

Họ lại có câu ca dao này nữa, cũng nói về giăng và có liên lạc đến câu trên :

« Muốn ăn lúa tháng 5, trông giăng
rằm tháng 8 ;

« Muốn ăn lúa tháng 10, trông giăng
mồng 8 tháng tư »

Lại có câu sau đây là điểm mùa màng, tầm tơ tốt :

« Tơ giăng mười bốn được tầm,
« Tơ giăng hôm rằm thì được lúa chiêm ».

x

x x

Xem như vậy, ta thấy người nông dân có một quan niệm riêng đối với các vì tinh tú, và họ biết xem giăng sao để kinh nghiệm và áp dụng vào công việc đồng áng.

Đôi khi, ta thấy họ cũng có dùng giăng sao làm câu đùa bỡn nhau hay là các câu hát trẻ con :

« Ông giăng mà lấy bà sao,
« Đến mai có cưới cho tao miếng trầu
« Có cưới thì cưới con trâu,
« Chờ cưới con nghé, nàng dâu không về».

hay là câu :

« Ông Giăng ông Giăng,
« Ông giăng búi tóc.
« Ông khóc ông cười ;
« Mười ông một cổ,
« Đánh nhau lỗ đầu,
« Đưa nhau đi kiện».

Câu sau đây tả rõ hy vọng nông dân như mặt giăng có lúc mờ lúc tỏ :

« Trăng mờ vì đám mây che,
« Em đây vất vả về nghề canh nông.
« Trăng mờ có lúc lại trong,
« Em đây vất vả đỉnh chung có ngày».

Thề rồi, nếu công việc đồng áng xong xuôi, nếu mưa thuận gió hòa, phong đăng hòa cốc, thì người nhà quê Việt-Nam rất lầy lăm sung sướng mà hưởng gió mát giăng thanh, ngắm giăng trong trên trời, và xem sao để đoán thời tiết làm mùa sắp tới :

« Bốn mùa gió mát với giăng trong,
« Nhón nhò giăng son một cánh đồng.
« Mặc kệ đua chen danh với lợi,
« Ta về ta hưởng thú nhà nông».

x
x x

Quan-niệm của nông dân Việt-Nam, về tinh-tú, cũng như quan-niệm của nhiều nhà nông Âu-Mỹ, không phải là cổ-hủ và dị-đoan. Chính các nhà bác học ngày nay đã nghiên-cứu và giải-thích rõ ràng ảnh-hưởng các tinh tú — trong số đó có mặt trời và mặt giăng — đến loài người, loài vật và cây cối trên trái đất. Những chấm đen thấy xuất hiện ở mặt giới, những cuộc nhật-thực và nguyệt-thực, thường có ảnh hưởng đến thời tiết và sự trồng trọt ; mặt giăng khi tròn khi khuyết, có liên quan tới hệ thống lên xuống của nước thủy triều, và mùa màng cây cỏ.

Tuy nhiên, trong nhiều câu ca-dao tục-ngữ mà ta có thể gọi là « Tiếng nói của đồng ruộng », có câu đúng mà cũng có câu sai ; ta chỉ nên tin những câu linh-nghiem, còn coi các câu khác là những tài-liệu cổ-truyền thôi.

Bệnh già

Sau khi xem bài « Thuốc tráng-sinh » đăng trong Văn-hóa nguyệt-san số 4, một bạn đọc đã gửi tới bản báo mấy dòng dưới đây, gọi là góp thêm tài-liệu về sự giữ gìn sức khỏe.
L.T.S.

LÀM cho người sống lâu, trẻ lại là những điều mơ ước của người ta từ xưa tới nay.

I. — Song, người có thể sống được hơn trăm tuổi không ?

Đời thường của loài vật, bất cứ loài nào, được gấp sáu lần thời kỳ phát-dục.

Mèo tới một tuổi rưỡi, mới hết thời kỳ khôn lớn, nên sống được 9, 10 năm. Ngựa lớn lên trong bốn năm, nên sống được chừng 25 năm. Người 25 tuổi mới khôn lớn hẳn, nên đáng lẽ sống được hơn một trăm tuổi mới phải. Thề mà, trung bình chỉ sống được đến 68 tuổi thôi ; vậy tự người không

biết giữ-gìn, mới thiệt hần mất bao nhiêu ngày tháng. Người ta vì nhảm lồi hay vì vô ý, tự làm ngắn đời mình đi.

Loài vật, ăn ở theo tính tự nhiên, chỉ uống nước lã, ăn giản-dị, vừa phải, ở nơi yên-tĩnh, có thói quen điều-hòa, nhọc mệt thì nghỉ ngay, nên tương đối có thể sống lâu. Trái lại, người tinh khôn hơn loài vật, thường làm đảo ngược luật tạo-hóa, tự tạo hàng nghìn nhu-cầu, không khát cũng uống, chưa đói đã ăn, tự chuốc lấy biết bao công việc, trác-táng đủ thứ, nghỉ ngơi bất thường, đêm nằm chằn-chọc, xác thật phở hần cho tinh thần, thực đã tạo ra hàng trăm cách để tự đầu độc mình!

Không kể gì các tục lệ, ngay cách sinh-hoạt và sự giải-trí quá độ, đều là không hay cả. Sự cố gắng làm việc, lòng lo phiền, mối hoan-hỉ thái-quá, cách sinh-trưởng ở những nơi không khí vẫn đục khác hẳn đời bình-tĩnh của thời xưa, đều có hại cho sức khỏe cả.

Muốn ăn ở theo luật tạo-hóa, lẽ tự-nhiên là ta không thể trở lại đời thượng cổ, ăn lông ở lỗ, một cách man-ri. Song ta đã chọn sự hoan-hỉ cho tâm-trí và tinh thần, với một giá quá đắt. Đời sống ở xã-hội, chỉ làm cho ta chóng già. Ta cố tránh được nạn binh đao, bệnh nọ tật kia, nhưng đến ngót bảy mươi tuổi, đã trở về già. Ta nên dùng cách gì để có thể sống được hơn trăm tuổi.

Cái già đó là do cơ-thể hao-mòn, cơ năng các bộ phận trong người kém linh-hoạt, và những tế bào kém sức đi dần mà sinh ra. Nhân đó, các thớ thịt và thớ xương thêm dày và cứng, rồi đi đến chỗ cặn-cội.

Già là bệnh lý-học của cơ-thể và xương-thịt.

x
x x

II Phương-pháp chống già.

Ta có nên đề phỏ mặc đời người cho số phận không? Có cách nào làm cho đời người

được dài thêm, lâu già đi không? Có. Trước hết, ta tự sửa mình, tự kiến thức mình, ăn ở theo luật thiên-nhiên của tạo-hóa, thì cái già dù có cố đuổi theo mình, cũng phải trong một thời kỳ một trăm năm mới tới kịp ta.

Hiện nay, là còn hy-vọng vào những sự nghiên-cứu về khoa-học:

Sự khảo-cứu này chia ra làm hai ngành:

- 1') Trừ tính để đề phòng sự già.
- 2') Tìm thuốc để chữa bệnh già.

Bên Mỹ đã có một cơ-quan theo đuổi công việc khảo-cứu về ngành thứ nhất. Cơ quan này gọi là: «Fondation des recherches pharmaceutiques et médicales». Cơ-quan này đã tìm được nhiều thứ thuốc để-phòng các bệnh, như: bệnh đau tim kinh-niên, bệnh tắc động mạch, bệnh phù động-mạch.

Những bệnh làm cho đời người suy biến này, đã có thể tránh được đến 50 phần 100. Người ta đã sửa soạn một kế-koạch vĩ đại, đã nghiên cứu kỹ càng, tinh-tề những bệnh này để ngăn-ngừa và điều-trị.

Về ngành thứ nhì, thì một bác-sĩ người Âu. O. Bogomolet, đã tuyên bố rằng ông phát-mình ra một thứ huyết-thanh (sérum curatif), có thể ngăn bệnh già không tăng lên được, và khiến cho người ta trẻ lại.

Theo ông, huyết-thanh Bogomolet làm cho khí-lực thêm lên, và điều-trị bệnh già có phần công-hiệu. Dùng thuốc này thì có thể thấy những nét nhăn của tuổi già biến đi, tóc mọc thêm ra và đen lại, người cứng-cáp, nhanh nhẹn thêm.

Ông tuyên bố rằng: tiêm thuốc này vào hạ-bì, không đau đớn gì, dù tiêm nhiều lần.

Người ta lại nói thứ huyết-thanh này lấy ở lá lách và tủy sống của những người trẻ tuổi mới chết trong vòng 10 giờ.

Nhưng, hiện nay, ta chưa trông thấy thứ thuốc này, vì pháp-luật cấm không cho lấy các cơ-quan của những người chết, trong vòng 24 giờ sau khi khai tử.

Ước mong thứ thuốc tròng-sinh đó có thực, để thể-nhân có thể tăng tuổi thọ.

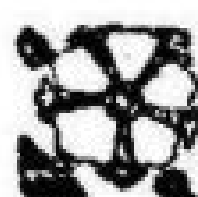
Bác-sĩ Bogomolet, mất năm 1946, đã nhắc đi nhắc lại trước khi từ trần : « Xin hãy loan-báo cho thế-giới biết rằng tôi chết đây, là chết về bệnh đau tim, chứ không phải chết già ». Nhưng, dù là bệnh gì đi nữa, bác-sĩ cũng đã là người thiên cô...

NGUYỄN-VĂN-PHÚC.

Qua nhà bạn cũ.

Bốn bề sau trước lặng như tờ,
Ngắm lại vườn không luống vắng - vơ.
Chào đón nào đâu người độ trước ?
Đi về này những lối năm xưa.
Đầy tường rêu mọc, mưa tầm-tã,
Mấy khóm hoa tàn, cỏ phát-phơ.
Nhân-thế vui chơi là giấc mộng,
Bút hoa khôn vẽ cảnh tiêu-sơ !

Tiến-sĩ, NGUYỄN-SĨ-GIÁC





Vẽ truyền chơn:

CÁCH DÙNG THAN THỎI

AI cũng biết vẽ là cách tả những hình thể, màu sắc, sáng tối, trên mặt phẳng.

Một hình vẽ có thể chỉ có những nét để tả hình thể. Lắm khi người ta thêm vào đó những chỗ sáng, tối, bằng một hoặc nhiều màu sắc thắm hoặc nhạt. Và cũng lắm khi một bức vẽ tả đủ các màu kể cả chỗ sáng chỗ tối, y như cảnh thật.

Vẽ cho đúng như thật thì gọi là vẽ truyền chơn, tức là truyền sự thật trên mặt giấy, vải, lụa, hoặc bất cứ một chất gì.

Muốn vẽ truyền chơn, người ta có thể dùng bất cứ chất gì, miễn là vạch được ra nét để tả theo ý muốn của mình.

Hiện nay, nhờ các phát-minh của khoa-học và sự tiến-triển kỹ-nghệ, họa-sĩ có thể dùng nhiều thứ, để không những tả đúng sự thật, mà còn tạo nên những tác-phẩm đủ vẻ mỹ-quan nữa.

Họa-sĩ ngày nay được tùy sở-thích mà lựa chọn dụng-cụ và thuốc-vẽ hợp ý mình.

Muốn vẽ bằng một màu thì có bút chì, chia ra chì mịn và chì than; than thối, chì màu nâu, màu máu, màu tím, lại có cả chì màu trắng để vẽ vào giấy đen nữa; mực tàu và

bút sắt, bút lông. Muốn vẽ bằng nhiều màu thì cũng lại có đủ thứ chì màu sắc, các thứ phấn màu, nhẹ nhàng và tươi hơn, các thứ bột để hòa với hồ loãng hoặc với dầu sơn, cùng các bánh thuốc cứ việc mài ra với nước là mà vẽ.

Dưới đây, hãy xin nói về cách vẽ bằng than thối.

Than thối, mà tiếng Pháp gọi là fusain, do một thứ gỗ, cây nhỏ, kiểu như cây thanh-hao làm chổi của ta, mà người ta đốt thành than. Than ấy chất mịn mà xốp, màu không đen nhánh quá, vừa vụn thích hợp để tả những bóng tối thông thường. Thật vậy ta thấy ở cảnh thiên-nhiên những chỗ sáng và tối, chỗ sáng nhạt cũng chỉ đèn như giấy trắng là cùng, mà chỗ tối lắm cũng đèn như than bôi đèn thật thắm. Chỉ có áo nhung đen ở trong tối mới cần tả bằng màu đen hơn than này.

Vì chất than xốp, nên nó lại có một cái lợi là nét than chỉ bám hờ hờ vào mặt giấy; nếu người vẽ vô ý vạch lắm một nét, hoặc đã bôi nhiều quá, thì có thể thổi một hơi là bột than bay đi, khỏi phải dùng đèn tẩy như ở những bức vẽ bằng chì.

Bởi chất than dễ bay đi như thế, nên khi vẽ xong một bức, người ta cần phải phun một

NGYM



Bức tranh truyền chơn

thứ nước lên khắp mặt giấy, nước ấy sẽ giữ nét than lại mà không phai được.

I — Giấy vẽ

Giấy vẽ có nhiều thứ, có thứ nhẵn để vẽ bằng ngòi bút sắt, thứ gợn vừa, thứ gợn lấm để vẽ bằng thuốc nước tùy khi vẽ hoa lá, mặt người hay sơn thủy; có thứ gợn mà bền chắc để miết chì lên cho khỏi bị xơ; có thứ gợn mà xốp để vẽ nhẹ nhẹ bằng than hoặc phấn màu.

Vẽ bằng than thì, lợi nhất, tiện nhất là hạng giấy xôm xốp, hạt đều nhau. Nếu ta dùng kính hiển-vi mà soi mặt giấy (hạng giấy Ingres) thì ta thấy những hạt cát tròn đều nhau nổi ráp lên. Chính những hạt cát ấy giữ lấy chất than khi người ta dùng than mà vẽ. Vạch nét than xong lại soi kính, thì thấy không hẳn là một vạch mà là nhiều điểm than đứng sát liền nhau mà thành ra. Thành thử

nét than vẽ trên giấy này vẫn đều nét mà không nét nào cứng quá.

Như trên đã nói, nếu người vẽ thầy chỗ nào đậm than quá thì có thể thổi cho bụi than bay bớt đi. Nếu đã vẽ rồi mà muốn lấy lại chỗ trắng hẳn như giấy, thì sau khi đã thổi, lại lấy tẩy mà tẩy đi, thì bột than mất hết. Tẩy đây không phải là cái tẩy bằng cao-xu, mà là một miếng ruột bánh tẩy, vẽ tay cho mềm, cho mịn dẻo đi, rồi dẹt vào chỗ nét vẽ mà chằm bớt bột than đi, công dụng tốt hơn tẩy bằng cao-xu nhiều lắm.

Nay xin nói đến cách vẽ.

II — Cách vẽ

Trong môn vẽ, mỗi người có một sở thích riêng, nào vẽ sơn-thủy, nào hoa điều, nào tĩnh-vật như cái lọ, cái cốc, cái ghế, cái khăn bàn, cho nên lấy riêng một mẫu ra mà bàn, kẻ cũng khó. Bởi vì mỗi thứ kẻ trên đây là một hình thể riêng, là một chất riêng, có màu sắc riêng, người nói một đằng, có thể người nghe hiểu ra một lối khác.

Muốn có một đầu để chung, ai cũng biết rõ, thiết tưởng không gì hơn hình thể người.

Lấy hình thể người mà nói, các bạn đọc nếu không sẵn có mẫu ngay trước mắt, cũng có thể tự soi ở trước một tấm gương, cũng có đủ tài-liệu để theo những câu viết dưới đây.

Ở trường mỹ-thuật ngày trước (hiện nay trường này phải tạm đóng cửa), học-sinh vẽ theo người mẫu trong ba năm trời, ngày nào cũng từ 7 giờ đến 10 giờ sáng. Như thế mà không thầy ai có vẽ chán, thời đủ biết hình thể người công-hiễn cho họa-sĩ một kho vô-tận kinh nghiệm mỗi ngày một thêm nhiều, một mới hơn, khiến cho người vẽ càng ngày càng phần khởi, càng chăm chú và càng tấn tới hơn.

Muốn nói chuyện về cách vẽ hình người bằng than, việc mà chính trường mỹ-thuật coi

là nền-tảng quan trọng nhất, không gì bằng kẻ hoàn toàn công việc của học-sinh trường này, về phương diện này.

Cứ mỗi buổi sáng thứ hai, hồi 7 giờ, là có một người mẫu mới. Nếu là người cũ, thì cái thê ngồi hay đứng cũng đòi cho khác với tuần trước.

Học sinh vẽ trong một gian phòng rộng, thoáng nhưng ba mặt che tối, chỉ để một mặt cửa kính thật rộng, ánh sáng vào thật nhiều, nhưng là ánh sáng dịu chứ không phải là ánh nắng. Như thê ở người mẫu, chỗ sáng chỗ tối, rõ rệt nhưng dịu dàng, học-sinh trông thấy là hứng vẽ ngay.

Thí dụ người mẫu khỏa thân đứng, tay cầm một cái gậy gỗ, chống một đầu xuống đất. Thường thì người mẫu này đứng trên một cái bục gỗ, cao chừng 30 phân, để cho học sinh đứng trước giá-bảng mà vẽ, tỉ-lệ cũng như ngồi mà vẽ người đứng ở mặt đất vậy.

Tờ giấy vẽ kích thước là 48 phân chiều rộng và 63 phân chiều cao, học-sinh chỉ được để chừa trên đầu và dưới chân trong 5 li thôi, nghĩa là chiều cao của hình vẽ không được kém 62 phân.

Học-sinh phải dùng một cái que, bấm tay vào mà đo mỗi bộ phận ở thân người mẫu, rồi so-sánh, ví như từ đỉnh đầu đến gót chân thì gấp 6 lần rưỡi từ đỉnh đầu đến cằm. Lấy chiều cao đầu làm đơn-vị để so-sánh với những bộ phận khác, đã thành ra một cách phổ-thông. Thường học-sinh vẫn hỏi nhau : « Anh đo được mấy đầu ? » Ý nghĩa là thê.

Đo như thê, để đặt cho đúng từng đoạn, từng mực một. Những mực chính là đỉnh đầu, cằm, ngang hai đầu vú, rốn, hông, đầu gối, mắt cá, đó là ở chiều cao. Còn ở chiều rộng thì từ vai bên nọ đến vai bên kia là một đầu rưỡi chẳng hạn, chiều rộng chỗ hông thì một đầu hai hay một đầu ba, v. v. Ngoài ra, lại phải đo từ đầu gậy đến vai bên kia là bao nhiêu, từ khuỷu tay bên phải đến đầu gối bên

trái, càng đo, càng so sánh nhiều bộ phận, kích thước càng dễ đúng.

Một người đứng, bao giờ cũng theo thê thẳng bằng. Mà muốn vẽ cho đúng thê thẳng bằng, phải dùng giấy dọi. Một sợi chỉ, cuối buộc hòn chì, học-sinh thả ở trước mắt mình để ngắm thê đứng của người mẫu.

Ngắm như thê, học-sinh sẽ thấy sợi chỉ qua sống mũi, xuống đến giữa ngực, qua rốn, qua giữa đầu gối bên trái, đến mắt cá ngoài bên trái, chẳng hạn.

Trên tờ giấy, học-sinh vạch một đường thẳng đứng, hình dung cái giấy dọi, rồi ghi những điểm mà giấy ấy đã đi qua.

Thê là kích thước, vị-tri mỗi bộ-phận đầu vào đây. Chỉ còn việc phác theo đường chu vi thân người, với những nét tay chân, mắt, mũi.

Phác như thê, thê nào cũng có những nét thừa, thì thôi qua đi, rồi gò lại cho thành những nét đúng. Cái nét chu-vi này hệ-trọng lắm. Vì lẽ kẻ đây : nguyên lai vật gì, khối gì, ta trông mà nhận thấy cả khối của nó, chứ thật thì xung quanh vật ấy, không có nét chu-vi. Hình người cũng vậy, ta trông thấy đầu người, thân người, là ta trông thấy cả khối cái đầu với cả khối cái thân, chứ xung quanh đầu người và thân người, vốn không có nét chu-vi chạy quanh. Vậy thì ta vẽ cái nét-chu-vi ấy chỉ để làm cách ghi lấy cái khối ấy, và sau khi đã hoàn toàn, thì nét chu-vi ấy phải biến hẳn đi, mới là đúng với sự thật.

Muốn giải-thích cho rõ hơn nữa, ta cứ nhìn ở những bức ảnh người, ta sẽ thấy có mặt người nào mà xung quanh lại có nét chu-vi đầu.

Vậy, tóm lại, cái nét chu-vi ấy chỉ là một phương-tiện, ta dựa vào đó mà bôi than vào giấy, và nó chỉ dùng làm đường phân giới giữa chỗ bôi màu với mặt giấy trắng mà thôi.

Học-sinh cứ trong vòng đường chu-vi ấy mà đánh bóng. Đánh bóng tức là vẽ cho đúng những chỗ có ánh sáng và chỗ có bóng tối.

Nhìn ở thân thể người đứng một bên có ánh sáng, một bên về phía tối, người sành mắt nhận thấy ngay ở bên phía ánh sáng những chi tiết gồ ghề rõ rệt, lại có những vệt sáng hơn nữa là những chỗ da nhẵn bóng mà lại gồ lên cao. Dễ nhận nhất là đường sống mũi, thứ đèn chỗ gồ ở trán và hai gò má. Lòng trắng mắt, tuy là máu trắng đầy, nhưng lại bị mi-mắt che tối đi, thì cũng phải bôi chì lên, chứ không thể để nguyên giấy trắng.

Nhận kỹ từng chỗ tối sáng, sau khi đã cân nhắc, học-sinh nhận thấy tối nhất là máng tóc ở bên tối, thì ở đó phải bôi thăm nhất, đèn hết sức thối than. Thứ đèn máng tóc bên sáng, nhạt hơn một tí, rồi mới đèn những chỗ thân thể chân tay quay về phía tối. Trong khoảng tối ấy lại có những nét thật tối, như ở kẽ nách, lỗ tai, lỗ mũi, những kẽ ngón tay, ngón chân.

Phía quay về ánh sáng thì nước da sáng hơn bên tối, nhưng vẫn là máu da, chứ không phải máu trắng, vậy không thể để nguyên giấy trắng. Phải bôi than đi, nhưng bôi nhẹ, để lấy máu nhàn-nhật.

Trong khi đánh bóng này, học sinh lại nhận thấy những bóng tối trong khoảng tối, và ánh sáng trong khoảng sáng nữa. Tỉ như người mẫu đứng mà vai bên phải quay ra ánh sáng thì nửa mình bên trái tối, và trong phía tối ấy, còn có những lườn xương sườn tối hơn; nửa mặt bên trái tối, lại có dưới gò má, dưới quai hàm, trong vành tai, tối hơn. Trong phía sáng cũng lại có đường xương quai-sanh nổi lên sáng hơn, bắp-thịt ngực phồng lên, mấy giẻ xương sườn bên này nổi lên cũng sáng hơn.

Đã phân biệt rõ như thế, tất phải cố vẽ cho đúng như thế.

Khi chỗ sáng chỗ tối, đầu vào đó rồi, thì lùi xa ra mấy bước, dim mắt lại mà ngắm toàn-thể, xem còn ngượng ở chỗ nào.

Nếu đúng, thì là chỗ sáng chỗ tối đều đã đúng như thật cả. Nhưng lại còn những chỗ mà chính nước da cũng có khác nhau, như cái mặt thì nước da bao giờ cũng hồng hào hơn ở ngực và bụng; ở đầu gối, ống chân và bàn chân bao giờ cũng thâm hơn ở đùi. Nếu nhận thấy thế thì cũng lại phải bôi thêm chút ít ở những nơi thâm ấy.

Người cần-thận không chịu tin ở mắt mình mà thôi, mà còn lấy gương soi xem nữa. Họ soi trong gương để thấy cả bức vẽ lẫn người mẫu để cạnh nhau, và cả hai cùng trông trái đi; nếu trông trái như thế mà cũng đúng nhau, đó mới thật là hoàn toàn.

Trên đây mới là nói cách vẽ than, đánh bóng đi từ chỗ sáng vào chỗ tối; có người vẽ ngược lại, đi từ chỗ tối ra chỗ sáng. Họ cũng vẽ phác, rồi vẽ kỹ đường chu-vi, đoạn bôi cho tối cả hình người trong đường chu-vi ấy. Họ xem điệu màu da người thăm đèn mực nào thì vẽ như thế, chỗ nào tối lắm thì bôi thêm, còn những chỗ sáng thì dùng tẩy ruột bánh mì mà chằm bớt đi.

Kết quả là hai lối cũng đi đến chỗ đúng với sự thật, nhưng trong chi-tiết thì có khác, vì một đằng là để giấy trắng rồi vẽ nét đen lên, còn một đằng là tô đen cả đi rồi dùng tẩy mà vẽ thành những nét trắng.

Khi một bức vẽ đã hoàn toàn xong, thì da người trong rõ ra da người, cái gậy và cái bục rõ là bằng gỗ. Nếu chụp ảnh bức vẽ ấy, người ta có thể tưởng là chụp chính hình người ra.

Còn-nhiên là khi vẽ vừa mới xong, phải phun thuốc để giữ cho nét than khỏi bay đi.

x
x x

Đồng loại với thứ than thối này, có một thứ chì mà các nhà vẽ truyền thần theo ảnh

gọi là bút chì than, ruột to bằng cái đũa. màu đen xốp như nhung.

Thứ chì than này, nếu dùng để vẽ mặt người thì đen quá nước da người, mà nếu bôi ít thôi thì lại bạch quá.

Học trò các trường thường dùng thứ bút chì này để vẽ những bài vẽ hàng tuần mà đầu đề là những dụng cụ thông thường, như cái bình-tưới, cái ghè, cái mũ, cái ô, miễn là cho đúng hình thể và chỗ sáng chỗ tối gọi là có, thì tiện lắm.

Nhưng, chất chì này quá đen, nên mỗi lần quá tay bôi mạnh quá, càng tẩy nó càng bết

vào giấy, có khi đèn thủng cả bức tranh mà hình vẽ vẫn đen xi.

Dùng chì này, người ta quen lấy giấy thấm xốp cuộn lại thành thoi, miết cho chì thêm mịn.

x

x x

Ngoài hai thứ than và chì đen, lại còn những thoi chì máu máu (sanguine), màu nâu thẫm (sépia), dùng cũng tiện mà màu sắc cũng tươi.

Văn-miêu Hà-nội

TRONG những đền đài đã được liệt-hạng để thuộc quyền Sở Quốc-Gia Bảo-Tôn Cồ-Tích trông nom và gìn giữ, thì Văn-Miêu Hà-nội có thể kể vào bậc nhất, cả về phương-diện lịch-sử, văn-hóa và mỹ-thuật. Nhà cửa đồ-sộ, kiến-trúc mỹ-thuật, phong-cảnh rộng - rãi, di-tích cồ-tích, lại thêm những cây còi um-tùm, mọi thứ đều khiến nơi này thành một chốn tinh - mịch, tôn-nghiêm, xứng đáng là nơi tôn sùng văn-học.

Trọng cơn binh hỏa hoành-hành từ năm năm nay và còn đang hoành-hành trên toàn cõi đất nước, biết bao cồ-tích của ta đã bị tàn phá, và còn sẽ bị tàn phá nữa.

Văn-Miêu Hà-nội cũng không thoát khỏi cái họa chiến-tranh; một phần lớn những nhà trong đền đã bị đốt cháy; nay chỉ còn trơ lại mấy bức tường đồ nát, không còn có cơ xây dựng lại nữa. Cũng may mà những phần chính, tuy bị phá hủy ít nhiều, nhưng còn có thể sửa chữa được.

Nay ta nên kiểm điểm lại xem những phần nào còn lại, những phần nào đã bị phá

Muốn vậy, ta cần biết, trước khi chiến tranh xảy ra, Văn-Miêu có những gì.

★
★

Văn-Miêu Hà-nội dựng tại Tây-nam thành Thăng-Long cũ, ở làng Thịnh-Hào, tổng An-Hạ, huyện Hoàn-Long. Theo bản-đồ thành-phố Hà-nội bây giờ, và tên phố mới đặt, thì mặt đông là phố Văn-Miêu, mặt tây là phố Hàng Bột, mặt nam là phố Quốc-tử-Giám, và mặt bắc là phố Nguyễn-thái-Học, giáp với đường xe-điện Hà-nội — Hà-đông.

Văn-Miêu xây trên một thửa đất hình chữ nhật, hướng đúng nam-bắc, bề ngang phía nam độ chừng 65 thước, phía bắc 75 thước, bề dọc 350 thước, chung quanh có tường bao bọc, xây bằng thứ gạch cổ to và dày.

Cửa làm về phía nam, nghĩa là phố Quốc-tử-Giám.

Không kể bốn cột trụ gạch đứng sừng sững ra hẳn ngoài tường rào, hai cột giữa cao hơn hai cột bên, nên Văn-miêu chia làm năm



Văn-miếu Hà-nội

ngăn, có tường ngang cách-biệt nhưng có cửa thông ngăn nọ sang ngăn kia.

Ta hãy xem trong những ngăn này có những gì, kể từ đằng cửa trở vào, và hướng vào đến chính.

Trước hết, ngoài cùng có một cái cửa tam-quan đồ-sộ, làm theo lối kiến-trúc Việt-nam ; cửa giữa to, trên có một cái gác con ; hai bên có hai cửa nhỏ hơn, không có gác.

Mé trên cửa giữa ta thấy đề ngang, từ phải sang trái, ba chữ đại-tự VĂN MIẾU MÔN ; cửa con bên phải hai chữ TẢ MÔN, và cửa con bên trái hai chữ HỮU MÔN.

Qua cửa tam-quan, ta vào một cái vườn rộng, dọc độ chừng 70 thước, bỏ hoang, không có nhà cửa gì cả. Chạy dọc vườn và chia vườn ra làm hai phần đều nhau, có một lối đi lát bằng gạch Bát-tràng vuông, rộng độ một thước 60 phân, chạy từ giữa hai cột trụ

ngoài cùng, qua cửa giữa tam-quan, thẳng vào một cái cửa thông sang ngăn thứ nhì:

Cửa này là một cái nhà nhỏ ba gian, lợp ngói, mặt trước mặt sau không có tường và không có cánh, gọi là cửa Đại-trung môn ; hai bên có hai cửa nhỏ, xây vào tường ; cửa bên hữu gọi là thành-đức môn, cửa bên tả gọi là đạt-tài môn.

Ngăn thứ nhì này cũng là một vườn bỏ hoang, không có nhà cửa gì cả. Theo người ta nói thì xưa kia ngăn này và ngăn ngoài có làm nhiều nhà để cho học-trò học tập tại Quốc-tử-giám, làm nơi ăn ở ; những nhà này đồ nát đã lâu, hiện nay không còn vết tích gì. Chạy dọc có ba lối đi lát gạch song hàng, chia vườn ra thành bốn phần đều nhau.

Đường giữa chui qua một cái gác vuông, tám mái, lợp bằng ngói ông (ngói tàu), dựng trên bốn cột gạch, bốn mặt có cửa sổ tròn

chạm trở rất là mỹ-thuật, gọi là Khuê-văn-các, do câu « *Khue chủ văn-chương* » rút ngắn lại (sao khuê là một vị tinh tú làm chủ văn-chương).

Còn hai đường nhỏ, thì đường bên phải chạy qua cửa Súc-văn môn, đường bên trái chạy qua cửa Bí-văn môn. Từ hai cửa này đến Khuê-văn-các, đều có xây tường gạch chạy dài. Cả ba cửa thông sang ngăn thứ ba. Ngăn này có một chiếc giếng xây bằng gạch vuông, rộng mỗi bề độ 27 thước, gọi là Thiên-quang tỉnh. Chung quanh miệng giếng, có bao-lan bằng gạch tro hoa, trừ hai khoảng về bên trái và bên phải, chỗ có bậc gạch để xuống giếng lấy nước.

Bên tả và bên hữu giếng, mỗi bên dựng 41 tấm bia đá; mỗi tấm đặt trên lưng một con rùa nằm trên mặt đất. Bia và rùa mỗi thứ làm bằng một phiến đá to, đục chạm rất tinh xảo. Đây là những tấm bia để kỷ-niệm những khóa thi tiến-sĩ đã mở tại kinh-thành Hà-nội trong đời Hậu Lê.

Hiện giờ, bia để lộ thiên; hình như xưa kia có nhà để che mưa gió, nhưng đã đổ nát, nay chỉ còn móng tường. Có hai cái nhà con gọi là nhà bia, nhưng nhà này nhỏ bé, làm vào giữa hàng bia mà không che bia nào cả.

41 tấm bia mỗi bên tả hữu giếng xếp thành ba hàng; hàng trước 18 cái đặt hai bên nhà bia, mỗi bên 9 cái; hàng giữa có 2 cái đặt hai bên cạnh nhà bia mỗi bên một cái; hàng ba có 21 cái: 9 cái đặt bên phải, 9 cái đặt bên trái, 3 cái đặt sau tường hậu nhà bia.

Ngăn này có 3 cửa thông sang ngăn thứ tư: cửa giữa gọi là Đại-thành môn, cũng là một cái nhà ba gian, nhưng có cánh cửa, ngõng cửa đặt vào lưng một con nghê chạm bằng đá rất đẹp. Hai cửa nhỏ hai bên xây vào tường: cửa bên phải gọi là Kim-thanh môn, và cửa bên trái gọi là Ngọc-trân môn. Ba cửa này thông sang ngăn thứ tư. Ngăn này mới là ngăn chính, có đến thờ

đức Khổng-tử, các vị tứ-phối, và tiên nho tiên hiền.

Đến có bốn tòa nhà to và rộng: hai nhà song hàng, mỗi cái chín gian, làm hướng về phía nam, cách nhau một cái sân hẹp. Nhà trước gọi là tiền-tề, mặt tiền mặt hậu không có tường, không có cửa, là nơi các văn thân hàng năm xuân thu nhị kỳ đứng làm lễ tề đức Khổng-tử. Từ chân sáu cái cột hiên giữa có sáu con rồng chạm bằng đá chạy từ nền tiền-tề xuống sân. Sau nhà, vào đúng gian giữa, có một mái cũng dùng làm lối vào nhà sau, để ngày tề lễ đi lại khỏi bị mưa nắng.

Nhà sau, nền cao hơn nhà ngoài gọi là Đại-thành điện, là nơi đặt ban thờ đức Khổng-tử, bốn vị tứ-phối (Mạnh-tử, Tử-tư, Tăng-tử, Nhan-tử) và thập triết. Nhà này mặt trước có cửa bức bàn đóng kín, chỉ những ngày lễ mới mở, còn ba mặt sau và hai bên có tường xây kín mít.

Mai bên sân trước có hai dãy tả vu hữu vu, làm đối ngạn nhau, là nơi thờ các vị tiên nho tiên hiền.

Ngăn cuối cùng là khu rộng nhất, dài chừng 80 thước, là nơi có đến thờ các vị sinh ra đức Khổng-tử và các vị phối-hương.

Đến làm ngành về phía bắc, cách tường rào độ 10 thước, gọi là đến Khải-thánh; sau đến là một sân lát gạch; hai bên sân có hai lớp nhà; lớp bên phải là kho chứa các tự-khi và nhà cho thủ-từ ở, lớp bên trái là nhà quan cư, nơi để cho văn thân tạm trú, mỗi khi đến tề Văn-miếu. Lui về sau, vào khoảng giữa hai nhà này, có bốn nghiên mực bằng đá, đặt cân đối nhau hai bên lối đi lát gạch.

Mỗi nghiên là một phiến đá cao độ 0m50, ngang 0m33, dọc 0m44. Phần trên, độ 0m12, chạm thành một cái nghiên hình chữ nhật, một phần tư là chỗ đựng nước có một con cá chép nằm trong, còn ba phần tư là chỗ mài mực có một đường nổi ngăn làm đôi;

hai mặt thành nghiên bể dọc khắc chữ triện nổi, một bên : Thái-học đường nghiên, và một bên : Bính-ngọ xuân trùng tu.

Phần dưới độ 0m38 chạm thành một cái ghế vuông, bốn chân hơi cong vào rất khéo và đẹp

Đến Khải-thánh, nhà quan cư và kho tự-khí chiếm nửa phần khu về phía bắc, còn nửa phần về phía nam, nghĩa là phần giáp với đền chính, thì là vườn bỏ không, chỉ có một cái miếu con để thờ thổ-thần, làm vào khoảng

giữa vườn về phía tây, và hai tấm bia : một tấm ghi những công việc sửa chữa Văn-miếu để năm Tự-Đức thứ 16 (1864), và một tấm để thờ vịnh cảnh đền của ông Lê-hữu-Thanh, đỗ tiến-sĩ khoa tân-hội, làm hồ-chính-sứ tỉnh Hà-nội, cũng để năm Tự-Đức thứ 16.

Vịnh cảnh Văn-miếu còn có một tấm bia nhỏ nữa, để thờ của vua Khải-định, làm khi Ngài ngự giá Bắc-tuần, bia để Khải-định thập tam niên, tam nguyệt thập bát nhật ; bia này để trên gác cửa tam-quan.

K.

Thăm Văn-Miếu

sau cơn binh hỏa

*Sau cơn binh hỏa đất Thăng-Long,
Văn-miếu qua thăm luống tranh lòng.
Cổ thụ vron cành cho qua đậu,
Thạch-bì mờ chữ để rêu phong.
Lau chum cỏ mọc nơi tiền-tế,
Nóc xụp tường trơ chốn hậu cung. (1)
Trị loạn hưng vong chỉ sá kể,
Muôn đời sư biểu lạng mà trông.*

Hương-Trì VƯƠNG-THƯỜNG-LIÊN

(1) Từ năm 1946, Văn-Miếu đã được sửa chữa nhiều lần, và hiện nay, nhà chức trách lại đang trừ liệu để trùng-tu hơn nữa.



THƠ PHÁP

Chanson d'automne

*Les sanglots longs
Des violons
De l'automne -
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone.*

*Tout suffocant
Et blême quand
Sonne l'heure,
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure.*

*Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
De çà, de là,
Pareil à la
Feuille morte.*

Paul Verlaine
(1844-1896)

Khúc hát ngày thu

*Nức-nở ngân dài,
Nao-nao đàn ai,
Trong buổi ngày thu.
Lờm lờm tôi trạnh
Nổi sầu canh-cách,
Điệu buồn du du.*

*Lòng tôi nghẹn-r gò ;
Mặt tôi xanh-xo ;
Nghe chuông điểm giờ,
Tôi liền sức nhớ
Đến bao ngày cũ,
Tôi khóc về thu.*

*Rồi tôi đi theo
Ngọn gió ngược chiều,
Thổi bạt ngàn khơi
Nơi này, nơi nọ.
Thân tôi cũng tựa
Chiếc lá vàng rơi,*

LÊ-VĂN-HÒE
dịch

Pluie

*Il pleure dans mon cœur
Comme il pleut sur la ville ;
Quelle est cette langueur
Qui pénètre mon cœur ?*

*Ô doux bruit de la pluie
Par terre et sur les toits !
Pour un cœur qui s'ennuie
Oh ! le chant de la pluie !*

*Il pleure sans raison
Dans ce cœur qui s'écœure.
Quoi ! nulle trahison ?
Ce deuil est sans raison.*

*C'est bien la pire peine
De ne savoir pourquoi
Sans amour et sans haine,
Mon cœur a tant de peine.*

Paul Verlaine

Mưa

*Trời mưa trong lòng tôi
Như mưa ngoài đường phố ;
Nỗi buồn chi man-mác,
Thấm-thía vào lòng tôi ?*

*Thánh-thót tiếng mưa rơi
Trên nóc nhà, dưới đất.
Đối với lòng ngậm-ngùi
Buồn ôi ! tiếng mưa rơi !*

*Mưa rơi chi vớ-vẩn
Trong lòng ai đớn-dau.
Quái ! không chi uất-hận,
Sầu này thật vớ-vẩn.*

*Nghĩ cứ buồn rầu hoài
Không hiểu sao lại thế ;
Không yêu, không ghét ai
Mà lòng tôi đau hoài.*

LÊ-VĂN-HÒE dịch

THƠ TRUNG-HOA**Túc Kiến-Đức giang**

(của Mạnh Hiệu-Nhiên)

*Di châu bạc yển chữ,
Nhật mộ khách sầu tân.
Dã khoáng, thiên đề thụ
Giang thanh nguyệt cận nhân.*

Đêm ngủ ở sông Kiến-Đức

*Bên sông mờ mịt dừng thuyền
Hôm tăm lữ khách nỗi phiền
khôn vơi,
Sông trong trăng xuống gần người,
Đồng xa trông rộng tưởng trời
dưới cây.*

TRUY-PHONG
dịch

Vọng-nguyệt hoài-viên

(Nguyên-văn của Trương-Cứu-Linh)

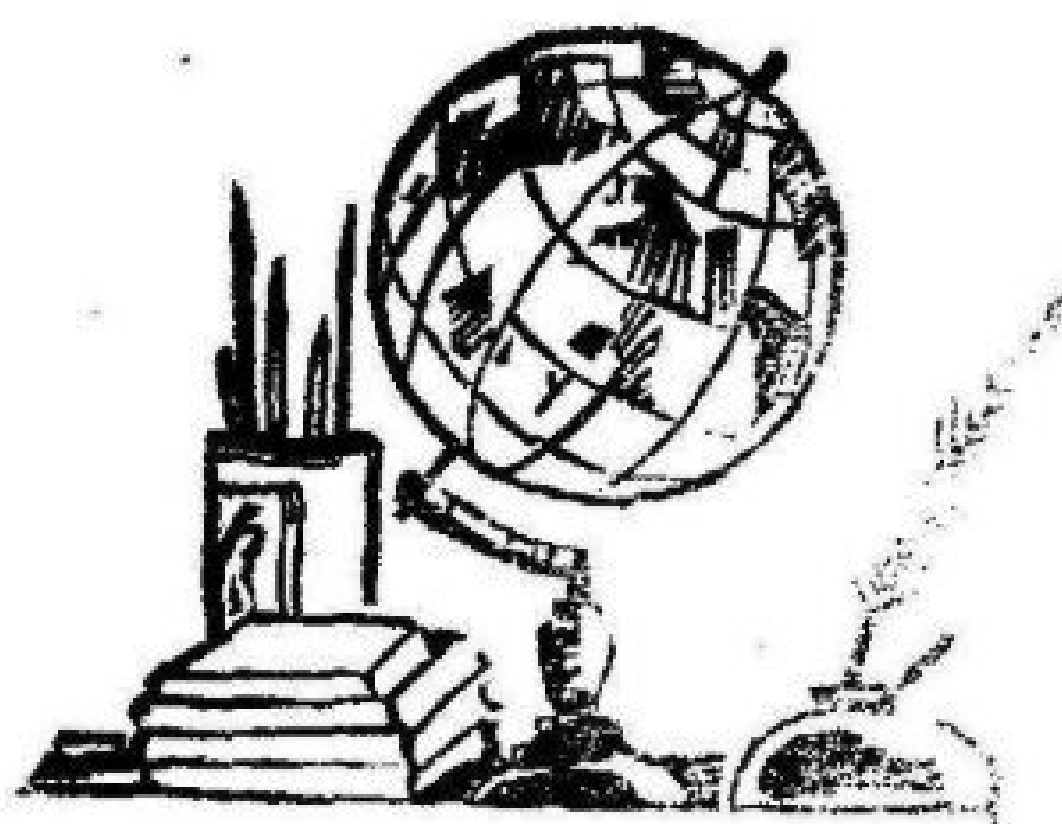
Hải-thượng sinh minh nguyệt,
 Thiên-nhai cộng thử thì.
 Tình nhân oán giao dạ,
 Cảnh lịch khởi tương ti.
 Diệt chúc liên quang mẫn.
 Phi y giác lộ ti.
 Bất kham doanh thủ tằng,
 Hoàn-tâm mộng giai kỳ.

DỊCH NGHĨA

Trông trăng nhớ người xa

Vầng trăng nhô mặt biển,
 Đâu đây một giờ này.
 Trần-trọc người da cảm,
 Vần-vơ thâu canh chầy.
 Tắt đèn thương nguyệt rạng,
 Cởi áo rợn sương bay.
 Bất bóng khôn đầy lặn,
 Tìm ai giấc bướm say.

THUY-PHONG



Việt-Nam và các Hội-nghị Quốc-tê

DO thỏa-hiệp ngày 8-3-1949, ký giữa Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại và Tổng-Thống Pháp Vincent Auriol tại Ba-Lê, nước Việt-Nam đã được công nhận là một nước độc-lập thống-nhất có chủ quyền. Tiếp theo thỏa hiệp đó cho đến ngày nay, đã có đến hơn 50 nước trên thế giới thừa-nhận nước Việt-Nam. Không những thế, phần nhiều các Hội-nghị và hoạt-dộng quốc tế đều có Chính-phủ Việt-Nam tham-dự.

Xin lược-kê sau đây những hội-nghị và uỷ ban quốc tế mà Việt-Nam đã cử đại-biêu đến dự, kể từ tháng 9 năm 1949 đến tháng 6 năm 1951.

Năm 1949

Từ 12 đến 24-9. — Hội-nghị về việc huấn luyện kỹ-thuật tại Á-châu (Conférence sur la formation technique en Asie) họp ở Tân-gia-ba.

Từ 27 đến 29-9. — Hội-nghị dự-bị của Tổ-chức Quốc-tê Thực-phẩm và Canh-nông (Conseil Préparatoire de l'Organisation pour l'Alimentation et l'Agriculture) họp ở Tân-gia-ba.

Từ 5 đến 10-10 — Kỳ nhóm họp các giám định-viên về vận-tải trong nước (Réunion d'experts des transports intérieurs) họp ở Tân-gia-ba.

Từ 5 đến 10-10. — Ủy-ban kỹ-nghệ và thương-mại họp ở Tân-gia-ba.

Từ 20 đến 29-10 — Hội-nghị thứ 5 của hội-nghị kinh-tê Á-châu và Viễn đông (5e session plénière de l'E.C.A.F.E) (1) họp ở Tân-gia-ba.

Từ 29-10 đến 3-11. — Hội-nghị về việc Hợp-tác-xã tại Á-châu và Viễn-dông (Conférence sur les coopérations en Asie et en

Extrême-Orient de l'O.A.A.) (2) họp ở Lucknow (Ấn-độ).

Từ 2 đến 14-11. — Lớp tu-nghịệp và sự giáo-hóa các tráng-dinh trong vùng thôn quê (Stage d'études sur l'Education des adultes dans les régions rurales) họp ở Mysou (Ấn-độ).

Năm 1950

Từ 16 đến 28-1. — Hội-nghị Địa phương Á-châu của Tổ-chức Lao-dộng quốc-tê (Conférence régionale asienne de l'O.I.T.) (3) họp ở Nuwara Elya (Ceylan).

Từ 6 đến 11-2. — Kỳ nhóm thứ hai của Ủy-ban quốc-tê về gạo thuộc tổ-chức quốc-tê về Thực-phẩm và Canh-nông (2e session de la Commission internationale du Riz de l'O.A.A.) họp ở Rangoon (Miên diện)

Từ 3 đến 8-4. — Hội-nghị lâm-sản họp ở Đà-lạt.

Từ 10 đến 13-4. — Kỳ nhóm thứ hai của Tiểu-ban sắt và thép (2e session du sous-comité du fer et de l'acier) họp ở Calcutta (Ấn-Độ)

Từ 6 đến 27-5. — Đại-hội-nghị của Tổ-chức Y tế quốc-tê (Assemblée mondiale de la Santé) họp ở Genève (Thụy-sĩ).

Từ 9 đến 15-5 — Kỳ nhóm thứ hai của Ủy-ban kỹ-nghệ và thương mại (2e session du Comité du Commerce et de l'Industrie) họp ở Bangkok. (Thái-lan).

(1) E.C.A.F.E : Economie Commission for Asia and the Far East.

(2) O.A.A. : Organisation pour l'alimentation et l'Agriculture.

(3) O. I. T. : Organisation internationale du Travail.

Từ 16 đến 20-5. — Đại-hội-nghị thứ 6 của Hội nghị Kinh-tế Á-châu và Viễn-đông (6e session de l'ECAFE) họp ở Bangkok. (Thái-lan).

Từ 7-6 đến 1-7. — Đại-hội-nghị của Tổ-chức Lao-động quốc-tê. (Conférence générale de l'OIT) họp ở Genève (Thụy-sĩ)

Từ 15 đến 22-7. — Hội-nghị của Liên-đoàn quốc-tê bài-trừ ung-thư (Congrès de l'Union internationale contre le cancer) họp ở Paris. (Pháp)

Từ 11 đến 14-9. — Hội-nghị Quốc-tê bài-trừ nội-thương (Congrès internationale de médecine interne) họp ở Paris.

Ngày 2-10. — Hội-nghị Luân-đôn Chương-trình viện-trợ Liên-hiệp-Anh (Conférence de Londres-Plan d'aide économique du Commonwealth) họp ở Londres. (Anh)

Từ 3 đến 17-10 — Hội-nghị quốc-tê của viện khảo-cứu bang-giao trong miền Thái-bình-dương (Conférence internationale de l'Institut des Relations Pacifiques) họp ở Lucknow (Ấn-Độ).

Từ 9 đến 18-10. — Ủy-ban Lâm-sản (Commission des forêts et produits forestiers) họp ở Vọng-các (Thái-lan).

Từ 22-10 đến 4-11. — Ủy-ban các Giám-định-viên về vận-đề giao-thông trong xứ (Comité d'experts des transports intérieurs) họp ở Bangkok (Thái-lan).

Ngày 3-11. — Đại-hội-nghị của Tổ-chức Thực-phẩm và Canh-nông (conférence générale de l'O.A.A.) họp ở Washington. (Hoa-Kỳ)

Từ 22 đến 23-11. — Kỳ nhóm thứ nhất của Ủy-ban tư-vấn về gạo (première Réunion du Comité consultatif du Riz) họp ở Tân-gia-ba.

Từ 4 đến 6-12. — Kỳ nhóm thứ nhất của Ủy-ban xét vận-đề lao-công trong các đồn

điền (1ère session de la Commission pour le travail dans les plantations (O.I.T.) họp ở Bandoeng (Nam-dương).

Từ 7 đến 10-12. — Kỳ nhóm thứ nhất của Hội-đồng Khảo-cứu hợp-tác kỹ-thuật (chương-trình viện-trợ Kinh-tê Liên hiệp-Anh) (1ère session de coopération technique) (plan d'aide économique de Commonwealth) họp ở Colombo (Tích lan).

Từ 26-12-1950 đến 2-1-1951. — Hội-nghị kỹ-thuật về vận-đề hợp-tác (OIT) tại Á-châu (Conférence technique asiennne sur la coopération. OIT) họp ở Karachi (Ấn-Độ).

Năm 1951

Từ 2 đến 5-1. — Hội-nghị quốc-tê nghiên-cứu thủy-học (Réunion de l'Association internationale des recherches hydrauliques) họp ở Bombay. (Ấn-Độ)

Từ 7 đến 9-1. — Hội-nghị chuyên-môn chống nạn lụt (conférence technique sur la défense contre les inondations) họp ở New-Delhi. (Ấn-Độ)

Từ 10 đến 15-1. — Phiên họp thứ nhất của Hội-nghị quốc-tê nghiên cứu dẫn thủy nhập điền (1ère réunion de la Commission internationale de l'irrigation et des canaux) họp ở New-Delhi. (Ấn-Độ)

Từ 10 đến 15-1. — Tiểu ban địa-phương của Hội-nghị quốc-tê về năng-lực (Section régionale de la conférence mondiale de l'Energie) họp ở New-Delhi (Ấn-Độ)

Từ 10 đến 15-1. — Đại-hội-đồng của Hội-nghị quốc-tê về các đập lớn (Session plénière de la Commission des Grands Barrages) họp ở New-Delhi. (Ấn-Độ).

Từ 22-1 đến 5-2. — Hội-nghị địa-phương các nhà thống-kê-học (Conférence régionale des statisticiens) họp ở Rangoon (Miền-Điện).

Từ 1 đến 16-2. — Phiên nhóm của Hội-đồng ngư-nghiệp Ấn Độ Thái-bình-dương (Réunion du Conseil Indo-pacifique des pêches) họp ở Madras (Ấn-Độ).

Từ 5 đến 9-2. — Hội-nghị Cao su (Conférence du caoutchouc) họp ở Londres (Anh).

Từ 12 đến 20-2. — Hội-nghị về việc viện trợ kinh tế Liên hiệp-Anh (Assistance économique du Commonwealth) họp ở Colombo (Tích-lan).

Từ 14 đến 16-2. — Phiên nhóm thứ ba của Tiểu-ban sắt và thép (3e session du Sous comité du Fer et de l'Acier) họp ở Lahore (Hồi-quốc).

Từ 15 đến 26-2. — Phiên nhóm thứ ba của Ủy-ban kỹ nghệ và Thương-Mại (3e session du Comité de l'Industrie et du Commerce) họp ở Lahore (Hồi-quốc).

Từ 28-2 đến 8-3. — Hội-nghị thứ 7 của Hội-nghị kinh tế Á châu và Viễn đông (7e session de l'E.C.A. E.) họp ở Lahore (Hồi-quốc).

Từ 27-2 đến 7-3. — Lớp khảo cứu quốc-tê do Liên đoàn các hội quốc-tê tổ-chức (Cycle d'études internationales organisé par la Fédération Mondiale des Associations des Nations Unies) họp ở Lahore (Hồi-quốc).

Từ 30-3 đến 8-4. — Chợ phiên từ-thiện (Vente de charité) họp ở Karachi (Hồi-quốc).

Từ 9 đến 16-4. — Phiên nhóm của ban nghiên-cứu cao-su (Réunion du groupe d'étude du caoutchouc) họp ở Rome (Ý-đại-lợi).

Từ 9 đến 19-4. — Phiên nhóm của ban nghiên cứu thóc giống và chắt bón (réunion du groupe du Travail des Sélectionneurs du

riz et des engrais) họp ở Bogor (Nam-dương).

Từ 23 đến 25-4. — Phiên nhóm của ủy-ban nghiên cứu kỹ-nghệ gia-đình và tiểu-công nghệ (Groupe du travail pour les industries familiales et les petites industries) họp ở Vọng các (Thái-lan).

Ngày 7-5. — Đại hội nghị thứ tư của tổ-chức Y-tê quốc-tê (4e Assemblée générale de l'O.M.S.) (1) họp ở Genève (Thụy-sĩ).

Ngày 18-3. — Phiên họp thứ nhất của Ủy-ban địa-phương của tổ-chức Y-tê Quốc-tê tại Tây Thái-bình-Dương (Première Réunion du Comité régional de l'O.M.S. (1) pour le Pacifique Occidental) họp ở Genève (Thụy-sĩ).

Ngày 18-5. — Đại hội-nghị của tổ-chức Lao-động quốc-tê (Conférence internationale du travail) họp ở Genève (Thụy-sĩ).

Từ 18-6 đến 11-7-51. — Phiên họp thứ 6 của Tổ-chức Giáo-dục, Khoa-học và Văn-hóa Liên-hiệp-quốc (UNESCO) họp ở Ba-Lê (Pháp).

Được trên 50 nước thừa-nhận và được dự vào các Hội-nghị quốc-tê kể trên, nước Việt-Nam quả đã có một địa-vị khả-quan trong hoàn-hải và đã thực sự góp phần với các nước vào cuộc xây-dựng hòa bình cùng bồi-đắp nền thịnh-vượng chung cho thế-giới.

QUỐC - KHÁNH

(1) O.M.S. : Organisation mondiale de la Santé

(2) UNESCO : United Nations Educational Scientific and cultural Organization.

XIN CHÚ Ý

Trong số báo trước : 1) Trang 429, dòng 12, xin đọc là : *Hình bà Montessori*.
2) Trang 441, dòng 11, xin đọc là : *Hiệp-định Hạ-Long giữa Việt và Pháp ra đời ngày 6-5-1948*.

VICTOR HUGO

với văn-học nước Pháp

VAO tuần lễ cuối tháng năm dương lịch vừa rồi, các trường học Việt-nam đều làm lễ kỷ-niệm đệ nhất bách thập ngũ chu niên Victor Hugo, một nhà đại văn hào Pháp về thế-kỷ XIX đã nổi danh trên thế giới.

Nhân dịp này thiết tưởng nên lược khảo về tiểu sử và văn-nghiệp của ông, và nhân đó, sẽ nêu lên một vài điểm nhận-xét có thể hữu-ích cho thanh-niên nước nhà.

Tiểu-sử Victor Hugo

Victor Marie Hugo sinh ngày 26 tháng 2 năm 1802 (1) tại Besancon. Con thứ ba trong gia-đình, Victor khi mới lọt lòng, thì thân hình mảnh khảnh ốm yếu luôn. Ra đời vừa được sáu tuần ông đã phải

theo cha là thiếu tá Léopold Sigisbter Hugo sang ở đảo Corse đảo Elbe và ở đất Ý. Về sau ông lại theo cha đã thăng làm đại tướng sang Tây-Ban-Nha (1811); ở đó trong 1 năm, ông cùng anh là Eugène theo học trường Collège des Nobles tại Madrid, thủ-đô nước Tây-Ban-Nha.

Năm sau, hai anh em theo bà mẹ là Sophie Trébuchet về Paris, sống cuộc đời êm-đềm ở biệt-thự Feuillantines. Bà mẹ thuê sách của một nhà gán phò cho các con được tự do tới mượn. Thôi thì đủ các loại sách: triết lý, tiểu thuyết, du ký, luận thuyết của Rousseau, Diderot, Voltaire, v.v... và cả những truyện tình dí-dỏm nữa. Vớ được cuốn nào đọc cuốn ấy, trước còn tò mò sau đâm ra ưa thích ham mê. Vui đầu vào sách truyện,

anh em Victor như lạc vào trong một thế-giới muôn màu, tìm tòi và thấm nhập được nhiều kiến thức tuy chẳng uyên thâm, tinh tế, nhưng rất phong phú, gồm đủ mọi hiện trạng của đời sống thực tế.

Năm 1815, anh em Victor vào ký túc xá Cordier và theo học trường trung học Louis Le Grand. Tuy thân-phụ muốn cho 2 con theo học trường Bách-khoa và giáo-sư kèm ráo-riết về kỹ-hà học, nhưng 2 anh em ông đều chán ghét vì không có khiếu về môn này.

Thời gian ở biệt thự Feuillantines, và mấy năm ở ký-túc xá Cordier đối với anh em Victor có vẻ âm thầm, lạnh-lẽo. Tuy nhiên, quãng đời ấy có ảnh hưởng tốt đẹp đến sự nghiệp văn-chương của Victor

Hugo. Những giờ nhàn rỗi, còn gì hơn là đọc sách viết văn; vừa giải thoát tâm hồn khỏi nơi tù hãm, vừa bồi bổ trí tuệ

bằng sự hiểu biết rộng rãi hơn lúc đó Victor đã viết rất nhiều, bắt chước anh cũng làm thơ theo đủ mọi lối: đoản ca, thơ trào phúng, truyện ngắn, kịch, v.v...

Năm 1817, Victor mới 15 tuổi đã bạo dạn dám viết một bài anh-hùng ca: « Le délecege ». Tác phẩm này, tuy chưa lấy gì làm xuất sắc nhưng được lời thơ hùng hậu, ý tứ rồi rào, âm điệu đúng mực.

Cùng năm đó, Hàn-lâm-viện Pháp tổ-chức một cuộc thi thơ lấy đầu đề « Sự học làm cho người ta vui trong mọi hoàn-cảnh của đời sống ». Có dịp trở tài, lẽ tất nhiên Victor gửi bài dự thí. Ban giám khảo công nhận bài của Victor lọt được hết ý của luận đề, và giọng thơ khá uyên-chuyên, nên tặng một giải thưởng khuyến khích.

TU - NGUYỄN

(1) Vì vậy V. Hugo đã viết: Thế-kỷ XVIII lên hai (viart) khi tôi ra đời (Le siècle avait 2 ans).

Thầy văn mình được tán thưởng, Victor lại càng cố gắng và tin tưởng sẽ thành công trên đường văn nghiệp. Thật vậy, Victor có thói quen, từ khi mới biết viết, chiều nào cũng ghi vào sổ tay kết quả những sự nhận xét hay những cảm-tưởng riêng. Ngày 10-7-1816, người ta đã thấy ghi câu: « Tôi muốn được như Chateaubriand ».

Năm 1818, hai anh em Victor rời khỏi Ký-túc-xá Cordier, như chim sổ lồng và rất lấy làm hoan hỉ lại được sống dưới sự âu yếm thương-yêu của bà mẹ. Đã chót mắc vào nghiệp văn, hai anh em đều không thi vào trường bách-khoa, quyết chí lấy văn-chương làm trụ cột tương lai và ra sức rèn luyện về mặt đó.

Victor tiếp tục sáng tác nhiều văn-phẩm khác về gia - đình và về chính-cuộc. Năm 1819, Victor dự mấy cuộc thi văn do Hàn-lâm-viện và văn đàn Toulouse tổ chức và đều được tặng thưởng. Sau mấy cuộc thi thơ này, Victor bắt đầu có tiếng trên đàn văn, nổi danh là một thần đồng trong làng thơ. Nhà đại văn-hào Chateaubriand cũng không ngần ngại tỏ lời khen ngợi tài năng sớm bộc lộ của Victor.

Cũng năm đó, ông cùng với em là Abel hợp-lực với mấy nhà văn Soumet và Vigny xuất bản một tạp chí văn học **Le « Conservateur littéraire »**, nhưng báo này chỉ sống trong khoảng 15 tháng. Ông viết đủ các lời văn, viết rất nhiều, trước sau đến ngót 300 bài, hết sức bênh vực hoàng-gia. Ông được vua **Louis XVIII** trợ cấp cho 1000 livres, sau lên đến 2000 livres. Nhờ thế, ông càng phấn-khởi theo đuổi nghiệp văn và năm 1822, ông lập gia đình. Năm 1823, ông có biên tập giúp tờ báo **La Muse française**, cơ quan của một văn đàn hồi đó.

Riêng ông, ông sưu tập tất cả những thơ ca. Ông đã viết từ 1818, và cho in thành tập thơ **Odes et Ballades** (năm 1826). Ông lại cho in năm 1827 bản kịch **Cromwel**; bài



Victor Hugo

tựa cuốn này đã làm sôi nổi làng văn và nhân đó ông được coi là thủ-linh văn-phái lãng mạn (chef de l'école romantique). Luôn trong 16 năm, ông viết rất nhiều, hết cuốn này đến cuốn khác, nhất là thơ ca. Những tập thơ hay nhất là tập: **Les feuilles d'Automne, les Chants du crépuscule, les Voix intérieures, les Rayons et les Ombres**. Năm 1841, ông được cử vào Hàn lâm viện Pháp và năm sau được bầu làm viện trưởng.

Từ trước đến giờ, ông vẫn tin tưởng và ca tụng hoàng-gia thuộc giòng **Bourbons**. Nhưng sau cuộc cách mệnh tháng 7 năm 1848, ông dần dần ngả theo phe quân chủ Louis Philippe. Năm 1848, ông được cử vào Nghị viện (Assemblée constituante) và hăng hái bênh vực những lý tưởng dân-chủ. Chính hồi này, ông mới bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết bất hủ về xã hội **Les Misérables**, và ít nhiều bài trong tập thơ **Les Contemplations**.

Tới khi có cuộc đảo chính năm 1851 của **Louis Napoléon** (tức **Napoléon III** sau này), ông liền đứng về phe phản-đội. Louis Napoléon ra lệnh bắt ông. Nhờ các bạn-hữu che chở và nhờ sự tận tâm của con gái, ông trốn tránh được sang Bỉ, ở Bruxelles (Kinh-đô nước Bỉ), không hy-vọng ngày nào trở về tổ-quốc. Sau, ông lại rời ra đảo **Jersey** và đảo **Guernesey**.

Trong lúc luân-lạc ở hải ngoại, ông vẫn tiếp tục viết văn. Năm 1853, ông cho in cuốn **Les Châtiments** mạt sát Napoléon III, bắt đầu viết tập đầu cuốn **La Légende des siècles** và sau lại viết luôn 3 cuốn tiểu thuyết **Les Misérables**, **Les Travailleurs de la Mer** và **L'homme qui rit**.

Sau ngày 4-9-1870, vua Napoléon III bị đày, Victor Hugo trở về tổ-quốc, cùng với dân-chúng Ba-lê tổ chức công cuộc kháng-chiến. Ông được bầu làm nghị-viên trong quốc-hội (**Assemblée nationale**), hết sức hỏ hào để chống giữ xứ **Alsace-Lorraine**. Ông vẫn tiếp tục làm văn-thơ và cho in các cuốn **L'année terrible**, **l'Art d'être grand-père** và hai tập cuối cuốn **La Légende des siècles**, sau lại cho in những cuốn **Le Pape**, **La pitié suprême**, **Les quatre vents de l'esprit**.

Cũng như **Voltaire**, một văn-hào Pháp về thế-kỷ thứ XVIII, **Victor Hugo** đã sống gần trọn thế-kỷ thứ XIX, trải bao phen giống tổ mà vẫn đứng vững với non sông. Ông mất ngày 23-5-1885, thọ 83 tuổi, và lúc mất, cả nước đều thương tiếc, chính-phủ đã cho làm lễ quốc-táng long-trọng.

Văn - nghiệp Victor Hugo

Văn-nghiệp của Victor Hugo là phản ảnh của tất cả những giai đoạn lịch-sử, thịnh suy, huy-hoàng và âm đạm của nước Pháp về thế-kỷ thứ XIX.

Bao giờ ông cũng tỏ ra là một nhân-vật có biệt tài, văn-chương lỗi-lạc, siêu việt, quán thê. Vận-văn, tản văn, kịch-bản, sử-ký, triết-lý, bút-chiến, nghị-luận, phê-bình, không một loại nào ông không sở trường, nhưng chội nhất là phần thi ca. Những bút tính bất hủ mà ngày nay, người ta vẫn tán thưởng như xưa, đều là những văn thơ vô cùng uyển-chuyển và linh động, nghe ra như tiếng rên-rỉ của trái tim hay tiếng gọi của non sông tổ-quốc. Những tác phẩm của ông rất nhiều và làm cho văn học nước Pháp thêm phong phú. Ông đã mở rộng đường cho phong trào lãng mạn và đã làm lãnh-tụ cho văn-phái này.

Sống giữa một thời đại biến chuyển mạnh, nếm đủ mọi mùi cay đắng trong buổi loạn ly, ông có những cảm giác mãnh liệt, thấu triệt được tâm-lý của con người qua đủ mọi cảnh ngộ. Ông tự coi tâm hồn ông như một tiếng vang của tất cả những lý-tưởng, nguyện vọng của thời đại.

*Mon âme aux mille voix, que le Dieu
que j'adore
Met au centre de tout comme un écho
sonore . . .
Les feuilles d'automne),*

Ông còn tự cho là có nhiệm vụ, bênh-vực kẻ hèn yếu, giúp đỡ kẻ khốn cùng.
*Dieu! pourquoi l'orphelin dans ses lan-
ges funèbres.
Dit-il: « J'ai faim »? L'enfant n'est ce-
pas un oiseau?
Pourquoi le nid a-t-il ce qui manque au
berceau?
(Contemplations)*

*J'aime l'araignée et l'ortie,
Parce qu'on les hait.
(Contemplations)*

Ông rất kiên-cường, không chịu khuất-phục kẻ quyền thế, hăng hái trừ kẻ cường bạo để bênh vực công lý và tự-do, mặc dầu thê cô sức kém:

*Et, s'il n'en reste qu'un, je serai celui-là!
(Ultime Verba)*

Hơn nữa, ông muốn tự coi nhà thi-sĩ như một đạo sĩ (mage) phải hướng dẫn quần chúng, và chỉ rõ cho họ biết chân-lý ở đời!

*C'est toi qui sur toutes les têtes,
Dois, qu'on l'insulte ou qu'on le loue,
Comme une torche qu'il secoue,
Faire flamboyer l'avenir,*

(*Les Rayons et les ombres*)

Ông không quên ca tụng sự lạc thú trong gia-đình, sự đáng yêu của trẻ thơ. Ông cũng không tiếc lời xưng tụng những vị anh-hùng hiến thân cho tổ-quốc, và đáng tôn quý biết chừng nào!

*Ceux qui pieusement sont morts pour la patrie.
Ont droit qu'à leur cercueil la foule vienne et prie.
(Hymne)*

Nói tóm lại, ông luôn luôn dùng văn-chương thi ca để phụng-sự quốc-gia, để cải thiện đời sống xã-hội, giúp xã-hội thêm phần tươi sáng, và thiết tha mong người đời biết trọng chân-lý và tự-do, biết treo cao gương bác-ái và nhân đạo. Cả một đời ông là một tâm gương trong sáng, một cuộc tranh đấu không ngừng vì quốc gia, vì văn-hóa, vì tự do và chính-nghĩa, đáng cho các dân-tộc bất-luận đông tây, tôn sùng và noi theo

Hồi-cư

(Về Hà-nội đầu năm 1948 sau hơn một năm tản cư)

*Hơn năm trở lại đất Thăng-Long,
Khói lửa vừa qua cảnh náo lòng!
Non nước một màu tang tóc phủ,
Cửa nhà bao lớp cỏ rêu phong
Đường xưa lối cũ quen chân bước,
Khách lạ phương nào mỗi mắt trông?
Tai nạn những mong cho chóng sạch,
Sông Hoàng qua đực tới hồi trong.*

Kỳ-hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

PHÊ BÌNH *thời sự*

Chống nạn mù chữ

CHÚNG ta được tin Đức Quốc trưởng BẢO-ĐẠI, ban Sắc Lệnh ngày 20-1-1952 đã quyết định « trong một hạn hai năm, kể từ ngày ký sắc lệnh này, mỗi người công dân Việt-Nam, bất luận nam nữ từ 13 đến 50 tuổi, phải biết đọc và biết viết chữ Quốc Ngữ »

Đó là một sắc lệnh bắt chúng ta phải suy nghĩ. Chúng ta đây là tất cả những công dân của một Quốc Gia độc lập đã được cái may mắn biết đọc và biết viết. Bởi vì chúng ta phải nhận định, qua các kinh nghiệm rằng : một sáng kiến hay đến

đâu cũng chỉ là một ngọn đèn sáng đưa đường dẫn lối. Và Chính Quyền trước một công cuộc xã-hội khẩn cấp và lớn lao như vậy, không thể, một mình hoàn thành nổi nhiệm vụ.

Hồi xưa, người ta đã đòi phen hô hào chống nạn mù chữ mà chẳng thu được kết quả gì. Nói vậy, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có sự tham gia rộng rãi của toàn dân, bằng những ý chí mạnh mẽ, nhất là của những bạn trẻ có thiện tâm, mới mong, trong kỳ hạn tối thiểu của đạo dụ kia, thanh toán nổi nạn thất học được. Nghĩa là chúng ta, những người biết chữ, phải tự gán cho chúng ta có cái bổn phận, có một trách

nhiệm khẩn thiết giúp đỡ Chính phủ một cách tích cực trong công cuộc thi hành sắc lệnh này.

Ích lợi của sự biết đọc biết viết cho sự củng cố nền độc lập Tổ quốc, nâng cao đời sống của dân chúng và uy thế của Quốc gia đã quá hiển nhiên. Cho nên, lúc này, kẻ cũng đã hơi muộn, chúng ta cần phải hăng hái bắt tay ngay vào việc.

Công việc tuy có vẻ khó khăn đòi với Chính phủ, mà lại thực dễ dàng đòi với tư nhân, nếu mỗi người chúng ta đều vui lòng nhận trách nhiệm. Bởi vì

nhà nào cũng có người biết chữ, chỉ có việc là kẻ biết chữ đó sẽ tự lĩnh lấy cái trách nhiệm phải dạy người chưa biết chữ của nhà mình. Thề thôi. Một chút gắng sức, một chút thiện ý, công việc thực không có gì là nan giải.

Nếu kẻ chưa biết chữ có bổn phận phải học, thì người biết chữ cũng có bổn phận phải dạy người chưa biết. Người chưa biết chữ, đừng xấu hổ, hăng hái học. Người biết chữ đừng ích kỷ, vui vẻ dạy. Mỗi gia đình, mỗi nhà, mỗi phố, mỗi làng cùng thể cả, thì giặc đói thực không làm sao còn có đất mà đứng nữa. Viễn ảnh thực là sáng ngời hy vọng, nếu nguyên tắc dễ dàng trên được tất

PHẠM-VĂN-KỲ

cả chúng ta, những kẻ biết chữ, cùng áp dụng, đều đều và chắc chắn. Như vậy, nhiệm kỳ hai năm của sắc lệnh thanh toán nạn mù chữ của Đức Quốc Trưởng lo gì mà không thực hiện được ?

Chúng ta đã may mà có một thứ chữ dễ học hơn hết mọi ngôn ngữ trên hoàn cầu. Chúng ta cũng lại may có được một phương pháp giảng dạy rất dễ dàng và thông dụng. Tất cả sẽ giúp chúng ta trong công việc thanh toán lớn lao này. Thành công hoặc không, đều do ý chí của chúng ta. Nhưng chúng ta phải thành công. Bởi vì chúng ta có ý chí. Bởi vì chúng ta có bốn phận. Bởi vì chúng ta đều là những kẻ yêu nước mà mong mọi cho nước được hùng cường.

Khi những ý kiến trên được nêu ra, chúng tôi không quên nghĩ tới sự cố gắng của những đoàn thể văn hóa tư nhân như Hội Phụ-Nữ Tương-Tề, Hội Tân Văn-Hóa V. N. cùng của chính phủ, trong ít lâu nay, trước công cuộc chống nạn thất học. Những lớp học khai tâm dành cho Đại Chúng đã

được chính phủ cho mở khắp nơi trên toàn cõi Việt-Nam. Nha Thanh Niên và Đại Chúng Học Vụ nhờ sự trợ giúp quý hóa của Viện trợ Mỹ đã hoạt động ráo riết và không ngừng : lớp huấn luyện giảng viên đã được mở. Hội nghị các phụ trách cũng đã được tổ chức. Ban Tu Thư cũng đã được thành lập. Và tổng số kẻ khai những đồng bào thoát nạn mù chữ trong năm vừa qua, theo lược đồ của các cơ-quan hữu trách đã làm cho chúng ta phấn khởi.

Nhưng dầu sao, như chúng tôi đã trình bày ở trên, muốn có được những kết quả nhanh chóng và chắc chắn, thì cùng với sự chỉ đạo của chính quyền, phải có sự giúp đỡ tích cực của toàn thể dân chúng nữa.

Chúng tôi mong rằng, cả dân cả chính sẽ cùng quyết gắng đồng lao cộng tác trong công cuộc này, để nước nhà sẽ thoát khỏi nạn mù chữ trong kỳ hạn đúng như ý muốn của Đức Quốc Trưởng, và cũng là ý muốn của tất cả những người yêu nước.

Lời khuyên học-sinh về cách dùng ngày nghỉ

Mỗi năm, tới kỳ tức-hạ, nhiều phụ-huynh học-sinh lại một lần bản-khoản, không biết cho con em dùng thì giờ cách nào trong các ngày nghỉ. Vì vậy, thiết-tưởng nên đăng dưới đây, mấy lời khuyên nhủ sĩ-tử của một nhà mô phạm đầy kinh-nghiệm.
L.T.S.

HOA soạn tây nở đỏ rực trên các chòm cây, bên các ngã đường, báo vụ nghỉ hè sắp tới. Tiếng ve đã bắt đầu kêu trong ánh nắng gay gắt ngày hè. Chín tháng trời chen chúc trong các lớp học, óc mãi miết làm việc và người cầm cúi viết trên mặt bàn, chắc hẳn giờ đây các em đã thấy mệt.

Cho nên các em sắp được tạm từ biệt nhà trường, tung ra khắp các phương trời như những bầy chim non vui sổng để hưởng ánh trời tươi lành, gió đồng mát mẻ, hương cái êm đềm của cây xanh và cái trong trẻo của nước biếc.

Bao nhiêu thú vui đang chờ đón các em. Nhưng làm thế nào để vui đùa cho phí chí, để khi ngày khai trường sắp đến, các em không phải lo ngại và không phải bằng khung nhớ tiếc những ngày tươi sáng mau qua? Muốn như thế, các em phải vạch một chương trình nhất định để dùng những ngày hè một cách đầy đủ.

Tôi đã thấy nhiều em ngay từ lúc đầu hè đã « ly dị » sách vở và chỉ rong chơi, thậm chí đến ngày khai trường sách vở vẫn chưa sửa soạn sẵn-sàng. Cũng có em, trái lại, chỉ mải miết học, cời trần ra mà học và lại học nhiều hơn cả trong niên-học nữa. Lại có em cũng chẳng ra học, chẳng ra chơi, và ngoảnh đi ngoảnh lại hè đã hết. Như thế thật tai hại.

Vậy các em phải hiểu rõ ý nghĩa của ngày hè. Hè không phải hẳn để chơi nhưng cũng không phải hẳn để học. Nếu ta không nhìn nhận đến sách vở trong hai tháng rười rượi, ớc khời sao không hạn đi khác nào « lười cày nọ lâu không dùng đến » Mà nếu học cả vụ

hè thì bắt tất phải đặt ra nghĩ hè làm gì? Người ta sẽ làm việc hết năm này sang năm khác như một cái máy để một ngày rất gần sẽ đón lấy rất nhiều bệnh tật. Vậy hè phải dùng để « chơi mà học, học mà chơi ».

Muốn chơi cho có ích lợi, cho thân thể được nghỉ ngơi thực sự, trước hết các em phải tìm chồn chơi cho trong sạch.

Tốt nhất là lên núi cao hay ra bãi biển, những nơi mát mẻ, không khí trong lành. Đi giữa đám mây, lội qua ngọn suối, tìm những hoa cỏ lạ ở nơi đồi núi hay đầm mình trong làn nước biển xanh xanh nhấp nhô những làn sóng bạc đầu, hưởng làn gió mát từ nơi xa lạ đến trong khi ngắm những bãi cát trắng xóa dưới rừng thông xanh ngắt, là những thú vô tả, khả dĩ làm nghỉ ngơi được bộ óc nhọc mệt.

Nhưng tiếc thay đó là những cách nghỉ mát đắt tiền và nhất là trong thời chiến-tranh này khó áp dụng được.



Bờ biển

Đây tôi hiến các em một cách nghỉ mát thuận tiện và vừa với túi tiền của tất cả mọi người. Chỉ cần tìm một vùng quê đẹp đẽ, gần bể cảng hay, là chúng ta đã qua được những bất tiện gây ra bởi thời cục.

Cách này rất lợi cho các em ở thành phố. Quen sống với cát bụi, với trăm nghìn tiếng động ồn-ào, với những dãy phố dài dằng dặc, với ánh điện chói mắt, các em sẽ thấy khoan khoái được hút làn không khí trong-sạch khi đi dạo mát trên một con đường đất trắng bờ giữa cánh đồng lúa thơm, dưới ánh trăng ngà êm dịu. Các em sẽ thấy tất cả cái thanh tĩnh của nơi thôn dã. Các em sẽ hiểu được phong tục của dân quê và sẽ thấy họ sống một đời cần lao mộc mạc, vất vả là chừng nào. Trở về thành thị, các em sẽ bắt chước họ mà chăm chỉ hơn; đồ phí phạm hơn và hiểu rõ giá trị của những lao-nghiệp hơn.

Còn các em ở thôn-quê thì đi nghỉ mát ở đâu? Tất nhiên không phải là ở thành phố nếu không muốn làm một việc khôì hải, vô ý thức và đầu độc sức khỏe. Các em nên tìm một nơi quê ngoại hay quê một người bạn để ở trong vụ hè, vì việc đổi chỗ ở làm cho đời sống thêm vui, cũng như việc đổi món ăn làm cho bữa ăn thêm ngon.

Nơi nghỉ mát đã vậy, các em đi nghỉ mát làm sao?

Phạm đi chơi phải có nhiều người, mới vui. Các em nên rủ năm bảy bạn đồng lớp chung tiền nhau đi nghỉ mát. Nếu mời được một thầy giáo cùng đi để dạy các em trong những ngày nghỉ ở vùng quê ấy, thì ích lợi hơn cả.

Khi sửa soạn hành-lý, không nên quên mang theo một vài quyển sách, một vài cây đàn, một quả bóng.

Trong những ngày hè, các em nên bỏ tính ỷ-lại thường ngày để tự làm lấy các công việc cần dùng. Giặt lấy quần áo, các em sẽ biết giữ-gìn hơn trong cách ăn mặc.

Thời nấu lầy, các em ăn cơm sẽ thấy ngon hơn. Ngoài thì giờ làm việc ấy, các em sẽ đi thăm những nơi làm muối, những nơi dệt chiếu, quan sát cách nuôi tằm, dệt vải, v.v... Các em sẽ tận hưởng những thú đồng quê: bơi lội, câu cá, làm vườn, bắn chim, đánh bóng... Nhưng mỗi ngày các em cũng chớ quên dành một vài giờ để xem sách. Nằm dưới bóng cây xanh mát, trong khu vườn rộng, bên bờ ao, các em sẽ thấy hiểu, những ý nghĩa trong sách hơn là ở trong một phòng học nóng bức, giữa bốn bức tường vôi.

Ngoài giờ xem sách các em nên học mỗi ngày 2 giờ. Cách học trong vụ hè cũng là một vấn đề không phải không quan trọng.

Có nên dùng những ngày hè để học trước chương trình năm tới, rồi hết hè «nhảy» bỏ hẳn một lớp không? Nhặt định là không, trong mấy năm gần đây, ông giáo nào cũng phải than phiền là sức học sinh rất kém. Mỗi lớp có tới 4 phần 5 không theo nổi chương trình và trong số đó 2 phần 5 đáng xuống đến 2, 3 lớp. Nguy hại thay! Các em nên nhớ rằng thức ăn không tiêu hại cho sức khỏe thế nào thì học nhảy cũng hại cho trí khôn như thế. Muốn cho đứa trẻ 6 tháng chóng lớn không thể cho nó ăn gấp bội được. Vậy muốn chóng giỏi, không phải là nhồi vào sọ những điều đáng lẽ 2, 3 năm nữa mới học tới. Có một số người quảng cáo âm ỹ là để tranh thủ thời gian sẽ dạy chương trình Tiểu học trong 3 năm hay chương trình Trung học trong 2 năm! Rùng rợn thay những lời nói ấy. Thật là sống chết mặc bay, tiến thối bỏ túi!

Còn nếu học chương trình năm sắp tới, nhưng không nhảy thì cái nguy hiểm cũng không phải là nhỏ. Khi tựu trường, chỉ ôn lại, các em đó sẽ mất hứng thú, không gắng sức,

không chú ý, chỉ nỏ đùa rồi sinh ra lười biếng. Và đến cuối năm lại sẽ kém hơn các anh em bạn.

Cách học ích lợi nhất là mời một thầy giáo nào có kinh nghiệm, biết rõ chương trình để ôn lại chương trình năm vừa qua. Như thế, ta sẽ hiểu rõ hơn những điều đã học và có một quan niệm chắc chắn hơn về những điều đó. Đáng rằng trong năm học, các em đã học hết chương trình, nhưng vì bài học rải rác ra trong 9 tháng, các em khó nhận được sự liên quan trong chương trình và cũng vì thế không nhớ lâu được.

Sau khi đã ôn lại rồi, nếu còn thì giờ sẽ học đến một vài bài đầu trong niên học sắp tới để các em khỏi bỡ ngỡ trong khi nhập học. Riêng các em ở lớp Nhất bậc Tiểu-học sắp lên lớp Đệ Thất bậc Trung Học, phải chú ý hơn, vì chương trình 2 lớp cách biệt nhau nhiều, nhất là về Pháp văn và Anh văn. Ở bậc Tiểu học không có 2 môn này. Trái lại, ở lớp Đệ Thất Trung Học, chương trình sinh ngữ Pháp và Anh lại hơi nặng. Vậy trong dịp hè, các em phải cố học hai môn đó để khi vào học có thể mau hiểu và bớt khó nhọc.

Việc chọn giáo sư Anh văn rất khó. Nên chọn những thầy có kinh nghiệm thiết

thực và chuyên môn. Thầy biết rất nhiều, dạy rất tận tâm mà trò chẳng nhớ gì thì cũng vô ích. Tôi đã từng thấy nhiều em đọc tiếng Pháp lẫn với tiếng Anh, thành ra học một thứ tiếng không có trên thế-giới.

Thêm vào đó khi hội họp nhau học, các em nhớ đừng chọn chỗ nhiều người; vì nhiều học sinh là dĩ nhiên thấy giáo không đủ thì giờ săn sóc các em chu đáo được.

Đó là vài lời khuyên nhủ để kỳ hè sắp tới các em dùng một cách ích lợi, rất mong các em đừng quên. Biết nghỉ ngơi và biết học để thân thể và trí óc sẵn sàng đón tiếp năm học sắp tới, đó là công việc phải làm trong kỳ hè. Làm việc phải có nghỉ ngơi, nghỉ ngơi để làm việc hăng hái hơn, đó là ý nghĩa của ngày nghỉ.

Trước khi ngừng lời, tôi thành thực chúc các em một kỳ hè vui vẻ và rất mong đến ngày tựu trường, các em sẽ trở lại Học đường với thân hình khỏe mạnh, làn da xạm nắng và trí óc thành thoi.

Hè 1952

TY TIỂU-HỌC BÙI-CHU

Trưởng - Ty
PHẠM-VĂN-DIỂN

Mùa thu

Mùa thu tháng bảy sen tàn,

Đêm rằm tháng tám cỗ bàn Trung thu.

Heo may tháng tám ví-vu;

Bước sang tháng chín lá thu điểm vàng.

Ông và Bà VŨ-HUY-CHÂN



Tin trong nước

● Nhân dịp Trung - thu vừa rồi, Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại gửi các em thiếu-nhi mấy lời thông-thiết như sau :

« Tuy tạm thời đi xa đất nước, nhưng lòng tôi lúc nào cũng ở bên cạnh các em, nhất là trong ngày Tết Trung-Thu này, ngày Tết của các em. Tôi chia sẻ nỗi vui mừng của các em. Theo nền luân-lý cổ-truyền, thì tổ-tiên chúng ta và các em thiếu-sinh là hai sợi dây đời đời chấp nối để giữ vững tinh thần truyền thống của dân tộc. Tổ-tiên chúng ta tạo thành di vãng ; các em thiếu sinh xây đắp tương lai. Nước Việt-Nam mới mà tôi cùng các bậc huynh trưởng của các em đang cố gắng xây dựng sẽ do các em bồi đắp để đưa Tổ Quốc đến ngày vinh quang sánh lạn. »

« Nếu tôi tận tâm theo đuổi công cuộc tranh đấu để đòi hỏi cho nước nhà một nền độc lập và dân chủ thực sự, cũng là vì tôi tin tưởng rằng các em sẽ xứng đáng với công cuộc mà một ngày kia tôi sẽ giao phó cho các em ; công cuộc ấy các em sẽ cố gắng tăng cường và tô điểm thêm. Ngày hôm nay, nhân dịp Tết của các em, tôi muốn tỏ lòng tin tưởng nhiệt liệt ấy với tất cả các em thiếu sinh Việt-Nam. »

● Nhân dịp Trung thu ông Đồng-lý Văn Võ phòng Đức Quốc-trưởng, đã yêu cầu Thủ-tướng ra chỉ thị cho các ông Thủ-hiền Trung, Nam, Bắc - Việt nhân danh Đức Từ Cung Thái-hậu, Đức Nam-phương và Hoàng-tử Bảo-Long, tổ chức những cuộc phát bánh và đồ chơi cho nhi đồng.

Đức Quốc-trưởng đã tỏ ý muốn rằng những cuộc biểu thị đó tượng trưng sự ân cần thân mến của Đức Từ Cung Thái-hậu, Đức Nam-phương và Hoàng-tử Bảo-Long đối với giới nhi đồng.

Tòa Thị-chính Đà-lạt đã nhận được của Đức Từ-Cung Hoàng Thái hậu và Đức Nam-phương, một số tiền là 15. 000 đồng do hai Ngài ban cho các nhi đồng vùng sơn cước. Cũng về dịp này, hai Ngài lại ban cho nhi đồng ở các thị trấn vùng cao nguyên một số quà đồ chơi trị giá 6.000 đồng.

Sau hết, để tỏ lòng săn sóc đặc biệt của Hoàng-tử Bảo-Long đối với các học sinh trường Trung-học mang tên Ngài, Hoàng-tử đã gửi ông Hiệu-trưởng trường Trung-học Bảo Long một số tiền riêng là 3.000 đồng để mua quà phát cho 130 lưu trú học sinh, hầu hết là con các nạn nhân chiến tranh.

● Sau mấy tháng nghỉ hè, ngày 2-10-1952 Bộ Quốc Gia Giáo Dục lại bắt đầu tổ chức tại Giảng đường trường Đại-học Hà-nội, cuộc diễn thuyết hàng tháng về văn-hóa.

Diễn giả, Ông Vũ-văn-Mẫu, Quyền Khoa Trưởng trường Đại-Học Luật-Khoa, đã nói về « Quyền-lợi của Văn nghệ sĩ ».

Bài diễn văn gồm có ba phần :

- 1') Quyền tư - hữu.
- 2') Quyền tinh - thần.
- 3') Phương sách bảo vệ các quyền lợi ấy.

Diễn giả đã được công chúng rất hoan nghênh. Bản báo sẽ đăng ở một số sau bài diễn văn đặc sắc này.

● Những buổi phát thanh dành riêng cho Bộ Q.G.G.D. vào ngày chủ nhật tại Sài-gòn và Hà-nội, đã nói về những vấn đề văn hóa và giáo dục.

Trong tháng chín và thượng tuần tháng mười dương lịch vừa qua, đã có những bài bình luận sau đây :

- 1') Đức dục ở Học đường.
- 2') Giáo-dục xưa và nay ở Việt-Nam.
- 3') Triển lãm Khoa-học.
- 4') Ý kiến về vấn đề cải cách giáo dục.

● Bộ Q.G.G.D. mới xuất bản một cuốn sách nghiên cứu về sự phạm nhân để : « Lịch trình giáo dục » giấy 120 trang khổ 16^{cm} × 24^{cm} in đẹp, trình bày có mỹ thuật. Thiết tưởng các nhà giáo, các phụ huynh học sinh và bất cứ một ai lưu tâm đến vấn đề giáo dục cũng nên đọc sách này ; vì có biết sự tiến triển của khoa sư-phạm tại các nước văn-minh và ở nước nhà, mới thấy rõ những sở-trường nên theo, những khuyết điểm cần tránh xa, và những khuynh hướng tân kỳ đang sôi nổi khắp nơi.

● Ngày 5-9-1952 mới rồi, Hội-nghị Quốc-gia Văn hóa Liên-hiệp-quốc đã nhóm họp tại Sài-gòn dưới quyền chủ tọa của Ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục Nguyễn-thành-Giung. Ông Tổng-Trưởng đã đọc một bài

diễn văn khai mạc rất cảm động, và nhấn mạnh vào sự chấn hưng và khuyến khích trường nền văn-hóa Việt Nam.

Các nhân viên đã thảo-luận ráo-riết về các vấn đề như sau :

— Mục đích và phương-tiện hoạt động của Hội nghị Quốc-gia

— Sự khuyến khích trường nền học trong nước (chống nạn mù chữ ; thiết lập quán trọ học sinh...)

— Khoa học phổ-thông trong toàn quốc (phòng thí-nghiệm, đài phát thanh, viện bảo-tàng. .)

— Sự chấn hưng văn-hóa quốc - gia. (Hội văn-nghệ-sĩ, hội văn-hóa, thư-viện, triển-lãm, viện bác-cổ... quyền tác-giả).

— Cách truyền bá tôn chỉ và tư-tưởng của Hội-đồng Văn-hóa Liên hiệp quốc (Nhân quyền và Liên-hiệp-quốc).

Riêng về mục Văn Hóa, cuộc thảo luận đã đưa tới những quan niệm tân kỳ và thiết thực.

Hội nghị đã bế mạc hồi 1 giờ trưa ngày 6-9-1952.

● Hai ngày 11 và 12-9-52, Ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục Nguyễn-thành-Giung đã đi thăm nhiều trường trong thành phố và ở ngoại-ô Hà-nội.

Đền đâu, ông cũng ân cần thăm hỏi học sinh, và khuyên nhủ các vị hiệu trưởng hay giáo sư về khoa sư-phạm. Ông nhấn mạnh vào ba điểm :

— Cụ thể hóa lời giảng-dạy, nhất là ở các lớp bình dân, bằng học-cụ hay bằng những tỉ dụ lấy ở hoàn cảnh địa-phương

cho học sinh thực nghiệm những điều học hỏi, để họ hiểu biết rõ ràng. Riêng ở trường Kỹ-nghệ, ông khuyên ông Hiệu-trưởng nên cho học-sinh đến sửa chữa, nếu có thể, các đồ cơ-khí ở ngay các công sở.

— Chú ý đến sức khỏe của sĩ tử, bằng cách nhờ y-sĩ khám xét, và ghi chú các lời khuyên răn vào phiếu sinh lý, và bằng sự thiết lập các hội thể thao.

● Ngày 12-9-1952. Ông Phan-văn-Giáo phó Thủ - Tướng kiêm Tổng - Trưởng Bộ Thông-Tin, đã tiếp ông Giám-độc « Việt-Nam điện-ảnh công ty » tại Hà-nội.

Phó Thủ-tướng khuyến khích sự khuếch-trương kỹ nghệ điện ảnh V. N. và ước mong sẽ có những cuốn phim xứng đáng, làm danh dự cho Tổ quốc. Ông muốn ngành điện ảnh V. N. sẽ phô trương những thuần phong mỹ-tục của dân tộc, cũng như những phong-cảnh đẹp của đất nước, để thế-giới hiểu biết nước nhà với những cảm tưởng tốt đẹp.

● Sáng 13-9-52, đã cử lễ khánh thành các căn nhà rẻ tiền ở Lương-Văn và ở Văn-hồ, Bắc-Việt dưới quyền chủ tọa tối cao của Thủ-tướng Nguyễn-văn-Tâm. Nhân dịp này, ông Thị-Trưởng Hà-nội đã cho biết : nhờ ở sự trợ cấp của Đức Quốc-trưởng và số tiền viện trợ Mỹ hơn 500 căn nhà đã được xây dựng, và có thể chứa được chừng 4.000 người.

● 13-9-52. Đề khuyến khích các tài hoa chớm nở, đài Phát-thanh Hà-nội, đã mở cuộc thi hát tại trụ sở đài, vào ngày chủ-nhật 14-9-52, hồi 7 giờ. Trước ngày đó, ban tổ-chức đã có cuộc thi loại. Những tài tử được qua điểm trung bình, mới tới dự cuộc thi chốt ngày 14-9 để chiêm giải.

● Thứ bảy 13-9-52, Phủ Thủ-hiền Bắc-Việt đã tổ chức tuần lễ khỏe từ 13 đến 21-9-52, dưới quyền chủ tọa của Thủ - tướng Nguyễn-văn-Tâm. . .

● Ông Bộ-trưởng Bộ Nghiên-cứu và Cải-cách đã mở cuộc trưng cầu dân-ý về các phương-diện chính-trị, kinh-tế, văn hóa và xã-hội. Ông yêu cầu đồng bào toàn quốc, ai có ý-kiến gì nên tỏ bày, để chính-phủ sưu tầm và nghiên-cứu.

Riêng về văn-hóa, báo Giang-sơn ra ngày 11-9-50, bản nên : canh-tân phương-pháp

giáo-dục, đặt ra ban tu thư đề chuyên dịch và phổ thông các sách báo ngoại-quốc, nới rộng chế-độ kiểm duyệt, khích-lệ việc sáng-tác trong văn-nghệ, nâng đỡ các khả-năng trong kịch-giới và điện-ảnh giới.

● Ngày 20-9, phái đoàn Phật-giáo Việt-Nam đã khởi hành sang Nhật dự đại - hội Phật giáo thế-giới lần thứ hai.

Ban quản-trị Trung-trương hội Phật-giáo Việt-Nam cùng một số đông các thiện-tín, đã hội họp tại chùa Quán-sứ Hà nội để tiễn đưa phái đoàn.

● Một phái đoàn Nhật-bản có nhiệm vụ đi nghiên cứu các nước Đông-Nam-Á. Hai nhân viên trong phái đoàn đã tới Sài-gòn ngày 21-9 vừa rồi. Đó là các ông : Inagaki, nguyên tổng trưởng thương mại và kỹ nghệ Nhật-bản, Agazawa, kỹ nghệ gia.

● 14-9-52 Việt-Nam Văn-Hóa Hiệp hội đã tổ chức « ngày Văn-Hóa » và phát giải thưởng cuộc thi tiểu thuyết 1952 tại Văn-Miếu Hà-nội dưới quyền chủ tọa của Thủ-Tướng Nguyễn-văn-Tâm.

Nhân dịp đó, Văn-Hóa Hiệp-hội đã gửi bản kiến nghị sau đây lên Văn phòng Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại :

« Toàn thể hội viên Việt-Nam Văn-hóa Hiệp-hội đều hướng về phía trời Tây ngóng trông Đức Quốc Trưởng hứa xin cố gắng góp sức xây dựng nền Văn hóa Quốc-gia, và mong mọi Đức Quốc-Trưởng chóng hồi loan để quốc dân cùng được hưởng hạnh phúc dưới sự lãnh đạo cương quyết của Ngài trên nền độc lập V. N. hoàn toàn bình đẳng với thế giới liệt cường ».

● Hồi 9 giờ, ngày 16-9-52 tại tòa Thị-Chính Sài-gòn, Thủ-tướng Nguyễn-văn-Tâm đã khai mạc hội-nghị Y-tê địa phương lần thứ 3 của vùng Tây Thái-bình-đương.

Có hơn 60 nhân vật quốc tế tới dự nhân danh là đại biểu của 13 nước hội viên.

Thủ-tướng Nguyễn - văn - Tâm khai mạc Hội-nghị bằng một bài diễn văn chúc mừng các đại biểu và các quan sát viên.

Thủ-tướng kết luận : « các ông là những người xây dựng một tòa nhà vĩ đại, tốt đẹp, nhân-tử và bác-ái. Trong công việc cao cả của quý ông, các ông có thể tin cậy ở sự giúp đỡ hoàn toàn của chúng tôi. Chúng tôi đặt hy vọng sâu sa ở các ông, hy vọng của một quốc gia tự hào đã góp phần vào sự xây dựng một thế giới hạnh phúc và tốt đẹp hơn trước. »

● Sáng 26-9 hồi 9 giờ, đã cử hành lễ khánh thành trường Tiểu học bờ sông mang tên mới là trường Trần-nhật-Duật. Lễ này đặt dưới quyền chủ tọa của ông Tổng-trưởng bộ Tài-chính và kinh-tế quốc gia và ông Thủ-Hiền Bắc-Việt.

Từ nay, Hà thành thêm được 6 lớp học

● Chủ nhật 28-9-1952, (tức 10-8 Âm lịch) hồi 16 giờ, Việt-Nam Văn-Hóa Hiệp hội đã tổ chức lễ kỷ niệm nhà đại văn-hào Nguyễn-Du tại nhà Hát lớn hành phố

Trong dịp đó, ông Phạm-việt-Tuyên nói chuyện về « Tâm hồn thi sĩ Nguyễn Du » và ông Nguyễn văn Phô nói về « Nguyễn-Du và đạo lý Đông - Phương ».

● Tại tòa lãnh-sự Ấn, phố hàng Vôi Hà-nội, hồi 8g30 sáng 1-10 ông lãnh - sự Ấn cùng đoàn thể Ấn-Kiểu đã cử hành lễ kỷ niệm sinh nhật vị anh hùng Ấn-độ : thánh Gandhi.

Trước hết ông Chandary lãnh sự Ấn đọc diễn văn kể qua đời sống của thánh Gandhi một lãnh-tụ chính-trị và một nhà cải tạo xã hội.

Rồi ông cho biết rằng : nhân dịp này, Ấn-Kiểu ở Hà-nội và Hải-phòng sẽ tổ chức phát gạo cho dân nghèo. Ông Chandary thêm rằng : « Tinh thần của thánh Gandhi sẽ soi sáng và khích lệ những người ở biết bao thế hệ ».

Đền ông Thủ-hiền Bắc-Việt đọc diễn văn tỏ sự hân hoan của dân chúng Bắc-Việt, và tâm lòng tôn kính đối với nhà lãnh tụ Ấn, một người tạo nên nhân-loại mới.

Ông Thủ-hiền ại cảm ơn đoàn thể Ấn-Kiểu đã tổ chức cuộc phát gạo cho dân nghèo Hà-nội — Hải-phòng, một việc tượng-trưng cho sự đoàn-kết của mọi quốc gia đang tranh đấu chống cự nghèo nàn, khổ cực. Sau đó ông Thị-trưởng Hà-nội đã nhân danh thành phố và dân nghèo Hà-nội ngỏ lời cảm tạ.

Buổi lễ chấm dứt bằng một tiệc trà thân mật.

● Trưa ngày 3-10-52, ông Smid, ủy-viên của tổ chức Văn-hóa Liên-hiệp-Quốc (Unesco) đã từ Vientiane đáp phi-cơ tới Hà-nội.

Tại phi trường Gia-Lâm, Ông đã được hai Ông Dương văn-Long và Phạm-xuân-Độ, Đại-diện Bộ Q.G.G.D., đón tiếp. Ông đến khảo-sát cùng Văn-phòng Bộ Q.G.G.D. để tổ chức tại Hà-nội, một cuộc Triển-lãm khoa học, với những cơ-khí tối tân và các phim ảnh do Tổ-chức Văn-hóa Liên-hiệp-Quốc gửi tới. Nếu không có sự gì trở ngại, cuộc Triển-lãm này sẽ có thể khai mạc tại nhà Hát-lớn thành phố, vào hạ tuần tháng 11 Dương-lịch sắp tới, và sẽ được các nhà cầm-quyền giúp đỡ.

..

● 3-10-52. Tết Trung-thu đã diễn ra ở Hà-nội trong một bầu không khí náo-nhiệt.

20 giờ đêm hôm rằm, đã có cuộc rước đèn của học sinh tiểu học ở chung quanh hồ Hoàn-Kiểm.

..

5-10-52. Giá gạo ở ngoài Bắc bỗng tăng lên nhiều.

Vì vậy, Thủ-tướng Nguyễn-văn-Tâm đã hạ lệnh cho chờ cấp tức 1000 tấn gạo từ Nam ra Bắc, và phái ông Tổng-trưởng Bộ Canh Nông ra tại chỗ khảo sát tình-thệ.

● Tại Saigon nhân dịp kỷ niệm lần thứ 652 ngày « Thánh-hóa » của Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương, hai buổi lễ do thủ tướng Nguyễn Văn Tâm chủ tọa đã được cử hành sáng qua tại đền kỷ-niệm ở Số Thù Saigon và ở ngôi chùa của hội Bắc-Việt Tương tế phò Mayer.

Ở đền kỷ niệm, Thủ-tướng Nguyễn-văn-Tâm sau khi nghe nhạc cử quốc thiều, đã tới nghiêng mình làm lễ tam khấu trước bàn thờ và dâng 3 nén hương. Sau đó, tới lượt các nhân vật hữu diện cũng làm lễ như Thủ-tướng.

9 giờ sáng ngày 20 tháng 8 âm - lịch (8-10-52), tại đền Ngọc-sơn, Hà-nội, đã cử hành lễ Thánh-hóa Đức Trần-Hưng-Đạo, và lễ khánh thành Đình Trần Ba. Dưới đây, là bài diễn văn của ông Thủ-Hiến B.V., và mấy đoạn chính trích trong bài diễn-văn của ông Chủ-tịch Hội-đồng Quản-trị đền Ngọc-sơn.

a) *Diễn-văn của ông Thủ-Hiến B. V.*

Hôm nay, ngày Thánh-hóa Đức Trần - Hưng-Đạo, tôi thành-kính thân đến nơi kinh đàn, thắp nén trầm hương, cúi dâng tuần rượu, để tỏ lòng sùng-bái đối với vị anh hùng vạn cổ của nước nhà cách đây 700 năm đã hai lần đánh bại quân Mông-Cổ, cứu nhân-dân thoát khỏi nạn xâm lăng, và củng cố nền Độc-lập của Tổ-quốc.

Tôi lại rất hân-hạnh đáp lời mời của các vị trong Hội-đồng Quản-trị đền Ngọc sơn đến chủ tọa lễ Khánh-thành đình Trần-Ba, một công cuộc trùng tu vừa thực hiện.

Nhờ sức kiên-thiết mãnh liệt của toàn dân, nhờ sự cố-gắng của các cấp hữu trách, một phần lớn những kiến-trúc công tư của Thành-phố Hà-Nội ngày nay đã xây dựng lại. Hơn nữa, các đền đài cổ tích cũng được bảo-vệ và trùng-tu, khiến đất Thăng Long, cổ-đô này — trải bao lần biến cố, bao lớp phê hưng — vẫn giữ được phong vị của nơi nghìn năm văn vật,

Hôm nay, họp mặt cùng các vị ở nơi thắng cảnh này, giữa trung tâm điểm của thành phố, tôi thấy một mối cảm hoài vô hạn tràn ngập tâm hồn. Trên mặt Hồ Gươm, làn sóng nhấp nhô dường như còn vẫn tắm thán kiêu để nhắc lại chúng ta chiến công oanh liệt của vị anh-hùng áo vải đất Lam-Sơn. Trong đền Ngọc - sơn, khói hương nghi-ngút, anh-linh Đức Trần-Hưng-Đạo dường như còn phảng phất khắp nơi, để thức tỉnh tinh thần quật khởi của dân-tộc.

Tưởng niệm đền công-nghiệp của tiền nhân, cảm thông với dĩ-vãng của đất nước, chúng ta lại càng vững tâm tin tưởng ở tương lai. Trước chính sách phá hoại của bọn độc tài cuồng-tín, chúng ta quyết tâm thực hiện chính sách « bồi thổ » mà Chính-phủ Quốc-gia, dưới quyền lãnh đạo tối cao của Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại, đã cố gắng theo đuổi từ mấy năm nay, mặc dầu toàn dân đang sống trong một hoàn cảnh vô cùng phức tạp.

Tôi xin trân trọng và thành-thực khen ngợi các vị trong Hội-đồng Quản-trị đền Ngọc - sơn, đã hoàn thành một công cuộc trùng-tu đầy ý nghĩa.

Nhờ sáng kiến của các vị, đền Ngọc-sơn cũng như đình Trần-Ba đã được tu-sửa : nơi thắng cảnh này sẽ muôn đời tồn tại với non sông, và dĩ vãng oanh liệt của nước nhà sẽ ghi mãi trong tâm khảm chúng ta, biểu dương tinh thần truyền thống của dân-tộc.

b) *Sơ trích bài diễn-văn của ông Thủ - Hiến. Ngô-Bằng Giục, Chủ - tịch Hội-đồng Quản-trị đền Ngọc-sơn :*

...Trần-ba-đình do cô An-Sát Hà-Nội Đặng Đại nhân cùng Phương Đình Nguyễn Đại-nhân, một bậc danh nho thuở trước, dựng lên vào niên-hiệu Tự-Đức thứ 18 (1865), thì 81 năm sau, bị đạn bom phá hủy trong cơn binh-lửa cuối năm 1945 vừa rồi.

Vì đền Ngọc-sơn chưa có cung điện riêng để thờ Đức Trần-Đại-Vương ; nên ngay sau khi hoàn thành Đền vào dịp Kỷ-niệm ngày

« Thánh-hóa », năm 1948, chúng tôi đã có ý muốn cạp đất nền Trần-ba đình cho rộng ra, để thay thế đình này bằng một ngôi đền thờ Đức Trần.

Song, những kiện-trúc-sư mà chúng tôi đã nhờ họa kiểu đến, đều lấy khu đất này là quá hẹp, dù có cạp ra chẳng nữa cũng không rộng thêm được bao nhiêu.

Bởi vậy, trong khi chờ đợi Chính-phủ dựng lên ở chôn cò-đô này một ngôi đền xứng đáng với công đức của một bậc « Anh-hùng cái thế » đã đánh tan quân Mông cò sang xâm lấn nước nhà, chúng tôi đành hãy đặt bàn thờ Đức Đại-Vương tại nơi kinh-đàn, và dựng lại Trần-ba-đình như cũ, chỉ khác trước có một điều là cạp thêm đất cho sân đình rộng ra.

Trần-ba-đình dựng trước Đền Ngọc Sơn là đền thờ Đức Văn-Đề, Đức Võ-Đề, Đức Lã-Tổ, Đức Trần Đại-Vương. Trần-ba-đình làm tăng vẻ tôn nghiêm đến Ngọc-Sơn, đứng giữa Kiềm-Hồ, bên hữu có đền Vua Lê-thái-Tổ, bên tả có đại-lộ Đình-tiên-Hoàng, lại điểm-tô thêm vườn hoa Chí Linh, tên một địa-diểm mà ở đó ngót 700 năm trước đây, Đức Trần đã cả phá quân Nguyên là quân bácn chiến bách thắng. Uy-danh ấy, khung-cảnh này đã như kêu gọi mỗi cảm-hoài của chúng ta về cái dĩ-vãng oanh-liệt của nước nhà.

Đền Ngọc-Sơn cùng đình « Trần-Ba » trước sau trùng-tu đã hoàn-thành, thế là quang-cảnh Núi Ngọc với Hồ Gươm lại như cũ, thực đúng như hai câu thơ của một thi-nhân vừa vịnh mấy năm gần đây :

« Nước hồ chẳng cạn, gươm còn đó
Đá núi y nguyên, ngọc vẫn toàn ».

Thưa các Quý-vị,

Nay kỷ-niệm ngày « Thánh-hóa », chúng tôi thiết tưởng không thể sao thuật lại

cho xiết được những công-huân của Trần hưng-Đạo Đại-Vương đối với giang-sơ, chủng-tộc, những công-huân mà sử-sắc còn ghi chép, báo chương từng biểu dương. Chúng tôi chỉ xin nói tóm-tắt rằng phá quân Mông-Cổ hai lần để bảo-vệ nền độc-lập cho đất nước, mà đối-phương là quân vô-dịch thời ấy ở cả Âu lẫn Á thì chiến-công của Đức Trần-hưng-Đạo 1 chiến-công không tiền khoáng hậu trong lịch-sử nước nhà.

Cũng vì chiến-công ấy mà uy-danh củ Trần Đại-Vương không những chỉ lừng lẫy ở châu Á là nơi quân Mông-Cổ đ thắng quân nhà Tống, thông-trị Trung-Quô dựng lên Triều Nguyên. Uy-danh của Ngài có lẽ còn vang cả sang Châu Âu là nơ mà nước Nga, nước Bảo, nước Hung-gia Lợi đã có phen bị quân Mông-Cổ xâm lấn.

Cho nên để ghi nhớ công-dec uy-danh của Ngài, đền thờ Ngài câu đối chữ Hán có câu :

« Nam-quốc sơn hà hữu kim nhật
Đông-A trở dậu nghi thiên thu ».

Câu đối chữ Việt có câu :

« Hiền Thánh Trần-Triều, muôn thuở
còn ghi sử Việt,
Phá quân Mông-Cổ, hai lần tiếng hân
nức châu Âu ».

Ở đây cũng như ở Đền Kiếp-Bạc là nơi đến chính, cứ năm năm đến ngày « Thánh-Hóa » dân ta nhiệt-liệt đền tỏ lòng sùng bái công-dec của Trần-hưng-Đạo Đại-Vương,

Vậy nay, đứng trước đền thờ Ngài, chúng ta cúi đầu kính-cần cầu-khẩn Ngài hộ quốc tỵ dân, để cho nước thoát nạn xâm-lãng mà giữ vững độc-lập, dân qua cơn binh-hỏa mà vui hưởng thái-bình.

● Tới thứ năm 9-10-52, ông bà Bút-Trà chủ báo SM đã có nhã ý mời các nhà báo và ký giả tại Sài-gòn đến dự tiệc có Thủ tướng Nguyễn-văn-Tâm chủ tọa.

Ông Bút-Trà đã đọc diễn văn mà sau đây là mấy đoạn chính :

“ Ở giai đoạn hiện tại, sự hợp tác giữa chính phủ và nhà báo rất cần. Ảnh hưởng của một tờ báo lúc này không phải nhỏ : trong khi nhân dân biết nhận xét, ngoài thì lân quốc đua nhau dòm ngó phê bình chính phủ, báo chí hẳn có một phần trách nhiệm lớn lao trong vậy...”

Đáp lại, Thủ tướng Nguyễn-văn-Tâm, vốn cũng là một nhà văn, đã ứng khẩu nói nhiều điều đáng chú ý và thêm :

“ Thật ra, tôi đã đề ý đến văn để tự do báo chí, và đương cố gắng thực hiện. Riêng với ký giả, tôi vốn có cảm tình. và chính tôi cũng đã nghĩ đến sự giúp đỡ anh em ký giả.

● Bộ Thanh niên đã tổ chức một buổi nói chuyện và chiếu phim ảnh có ban âm nhạc giúp vui, tại khu Bàn cờ ở Sài-gòn. Trên một vạn người các giới thanh-niên, học-sinh và lao-động đã tới dự.

Các diễn-giả đã lần lượt nói về nhiệm vụ của Phụ-nữ với công cuộc xã-hội, các việc cải-cách, và việc thành lập Đoàn thanh niên Quốc-Gia để phụng sự Tổ-Quốc. Các diễn giả đã được nhiệt liệt hoan nghênh.

● 9 giờ sáng ngày 10-10-52 Phủ Thủ-Hiền Bắc-Việt đã mời các nhà báo đến hội họp ở phòng Hội đồng phủ này, để Ông Tổng-Trưởng Bộ Canh-Nông giải thích về vấn đề thóc cao, gạo kém. Ông Tổng Trưởng và Ông Thủ Hiền đã trù liệu áp-dụng những giải-pháp như sau, trong việc tiếp tế gạo ở Bắc-Việt :

— Tái gạo ở các nơi đèn (hiện Thủ-tướng Nguyễn-văn-Tâm đã cho chở từ Nam-Việt ra 2.000 tấn ; và Đại-Tướng De Linares đã cho sở Bình Lương bán rẻ 1.000 tấn cho nhân dân).

— Triệt đề trừng phạt những kẻ đầu cơ tích trữ.

— Thiết lập một ủy ban tiếp tế, để trông nom việc bán gạo ở các nơi đèn.

— Làm dễ dàng sự chuyên chở gạo từ các thôn quê ra thành thị.

Chính Phủ Quốc-Gia đã tìm hết phương-sách để trừ nạn đói kém, và chắc hẳn trong một thời-gian rất ngắn, giá gạo sẽ bình thường.

...

● 9 giờ ngày 22-8 Âm lịch (10-10-52) tại đền Vua Lê Hà-nội, đã cử hành lễ kỷ-niệm Đức Lê Thái-Tổ.

Sau khi Ông Thủ-Hiền Bắc-Việt làm lễ dâng hương, học-sinh các trường Tiểu Học đi riều qua trước bàn thờ, trong khi ban quân nhạc cử các bài hành khúc.

...

● Hồi 8 giờ 30 tối hôm 11-10-1952, ban kịch Cảnh sát Công an Bắc-Việt đã hợp tác cùng với ban ca-kịch Anh-Đệ, tổ chức một cuộc trình bày những màn ca kịch đặc sắc tại sân khấu nhà Hát lớn.

Ban kịch C.S.C.A. tỏ ra có một khả năng xuất sắc, nhất là về ngành ca kịch có đệm âm nhạc.

● Để tiến tới sự thành lập Hội Bảo-trợ học sinh nghèo, 30 nhà nhiệt tâm trong mọi giới : giáo sư, công chức, thân hào, v.v. đến họp ngày 12-10-52 hồi 9 giờ tại nhà Thủy Tọa bờ hồ.

Hội đồng thảo luận về danh từ « Học Sinh nghèo » và ấn định phạm vi hoạt động.

Sau hết, để xúc tiến công việc, một ban trị sự lâm thời đã được cử ra để dự thảo điều lệ, và xin phép cho họp lệ.

● Ngày 12-10-52, theo lời đề nghị của Ông Tổng - Trưởng Bộ Quốc Phòng, Hội

Đồng nội các đã quyết định thiết lập việc huấn luyện quân sự cưỡng bách trong tất cả các trường công và tư.

Trong cùng một phiên họp ấy. Ông Bộ Trưởng Bộ Thanh-niên và Thể-Thao, đề-nghị mở trường Cán-Bộ thanh niên cho phụ-nữ ở Sài-gòn, và mở lớp đầu tiên đào-tạo các huấn luyện viên phụ - nữ về thể-dục và thanh-niên.

Tin các nước

● Tổ chức Văn-hóa Liên-hiệp-quốc vừa quyết định sẽ họp hội-nghị tại Nhật-bản vào các năm 1953 và 1954 sắp tới. « Hội-nghị Liên-hiệp-quốc về hạnh kiểm thanh-niên » sẽ mở vào khoảng tháng 9-1953, và « Hội-nghị giáo dục thị giác » sẽ mở vào năm 1954. Nước Việt-Nam sẽ tham dự cả 2 hội-nghị này.

— Hai sinh viên Gia-nã-đại, tức là hai anh em ông Douglas Wlikns và ông Worren, một người 24 tuổi; một người 22 tuổi. — đã tới Sài-gòn chiều 7-9 vừa qua, sau thời gian một năm 28 ngày, đi từ Toronto tới Sài-gòn. Họ đi từng độ đường một. Họ đi bộ ở Thụy-điện, qua các nước Đan-mạch, Hòa-lan, Bỉ, Thụy-sĩ, Áo, Ý, Nam-tư, Thổ, Sy-ri, Jordanie, Irak, Ba-tư, Á-phú-hãn, Hồi-quốc, Ấn-độ, Diên-điện, Mã-lai, Tân-gia-ba, Thái - lan, Cao - mên. Chỉ có đoạn đường Calcutta - Rangoon là họ phải đáp tàu « La Marseillaise » ; rồi từ Đông kinh, họ sẽ trở về Gia nã-đại.

● Nhà bác học nghiên cứu về Đông-Phương, René Grousset, nhân-viên Hàn-lâm-viện Văn-chương Pháp, đã từ trần. Ông đã được thưởng đệ-tứ Bắc-đầu bội-tinh,

● Phó Tổng Thông Ấn-độ Si Sarvapalli Radha Krishman đã đi tham dự Hội-nghị của Tổ chức Văn-hóa Liên-hiệp-quốc.

— Ông Bùi-quý-Lan, Hội trưởng Hội Sinh-viên du-học, vừa ở Thụy-sĩ về, đã nói chuyện với một Thông-tín viên Việt-Nam Thông-tân-xã, về tình hình của sinh-viên tại Thụy-sĩ, Ông thêm : « Đối với người du-học ngoại quốc, các sinh-viên Thụy sĩ tỏ ra rất hiếu biết, có lẽ là vì ở Thụy-sĩ, có nhiều học-hiệu quốc-tê. « Ông Lan rất hy vọng về sự cộng tác chặt chẽ giữa các sinh-viên Việt-Nam du-học tại nước ngoài, trong địa hạt tinh thần và xã-hội.

● Ông Lý-công-Trình, Tổng giám-độc hãng Hàng Không Việt-Nam, đã được các nhà cầm quyền Anh chính thức mời đi dự cuộc trưng bày các kiểu mẫu phi-cơ mới nhất của Anh.

● Ông Pinil Aung Kinaud, biên tập viên của tờ báo « Lak Nuang » đã bị tòa thượng-thẩm Thái-Lan kết án, về tội viết những bài văn khiêu dâm, gieo hại cho thuần phong mỹ tục.

● Trong một phiên họp mới đây, Tổng cuộc quản vọt Liên Hiệp Quốc đã chấp thuận đơn xin gia-nhập của Tổng cuộc quản vọt Việt-Nam.

Hộp Thư

● Bản báo đã nhận được 2 cuốn sách nhan đề «**Huyền-Trần công-chúa**» và **Ảnh hưởng Chăm, Trung-Hoa trong nền ca-nhạc cổ-diễn Việt-nam**» và «**Một thi-hào Việt-nam: Hàn-mặc-Tử**». Hai cuốn sách ấy do tác giả **Thái-văn-Kiểm**, hiện nay giữ chức Giám-độc Nha Thông-tin Trung-Việt, viết bằng hai thứ tiếng Pháp và Việt, theo thể diễn-thuyết. Tác-giả đã dựa vào «nhiều sử-liệu và văn-liệu quý giá để soạn 2 cuốn sách hữu ích này trong loại sách «**Kiến-thiết Quốc-gia**»

Bản-báo trân-trọng cảm ơn tác-giả và giới-thiệu với độc-giả thân mến hai tập sách quý do một cây bút lịch-duyet đat **Thần-kinh** đã dày công sáng tác.

Thông-cáo

Về cuộc thi Văn-chương Việt-nam năm 1952 (loại tiểu-thuyết lịch-sử) do Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ-chức

Muốn các bạn nhà văn dự thi được dễ-dàng và đủ thi giờ nộp tác-phẩm, Bộ Quốc-gia Giáo-dục định rằng:

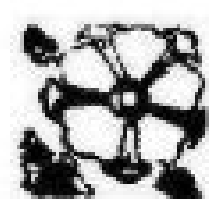
1.) Mỗi tác-phẩm dự-thi bằng văn xuôi hay văn vần, đều có thể gồm một tiểu-thuyết dài hoặc tiểu-thuyết ngắn.

2.) Hạn nộp cuối cùng, đáng lẽ ấn-định vào trước ngày **1-10-52** nay hoãn đến trước ngày **1-12-52**.

Cảm thu

*Hạ mới qua rồi lại đến thâu,
Lá vàng lác-đác, giọt mưa Ngâu,
Sen tàn mặt nước còn in bóng,
Cúc nảy giò sương mới đượm màu.
Bát-ngát xây thành tuôn khói biếc,
Long-lanh treo nguyệt chiếu rèm châu.
Nhớ khi Xích-Bích con thuyền thả,
Hỏi đến ông Tô có thấy đâu !*

Hương-Trì, VƯƠNG-THƯỜNG-LIÊN



Từ - ngữ hành - chính

(Pháp-Việt đối-chiếu)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 4)

Avancement : *thăng trật, thăng cấp.*

Avancement en grade : *gia hàm, thăng trật.*

Tableau d'avancement : *bảng thăng cấp thăng trật.*

Avancement au choix : *sự thăng theo ưu điểm*

Avancement à l'ancienneté : *sự thăng theo thâm niên.*

Infliger un retard d'avancement de... ans à... : *bắt đình thăng trong... năm.*

Avancement d'hoirie : *sự dự chỉ di sản*

Avancement des travaux : *sự tiến triển của công tác ; sự tiến hành của công việc*

Avancer : *tiến, ứng trước, đặt trước, xuất ra, tiến hành.*

Somme avancée : *ứng khoản, điều khoản.*

Avancer des arguments : *lập lý ; viện những lẽ.*

Pays à civilisation avancée : *nước tiên tiến.*

Avantage, avoir l'avantage : *thăng lợi ; được lợi thế, được thăng lợi, được thế hơn, được lợi điểm.*

Les avantages : *sở đắc, những lợi điểm.*

Les avantages et les inconvénients : *lợi hại, đắc thất.*

Avant garde : *quân tiên phong, tiền đội, tiền quân, tiền đạo, tiền khu.*

Avant métré : *dự định thốn pháp.*

Avant poste : *tiền tiểu.*

Avant projet : *bản tiên thảo, sơ thảo, thảo án, dự án,*

Avant dire droit (jugement) án tiên thẩm.

Avant propos : *lời dẫn đầu, tự.*

Avenant : *bản cải bổ, tu chỉnh hợp đồng, phụ ước.*

Avenir : *hậu lai, tiền đồ, tiền trình, tương lai.*

Avenu : *xây ra.*

Non avenue : *không có, vô hiệu.*

Clause non avenue : *khoản vô hiệu.*

Considérer comme nul et non avenue : *coi như không có và vô hiệu.*

Convention non avenue : *khế ước không thành lập.*

Avéré : *xác nhận, chứng thực.*

Fait avéré : *việc xác thực, chuẩn đích.*

Avertir : *cáo giới, cảnh cáo - báo trước, báo yết.*

Avertissement : *bản, sự cáo thị, yết thị — cảnh cáo, cáo giới, cảnh giới, thông cáo, — giấy cảnh cáo, cảnh cáo chỉ.*

Avertissement comminatoire : *sự cảnh cáo.*

Aveu : *sự thú nhận, thân cung.*

Aveu complexe : *lời thú nhận có nhiều tình tiết phiền phức.*

Aveu spontané : *tiên thú, tự thú.*

Aveu arraché : *cưỡng thú.*

Aveu judiciaire : *sự thú nhận về tố tụng.*

Aveu extra judiciaire : *lời thú nhận ngoài việc tài phán, tố tụng.*

Aveu de culpabilité : *lời thú nhận tội.*

Aveu verbal : *lời thú nhận miệng.*

Avilir : *lòm giảm giá : làm mất giá.*

Avilir une marchandise : *làm mất giá hàng hóa.*

Avilir une monnaie : *làm giảm giá tiền tệ.*

Avion : *máy bay, phi cơ.*

Avion de bombardement : *phi cơ phóng pháo.*

Avion de chasse : *phi cơ khu trục.*

Avion de combat : *phi cơ chiến đấu.*

Avion de reconnaissance : *phi cơ thám thính.*

Avion de transport : *phi cơ vận tải.*

Avion à réaction : *phi cơ phản lực.*

Avis : *ý kiến, kiến nghị, bá cáo — yết thị, cáo chỉ, giấy báo, bằng yết thị.*

Avis conforme : *ý hiệp, đồng ý, tán đồng.*

Avis favorable : *ý khất, ý kiến tán thành.*

Contre avis : *ý kiến phản đối, kháng nghị, phản ý.*

Avis de réception : *thụ lĩnh cáo.*

Partager l'avis de : *đồng ý với.*

Prendre l'avis de : *hỏi ý kiến ai.*

Suivant l'avis de : *theo ý kiến của ai.*

Avis contraire : *ý kiến khác, ý kiến tương phản, phản kiến.*

Pour avis : *để cho biết ý kiến.*

Avis au public : *bá cáo, yết thị*

Avis officiel : *công báo.*

Avis d'adjudicatum : *cáo thị đấu thầu.*

Publier un avis : *đăng cáo, bá cáo.*

Avis de crédit : *thư báo ghi tăng, thư báo dư số, xuất ngân, cáo chỉ, giấy báo xuất tiền, có tiền (kế toán).*

Avis de débit : *thư báo ghi giảm, thư báo pháp số, nhập ngân cáo chỉ; giấy báo nợ tiền, đã nhận tiền (kế toán).*

Avis au tiers détenteur : *giấy báo cho người thế quyền.*

- Avis de contre valeur :** giấy báo hồi đáp, cáo chỉ hồi đáp, tương đối.
- Aviser :** báo cáo, báo, trình, báo tri, báo yết.
- Aviser en temps utile :** cấp thời báo cáo, cấp thời báo tri, báo đúng kỳ.
- Homme avisé :** người hiểu thời cơ, thận trọng, suy trước nghĩ sau.
- Aviser aux moyens :** liệu cách, trù liệu phương sách.
- Aviso :** thông báo hạm.
- Avocat :** trạng sư; luật sư, thầy kiện.
- Avocat consultant :** trạng sư cố vấn, tư vấn.
- Avocat plaidant :** trạng sư biện hộ.
- Avocat défendeur :** luật sư biện hộ, trạng sư biện hộ.
- Avocat général :** phó chủ trương lý.
- Assistance d'un avocat :** sự biện hộ của luật sư.
- Avoir :** vật sở hữu, sở đắc; tài sản, thái số, thái phương, tiền hiện có, tiền xuất, tiền giả.
- Avoir social :** tài sản của hội.
- Avortement :** sự trục thai, dọa thai; tiểu sản, lưu sản, sảy thai, ra thai, lạc thai.
- Avortement spontané :** sảy thai, tiểu sản.
- Avortement provoqué :** cố ý trục thai, dọa thai.
- Avoué :** người đại tụng, tố tụng đại lý nhân, (lòà án).
- Avouer :** thú nhận, chiêu cung.
- Ayant cause :** người kế quyền, người thụ quyền, người thừa hưởng, người hưởng quyền, người sở quan.
- Ayant cause à titre particulier :** chỉ định danh nghĩa kế quyền.
- Avant droit :** người quan hệ, người chủ quyền, đồng sở hữu chủ quyền, người có quyền lợi, người hữu quyền.
- Ayant rang de :** với địa vị, ngang hàng với.

B

Bail : hợp đồng cho thuê, giao kèo, khế ước cho thuê, cho mượn, tô tá, tô ước, khế ước thuê nhà đất, sự cho thuê.

Donner à bail, passer un bail : cho thuê, cho mượn, cho lĩnh canh.

Prendre à bail : thuê mượn.

Bail à loyer : giao kèo, khế ước cho thuê nhà cửa, gia-độc tô ước.

Bail à ferme : giao kèo, khế ước cho thuê ruộng nương, điền địa — tô ước, giấy lĩnh canh.

Bail à colonage partiaire, colona-ge partiaire : sự cho làm rẽ.

Bail emphytéotique : khế ước cho thuê 99 năm, trường kỳ tô ước, trường kỳ tô tá.

- Contracter un bail : ký hợp đồng thuê nhà.
- Territoire à bail : tô giới.
- Bail perpétuel : tô tá vĩnh viễn.
- Bail congéable : hợp đồng thuê có thể thoái giải.
- Bailleur : người cho thuê.
- Bailleur de fonds : người xuất vốn.
- Baïonnette : sang đầu đao.
- Baisse : sự hạ xuống, hạ giá, xuống giá, kém sút.
- Baisse des eaux : nước xuống.
- Baisse des prix : hạ giá, điệt giá.
- Baisse du marché de l'or : sự sút giá vàng trên thị trường.
- Baisse du coût de la vie : sự xuống giá sinh hoạt hạ giảm giá sinh hoạt.
- Spéculer à la baisse : đầu cơ lúc giá hạ.
- Baisser. — hạ thấp.
- Baisser pavillon : chịu hàng, đầu hàng.
- Balance : (hông) bảng, bảng đối chiếu thăng bằng.
- Balance des comptes : bảng thanh toán, cân chi thu, bảng đánh thăng bằng chi thu, các tài khoản.
- Balance des paiements : cân chi phó.
- Balance commerciale Balance de commerce : mậu dịch sai xuất, cân mậu dịch.
- Mettre en balance : so sánh, đối chiếu, đo đẵn.
- Faire la balance : kết sổ (kế toán).
- Compte de balance : mục sai ngạch.
- Balance commerciale favorable : mậu dịch, sai xuất dư dật.
- Balance commerciale défavorable : mậu dịch sai xuất hao hụt, khuy khổng.
- Balance des comptes du grand livre : sổ, bảng đối chiếu thăng bằng các tài khoản ở sổ cái (kế toán).
- Balancer : cân nhắc, so sánh, đánh thăng bằng.
- Balancer un compte : hoàn truong, tính hoặc biên sai ngạch của 2 bên tá và thải.
- Se balancer : cân nhau, ngang nhau, thăng bằng.
- Profits et pertes se balancent : tồn ích thăng bằng.
- Balise : hải tiêu.
- Ballottage : sự bầu lại, tái tuyển, đầu phiếu vô hiệu.
- Scrutin de ballottage : cuộc bầu lại, tái tuyển.
- Ban : công bố, án quân thúc.
- Ban de mariage : công bố hôn nhân, công bố kết hôn, báo hôn.
- Rupture de ban : trốn quân thúc.
- Bancaire : thuộc về ngân hàng.

- Belle sœur : *chị em dâu, chị chồng, em gái chồng, chị vợ, em gái vợ*
- Belle mère : *mẹ chồng, mẹ vợ, mẹ kế*
- Beffroi : *gác chuông.*
- Belli : (casus belli) = *cớ gây chiến, trường hợp gây chiến tranh; việc gây hấn.*
- Belliciste : *người chủ chiến*
- Belligérance : *sự giao tranh, tình trạng chiến tranh*
- Etat de belligérance : *tình trạng giao tranh, chiến tranh.*
- Belligérant : *người giao tranh, nước chiến tranh, nước dự chiến.*
- Puissances belligérantes : *cường quốc giao tranh, dự chiến.*
- Bénéfice : *lãi, lợi, sự hưởng thụ — dư lợi, hồng lợi.*
- Bénéfice brut : *lãi gộp, tổng số lãi, lãi nguyên, lãi chưa trừ phí tổn*
- Bénéfice net : *lãi hẵn, thực lãi, lãi đã trừ phí tổn.*
- Bénéfice d'inventaire : *quyền kế thừa hữu hạn, quyền kế thừa hạn định*
- Bénéfice de discussion : *quyền kiểm sách (của người bảo lãnh)*
- Bénéfice du sursis : *được hưởng án treo*

(Kỳ sau đăng tiếp)

Mới xuất-bản :

LỊCH-TRÌNH GIÁO-DỤC

*Một cuốn sách khảo-cứu về khoa sư-phạm Đông Tây
qua các thời-đại, và nhất là về khoa sư-phạm
mới tại Việt - Nam*

Giá mỗi cuốn : **14 \$ 00** (ở Bắc - Việt)» : **16 \$ 00** (ở Nam và Trung-Việt)

Thư mua sách và ngân-phiếu xin gửi về :

Ô. BUI-ĐÌNH-SAN

Quản-lý Báo-chi tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục — Hà-Nội

*Ai mua lẻ từ 10 cuốn trở lên và trả tiền ngay,
được trừ hoa hồng 20 %*

MỤC - LỤC

	Số trang		Số trang
I. — Luận-thuyết		Kịch: Vụ án Trúc-Đào (Nguyễn-công-Huân)	
- Ảnh-hưởng của triết-học Á-Đông trong truyện Kiều (<i>Nam-Hưng</i>)	465	- Thu-thanh-phủ (<i>Nguyễn-quảng-Nương dịch</i>)	513
- Trăng thu với ông Nghè Tàn (<i>Hoài-Quang</i>)	467	IV. — Sur-phạm	
- Đạo-đức với Nghệ-thuật (<i>Ngô-Thúc-Địch</i>)	476	- Giáo-dục và sur-phạm (<i>Nam-Hưng</i>)	529
- Thi-ca và giáo-dục (<i>T.</i>)	487	- Cầm trại (<i>Trần-văn-Thao</i>)	534
II. — Văn-chương		- Huấn-luyện và giáo-dục (<i>Ng. đăng-Thục</i>)	536
- Trung-Tau (<i>Trương-chính-Đạo</i>)	492	V. — Khoa-học	
- Mộng Vê-Lan » » »	492	- Quan niệm nông dân về tinh-tú (<i>Nguyễn-công Huân</i>)	540
- Đêm thu ở Nam-Việt (<i>Tiến-sĩ, Nguyễn-sĩ-Giác</i>)	493	- Bệnh già (<i>Nguyễn-văn-Phúc</i>)	543
- Chiều thu ở sông Hương (<i>Tiến-sĩ, Nguyễn-sĩ-Giác</i>)	494	VI. — Mỹ-thuật	
- Kiếm-Hồ thu cảm (<i>Hương-Trì, Vương-thưởng-Liên</i>)	494	- Cách dùng than thối (<i>Ngym</i>)	546
- Truyện ngắn: Bánh mặt trăng (<i>Tuyết-Ngân</i>)	495	- Văn-miếu Hà-nội (<i>K</i>)	550
- Trông trăng lại nhớ (<i>Kỳ-Hoa Nguyễn-văn-Trước</i>)	498	VII. — Văn-hóa các nước	
- Danh thơm, Giũ-dầu, Tự-kép Nam-Dân, (<i>Nguyễn-văn-Bình</i>)	502	- Thơ Pháp: Khúc hát ngày thu (<i>Lê-văn-Hòe dịch</i>)	554
- Trăng rằm thung tâm (<i>Kỳ Hoa, Nguyễn-văn-Trước</i>)	504	- Mưa (<i>Lê-văn-Hòe dịch</i>)	555
- Trăng Trung-Thu (<i>Hồng-Thạch, Đỗ-huy-Đan</i>)	504	- Thơ Trung-Hoa: Đêm ngủ ở sông Kiến-đức (<i>Thụy-Phong dịch</i>)	555
- Đêm Trung-Thu trăng mới cảm-hứng (<i>Hoài Quang</i>)	504	- Trông trăng nhớ người xa (<i>Thụy-Phong dịch</i>)	556
- Tây-Hồ vọng-nguyệt (<i>Nguyễn-bình-Hồ và Hoài-Quang</i>)	505	- Việt-Nam và các Hội-nghị Quốc-tế (<i>Quốc-Khánh</i>)	557
- Vịnh-sử: Kinh-dương-vương (<i>Kỳ-Hoa, Nguyễn-văn-Trước</i>)	506	- Victor Hugo với văn-học nước Pháp (<i>Tu-Nguyên</i>)	560
- Lạc-long-quân (<i>Kỳ-Hoa, Nguyễn-văn-Trước</i>)	506	VIII. — Phê-bình thời-sự	
- Qua nhà bạn cũ (<i>Tiến-sĩ Nguyễn-sĩ-Giác</i>)	545	- Chống nạn mù chữ (<i>Phạm v. Kỳ</i>)	564
- Thăm Văn-Miếu (<i>Vương-thưởng-Liên</i>)	553	- Lời khuyên học trò về cách dùng các ngày nghỉ (<i>Phạm-văn Diên</i>)	565
- Hồi-cư (<i>Kỳ-Hoa</i>)	563	IX. — Tin-tức văn-hóa	
- Mưa thu (<i>Ông và ba Vũ-huy-Chân</i>)	568	- Tin trong nước	569
- Tin các nước	577	X. — Từ-ngữ hành-chính	
III. — Khảo-cứu		- Nguyễn-dinh-Khanh	
- Khảo-cứu về tôn-giáo ở Ấn-Độ (<i>Nguyễn-hữu-Thứ</i>)	507	- Nguyễn-hữu-Túy	
		- Bùi-quang-Khánh	578

- Belle sœur** : *chị em dâu, chị chồng, em gái chồng, chị vợ, em gái vợ*
- Belle mère** : *mẹ chồng, mẹ vợ, mẹ kế*
- Beffroi** : *gác chuông.*
- Belli** : (casus belli) = *cớ gây chiến, trường hợp gây chiến tranh; việc gây hấn.*
- Belliciste** : *người chủ chiến*
- Belligérance** : *sự giao tranh, tình trạng chiến tranh*
- Etat de belligérance** : *tình trạng giao tranh, chiến tranh.*
- Belligérant** : *người giao tranh, nước chiến tranh, nước dự chiến.*
- Puissances belligérantes** : *cường quốc giao tranh, dự chiến.*
- Bénéfice** : *lãi, lợi, sự hưởng thụ — dư lợi, hồng lợi.*
- Bénéfice brut** : *lãi gộp, tổng số lãi, lãi nguyên, lãi chưa trừ phí tổn*
- Bénéfice net** : *lãi hẵn, thực lãi, lãi đã trừ phí tổn.*
- Bénéfice d'inventaire** : *quyền kế thừa hữu hạn, quyền kế thừa hạn định*
- Bénéfice de discussion** : *quyền kiểm sách (của người bảo lãnh)*
- Bénéfice du sursis** : *được hưởng án treo*

(Kỳ sau đăng tiếp)

Mới xuất-bản :

LỊCH-TRÌNH GIÁO-DỤC

*Một cuốn sách khảo-cứu về khoa sư-phạm Đông Tây
qua các thời-đại, và nhất là về khoa sư-phạm
mới tại Việt - Nam*

Giá mỗi cuốn : **14 \$ 00** (ở Bắc - Việt)

» : **16 \$ 00** (ở Nam và Trung-Việt)

Thư mua sách và ngân-phiếu xin gửi về :

Ô. BUI-ĐÌNH-SAN

Quản-lý Báo-chi tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục — Hà-Nội

*Ai mua lẻ từ 10 cuốn trở lên và trả tiền ngay,
được trừ hoa hồng 20 %*

MỤC - LỤC

	Số trang		Số trang
I. — Luận-thuyết		Kịch: Vụ án Trúc-Đào (Nguyễn-công-Huân)	
— Ảnh-hưởng của triết-học Á-Đông trong truyện Kiều (Nam-Hưng)	465	— Thu-thanh-phủ (Nguyễn-quảng-Nương dịch)	513
— Trăng thu với ông Nghè Tàn (Hoài-Quang)	467	IV. — Sư-phạm	
— Đạo-đức với Nghệ-thuật (Ngô-Thúc-Địch)	476	— Giáo-dục và sư-phạm (Nam-Hưng)	529
— Thi-ca và giáo-dục (T.)	487	— Cầm trại (Trần-văn-Thao)	534
II. — Văn-chương		— Huấn-luyện và giáo-dục (Ng. đăng-Thục)	536
— Trung-Trau (Trương-chính-Đạo)	492	V. — Khoa-học	
— Mộng Vê-Lan » » »	492	— Quan niệm nông dân về tinh-tú (Nguyễn-công Huân)	540
— Đêm thu ở Nam-Việt (Tiến-sĩ, Nguyễn-sĩ-Giác)	493	— Bệnh già (Nguyễn-văn-Phúc)	543
— Chiều thu ở sông Hương (Tiến-sĩ, Nguyễn-sĩ-Giác)	494	VI. — Mỹ-thuật	
— Kiếm-Hồ thu cảm (Hương-Trì, Vương-thưởng-Liên).	494	— Cách dùng than thổi (Ngym)	546
Truyện ngắn: Bánh mặt trăng (Tuyết-Ngân)	495	— Văn-miếu Hà-nội (K)	550
Trông trăng lại nhớ . . . (Kỳ-Hoa Nguyễn-văn-Trước)	498	VII. — Văn-hóa các nước	
Danh thơ, Giữ-dân, Tự-lập (Nam-Dân, Nguyễn-văn-Bình).	502	Thơ Pháp: Khúc hát ngày thu (Lê-văn-Hòe dịch)	554
— Trăng rằm thung tam (Kỳ Hoa, Nguyễn-văn-Trước)	504	— Mưa (Lê văn-Hòe dịch)	555
— Trăng Trung-thu (Hồng-Thạch, Đỗ-huy-Đan)	504	Thơ Trung-Hoa: Đêm ngủ ở sông Kiến-dức (Thụy-Phong dịch)	555
— Đêm Trung-thu trăng mới cảm-hứng (Hoài Quang).	504	— Trông trăng nhớ người xa (Thụy-Phong dịch)	556
— Tây-Hồ vọng-nguyệt (Nguyễn-bình-Hồ và Hoài-Quang).	505	— Việt-Nam và các Hội-nghị Quốc-tế (Quốc-Khánh).	557
Vịnh-sử: Kinh-dương-vương (Kỳ-Hoa, Nguyễn-văn-Trước)	506	— Victor Hugo với văn-học nước Pháp (Tư-Nguyên)	560
— Lạc-long-quân (Kỳ-Hoa, Nguyễn-văn-Trước)	506	VIII. — Phê-bình thời-sự	
— Qua nhà hàn-cử (Tiến-sĩ Nguyễn-sĩ-Giác)	545	— Chống nạn mù chữ (Phạm v. Kỳ)	564
— Thăm Văn-Miếu (Vương-thưởng-Liên)	553	— Lời khuyên học trò về cách dùng các ngày nghỉ (Phạm-văn Diễn)	565
— Hồi-cư (Kỳ-Hoa)	563	IX. — Tin-tức văn-hóa	
— Mùa thu (Ông và bà Vũ-huy-Chân)	568	— Tin trong nước	569
III. — Khảo-cứu		— Tin các nước	577
— Khảo-cứu về tôn-giáo ở Ấn-Độ (Nguyễn-hữu-Thứ)	507	X. — Từ-ngữ hành-chính	
		Nguyễn-dinh-Khanh	
		Nguyễn-hữu-Túy	
		Bùi-quang-Khánh	578